GS.TS. PHẠM VĂN ĐỨC
(Chủ biên)

THỰC HÀNH DÂN CHỦ TRONG ĐIỀU KIỆN MỘT ĐẢNG DUY NHẤT CẦM QUYỀN

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản:
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung:
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. PHẠM THỊ THINH

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ NGỌC BÍCH
ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH
NGUYỄN DIỆU LINH
NGUYỄN THỊ HƯƠNG
NGUYỄN VIỆT HÀ
Trình bày bìa: PHẠM THUÝ LIỄU
Chế bản vi tính: HOÀNG MINH TÁM
Đọc sách mẫu: HƯƠNG - LINH
BÍCH LIỄU

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: …-2021/CXBIPH/..-…/CTQG.
Số quyết định xuất bản: …-QĐ/NXBCTQG, ngày ../../2021.
Nộp lưu chiểu: tháng .. năm 2021.
Mã ISBN: 978-604-57-….-...

THỰC HÀNH DÂN CHỦ TRONG ĐIỀU KIỆN **MỘT ĐẢNG DUY NHẤT CẦM QUYỀN**

GS.TS. PHẠM VĂN ĐỨC
(Chủ biên)

THỰC HÀNH DÂN CHỦ TRONG ĐIỀU KIỆN MỘT ĐẢNG DUY NHẤT CẦM QUYỀN

TẬP THỂ TÁC GIẢ

GS. TS. PHẠM VĂN ĐỨC (Chủ biên)
GS. TS. DƯƠNG PHÚ HIỆP
GS. TS. NGUYỄN TRỌNG CHUẨN
PGS. TS. NGUYỄN NGỌC HÀ
PGS. TS. NGUYỄN TÀI ĐÔNG
TS. NGUYỄN ĐÌNH HÒA
TS. TRẦN TUẤN PHONG
TS. NGUYỄN NGỌC TOÀN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Lịch sử thế giới cho thấy, không nhất thiết một nền kinh tế nhiều thành phần, đa dạng hình thức sở hữu là phải đa nguyên, đa đảng và không phải cứ có thể chế chính trị đa đảng đối lập, có nhà nước tam quyền phân lập và tự do cạnh tranh chính trị là dân chủ, là bảo đảm và thực hiện được dân chủ. Bản chất của dân chủ, về cơ bản, không chỉ thể hiện ở chế độ xã hội hay ở thể chế chính trị, cũng không chỉ ở việc chúng được tổ chức và vận hành như thế nào. Vấn đề có tính quyết định là dân chủ được thực hành trong đời sống hiện thực ra sao, quyền lực nhà nước có thuộc về Nhân dân hay không, Nhân dân có được làm chủ mọi quyết định liên quan đến đời sống của chính mình theo Hiến pháp và pháp luật hay không. Bởi vậy, bản chất của một nền dân chủ lệ thuộc vào việc đảng cầm quyền đại diện cho lợi ích của ai, sử dụng quyền lực nhà nước vào những mục đích gì trên thực tế.

Tính nhất nguyên chính trị được thể hiện ở việc khẳng định vai trò lãnh đạo của một đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam. Từ khi ra đời đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn là đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc. Hơn 80 năm qua, với tư cách đảng cầm quyền, Đảng ta đã lãnh đạo toàn dân thực hiện thắng lợi cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, đưa Nhân dân lên làm chủ đất nước, xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, không ngừng nâng cao vị thế và trình độ làm chủ xã hội của Nhân dân.

Mọi vấn đề từ cương lĩnh, đường lối, chiến lược, sách lược đến chủ trương, chính sách cụ thể của Đảng đều dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ. Đồng thời, trong quá trình xây dựng và phát triển, bên cạnh việc nâng cao năng lực, sức chiến đấu của Đảng, Đảng ta cũng đặc biệt lưu ý ngăn ngừa và khắc phục những nguy cơ (suy thoái, biến chất, chủ quan, duy ý chí, chuyên quyền) của một đảng duy nhất cầm quyền. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng ta đã chỉ rõ: "Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực thuộc về nhân dân. Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bảo đảm để nhân dân tham gia tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân".

Nhằm cung cấp cho bạn đọc những kiến thức về vấn đề này, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền***. Cuốn sách được xây dựng dựa trên đề tài cấp nhà nước đã được nghiệm thu của Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, do GS.TS. Phạm Văn Đức chủ biên. Nội dung cuốn sách phân tích, luận giải lý luận về dân chủ, thực hành dân chủ; kinh nghiệm thực hành dân chủ ở một số nước trên thế giới; quan điểm, phương hướng, giải pháp thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam hiện nay.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 10 năm 2017

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chương I

DÂN CHỦ VÀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ

I- MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ DÂN CHỦ

1. Quan niệm chung về dân chủ

Dân chủ là một phạm trù triết học - chính trị, lần đầu tiên được nhà triết học Hy Lạp cổ đại Herodote nêu ra cách đây hơn 2.000 năm. Trong tác phẩm *Lịch sử*, ông đã giải thích dân chủ là quyền lực của nhân dân. Cả Herodote, sau này là Platon và Aristotle, đều sử dụng thuật ngữ dân chủ với hàm ý chỉ *chính thể của nhân dân* và chia sẻ luận điểm quyền lực thuộc về nhân dân vốn xuất phát từ tiếng Hy Lạp: *dân* (demo) và *quyền lực* (cratos). Dân chủ sau đó đã trở thành một phương thức tổ chức nhà nước và quản lý xã hội vào thời kỳ hưng thịnh của chế độ chiếm hữu nô lệ ở châu Âu với sự xuất hiện và ảnh hưởng lan tỏa của nền dân chủ đầu tiên của xã hội loài người - nền dân chủ Athens. Nền dân chủ ấy đã có sức sống mãnh liệt trải qua sự kìm hãm của ngàn năm trung cổ phong kiến, trỗi dậy ở thời kỳ Phục hưng và phát triển cho đến tận ngày nay.

Dân chủ có lịch sử lâu dài với nhiều nội dung, tồn tại dưới nhiều hình thức và trải qua các giai đoạn tiến triển

khác nhau. Song, tựu trung theo cách hiểu hiện đại, dân chủ có ba nội dung cơ bản:

Một là, theo nội dung *dân chủ chính trị* thì "dân chủ là một phạm trù thuộc riêng lĩnh vực chính trị"[1]; còn "chế độ dân chủ là một hình thức nhà nước, một trong những hình thái của nhà nước"[2]. Đây là nội dung cốt lõi nhất và cũng là nội dung quan trọng nhất. Vì vậy, trong một thời gian dài, không ít người theo quan điểm giáo điều coi đây gần như là nội dung *duy nhất* của phạm trù dân chủ.

Hai là, dân chủ là một hình thức của các *tổ chức phi nhà nước*, như các tổ chức chính trị - xã hội trong các xã hội dân sự. Hình thức này đã có từ trước khi có nhà nước. Tuy nhiên, nội dung này trong thế giới đương đại ngày càng được thừa nhận rộng rãi hơn vì nó phù hợp với tiến trình vận động đi lên của xã hội trong điều kiện đòi hỏi ngày càng tăng đối với vai trò của quyền lực nhân dân.

Ba là, dân chủ là *một giá trị xã hội* mang tính toàn nhân loại như đã nói ở trên; do vậy, nhà nước có thể tiêu vong nhưng không vì thế mà dân chủ mất đi. Với tính cách một giá trị xã hội, dân chủ có nghĩa "dân là chủ" và "dân làm chủ".

Với những nội dung như vậy, rõ ràng dân chủ không chỉ là phạm trù chính trị mà còn là phạm trù xã hội, không chỉ là phạm trù *lịch sử* mà còn là phạm trù *vĩnh viễn* hay *vĩnh cửu* với ý nghĩa chừng nào con người và loài người còn

---

1, 2. V.I.Lênin: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.42, tr.258; t.33, tr.123.

tồn tại, chừng nào mà nền văn minh nhân loại chưa bị diệt vong thì chừng đó dân chủ sẽ không bị mất đi. Vì vậy, mặc dù dân chủ với tính cách hình thức tổ chức nhà nước là nội dung cơ bản nhất, cốt lõi nhất nhưng nếu coi dân chủ chỉ là hình thức tổ chức nhà nước thì, vô hình trung, không những đã làm nghèo nàn nội hàm khái niệm dân chủ mà còn không phản ánh đúng giá trị lâu dài của dân chủ và cũng không đúng với thực tế lịch sử văn minh nhân loại. Điều đó cũng có nghĩa, nếu giả định đến một lúc nào đó (chắc chắn là sẽ còn rất lâu) khi nhà nước tiêu vong thì dân chủ với các nội dung khác nhau như đã nêu ở trên vẫn tiếp tục tồn tại; bởi lẽ, nó là một giá trị nhân loại phổ biến.

2. Quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân chủ

Quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ ra rằng, dân chủ không phải cái gì khác hơn là một phạm trù lịch sử. Nó là một phạm trù thuộc hình thái ý thức xã hội và kiến trúc thượng tầng của xã hội khi hóa thân thành tư tưởng, pháp luật, thể chế và nhà nước. Theo đó, dân chủ, với tính cách hình thức tổ chức chính trị của nhà nước, xuất hiện cùng với sự xuất hiện của nhà nước và pháp luật. Là một phạm trù lịch sử, cũng như các biểu hiện khác của hình thái ý thức xã hội, dân chủ do tồn tại xã hội mà cụ thể là phương thức sản xuất vật chất của xã hội quyết định; và do đó, trình độ của phương thức sản xuất khác nhau tất yếu dẫn đến sự khác nhau về trình độ dân chủ (mức độ thực hiện dân chủ và dân chủ hóa trong xã hội). Hơn nữa, các ông nhấn mạnh rằng,

với tư cách một phạm trù lịch sử, dân chủ cũng sẽ mất đi cùng với sự mất đi, sự tiêu vong của nhà nước.

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, dân chủ chỉ đơn thuần là một phương tiện tất yếu để con người đạt được tự do, giải phóng toàn diện những năng lực vốn có của mỗi cá nhân, tức quyền con người được bảo đảm và thực hiện đầy đủ, và khi ấy con người, cùng với sự biến mất của nhà nước, của thiết chế chính trị - xã hội tiên tiến nhất và cuối cùng của loài người, sẽ bước từ "vương quốc của tất yếu" sang "vương quốc của tự do". Với tư cách này, dân chủ đóng vai trò là phương tiện để đạt được tự do, sự giải phóng con người về mọi mặt và như vậy, dân chủ là tiền đề của tự do. Tuy nhiên, trong tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại, có thể khẳng định rằng sự xuất hiện và phổ biến của hình thức tổ chức thiết chế chính trị - xã hội mang tính dân chủ, và sau đó là dân chủ hóa, là một bước tiến vĩ đại của xã hội loài người trên con đường đi tìm sự giải phóng chính mình, tầm nhân vị của mình - giá trị đích thực và bản thể của chính con người. Mặc dù chỉ là một phương tiện để con người từng bước đạt được tự do, nhưng nó lại chính là tiền đề quan trọng để cá nhân - con người đạt được tự do, sự giải phóng và sự hiện thực hóa đầy đủ quyền của mình.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác thường sử dụng khái niệm dân chủ trên nhiều phương diện khác nhau của xã hội, như phương diện chế độ chính trị, phương diện quyền lợi nhân dân, phương diện quản lý tổ chức, phương diện quan niệm tư tưởng, phương diện tác phong làm việc và phương pháp làm việc, v.v.. Tất nhiên, khái niệm dân

chủ được nói đến nhiều nhất trên phương diện *chế độ chính trị* và đây là vấn đề trọng điểm cần thảo luận.

Thứ nhất, trên phương diện *chế độ chính trị*, chủ nghĩa Mác đã lý giải khái niệm dân chủ như một hình thức nhà nước hay một hình thái nhà nước, như là chế độ dân chủ hay chính thể dân chủ. C.Mác, trong tác phẩm *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel,* đã gọi chế độ quân chủ và chế độ dân chủ là chế độ nhà nước[1]. Đồng thời, ông còn cho rằng đây là hai kiểu chế độ nhà nước cơ bản không giống nhau. Do chế độ quân chủ là chế độ chuyên chế "trẫm (ta) là nhà nước" nên bị C.Mác lên án là "chế độ nhà nước không tốt", còn chế độ dân chủ được ông gọi là "chế độ nhà nước của nhân dân". C.Mác và Ph.Ăngghen đã đưa ra khái niệm "chính thể dân chủ", gọi chế độ dân chủ là một kiểu "chính thể". V.I.Lênin khẳng định: "Chế độ dân chủ là một hình thức nhà nước, một trong những hình thái của nhà nước"[2].

Chủ nghĩa Mác chỉ ra rằng, chế độ dân chủ làm nên một hình thức nhà nước, hình thái nhà nước, trong lịch sử nhân loại nó xuất hiện cùng với sự xuất hiện của chế độ tư hữu, của giai cấp và của nhà nước; tính chất của nó căn bản không giống kiểu "chế độ dân chủ hình thành tự nhiên thời kỳ nguyên thủy" trong xã hội nguyên thủy. Trong xã hội của giai cấp bóc lột, chính thể dân chủ giống với chính thể

---

1. Xem C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, tr.350.

2. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.33, tr.123.

quân chủ và chính thể quý tộc, về thực chất, đều chỉ là công cụ giúp giai cấp chiếm địa vị thống trị về chính trị và kinh tế thống trị đối với giai cấp khác.

Dân chủ và chuyên chính là hai chức năng khác nhau nhưng không thể tách rời của chế độ nhà nước dân chủ; về bản chất, nó thường là dân chủ mà giai cấp thống trị được hưởng, còn đối với giai cấp bị thống trị thì lại là bị chuyên chính. Thực hiện dân chủ trong nội bộ giai cấp thống trị là nhằm tổ chức cho giai cấp thống trị, để tiến hành chuyên chính đối với giai cấp bị thống trị; mặt khác, thực hiện chuyên chính đối với giai cấp bị thống trị là để cho giai cấp thống trị càng được hưởng sự dân chủ nhiều hơn nữa. Do đó, hai mục đích này thống nhất với nhau, cùng hỗ trợ và dựa vào nhau để tồn tại, đều nhằm phục vụ lợi ích của giai cấp thống trị.

Tuy nhiên, xét từ góc độ thủ đoạn tác động và đối tượng mà nó tác động đến, dân chủ và chuyên chế lại có những điểm khác biệt. Chuyên chế có nghĩa là thống trị, cưỡng chế và ép buộc, có mối liên hệ trực tiếp và gián tiếp với bạo lực. V.I.Lênin đã từng nói, sự trấn áp một giai cấp có nghĩa là sự bất bình đẳng đối với giai cấp ấy, là loại trừ nó ra ngoài "chế độ dân chủ"[1]. Do đó, chuyên chính có nghĩa là không nói đến dân chủ đối với giai cấp bị chuyên chính. Khái niệm "chuyên chính" giúp chúng ta nhận biết rõ ràng một giai cấp như thế nào xứng đáng và nên là giai cấp thống trị xã hội, khiến cho chúng ta có thể hiểu

1. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.37, tr.316.

rõ thực chất nhà nước, phân biệt các loại hình lịch sử của nhà nước. Ngược lại, dân chủ có nghĩa là chủ thể của dân chủ nắm giữ quyền lực nhà nước, có quyền được hưởng sự tự do và bình đẳng, là việc không thể thực hiện chuyên chính đối với chủ thể của dân chủ. Do vậy, nhìn tổng thể, chế độ dân chủ với tư cách hình thái nhà nước yêu cầu mọi người phân biệt rõ giới hạn của chuyên chính và dân chủ. Tiếp đó, sự lẫn lộn giữa đối tượng chuyên chính và chủ thể dân chủ dẫn đến tình trạng nhầm lẫn trong việc sử dụng cách thức tiến hành chuyên chính hay biện pháp thực hiện dân chủ. Sự lẫn lộn này không có lợi cho việc củng cố chính quyền, nghiêm trọng hơn còn khiến cho nền tảng của chính quyền nhà nước bị lung lay, thậm chí dẫn đến sự sụp đổ của chính quyền nhà nước.

Thứ hai, chủ nghĩa Mác cũng sử dụng khái niệm dân chủ trên phương diện *quyền lợi của nhân dân*, là vấn đề quyền lợi dân chủ được hiểu theo nghĩa rộng.

C.Mác cho rằng, nhân dân nên là chủ nhân của nhà nước. Quyền lợi căn bản nhất của nhân dân chính là quyền lực nhà nước phải thuộc sở hữu của nhân dân, sở hữu của xã hội; đồng thời, bộ máy nhà nước phải phục vụ vì nhân dân, vì xã hội. Chỉ khi mọi quyền lực của nhà nước thuộc về nhân dân mới có thể căn bản bảo đảm việc nhân dân được hưởng quyền làm chủ, hưởng quyền lợi dân chủ khắp mọi nơi.

Trong tác phẩm *Nhà nước và cách mạng*, V.I.Lênin cho rằng dân chủ là việc nhân dân được hưởng quyền tham gia quyết định chế độ nhà nước và quản lý nhà nước. Sau thắng

lợi của Cách mạng Tháng Mười, V.I.Lênin khẳng định: Quần chúng phải có quyền được tự mình cử ra những người lãnh đạo có trách nhiệm, có quyền được thay đổi những người lãnh đạo của mình, có quyền được hiểu rõ và kiểm tra mỗi một bước nhỏ nhất trong hoạt động của những người đó. Quần chúng phải có quyền được đề bạt trong nội bộ của họ bất kỳ một công nhân nào lên phụ trách chức vụ lãnh đạo. Nhưng như vậy không mảy may có nghĩa là quá trình lao động tập thể có thể không cần một sự lãnh đạo nào, không cần có sự xác định chính xác chức trách của người lãnh đạo, không cần một trật tự hết sức nghiêm ngặt do ý chí thống nhất của người lãnh đạo lập ra[1].

Thứ ba, chủ nghĩa Mác cũng sử dụng khái niệm dân chủ trên phương diện *quản lý tổ chức*, gọi nó là *nguyên tắc dân chủ trong quản lý tổ chức*.

Trong *Điều lệ tạm lâm thời* của Hội liên hiệp công nhân quốc tế do C.Mác soạn thảo và được thông qua năm 1864 đã chỉ rõ: Trong nội bộ Hiệp hội công nhân quốc tế cần thực hiện nguyên tắc dân chủ, mọi thành viên không phân biệt màu da hay dân tộc đều bình đẳng như nhau; Hiệp hội tiến hành làm việc và tổ chức hoàn toàn tuân theo nguyên tắc dân chủ[2]. V.I.Lênin cũng nhiều lần làm sáng tỏ nguyên tắc tổ chức dân chủ trong nội bộ Đảng Lao động dân chủ xã hội Nga, đồng thời đưa ra khái niệm "chế độ tập trung dân chủ". Ông nhấn mạnh rằng, cần thực sự thực hiện những nguyên

1. Xem V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.36, tr.192.
2. Xem C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.16, tr.25.

tắc tập trung dân chủ trong tổ chức đảng, - bằng một công tác bền bỉ, tìm cách làm cho tổ chức cơ sở, trên thực tế chứ không phải trên lời nói, trở thành hạt nhân tổ chức cơ bản của Đảng, làm cho tất cả các cơ quan cấp trên đều thực sự được bầu ra, có trách nhiệm phải báo cáo công tác và có thể bị bãi miễn[1]; rằng, tổ chức đảng cần "thống nhất hành động nếu không có tự do thảo luận và phê bình"[2]. Nói tóm lại, trước khi giai cấp vô sản giành được chính quyền, nguyên tắc dân chủ của chủ nghĩa Mác chủ yếu vận dụng trong các kiểu quản lý tổ chức của giai cấp vô sản và nhân dân lao động, đặc biệt là vận dụng nó trong công tác tổ chức của chính đảng giai cấp vô sản. Sau khi giành được chính quyền, chính đảng của giai cấp vô sản gánh vác nhiệm vụ vô cùng quan trọng là lãnh đạo xây dựng nền chính trị, kinh tế và văn hóa; vì vậy, nguyên tắc dân chủ cũng được sử dụng rộng rãi vào quá trình quản lý các sự vụ của nhà nước và xã hội, quản lý sự nghiệp kinh tế và văn hóa. Do Đảng Cộng sản đóng vai trò lãnh đạo nên dân chủ trong Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đồng thời có ảnh hưởng rất lớn đối với Nhà nước và xã hội.

Thứ tư, chủ nghĩa Mác còn sử dụng khái niệm dân chủ trên phương diện *quan niệm tư tưởng*, đây chính là quan niệm về dân chủ và tinh thần dân chủ.

Trong tác phẩm *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel*, C.Mác đã phê phán quan điểm duy tâm

---

1. Xem V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.12, tr.77.
2. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.14, tr.163.

chủ nghĩa của Hegel về nhà nước, cho rằng có sự tồn tại hiện thực của mệnh đề gia đình và xã hội công dân là những tiền đề của nhà nước[1]. Tuy nhiên, điều này hoàn toàn không có nghĩa C.Mác phản đối việc sử dụng khái niệm dân chủ trên phương diện quan niệm tư tưởng. Trên thực tế, ông tiến hành so sánh một cách tường tận chế độ dân chủ và chế độ quân chủ, làm rõ quy định về bản chất của chế độ dân chủ, mục đích chính là muốn đưa quan niệm về dân chủ phát triển thành một lý luận dân chủ truyền thống. Sau này, trong tác phẩm *Phê phán khoa kinh tế chính trị (bản nháp sơ thảo những năm 1857-1858)*, C.Mác còn bàn đến quan niệm thuần túy về vấn đề bình đẳng và tự do: "Với tư cách là những tư tưởng thuần túy, bình đẳng và tự do chỉ là những biểu hiện đã được lý tưởng hóa của sự trao đổi các giá trị trao đổi"[2]. Chủ nghĩa Mác, khi bàn đến quan niệm về dân chủ và tinh thần dân chủ, thường kiên trì quan điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử về tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội, yêu cầu làm rõ quan niệm về dân chủ, tinh thần dân chủ xuất hiện dựa trên điều kiện cụ thể của lịch sử xã hội, và yêu cầu về sự thể hiện thực tế của chúng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị và văn hóa.

V.I.Lênin đặc biệt nhấn mạnh, trên lĩnh vực tư tưởng, cần phải "đoạn tuyệt hẳn với toàn bộ hệ tư tưởng dân chủ - tư sản"[3]. Ông tiếp tục chỉ rõ rằng, khái niệm tự do và bình

1. Xem C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.1, tr.313.
2. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.46, ph.I, tr.318.
3. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.38, tr.466.

đẳng nếu không quy kết là xóa bỏ giai cấp thì chỉ là lừa bịp và ngu dốt. Theo ông, việc xóa bỏ chủ nghĩa tư bản và các tàn tích của nó, việc thiết lập những cơ sở của chế độ cộng sản là nội dung của cái thời đại mới vừa mới bắt đầu của lịch sử toàn thế giới. Và những khẩu hiệu của thời đại chúng ta là, và tất nhiên phải là: "Xóa bỏ các giai cấp, thiết lập chuyên chính vô sản để thực hiện mục tiêu đó, thẳng tay vạch trần những thiên kiến dân chủ tiểu tư sản về tự do và bình đẳng, đấu tranh không khoan nhượng chống những thiên kiến đó"[1]. V.I.Lênin đặc biệt nhấn mạnh rằng, nếu ai không hiểu được điều này thì người đó hoàn toàn không hiểu được chuyên chính vô sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Những phân tích ở trên cho thấy, chủ nghĩa Mác chủ trương mở rộng khái niệm dân chủ trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong đó, hình thái nhà nước sử dụng chế độ chính trị dân chủ là căn bản nhất; do vậy, nó là hình thức căn bản của chính quyền nhà nước của tổ chức giai cấp thống trị, thể hiện ý chí, nguyện vọng của chính mình. Song, quyền dân chủ, nguyên tắc quản lý dân chủ, quan niệm về dân chủ, tác phong dân chủ và phương pháp dân chủ đối với quá trình vận hành và thực hiện chế độ dân chủ cũng phát huy tác dụng quan trọng và không thể coi nhẹ.

3. Bản chất và đặc trưng của dân chủ

Kế thừa lý luận trước đó về dân chủ, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác không hề phủ nhận những hình thức

1. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.41, tr.504-505.

hiện hữu của dân chủ là *dân chủ trực tiếp* và *dân chủ đại diện*. Tuy nhiên, các ông nhấn mạnh cái bản chất hơn là đi sâu vào nội hàm các hình thức dân chủ. Dân chủ là hình thức tổ chức thiết chế chính trị - xã hội tất yếu của bất kỳ một xã hội nào trước khi phủ định chính nó để bước sang một hình thức tổ chức thiết chế xã hội hoàn hảo nhất, hình thức phi nhà nước - chính trị, giai đoạn phát triển cao nhất của xã hội loài người, tức xã hội cộng sản.

Với tính cách một hình thức tổ chức thiết chế chính trị của xã hội, một hình thức của nhà nước, *dân chủ* là một phạm trù lịch sử, ra đời, phát triển gắn liền với nhà nước và sẽ biến mất khi nhà nước không còn nữa. Nó biến đổi và phát triển không ngừng cả về chất lẫn về lượng trong từng giai đoạn phát triển nhất định của lịch sử xã hội loài người. Nội hàm và ngoại diên của khái niệm dân chủ cũng như quyền dân chủ ngày càng được mở rộng. Tuy nhiên, dân chủ với tính cách giá trị xã hội, thành quả giá trị nhân văn, trước hết được sinh ra từ phương thức tổ chức hợp tác sản xuất vật chất và cố kết cộng đồng giữa người với người thì đã tồn tại ngay từ khi lịch sử thành văn, từ xã hội cộng sản nguyên thủy. Với ý nghĩa này, dân chủ sẽ tồn tại và phát triển cùng với sự tồn tại và phát triển của con người, là một trong những phương thức tồn tại của con người ngay cả khi nhà nước đã biến mất.

Có thể thấy rằng, dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện là hai hình thức biểu hiện của cùng thực thể dân chủ, đóng vai trò quan trọng bảo đảm cho việc thực hiện dân chủ. Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại, do quy mô, tính chất của cơ

cấu và tổ chức xã hội không cho phép áp dụng duy nhất và phổ biến hình thức dân chủ trực tiếp như từng là phương thức phổ biến để nhân dân thực hành dân chủ ở thời cổ đại; bởi vậy, dân chủ đại diện ra đời như một tất yếu khách quan, và nó chiếm ưu thế áp đảo, làm suy yếu hình thức trực tiếp của dân chủ.

Bất kỳ nền dân chủ đại diện nào cũng cần áp dụng hình thức trực tiếp trong lòng nó, nhất là ở những hoàn cảnh nhất định mà thiếu vắng nó, nền dân chủ đại diện sẽ khó đứng vững. Chẳng hạn, những nền dân chủ Bắc Âu là đại diện, song việc biểu quyết trực tiếp của người dân, chẳng hạn các vấn đề liên quan đến tương lai của việc mở rộng châu Âu hay tham gia đồng tiền chung châu Âu, đóng vai trò quan trọng đối với sự tồn vong của thể chế ấy.

Dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp là hai hình thức không thể thiếu được của việc quản lý, điều hành, kiểm soát và thực thi quyền lực của nhân dân. Việc vận dụng chúng hoàn toàn phụ thuộc vào tình hình cụ thể. Giữa hai hình thức này có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại và chuyển hóa cho nhau. Để thực hiện được dân chủ đại diện thì phải cần đến dân chủ trực tiếp, chẳng hạn việc bầu cử lựa chọn ra các đại biểu Quốc hội hay Hội đồng nhân dân, nghĩa là trước khi mỗi công dân chuyển giao quyền lực của mình cho người đại diện - những đại biểu dân cử và cho nhà nước thì họ đã phải thực hiện dân chủ trực tiếp bằng cách, *thứ nhất*, tham gia trực tiếp vào việc lựa chọn các ứng cử viên tại các hội nghị hiệp thương nhân dân hoặc thông qua tiếp xúc trực tiếp với một hay một số

ứng cử viên mà mình sẽ lựa chọn; *thứ hai*, thông qua việc bỏ phiếu kín, trên nguyên tắc phổ thông đầu phiếu, công bằng, công khai và minh bạch, để lựa chọn cho mình một đại biểu ưu tú dựa trên ý chí quyết định của chính mình; *thứ ba,* bày tỏ chính kiến của mình một cách trực tiếp tại các cấp chính quyền địa phương thông qua hộp thư góp ý hoặc đơn thư về mọi quyết sách hay quản trị công liên quan đến lợi ích của mình.

Xét về bản chất và nội dung của dân chủ, dân chủ trực tiếp là hình thức quan trọng nhất và có tính quyết định việc hiện thực hóa quyền dân chủ của công dân. Dân chủ trực tiếp tạo ra nhiều khả năng cho sự tham gia trực tiếp và nhiều mặt của người dân vào các công việc của nhà nước và xã hội, là cơ chế hữu hiệu để mỗi công dân thực hiện các quyền chính trị của mình. Bởi vì, nền dân chủ phổ biến hay chật hẹp phải là sự thể hiện trước hết và phụ thuộc hoàn toàn vào mức độ và phạm vi tham gia của nhân dân vào các công việc của nhà nước, tức là sự thực hiện và bảo đảm đầy đủ hay hạn chế các quyền chính trị của công dân. Chỉ có dân chủ trực tiếp mới thể hiện được ý chí trực tiếp một cách hiệu quả nhất và xác thực nhất của công dân trong việc tham gia vào mọi quyết sách và quản trị công nói chung. Vì vậy, trong bất kỳ nền dân chủ đại diện nào cũng cần được thiết kế và hướng đến việc gia tăng không ngừng cách thức thực hành quyền dân chủ trực tiếp của người dân. Làm được như vậy, nền dân chủ đại diện sẽ có sức sống thực sự và góp phần quan trọng vào việc tạo lập một xã hội hiện đại, phát triển bền vững.

4. Vị trí và vai trò của dân chủ

Vị trí, vai trò của dân chủ trong kết cấu xã hội quyết định thuộc tính xã hội của nó. Lý luận về dân chủ của chủ nghĩa Mác bàn khá nhiều đến thuộc tính xã hội của dân chủ, tập trung vào ba vấn đề sau đây:

Một là, tính giai cấp và *tính xã hội phổ quát* của dân chủ.

Trong xã hội có giai cấp, nhà nước và dân chủ có tính giai cấp. Chúng đều thuộc về một giai cấp nhất định, không tồn tại dân chủ và nhà nước vượt ra ngoài giai cấp. Đây là quan điểm căn bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong lý luận về dân chủ và lý luận về nhà nước. Trong *Hệ tư tưởng Đức*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: "Mọi cuộc đấu tranh trong nội bộ nhà nước, đấu tranh giữa phái dân chủ, phái quý tộc và phái quân chủ, đấu tranh cho quyền bầu cử, v.v. và v.v., chẳng qua chỉ là những hình thức hư ảo của những cuộc đấu tranh thực sự giữa các giai cấp khác nhau"[1].

Chủ nghĩa Mác - Lênin hoàn toàn không phủ nhận nhà nước và dân chủ có tính xã hội phổ quát. Trong tác phẩm *Đấu tranh giai cấp ở Pháp 1848-1850*, khi bình luận về vấn đề chế định Hiến pháp của phái cộng hòa tư sản Pháp, C.Mác đã chỉ ra rằng, sự thống trị về chính trị của giai cấp tư sản được Hiến pháp cố gắng đưa vào trong khuôn khổ của chủ nghĩa dân chủ, khuôn khổ này in đậm trong quá trình giúp đỡ giai cấp đối địch giành thắng lợi, đồng thời làm nguy hại cho bản thân nền tảng của giai cấp tư sản.

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.3, tr.48.

Hiến pháp, *một mặt*, yêu cầu từ việc giải phóng chính trị tiến đến giải phóng xã hội; *mặt khác*, yêu cầu không cần phải tiến hành khôi phục xã hội xong mới đến khôi phục chính trị. Những phân tích của C.Mác về tính chất của khuôn khổ chủ nghĩa dân chủ có thể được các giai cấp sử dụng chính là tính xã hội phổ quát của dân chủ.

Do đó, có thể nói, chủ nghĩa Mác - Lênin đã khẳng định tính giai cấp của nhà nước và của dân chủ; đồng thời, trên một ý nghĩa nào đó không phủ nhận tính xã hội phổ quát vốn có của nhà nước và dân chủ. Nhưng trong xã hội có đối kháng giai cấp thì tính xã hội phổ quát đó thường là thuộc về tính giai cấp. Tuy nhiên, trong xã hội có giai cấp, việc dân chủ có hay không có tính xã hội phổ quát và làm thế nào để có thể lý giải về tính xã hội phổ quát này thì cần phải tiếp tục nghiên cứu và thảo luận.

Hai là, *tính lịch sử* và *tính kế thừa của dân chủ.*

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, cơ sở kinh tế và kiến trúc thượng tầng cùng cấu thành nên kết cấu của xã hội, hình thái xã hội là sự tồn tại cụ thể và mang tính lịch sử; do đó, dân chủ với tư cách yếu tố thuộc về kiến trúc thượng tầng cũng mang tính lịch sử và cụ thể, không tồn tại "dân chủ phổ quát" ở bên ngoài một giai đoạn lịch sử cụ thể nào đó. Điều này cũng giống như điều mà C.Mác từng khẳng định rằng, quyền lực tuyệt đối không thể vượt ra ngoài kết cấu kinh tế của xã hội và kết cấu kinh tế quy định sự phát triển văn hóa của xã hội.

Chủ nghĩa Mác - Lênin không phủ nhận sự tồn tại tính kế thừa của dân chủ giữa các hình thái lịch sử khác nhau.

Ph.Ăngghen cho rằng, chế độ dân chủ Athens thời Hy Lạp cổ đại được sản sinh trực tiếp từ xã hội thị tộc. V.I.Lênin cho rằng, chế độ dân chủ Xôviết có thể kết hợp điểm hợp lý của chế độ dân chủ nghị viện với điểm hợp lý của chế độ dân chủ trực tiếp. Xem xét từ góc độ của chủ nghĩa Mác, có thể thấy chế độ dân chủ chủ nô của Hy Lạp cổ đại là sự kế thừa chế độ dân chủ trong xã hội nguyên thuỷ, chế độ dân chủ của giai cấp tư sản cận đại là sự kế thừa chế độ dân chủ thời cổ đại, còn nhà nước dân chủ cộng hòa với tư cách hình thức đặc thù của chế độ chuyên chính vô sản cũng là sự kế thừa các hình thái dân chủ đã có trong lịch sử.

Ba là, tính phương tiện và *tính mục đích của dân chủ.*

Tính mục đích và tính phương tiện (phương pháp) của dân chủ là thống nhất biện chứng với nhau, là sự khái quát và xác định vị trí khác nhau và tác dụng không giống nhau của dân chủ trong hoạt động thực tiễn của con người. Khi xem xét một kiểu dân chủ nào đó như là mục tiêu thực tiễn trực tiếp thì nó có tính mục đích, còn khi sử dụng một kiểu dân chủ nào đó để giải quyết hoạt động thực tiễn của mình thì nó lại có tính phương tiện. Do vậy, tính mục đích và tính phương tiện là việc dân chủ biểu hiện những vai trò khác nhau và những tác dụng khác nhau trong hoạt động thực tiễn của chúng ta. Nói một cách trừu tượng và tách khỏi những điều kiện cụ thể rằng dân chủ là mục đích hay là phương tiện, đem tách rời mối quan hệ biện chứng giữa mục đích và phương tiện, cho rằng dân chủ chỉ có thể là phương tiện mà không thể là mục đích, hoặc cho rằng chỉ là mục đích mà không phải là phương tiện đều không đúng. Với tư

cách phương tiện, hình thức và trình độ thực hiện dân chủ được quyết định bởi hoạt động thực tiễn và mục tiêu thực tiễn mà nó phục vụ. Với tư cách mục đích, việc thực hiện nó lại chịu sự chế ước bởi các điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể. Việc không quan tâm đến tính chất và mục đích của hoạt động thực tiễn, áp dụng một cách máy móc, tùy tiện các phương tiện của dân chủ, hoặc không quan tâm đến điều kiện lịch sử xã hội và tùy tiện xem một kiểu dân chủ nào đó như mục tiêu mà mình theo đuổi... đều là sai lầm.

Tính giai cấp và tính lịch sử của dân chủ biểu hiện rõ ràng tính cụ thể và tính đặc thù của dân chủ; tính xã hội và tính kế thừa của dân chủ lại tỏ rõ tính phổ biến và tính phổ quát của dân chủ. Không có dân chủ phổ quát, dân chủ phổ biến, dân chủ thuần tuý trong hoạt động thực tế, chúng chỉ tồn tại trong tư duy lý luận trừu tượng của con người. Nhưng trong lịch sử, sự tồn tại các hình thái cụ thể của dân chủ thường có những nhân tố mang tính phổ biến, phổ quát mà thế hệ sau có thể kế thừa và lấy đó làm gương. Tính mục đích và tính phương tiện của dân chủ là thống nhất biện chứng và dựa vào nhau để tồn tại. Phép biện chứng của chủ nghĩa Mác cho rằng, trong lịch sử nhân loại, dân chủ không ngừng phát triển và không ngừng biến đổi. Cùng với quá trình biến đổi và phát triển này, quá trình quản lý tổ chức của xã hội cũng thay đổi theo hướng ngày càng có hiệu quả hơn và ngày càng văn minh hơn. Chúng ta có thể thấy rằng, do mối quan hệ giữa dân chủ và các nhân tố kết cấu nên xã hội tồn tại những tác dụng tương hỗ phức tạp, do dân chủ có thuộc tính xã hội phức tạp, thậm chí là mâu

thuẫn, và do dân chủ trong các lĩnh vực khác nhau của hoạt động thực tiễn của con người có chức năng khác nhau, nên vấn đề dân chủ ngày càng thể hiện những đặc điểm mang tính tổng hợp, càng ngày càng trở thành đối tượng nghiên cứu của các ngành khoa học xã hội nhân văn, như triết học, chính trị học, lịch sử học, luật học, kinh tế học, xã hội học và luân lý học.

5. Vấn đề dân chủ ở Việt Nam

a) Quan niệm về dân chủ trong lịch sử Việt Nam

Một là, quan niệm dân bản, sức mạnh của nhân dân - ý dân là ý trời.

Lấy dân làm gốc (dân bản) là quan niệm chính trị nền tảng của Nho giáo. Kinh Thư có câu: "Dân vi bang bản, bản cố bang ninh" (Dân là gốc của nước, gốc có vững thì nước mới yên ổn). Mạnh Tử phát triển tư tưởng này, coi dân là quan trọng nhất, nước đứng thứ hai, còn vua là nhẹ nhất (Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh). Xuất phát từ truyền thống Việt Nam, với cách diễn đạt Nho giáo, các vị vua triều Lý ngay từ những buổi đầu giai đoạn tự chủ cũng khẳng định vai trò quan trọng đặc biệt của nhân dân; khẳng định sự tồn vong của đất nước, của vương quyền, sự vững mạnh của dân tộc có được hay không là nhờ vào nhân dân.

Quan niệm dân bản cũng gắn liền với quan niệm thiên mệnh. Vua là thiên tử - con trời; vì vậy, làm mọi việc phải theo ý trời. Mà ý dân là ý trời, nên có thể suy ra vua phải nghe và hành động theo ý nguyện của người dân. Khi lý giải

việc dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long, Lý Thái Tổ cũng coi đây là mệnh trời và ý dân. Sử chép: "Vua thấy thành Hoa Lư ẩm thấp chật hẹp, không đủ làm chỗ ở của đế vương, muốn dời đi nơi khác, tự tay viết chiếu truyền rằng: "Ngày xưa, nhà Thương đến đời Bàn Canh năm lần dời đô, nhà Chu đến Thành Vương ba lần dời đô, há phải các vua thời Tam đại ấy theo ý riêng tự dời đô xằng bậy đâu. Làm như thế cốt để mưu nghiệp lớn, chọn ở chỗ giữa, làm kế cho con cháu muôn vạn đời, *trên kính mệnh trời, dưới theo ý dân*, nếu có chỗ tiện thì dời đổi, cho nên vận nước lâu dài, phong tục giàu thịnh... Trẫm muốn nhân địa lợi ấy mà định nơi ở, các khanh nghĩ thế nào?". Bề tôi đều nói: "Bệ hạ vì thiên hạ lập kế dài lâu, trên cho nghiệp đế được thịnh vượng lớn lao, dưới cho dân chúng được đông đúc giàu có, điều lợi như thế, ai dám không theo". Vua cả mừng"[1].

Quan niệm gắn thiên mệnh với dân ý, vua phải có trách nhiệm yêu dân được quán xuyến trong nhiều triều đại sau. Ví dụ, Mạc Đăng Dung thể hiện rất rõ ràng: "Trời lập vua là vì dân, vua vâng mệnh trời là để thương dân"[2].

Chở thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân, đây là quan niệm phổ biến của giới nho sĩ. Trong bài thơ *Quan hải (Đóng cửa bể)* nổi tiếng của Nguyễn Trãi có những câu thấm thía mà nhiều người còn nhớ:

1, 2. *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản in Nội các quan bản - Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697)), Viện Khoa học xã hội Việt Nam dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, t.II, tờ 1a, tr. 80-81, 584.

"Phúc chu thủy tín dân do thuỷ[1],
Thị hiểm nan bằng mệnh tại thiên.
Họa phúc hữu môi phi nhất nhật,
Anh hùng di hận kỷ thiên niên"[2].
(Lật thuyền, thấm thía: Dân như nước,
Cậy hiểm mong manh: Mệnh ở trời.
Họa phúc có nguồn, đâu bỗng chốc?
Anh hùng để hận, dễ gì nguôi?)[3].

Hai là, quan niệm về yêu dân, làm cho dân tin.

Niềm tin của dân là cơ sở cho sự ổn định chính trị, ổn định quốc gia. Lý Thái Tổ đạt được quyền lực và đưa triều đại đến thịnh trị là do được lòng dân. Sư Vạn Hạnh nhìn thấy điểm này từ rất sớm, ông nói với Lý Công Uẩn như sau: "Họ Nguyễn (tức nhà Lý) lại không có ai khoan hòa, nhơn hậu và trung thứ như ông, nên rất được lòng dân. Nay tuổi của tôi đã hơn 70 rồi, chỉ sợ không kịp thấy sự thịnh trị mà lấy làm giận"[4]. Dân tin là nền tảng để đất nước ổn định và phát triển.

---

1. Tuân Tử trong sách *Tuân Tử,* thiên "Ai Công" có câu: "Quân giả chu dã, thứ nhân giả, thuỷ dã. Thuỷ tắc tải chu, thuỷ tắc phúc chu" (Vua là thuyền, thứ nhân là nước. Nước có thể chở thuyền, cũng có thể lật thuyền).

2. Nguyễn Trãi: *Toàn tập,* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tr.201.

3. Hưởng Triều dịch. Nguồn: *http://www.thivien.net/ viewpoem. php?ID=2026.*

4. *Đại Việt sử lược* (Khuyết danh), Nguyễn Gia Tường dịch, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993, tr.35.

Yêu dân phải xuất phát từ đạo đức chứ không phải là một thủ đoạn chính trị. Sở dĩ phải yêu dân vì vua là cha mẹ dân. Quan niệm này xuyên suốt lịch sử phong kiến Việt Nam. Trong lịch sử Việt Nam, khi khởi nghiệp thì các vị vua thường chú trọng đến dân, cần dân và làm cho dân tin. Và cũng chính vì có sự tin tưởng của dân thì nghiệp lớn mới thành được. Sự thành công của Lê Lợi trong cuộc kháng chiến chống quân Minh đưa ông từ một người dân đến ngôi vị chí tôn - hoàng đế - là minh chứng cho sức mạnh của nhân dân khi tin tưởng vào người đứng đầu. Sử chép: "Vua ra lệnh cho các tướng rằng: Dân chúng khổ về chính sách bạo ngược của giặc đã lâu rồi. Những châu huyện nào chúng ta đi tới, không được mảy may xâm phạm của dân. Nếu không phải là trâu bò, thóc lúa của bọn ngụy quan, thì dẫu đói khát khốn khó đến đâu cũng không được lấy bậy. Mọi người đều tuân lệnh. Bấy giờ, quân lính đã ba ngày chưa được ăn mà vẫn không có ai vi phạm lệnh đó. Dân thấy pháp lệnh đã được ban ra và thi hành nghiêm ngặt như vậy, liền đem hết trâu bò, thóc lúa của giặc Minh cấp cho quân lính. Bấy giờ, vua chia quân đi lấy lại đất đai các nơi. Đến châu huyện nào, người ta đều nghe tiếng mà quy phục, cùng nhau hợp sức vây đánh thành Nghệ An. Giặc cố thủ không dám ra nữa. Thế là đất Nghệ An đều về ta cả"[1]. Chính những tướng lĩnh khởi nghĩa cùng Lê Lợi cũng nhận xét rằng, sở dĩ ông chiến thắng là nhờ có được lòng dân: "Vì giặc Minh hình phạt bừa bãi, chính lệnh bạo ngược, mất

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd,* t.II, tr.335.

lòng dân đã lâu, còn vua thì trái lại, lấy nhân nghĩa thay bạo tàn, đổi họa loạn thành yên trị, nên mới thành công chóng thế"[1].

Ba là, quan niệm an dân là mục đích của chính trị.

Đọc các cuốn sử Việt Nam, chúng ta có thể phát hiện một trong những tiêu chí quan trọng nhất để đánh giá một vị vua là ông ta có thực hiện được mục đích an dân hay không. An dân có nghĩa là dân được no ấm, hòa bình, ổn định, không lo lắng, được phát huy cá nhân mình và thực hiện các nghĩa vụ, bổn phận với cộng đồng và xã hội. Quan niệm này xuất phát ngay từ buổi đầu giai đoạn tự chủ của dân tộc. Khi đánh giá về Lý Công Uẩn thuở nhỏ, sư Vạn Hạnh đã đưa ra một nhận xét về tiêu chí này: "Lúc nhỏ, vua thông minh, tính khí khôi hoạt rộng rãi. Tới học ở chùa Lục Tổ thiền sư Vạn Hạnh thấy cho là khác lạ, nói: "Đây là người phi thường, sau này đến lúc cường tráng tất có thể cứu đời, yên dân, làm chúa thiên hạ""[2].

Các nhà viết sử xưa lấy lợi ích của dân làm tiêu chí đánh giá sự nghiệp của vua, ví dụ như viết về Lý Thánh Tông: "Vua khéo kế thừa, thực lòng thương dân, trọng việc làm ruộng, thương kẻ bị hình, vỗ về thu phục người xa, đặt khoa bác sĩ, hậu lễ dưỡng liêm, sửa sang việc văn, phòng bị việc võ, trong nước yên tĩnh, đáng gọi là bậc vua tốt. Song nhọc sức dân xây tháp Báo Thiên, phí của dân làm cung Dâm Đàm đó là chỗ kém"[3].

1, 2. *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd,* t.II, tr.371, 34.

3. *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd,* t.III, tờ 1a, tr.105.

Quan niệm về dân, yên dân được thể hiện rất rõ trong tư tưởng của Nguyễn Trãi: "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, Quân điếu phạt trước lo trừ bạo"[1].

b) Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân chủ

Bàn về dân chủ, Hồ Chí Minh không xây dựng thành một hệ thống lý luận hoàn chỉnh mà theo Người, dân chủ đơn giản chỉ là *dân là chủ* và *dân làm chủ.* Người nói: "Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ"[2], "chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ, mà Chính phủ là người đày tớ trung thành của nhân dân"[3]. Đồng thời, Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh: "Chính quyền dân chủ có nghĩa là chính quyền do người dân làm chủ"[4], "Bây giờ chúng ta là dân chủ. Dân chủ là thế nào? Là dân làm chủ. Dân làm chủ thì Chủ tịch, bộ trưởng, thứ trưởng, ủy viên này khác là làm gì? Làm đày tớ. Làm đày tớ cho nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng"[5].

Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin và nhiều nhà tư tưởng khác trên thế giới đã đưa ra các quan niệm, định nghĩa khác nhau về dân chủ. Song, có thể nói, cho đến nay, chưa có quan niệm nào, định nghĩa nào về dân chủ lại ngắn gọn, cô đọng, súc tích và mang tính khái quát cao như quan niệm, định nghĩa của Hồ Chí Minh về dân chủ. Không chỉ thế, với định nghĩa dân chủ là *dân là chủ* và *dân làm chủ*,

---

1. *Đại Việt sử ký toàn thư, Sđd,* t.III, tờ 1a, tr.354.

2, 3, 4, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.7, tr.434; t.9, tr.382; t.7, tr.269; t.10, tr.572.

Hồ Chí Minh đã đưa ra một quan niệm hết sức độc đáo về dân chủ.

Tính độc đáo trong quan niệm của Hồ Chí Minh được thể hiện ở chỗ, với quan niệm dân chủ là dân là chủ và dân làm chủ, Người không chỉ đặt Nhân dân lên vị thế chủ thể xã hội - "địa vị cao nhất là dân", "nhân dân là người chủ", mà còn nói rõ mối quan hệ mật thiết, không thể tách rời giữa vị thế chủ thể xã hội của Nhân dân với hành động làm chủ xã hội của Nhân dân - "dân làm chủ". Không chỉ thế, trong nhiều chỉ thị, bài viết, bài phát biểu của mình, Hồ Chí Minh còn đặt vấn đề dân chủ trong mối quan hệ mật thiết, không thể tách rời với các quyền tự do, công bằng và bình đẳng, quyền được sống, quyền làm người, quyền mưu cầu hạnh phúc,... của Nhân dân với tư cách những quyền thiêng liêng, không thể bị xâm phạm. Với quan niệm này, theo Hồ Chí Minh, điều đó có nghĩa là dân phải thực sự là chủ thể của xã hội và hơn nữa, dân phải được làm chủ một cách toàn diện: Làm chủ nhà nước, làm chủ xã hội và làm chủ chính bản thân mình, làm chủ và sở hữu mọi năng lực sáng tạo của mình với tư cách chủ thể thực sự của xã hội. Dân chủ như vậy, theo Người, phải bao quát tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, từ dân chủ trong kinh tế, dân chủ trong chính trị đến dân chủ trong xã hội và dân chủ trong đời sống văn hóa - tinh thần, tư tưởng. Nghĩa là dân chủ phải có nội dung toàn diện, bao quát mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội; trong đó, hai lĩnh vực quan trọng hàng đầu và nổi bật nhất là dân chủ trong kinh tế và dân chủ trong chính trị. Dân chủ trong hai lĩnh vực này quy

định và quyết định dân chủ trong xã hội và dân chủ trong đời sống văn hóa - tinh thần, tư tưởng. Không chỉ thế, dân chủ trong kinh tế và dân chủ trong chính trị còn thể hiện trực tiếp quyền con người (nhân quyền) và quyền công dân (dân quyền) của người dân, khi dân thực sự là chủ thể xã hội và làm chủ xã hội một cách thực sự.

Với Hồ Chí Minh, dân chủ tức là dân làm chủ vận mệnh đất nước, quyền lực chính trị thuộc về Nhân dân, "bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*"[1]. Nhân dân là người đóng vai trò quyết định đích thực đối với vận mệnh của đất nước. Do vậy, lý tưởng cách mạng mà Người suốt đời đấu tranh là xây dựng đất nước ta thành một nước dân chủ với đúng nghĩa một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mà ở đó, người dân được giải phóng khỏi mọi áp bức, bóc lột, có điều kiện phát triển và tự hoàn thiện mình, nâng mình lên địa vị *làm chủ*, chiếm lĩnh cái tất yếu, cái quy luật phát triển của xã hội để cải tạo xã hội, đưa xã hội đến với tự do, dân chủ.

Nhưng người dân sử dụng quyền lực chính trị của mình như thế nào? Theo Hồ Chí Minh, quyền lực thuộc về Nhân dân, Nhân dân có quyền tự do chọn ra những người sáng suốt nhất để thi hành quyền được làm chủ của mình: "Nhân dân là *ông chủ* nắm chính quyền. Nhân dân bầu ra đại biểu thay mặt mình thi hành chính quyền ấy. Thế là *dân chủ*"[2]. Với quan niệm này, Người đặc biệt quan tâm đến việc phải đem lại các quyền tự do, dân chủ cho Nhân dân ngay sau khi nước nhà giành được độc lập.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd;* t.6, tr.232; t.8, tr.263.

Quyền dân chủ mà Hồ Chí Minh đề ra ấy đã đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của con người và *thực hành những quyền dân chủ ấy* sẽ mang lại *lợi ích* cho mọi người dân. Khẳng định dân chủ là cái đóng vai trò to lớn trong việc thúc đẩy tính tích cực của Nhân dân và từ đó, nó tác động không nhỏ đến sự phát triển xã hội, Hồ Chí Minh cho rằng, muốn cho nước nhà được độc lập, kinh tế phát triển, xã hội tiến lên thì phải có một lực lượng to lớn, mạnh mẽ thực hiện mục đích đó, mà để động viên được lực lượng đó tích cực hành động thì không gì thiết thực bằng việc quan tâm đến lợi ích và quyền lợi của họ, đặc biệt là những quyền lợi gắn liền với đời sống hằng ngày, trong đó quan trọng nhất là quyền dân chủ.

Theo Hồ Chí Minh, việc đề cao dân chủ, quan tâm đến việc đáp ứng nhu cầu dân chủ của người dân là một trong những chủ trương có tác dụng thúc đẩy một cách hiệu quả sự phát triển kinh tế - xã hội, vì dân chủ chính là lợi ích cao nhất mà mọi người dân đều quan tâm và đòi hỏi phải được thực hiện. Với quan điểm này, Người khẳng định: "Dân chủ là của quý báu nhất của nhân dân", là lợi ích thiết thực của Nhân dân, là cái thúc đẩy Nhân dân hành động vì đất nước, vì dân tộc. Chính vì vậy, trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc,* Người đã nhắc nhở chúng ta rằng: "*Dân chủ, sáng kiến, hăng hái,* ba điều đó rất quan hệ với nhau. Có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng đề ra sáng kiến. Những sáng kiến đó được khen ngợi, thì những người đó càng thêm hăng hái, và người khác cũng học theo. Và trong khi tăng thêm sáng kiến và hăng hái làm việc, thì những khuyết

điểm lặt vặt, cũng tự sửa chữa được nhiều”[1]. Điều này giải thích vì sao Hồ Chí Minh lại đề cao việc thực hành dân chủ đến vậy và coi thực hành dân chủ là động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Khi xác định rõ rằng, quyền dân chủ gắn liền với lợi ích của toàn dân, gắn liền với việc phát huy sức sáng tạo và tinh thần hăng say làm việc của Nhân dân thì việc đề ra đường lối dân chủ không chỉ để đấy, mà phải phát triển dân chủ để sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước thực sự có hiệu quả, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Để thực hiện tốt nhiệm vụ cách mạng, Nhà nước ta phải phát triển quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của toàn dân, để phát huy tính tích cực và sức sáng tạo của Nhân dân, làm cho mọi người công dân Việt Nam thực sự tham gia quản lý công việc Nhà nước, ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội”[2]. Điều này cho thấy, với Hồ Chí Minh, dân chủ là động lực không chỉ cho những thành công của cách mạng giải phóng dân tộc, mà còn cho những thành công trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

c) Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về dân chủ

** Quan điểm về dân chủ thời kỳ trước đổi mới*

Dân chủ thể hiện trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Dân chủ gắn liền với pháp luật, kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của bộ máy, trong tổ chức, trong đạo đức, lối sống, trong quan hệ giữa người với người, giữa nhà nước và công dân, giữa

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.284; t.12, tr.374.

công chức với công dân... Cốt lõi của dân chủ là khẳng định quyền lực của dân, là giải quyết mối quan hệ giữa quyền và lợi ích, quyền và nghĩa vụ, lợi ích và trách nhiệm.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (năm 1976) đã khẳng định: "Để đưa cách mạng xã hội chủ nghĩa đến toàn thắng, *điều kiện quyết định trước tiên là phải thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động"*[1]. Đại hội cũng chỉ rõ: *"Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa* là xây dựng một xã hội trong đó người làm chủ là nhân dân lao động có tổ chức, mà nòng cốt là liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo[2]. Để xây dựng quyền làm chủ tập thể về kinh tế, Đảng yêu cầu phải xóa bỏ chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và cải tạo chế độ sở hữu cá thể, xác lập chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức: sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể bằng những phương pháp và bước đi thích hợp"[3].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (năm 1982) còn nhấn mạnh: "Đường lối chung và đường lối kinh tế là một thể thống nhất hoàn chỉnh, trong đó có mấy vấn đề cần đặc biệt chú ý là: *nắm vững chuyên chính vô sản, xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động và tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa"*[4].

Như vậy, trước đổi mới (giai đoạn 1976-1985), Đảng ta đã xây dựng được lý luận về làm chủ tập thể, chế độ làm

---

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.988-989, 990, 992; t.43, tr.59.

chủ tập thể có thể nói là ở mức độ hoàn hảo, lý tưởng, nhưng chưa tính một cách đầy đủ đến điều kiện thực tế.

** Quan điểm về dân chủ thời kỳ từ năm 1986 đến nay*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (năm 1986) - đại hội mở đầu thời kỳ đổi mới đã vạch ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, nhấn mạnh phát huy dân chủ để tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển đất nước. Đại hội khẳng định: "Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động"[1]; "bài học "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng" bao giờ cũng quan trọng. Thực tiễn cách mạng chứng minh rằng: ở đâu, nhân dân lao động có ý thức làm chủ và được làm chủ thật sự, thì ở đấy xuất hiện phong trào cách mạng"[2]. Đại hội VI tiếp tục kế thừa khái niệm "làm chủ tập thể" của các Đại hội IV, V và khẳng định: "Đảng ta coi *làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa* là bản chất của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa cần được thể hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống. Chúng ta đã xác định mối quan hệ *Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý* thành cơ chế chung trong quản lý toàn bộ xã hội"[3].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (năm 1991) đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (viết tắt là Cương lĩnh năm 1991), trong đó đã rút ra bài học lớn: "*Sự nghiệp cách mạng*

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.47, tr.549, 443, 443.

là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân"[1]. Cương lĩnh năm 1991 đã phác họa 6 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân ta xây dựng, trong đó đặc trưng đầu tiên là: *Do nhân dân lao động làm chủ*. Đặc biệt, Cương lĩnh năm 1991 đã khẳng định: "Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện *nền dân chủ xã hội chủ nghĩa,* bảo đảm quyền lực thuộc về Nhân dân. Dân chủ gắn liền với công bằng xã hội phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội thông qua hoạt động của Nhà nước do nhân dân cử ra và bằng các hình thức dân chủ trực tiếp. Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hóa bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm"[2].

Có thể khẳng định, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII đã có bước tiến lớn trong nhận thức về dân chủ. Đến Đại hội VII, Đảng ta không sử dụng khái niệm "làm chủ tập thể", "chế độ làm chủ tập thể" nữa.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (năm 1996) khẳng định phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân và chỉ rõ cần phải thực hiện tốt các cơ chế làm chủ của nhân dân: Làm chủ thông qua đại diện là các cơ quan dân cử và các đoàn thể; làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản, bằng các quy ước, hương ước tại cơ sở phù hợp với luật pháp của Nhà nước. Đảng và Nhà nước tiếp tục đổi

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.51, tr.130, 145.

mới phong cách, bảo đảm dân chủ trong quá trình chuẩn bị ra quyết định và thực hiện các quyết định. Đại hội VIII đề ra mục tiêu của cách mạng là "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh"[1]. Có nghĩa là, Đại hội VIII cũng chưa có nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của dân chủ.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (năm 2001) đã tổng kết 15 năm đổi mới, rút ra bốn bài học chủ yếu, trong đó có bài học *"đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo"*[2]. Đặc biệt, Đại hội IX đã bổ sung nội dung "dân chủ" vào mục tiêu chung của cách mạng nước ta: "Lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích toàn dân tộc trong mục tiêu chung là *"độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh""*[3]. Một trong những điểm mới của Đại hội IX là đã bổ sung nội dung "dân chủ" vào mục tiêu chung của cách mạng nước ta. Đây là một bước tiến trong nhận thức về "dân chủ" của Đảng ta.

Đại hội X của Đảng (năm 2006) đã tổng kết 20 năm đổi mới đất nước và có sự phát triển quan trọng trong nhận thức về dân chủ: (1) Đại hội bổ sung, phát triển mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân ta xây dựng. Trong đó, bổ sung đặc trưng thứ nhất: Dân giàu, nước mạnh, xã hội

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.80.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.81, 22.

công bằng, dân chủ, văn minh; phát triển đặc trưng thứ hai là do nhân dân làm chủ. So với Cương lĩnh năm 1991, Đại hội X đã thay đặc trưng "do nhân dân lao động làm chủ" bằng đặc trưng "do nhân dân làm chủ". Đó là bước tiến về mặt nhận thức, xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là do tất cả nhân dân làm chủ. (2) Đại hội X đã chỉ rõ: *"Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân"*[1]. (3) Đại hội đã khẳng định: "Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Nhà nước đại diện quyền làm chủ của Nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có sự tham gia ý kiến của nhân dân"[2].

Đại hội XI của Đảng (năm 2011) đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).* Cương lĩnh năm 2011 đã xác định: "*Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội:* Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ;..."[3]. Điểm mới của Đại hội XI so với Đại hội X là chuyển cụm từ "dân chủ" lên

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.72, 125.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.70.

trước cụm từ "công bằng". Đây không đơn thuần là chuyển vị trí, mà thực chất là nhận thức rõ hơn, đầy đủ hơn, chính xác hơn vị trí, vai trò của dân chủ. Cương lĩnh năm 2011 khẳng định: "*Dân chủ xã hội chủ nghĩa* là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm.

Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Quyền và nghĩa vụ công dân do Hiến pháp và pháp luật quy định. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.

Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện"[1].

Kế thừa và phát triển quan điểm của các đại hội thời kỳ đổi mới trong quan điểm về dân chủ, Đảng ta tiếp tục khẳng định xây dựng nền dân chủ mới, dân chủ xã hội chủ nghĩa phải hướng tới mục tiêu hàng đầu là nền dân chủ đại diện cho mọi tầng lớp nhân dân, gắn liền và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, được pháp luật bảo đảm và dưới sự lãnh đạo của Đảng.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.84-85.

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa phải xác định Nhân dân là chủ thể của quyền lực và thực tế phải thể hiện một cách đầy đủ nhất quyền tự do, bình đẳng của Nhân dân. Đảng chỉ rõ "phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến. Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân, từ nêu sáng kiến, tham gia thảo luận, tranh luận đến giám sát quá trình thực hiện. Tập trung xây dựng những văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền làm chủ của nhân dân"[1].

Thực tế những năm gần đây cho thấy, Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong mọi hoạt động xã hội, nâng cao sự tham gia của người dân trong các hoạt động chính trị - xã hội có liên quan trực tiếp tới đời sống cũng như vận mệnh chính trị của đất nước. Song song với việc ban hành nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật nhằm phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân, Đảng và Nhà nước luôn nêu cao tự do cá nhân,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.169.

chăm lo và thực hiện ngày càng tốt hơn quyền con người, bảo đảm quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong mọi hoạt động xã hội. Những điều này được ghi nhận không chỉ trong hoạt động thực tiễn mà còn trong tôn chỉ hoạt động của Đảng và Nhà nước, đặc biệt trong Hiến pháp năm 2013 và trong hệ thống pháp luật mới được ban hành và sửa đổi, vấn đề quyền và nghĩa vụ của người dân được khẳng định một cách rõ ràng. Nghiên cứu Hiến pháp năm 2013 chúng ta có thể thấy rất rõ những nội dung cơ bản của dân chủ xã hội chủ nghĩa được nhấn mạnh đặc biệt: "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân"[1]; "Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân..."[2]; "Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện"[3]; Hiến pháp năm 2013 cũng khẳng định rõ các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật; gắn quyền công dân với nghĩa vụ và trách nhiệm đối với xã hội trong Chương II của bản Hiến pháp này.

1, 2, 3. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2014, tr.8, 8-9, 9.

Nhận thức rõ về vị trí, vai trò và tác dụng của dân chủ xã hội chủ nghĩa trong tiến trình đổi mới đất nước, Đảng nhấn mạnh đặc biệt tới mối quan hệ chặt chẽ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân nhằm bảo đảm việc phát huy dân chủ đi đúng hướng, đúng mục đích, tạo động lực mạnh mẽ để thu hút nhân dân đóng góp vào sự nghiệp phát triển chung của cả dân tộc. Đảng cho rằng, trong mối quan hệ gắn bó chặt chẽ giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân thì trước tiên Đảng và Nhà nước phải bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền dân chủ của Nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân. Song song với đó phải xây dựng và hoàn thiện các cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lộng quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân, làm giảm lòng tin của Nhân dân với Đảng, với Nhà nước với tôn chỉ: "Phê phán những biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức. Xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ để làm mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và những hành vi vi phạm quyền dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân"[1].

Tuy nhiên, hiện nay nhận thức một cách đầy đủ về dân chủ xã hội chủ nghĩa trong một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn còn hạn chế, phiến diện, không đúng và đầy đủ về dân chủ hay coi nhẹ dân chủ cũng như quyền làm chủ của Nhân dân. Trên thực tế, như Đảng đã chỉ rõ, trong nội

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.170.

bộ Đảng không ít nơi xảy ra tình trạng mất dân chủ, xa rời nguyên tắc tổ chức của Đảng. Hậu quả là sự độc đoán, chuyên quyền, bè phái, lợi ích nhóm, v.v. dẫn tới sự hỗn loạn trong điều hành và chỉ đạo hoạt động xã hội tại không ít các địa phương. Đối với bản thân cán bộ đảng viên lãnh đạo đôi khi thiếu kinh nghiệm và xa rời thực tiễn, phong cách lãnh đạo thể hiện sự xa cách, không lắng nghe ý kiến của quần chúng và cấp dưới, đưa ra những nhận định chủ quan, những chủ trương, quyết định chưa phù hợp với đòi hỏi khách quan của cuộc sống, v.v.. Cán bộ, đảng viên cấp dưới không dám thể hiện quyền làm chủ của mình do lo sợ bị trù dập, thành kiến và ảnh hưởng đến lợi ích cá nhân. Những điều này ảnh hưởng trực tiếp tới uy tín của Đảng, làm gia tăng sự hoài nghi trong Nhân dân về vai trò lãnh đạo của Đảng, là nguy cơ trực tiếp đe dọa sự tồn vong của chế độ. Nhận thức rõ vấn đề này, Đảng chỉ rõ: "Đổi mới phải luôn luôn quán triệt quan điểm "dân là gốc", vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc"[1]. Và để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trong toàn xã hội, trước hết phải phát huy dân chủ trong nội bộ Đảng. Tăng cường và mở rộng dân chủ trong Đảng phải được coi là hạt nhân, là tấm gương cho việc thực hiện dân chủ ngoài xã hội như Đảng khẳng định: "Thể chế hóa và thực hiện tốt

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.69.

phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Để thực hiện dân chủ trong xã hội, trước hết phải bảo đảm phát huy dân chủ trong Đảng là hạt nhân để phát huy đầy đủ dân chủ trong xã hội"[1].

Từ những điều trình bày ở trên cho thấy, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về dân chủ ngày càng phát triển trải qua các kỳ đại hội của Đảng từ thời kỳ bắt đầu tiến hành đổi mới (1986) đến nay. So với quan điểm của Đảng thời kỳ trước đổi mới, chúng ta có thể khẳng định rằng, Đảng ta đã có sự nhận thức về dân chủ ngày càng đúng đắn hơn, phù hợp hơn với điều kiện cụ thể của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

6. Tính đặc thù của dân chủ ở Việt Nam

Mặc dù về hình thức, tất cả các nước trên thế giới hiện nay đều là nước dân chủ nhưng trên thực tế, không phải nước nào cũng thực hành đúng về dân chủ. Khi xem xét một nước có dân chủ thực sự hay chỉ có dân chủ hình thức, chúng ta cần chú ý đến tính đặc thù của dân chủ của nước đó. Nhà nước dân chủ là nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; quyền lực tối cao của nhà nước thuộc về nhân dân; nhà nước thừa nhận và bảo vệ quyền tự do dân chủ của mọi công dân. Đó là tính phổ biến của dân chủ.

Bên cạnh tính phổ biến đó, dân chủ còn có tính đặc thù. Tùy theo điều kiện cụ thể về kinh tế, chính trị, xã hội,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.170.

lịch sử, văn hóa riêng, mỗi nước đều xác định tiêu chuẩn dân chủ phù hợp với mình. Tính chất của nền dân chủ của một nước được thể hiện trong hệ thống pháp luật của nước đó. Chẳng hạn, ở các nước có chế độ dân chủ, công dân có quyền bầu cử ra cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước; quyền đó thể hiện tính phổ biến của dân chủ. Nhưng tùy điều kiện riêng mà pháp luật của mỗi nước quy định công dân có thể bầu cử trực tiếp hoặc gián tiếp ra người đứng đầu nhà nước. Quy định cụ thể đó thể hiện tính đặc thù của dân chủ. Nếu một nước nào đó quy định công dân không có quyền bầu cử trực tiếp ra người đứng đầu nhà nước thì như vậy cũng không phải là vi phạm quyền dân chủ của công dân. Hoặc như quyền tự do ngôn luận là một trong những quyền dân chủ phổ biến; nhưng điều đó không có nghĩa công dân được tự do vu khống người khác, tự do làm lộ bí mật quốc gia. Quyền tự do được thể hiện ở những nội dung cụ thể. Những nội dung cụ thể này không thể giống nhau ở mọi nước và ở mọi giai đoạn. Hoặc tùy theo quy định của pháp luật của từng nước trong từng giai đoạn mà một nước chỉ có một đảng hoặc có thể có nhiều đảng. Quy định của một số nước chỉ có một đảng được phép hoạt động không phải là quy định không dân chủ. Tóm lại, dân chủ vừa có tính phổ biến vừa có tính đặc thù; tiêu chuẩn của dân chủ phải phù hợp với điều kiện cụ thể của từng nước trong từng giai đoạn. Cách thức thực hành không thể lấy dân chủ của một nước này để áp đặt, hoặc đánh giá mức độ dân chủ của nước khác. Mỗi nước đều có tiêu chuẩn dân chủ của mình; do đó, không thể áp đặt tiêu chuẩn dân chủ của nước này

cho nước khác. Cũng do mỗi nước đều có tiêu chuẩn dân chủ của mình nên không thể nói rằng dân chủ ở nước này cao hơn dân chủ ở nước kia.

Nước Việt Nam có lịch sử hàng ngàn năm dưới chế độ phong kiến trung ương tập quyền, cha truyền con nối và gần một thế kỷ dưới chế độ thuộc địa nửa phong kiến. Trong thời kỳ đó, người Việt Nam không được hưởng quyền dân chủ. Từ ngày 2-9-1945, Việt Nam trở thành nước dân chủ với tên gọi *Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* (từ năm 1976 được đổi tên thành *Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam).* Từ đó, người Việt Nam mới được hưởng quyền tự do, dân chủ. Điều này được ghi trong *Hiến pháp* của Nhà nước. "Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa" được Quốc hội khóa I thông qua ngày 9-11-1946 khẳng định: *"Đảm bảo các quyền tự do dân chủ"*; "Công dân Việt Nam có quyền: Tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và nước ngoài" (Điều 10). Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa X thông qua ngày 25-12-2001, sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992, khẳng định: "Nhà nước bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân" (Điều 3); "Công dân có quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội" (Điều 53); "Công dân, không phân biệt dân tộc, nam nữ,

thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa, nghề nghiệp, thời hạn cư trú, đủ mười tám tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ hai mươi mốt tuổi trở lên đều có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật" (Điều 54); "Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước theo quy định của pháp luật" (Điều 68); "Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật" (Điều 69); "Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật" (Điều 70).

Theo những quy định ghi trong Hiến pháp như trên thì Việt Nam rõ ràng là nước dân chủ; Nhà nước thừa nhận và bảo đảm những quyền tự do dân chủ cơ bản của công dân. Điều này giống với nhiều nước dân chủ khác và là biểu hiện của tính phổ biến của dân chủ trong hệ tiêu chuẩn dân chủ ở Việt Nam.

Bên cạnh việc thừa nhận những quyền tự do, dân chủ cơ bản của công dân như các nước khác, pháp luật của Nhà nước Việt Nam còn có những quy định cụ thể khác. Điều đó làm cho chế độ dân chủ ở Việt Nam *có tính đặc thù* so với nhiều nước khác. Tính đặc thù của chế độ dân chủ ở Việt Nam thể hiện ở chỗ:

Thứ nhất, ở Việt Nam hiện nay không có sự đối trọng giữa các đảng. Ở Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền. Trước năm 1989, cùng với Đảng Cộng sản Việt Nam còn có Đảng Dân chủ Việt Nam và Đảng Xã hội

Việt Nam. Nhưng từ khi hai đảng này tự giải thể năm 1989 thì chỉ còn Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động hợp pháp. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Trong bộ máy của Nhà nước ở giai đoạn đầu có nhiều người ngoài Đảng tham gia và giữ những cương vị lãnh đạo cao. Còn hiện nay ở các cấp, đặc biệt ở cấp cao, hầu hết người giữ vị trí lãnh đạo là đảng viên. Ở nước nào thì nhà nước cũng đều do một đảng hoặc vài đảng lãnh đạo. Thông thường ở các nước khác, người đứng đầu đảng cầm quyền đồng thời là người đứng đầu nhà nước. Còn ở Việt Nam, người đứng đầu Đảng Cộng sản Việt Nam (Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương) không đồng thời là người đứng đầu Nhà nước. Ở các cấp địa phương và các cơ quan, hầu hết người đứng đầu cấp ủy (bí thư đảng ủy) cũng không phải là người đứng đầu cơ quan nhà nước (chủ tịch ủy ban nhân dân, thủ trưởng cơ quan). Người đứng đầu Đảng được đại hội bầu ra theo nhiệm kỳ 5 năm, không giữ quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

Tuy nhiên, ở một số phương diện thì phương thức lãnh đạo (cầm quyền) của Đảng vẫn chưa được xác định hoàn toàn rõ ràng. Vì thế, ở một số nơi, Đảng làm thay cả chức năng của Nhà nước. Tình trạng này đang được Đảng nghiêm túc nghiên cứu để khắc phục.

Thứ hai, ở Việt Nam hiện nay không có tam quyền phân lập, nhưng có sự thống nhất, phân công giữa ba cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nhà nước Việt Nam có ba cơ quan khác nhau là lập pháp, hành pháp và tư pháp; song

ba cơ quan này không độc lập với nhau. Bởi vì, cơ quan hành pháp và cơ quan tư pháp đều do Quốc hội bầu ra và đều chịu sự lãnh đạo của Đảng. Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước. Tuy không có tam quyền phân lập nhưng Nhà nước Việt Nam là nhà nước pháp quyền vì pháp luật là tối cao, không có tổ chức và cá nhân nào được đứng trên pháp luật.

Thứ ba, dân chủ ở Việt Nam hiện nay có sự thống nhất giữa Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Các tổ chức chính trị - xã hội ở Việt Nam (gồm Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác) đều có chức năng chung là cùng Nhà nước chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhân dân, động viên Nhân dân thực hiện quyền dân chủ của mình, nghiêm chỉnh thi hành Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, các đại biểu dân cử và các cán bộ nhà nước. Các tổ chức chính trị - xã hội ở Việt Nam do Đảng lãnh đạo, có thể được Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động. Cán bộ của một số tổ chức chính trị - xã hội ở Việt Nam cũng được hưởng quyền lợi như cán bộ, công chức của Nhà nước. Các tổ chức chính trị - xã hội ở Việt Nam tuy không phải là bộ phận của Nhà nước nhưng với chức năng như trên có thể

được coi là cánh tay nối dài của Nhà nước, hỗ trợ tích cực cho Nhà nước.

Thứ tư, ở Việt Nam hiện nay không có quy định nhân dân trực tiếp bầu ra Chủ tịch nước với tư cách người đứng đầu Nhà nước. Chủ tịch nước do Quốc hội bầu ra, còn Nhân dân thì bầu ra Quốc hội. Như vậy, nhân dân thể hiện quyền làm chủ của mình một cách gián tiếp thông qua các đại biểu do mình bầu ra.

Thứ năm, dân chủ mà Việt Nam chủ trương xây dựng là dân chủ xã hội chủ nghĩa. Về điều này, Văn kiện Đại hội XI của Đảng viết: "**Dân chủ xã hội chủ nghĩa** là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước"[1]. Đại hội XI của Đảng cũng chỉ rõ nội dung cơ bản của khái niệm *dân chủ xã hội chủ nghĩa* là "tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; pháp luật của Nhà nước vì lợi ích của nhân dân"[2]. Văn kiện Đại hội XI khẳng định: "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân; cán bộ, công chức phải hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân. Có cơ chế cụ thể để nhân dân thực hiện trên thực tế quyền làm chủ trực tiếp và quyền làm chủ thông qua các cơ quan đại diện của mình. Phát huy dân chủ phải đi liền với tăng

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.47.

cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương xã hội; phê phán và nghiêm trị những hành vi vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, những hành vi lợi dụng dân chủ làm tổn hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội"[1].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta tiếp tục khẳng định phát triển dân chủ là một trong 9 nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước trong 5 năm 2016-2020: "Hoàn thiện, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; không ngừng củng cố, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tăng cường sự đồng thuận xã hội; tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân"[2].

II- MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ

1. Khái niệm thực hành dân chủ

Về cơ bản có thể hiểu, *thực hành dân chủ là việc triển khai trên thực tế (làm) những điều đã nói (lý luận) về dân chủ*. Quan hệ giữa lý luận dân chủ với thực hành dân chủ chính là quan hệ giữa nói và làm, giữa lý luận và thực tiễn về vấn đề dân chủ. Nói cách khác, *thực hành dân chủ chính*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.47-48.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.79.

là cơ chế, chính sách, những quy định, nguyên tắc... để bảo đảm cho mọi người dân thực hiện quyền dân chủ của mình, là hiện thực hóa phương châm mà Đảng đã xác định: *Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.*

Chúng ta đều biết, nội dung cốt lõi của dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân hay sự kiểm soát của nhân dân đối với toàn bộ quá trình ban hành và thực thi các quyết định chung của chính thể nhà nước ấy. Tiền đề của nó không phải cái gì khác hơn là việc coi công dân là cơ sở, nguồn gốc của mọi quyết định cũng như các thiết chế quản lý. Điều này là vô cùng quan trọng và có ý nghĩa quyết định đối với việc tạo ra cơ chế nhằm bảo đảm những lợi ích của các công dân. Nguyên tắc nền tảng của dân chủ đó chính là mọi công dân đều có quyền quyết định trong toàn bộ quá trình quản lý, điều hành của xã hội, có quyền quyết định đối với tất cả những vấn đề chung của xã hội, một cách gián tiếp hoặc trực tiếp thông qua sự ủy quyền cho những người đại diện của mình vào trong các cơ quan quyền lực của nhà nước hay tham gia vào chính những cơ quan ấy; đồng thời, công dân có quyền được hưởng lợi ích từ những quyết định ấy, cũng như việc hưởng thụ những quyền ấy phải là cơ hội bình đẳng cho tất cả mọi công dân. Muốn thực hiện được điều đó, cần có một cơ chế kiểm soát hiệu quả đối với quá trình chuyển giao quyền lực từ nhân dân cho nhà nước và từ quyền lực của nhà nước thành quyền và lợi ích của nhân dân.

Chính vì vậy, thực hành dân chủ được thực hiện thông qua hai phương thức là *ủy quyền* và *thực hành trực tiếp*.

Ở phương thức ủy quyền, nhân dân không ủy quyền toàn bộ quyền lực của mình cho nhà nước mà chỉ là ủy quyền cái gì mà tự nhân dân không làm được mà thôi. Chủ thể quyền lực ấy (tức nhân dân) còn rất nhiều phạm vi mà nhà nước không thể bao trùm hết được nhưng bản thân họ lại có thể tự thực hành được. Chính bởi vậy, phương thức *thực hành trực tiếp* sẽ góp phần giúp nhân dân thực thi được đầy đủ quyền lực của mình thông qua nhiều phương thức khác nhau, trong đó đáng chú ý là hình thức tự quản, tự chủ, tự quyết định và giám sát.

Khi nhân dân có thể tự mình triển khai công việc trong khuôn khổ pháp luật cho phép thì nhà nước không cần và cũng không nên làm những công việc đó. Vấn đề của nhà nước là ý thức về phạm vi quyền lực được phép của mình trong khuôn khổ quy định của pháp luật, đồng thời bảo đảm cho nhân dân quyền được thực thi những công việc pháp luật không cấm. Đó chính là bản chất và nguyên tắc vận hành của nền dân chủ. Nếu nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên nguyên tắc ấy, nhà nước luôn bảo đảm là đại biểu xứng đáng cho nhân dân, nhân dân sẽ luôn đứng về phía nhà nước, và nền dân chủ sẽ được xác lập.

Sự ủy thác quyền lực của nhân dân cho nhà nước không phải bất biến, một lần là xong. Trái lại, đó là quá trình không ngừng điều chỉnh và mang bản chất khả biến. Điều này đã được những tư tưởng gia lỗi lạc từ thời cổ đại cho đến Phục hưng, Khai sáng đặc biệt nhấn mạnh. J. J. Rousseau xem sự ủy thác đó chính là một khế ước giữa nhân dân và nhà nước; theo đó, trong chừng mực những điều khoản

cam kết ấy bị chà đạp, xâm phạm và bị chối bỏ, cần phải xóa bỏ khế ước ấy và thay bằng một khế ước mới bằng cách nhân dân sẽ tự tìm cho mình những người đại diện mới để ủy thác quyền lực của mình. Vì vậy, việc xóa bỏ khế ước và thiết lập các chính phủ sao cho luôn đại diện cho lợi ích của nhân dân là một khát vọng và nguyên tắc của thiết chế chính trị và nền dân chủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngay từ năm 1947, đã nhấn mạnh rằng, "chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ"[1], và một trong những cơ chế hữu hiệu và quan trọng nhất để "đuổi" là thông qua trưng cầu ý dân.

Vấn đề bản thể của tổ chức bộ máy nhà nước trong một chính thể dân chủ là sự chế ước và giám sát quyền lực nhà nước cùng với việc trao quyền và tự do cơ bản một cách tối đa trong chừng mực có thể cho nhân dân. Để nhân dân tham gia hiệu quả vào quá trình chế ước và giám sát quyền lực nhà nước (vốn dĩ do chính nhân dân ủy thác vào nhà nước), nhà nước cần tôn trọng và đảm bảo rộng rãi các quyền và tự do cơ bản cho công dân của mình, bao gồm quyền được thay đổi chính phủ, quyền tiếp cận thông tin và quyền được lập hội, hội họp hòa bình,... thành các nguyên tắc hiến định và luật định; đồng thời thực thi đầy đủ chúng trong thực tế.

Dân chủ chính trị xuất phát từ dân chủ kinh tế. Các quyền tự do về chính trị chỉ mang những giá trị thực chất khi chúng được nảy sinh từ kết quả tất yếu của quá trình

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.75.

tự do kinh tế. Quyền bầu cử, ứng cử của công dân sẽ chỉ là ảo tưởng, là quyền danh nghĩa hay quyền hư vô nếu như không có những thiết chế dân chủ bảo đảm cho quá trình bầu cử diễn ra công khai, công bằng và trung thực. Nói cách khác, các quyền tự do ngôn luận, tự do hội họp; công dân có thể thực hiện được đầy đủ và thực chất khi chúng ta có một cơ chế dân chủ đủ mạnh, được bảo đảm một cách tương đối đầy đủ dựa trên quyền xã hội và văn hóa. Như vậy, chỉ có khả năng duy nhất cho việc thực hiện các quyền này một cách độc lập tương đối, đó là phải dựa trên một nền dân chủ đích thực.

Ngày nay, không một tuyên bố chính trị nào nhằm trao quyền rộng rãi cho người dân được tôn trọng và thực thi nếu như nó không được quy định thành các nguyên tắc pháp luật và định chế. Việc pháp điển hóa các quyền và tự do của công dân thành các nguyên tắc hiến định và luật định cùng việc xác lập một cơ chế hữu hiệu để thực thi chúng được xem là tiền đề quan trọng bậc nhất của nền dân chủ hiện đại. Tuy nhiên, bản chất quyền lực của nhà nước do nhân dân trao cho các cơ quan và cá nhân đại diện công quyền luôn có xu thế bị lạm dụng và tha hóa, trở lại thống trị và nô dịch nhân dân. Trong khi đó, các lực lượng thị trường vừa là nhân tố nuôi dưỡng tiền đề vật chất cho sự ra đời của dân chủ, đồng thời chính nó cũng góp phần làm gia tăng quá trình tha hóa quyền lực nhà nước do sự chi phối của những lợi ích kinh tế sẽ lũng đoạn chính sách dẫn đến nguy cơ nhà nước sinh ra dường như là để bảo vệ lợi ích cho riêng họ chứ không phải của đa số, của mọi tầng lớp nhân dân. Vì thế,

các tổ chức xã hội nghề nghiệp cùng với lực lượng thị trường đóng vai trò là nhân tố tiền đề tiếp theo làm trụ vững cho nền dân chủ.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ

Quan niệm của Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ là quan niệm mang tính hiện thực rất cao. Bởi lẽ, nói đến dân chủ thì không thể thiếu việc *thực hành dân chủ*. Người luôn mong muốn nước ta phải đi đến "dân chủ thực sự".

Về thực hành dân chủ trong kinh tế, theo Hồ Chí Minh, vấn đề quan trọng nhất là thực hiện lợi ích của dân, chăm lo cho lợi ích của dân, trước hết là lợi ích vật chất. Người viết: "Nhà nước xã hội chủ nghĩa và dân chủ nhân dân chỉ lo làm lợi cho nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, ngày càng tiến bộ về vật chất và tinh thần, làm cho trong xã hội không có người bóc lột người"[1]. Rằng, nhà nước ta là "nhà nước của đại đa số nhân dân"[2] và do vậy, phải sử dụng "*dân chủ chuyên chính* của nhân dân"[3] để "giữ gìn lợi ích của nhân dân"[4]. Để làm được điều này, người dân phải là chủ sở hữu và thực sự làm chủ sở hữu đối với những tư liệu sản xuất chủ yếu của họ. Thực hành "chính sách *dân chủ*"[5] là để "dân cày có ruộng"[6], "công nhân phải hiểu xí nghiệp là của mình, làm chủ nước nhà là nói chung, làm chủ xí nghiệp là nói riêng, xí nghiệp có phát triển, tương lai của công nhân mới tiến lên"[7]. Dân là chủ và làm chủ sở hữu thì

1, 2, 3, 4, 5, 6, 7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.10, tr.453; t.8, tr.261; t.8, tr.255; t.10, tr.478.

họ phải có quyền được lao động, được tự do phát triển sản xuất, thực hiện lợi ích và mưu cầu hạnh phúc. Thực hành dân chủ trong kinh tế đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải có kế hoạch, chính sách tạo việc làm cho dân, khuyến khích dân chủ động lo việc làm, tự mình vươn lên thoát đói nghèo và làm giàu chính đáng bằng sức lao động của mình trong khuôn khổ pháp luật của Nhà nước.

Theo Hồ Chí Minh, thực hành dân chủ trong kinh tế phải gắn liền với thực hành dân chủ trong chính trị, trao cho dân chúng quyền được tham gia quản lý, kiểm tra và giám sát sản xuất, phân chia thành quả lao động để không xảy ra tình trạng cán bộ tham ô, lãng phí của công, gây tổn hại đến lợi ích của dân, của xã hội.

Về thực hành dân chủ trong chính trị, Hồ Chí Minh cho rằng, trong một nước dân chủ, "địa vị cao nhất là dân" và do vậy, thực hành dân chủ trong chính trị thì trước hết và trên hết là bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, là "*làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm*"[1]. Coi việc bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân không chỉ là bản chất của dân chủ, mà còn là bản chất của chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh cho rằng, để thực hành dân chủ trong chính trị, chúng ta cần phải thể chế hóa quyền làm chủ chính trị, quyền làm chủ của nhân dân qua Hiến pháp và pháp luật, qua thể chế bầu cử để dân được tự do lựa chọn người xứng đáng đại diện cho mình trong các cơ quan

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.293.

quyền lực nhà nước và để mỗi công dân đều có quyền bầu cử, ứng cử, tham gia vào công việc quản lý nhà nước.

Thực hành dân chủ trong chính trị, Hồ Chí Minh yêu cầu mọi cán bộ, đảng viên, nhất là những cán bộ, đảng viên giữ vai trò lãnh đạo, phải hết lòng, hết sức phục vụ Nhân dân, "làm đày tớ cho nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng"[1]. Để việc thực hành dân chủ chính trị đi vào thực chất, chứ không phải hình thức, theo Hồ Chí Minh, Nhà nước phải thực sự là một nhà nước dân chủ, nhà nước quản lý theo pháp luật và lấy việc bảo vệ dân, phục vụ dân làm mục tiêu hàng đầu. Vì dân, Đảng cầm quyền lãnh đạo phải là một đảng cách mạng chân chính, trong sạch, vững mạnh, *"là đạo đức, là văn minh"*[2], lãnh đạo Nhà nước và xã hội, làm tất cả vì hạnh phúc của Nhân dân, nhất là phải luôn liên hệ mật thiết với Nhân dân, quan hệ máu thịt với Nhân dân, thực hiện Đảng - Dân một ý chí.

Về thực hành dân chủ trong xã hội, Hồ Chí Minh cho rằng, thực hành dân chủ trong xã hội phải hướng đến mục tiêu làm cho dân "ai cũng được hưởng quyền dân chủ tự do"[3], công bằng và bình đẳng trước pháp luật và trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; và vì các quyền đó mà thực hiện nghĩa vụ công dân của mình, địa vị làm chủ xã hội của mình.

Giá trị thực tế của dân chủ, tính hiện thực của thực hành dân chủ trong xã hội, theo Hồ Chí Minh, là ở chỗ, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày càng được

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.10, tr.572; t.12, tr.403; t.5, tr.39.

nâng cao. Rằng, dân chỉ biết đến độc lập, tự do, dân chủ khi dân được ăn no, mặc ấm. Do vậy, để thực hành dân chủ trong xã hội đi vào thực chất, Người khẳng định: "Nhà nước chẳng những công nhận những quyền lợi của công dân mà còn bảo đảm những điều kiện vật chất cần thiết để cho công dân thật sự được hưởng các quyền lợi đó"[1]. Với quan điểm này, với mong muốn dân chủ trong xã hội phải được thực hành trên thực tế, Người yêu cầu Đảng và Chính phủ phải thường xuyên quan tâm giải quyết các vấn đề xã hội một cách thiết thực, cụ thể, thực thi các chính sách xã hội vì dân và an sinh xã hội cho dân chúng nhằm bảo đảm cho dân được an sinh và an ninh, tự do mưu cầu hạnh phúc.

Để thực hành dân chủ trong xã hội, theo Hồ Chí Minh, chúng ta cần phải ra sức "phát huy dân chủ đến cao độ"[2], đồng thời "mở rộng dân chủ để nhân dân thật sự tham gia quản lý Nhà nước"[3], bởi "tính chất Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân"[4] và do vậy, có phát huy dân chủ đến cao độ, chúng ta mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân; có thực hiện dân chủ rộng rãi, mới khiến mọi người dân "đưa hết khả năng làm tròn nhiệm vụ người chủ nước nhà để xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho nước ta mạnh, dân ta giàu"[5].

Về thực hành dân chủ trong Đảng, là người sáng lập và trực tiếp lãnh đạo, rèn luyện, xây dựng Đảng ta thành Đảng duy nhất cầm quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam,

---

1, 2, 3, 4, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.12, tr.377, 376, 377, 376, 377.

Hồ Chí Minh dành sự quan tâm sâu sắc nhất trong suốt cuộc đời cho việc thực hành dân chủ trong Đảng. Bởi, với Người, xây dựng Đảng cầm quyền thực sự trong sạch, vững mạnh, Đảng cần phải đặc biệt chú ý thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng, "phải thật sự *mở rộng dân chủ* để tất cả đảng viên bày tỏ hết ý kiến của mình; phải gom góp ý kiến của đảng viên để giúp đỡ Trung ương chuẩn bị Đại hội Đảng cho thật tốt"[1]. Với quan điểm này, Người còn đặc biệt nhấn mạnh việc thực hiện và phát huy dân chủ nội bộ trong mọi sinh hoạt và hoạt động của Đảng, bởi theo Người, không có dân chủ nội bộ sẽ làm cho "nội bộ của Đảng âm u"[2], sinh hoạt đảng không còn trong sáng nữa và do vậy, tập trung không tạo nên sức mạnh của Đảng do Đảng đã bị suy yếu từ bên trong và một khi đã như vậy thì sớm muộn, Đảng cũng mất quyền lãnh đạo, mất đi vị trí cầm quyền.

Thực hành dân chủ trong Đảng, theo Hồ Chí Minh, vấn đề mấu chốt nhất là thực hiện nguyên tắc dân chủ tập trung. Với Người, dân chủ tập trung không chỉ là nguyên tắc lãnh đạo, mà còn là chế độ lãnh đạo của đảng cầm quyền. "Tập thể lãnh đạo là *dân chủ*"[3], "cá nhân phụ trách là *tập trung*"[4] và "tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách tức là *dân chủ tập trung*"[5].

Nhấn mạnh việc thực hiện nguyên tắc dân chủ tập trung đối với thực hành dân chủ trong Đảng, Hồ Chí Minh

---

1, 2, 3, 4, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.12, tr.544; t.5, tr.320; t.5, tr.620.

khẳng định: "Lãnh đạo không tập thể thì sẽ đi đến cái tệ bao biện, độc đoán, chủ quan. Kết quả là hỏng việc. Phụ trách không do cá nhân thì sẽ đi đến cái tệ bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ. Kết quả cũng là hỏng việc. Tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách cần phải luôn luôn đi đôi với nhau"[1]; cầm quyền lãnh đạo mà "không theo đúng cách đó, tức là làm trái dân chủ tập trung"[2]. Theo Hồ Chí Minh, thực hiện nguyên tắc dân chủ tập trung trong thực hành dân chủ trong Đảng cần phải được coi như một nguyên tắc tuyệt đối cần thiết để mọi cán bộ, đảng viên đều tự giác thực hiện tự phê bình và phê bình, qua đó, tạo ra sự thống nhất trong Đảng về tư tưởng, tổ chức, hành động và cũng để xây dựng Đảng thành một khối đoàn kết vững chắc, mà thống nhất và đoàn kết là cái làm nên sức mạnh vô địch của một đảng cầm quyền lãnh đạo cách mạng.

Từ tất cả những luận giải trên, có thể nói, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, dân chủ không chỉ là "của quý báu nhất của nhân dân"[3], mà còn là một giá trị mang tính nhân văn và pháp lý. Thực hành dân chủ trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội là để dân thực sự là chủ và làm chủ xã hội, để dân chủ được phát huy đến cao độ, quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện trên thực tế và đi vào thực chất, qua đó xây dựng chế độ ta thực sự là một chế độ dân chủ và tạo ra "cái chìa khóa vạn năng"[4] để Đảng ta cầm quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi đến thành công.

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.620; t.10, tr.457; t.15, tr.325.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam với việc thực hành dân chủ

** Thực hành dân chủ thời kỳ trước đổi mới*

Chúng ta đều biết, Hồ Chí Minh luôn coi trọng thực hành dân chủ. Người yêu cầu "*phải thật sự mở rộng dân chủ* để tất cả đảng viên bày tỏ ý kiến của mình"[1]; xem "*thực hành dân chủ* là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn"[2]. Người đã nêu tấm gương mẫu mực về thực hành dân chủ.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV và V của Đảng nhấn mạnh, phải xây dựng chế độ làm chủ tập thể, nhưng lại không chỉ rõ những điều kiện thực tế. Do đó, chúng ta chỉ đạt được những thành tựu về thực hành dân chủ ở mức độ nhất định. Nói cách khác, kết quả thực hành dân chủ còn rất hạn chế. Cụ thể như sau:

Dân chủ, nhất là dân chủ trên lĩnh vực kinh tế, trong sản xuất kinh doanh đã không được coi trọng thực hiện. Dân chủ trên lĩnh vực chính trị (nhất là trong bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân) còn nhiều biểu hiện hình thức. Dân chủ trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng còn nhiều hạn chế. Nhân dân ủy quyền cho Nhà nước, nhưng Nhân dân lại không có điều kiện để giám sát, kiểm tra quyền lực. Cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ chưa được cụ thể hóa. Đảng lãnh đạo nhưng lại bao biện, làm thay công việc của Nhà nước.

Dân chủ không thực chất dẫn đến làm chủ tập thể không thực hiện được, bị biến dạng thành vô chủ, quan liêu hóa,

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.12, tr.544; t.15, tr.325.

hành chính hóa nặng nề. Từ đó đã kìm hãm sự phát triển. Đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Đời sống nhân dân sa sút cả về vật chất lẫn tinh thần.

** Thực hành dân chủ từ năm 1986 đến nay*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã nhấn mạnh đến thực hành dân chủ, khẳng định: "Cùng với việc chăm lo đời sống nhân dân, các cơ quan nhà nước phải *tôn trọng và bảo đảm những quyền công dân* mà Hiến pháp đã quy định. Tiếp sau việc ban hành Bộ luật hình sự và dự thảo Luật hôn nhân và gia đình, Nhà nước ta còn phải ban hành các luật khác"[1]; "dưới sự lãnh đạo của Đảng, chức năng của Nhà nước là thể chế hóa bằng pháp luật quyền hạn, lợi ích, nghĩa vụ của nhân dân lao động và quản lý kinh tế, xã hội theo pháp luật. Nhà nước ta phải bảo đảm quyền dân chủ thật sự của nhân dân lao động, đồng thời kiên quyết trừng trị những kẻ vi phạm quyền làm chủ của nhân dân"[2]; *"xây dựng và thực hiện một cơ chế quản lý nhà nước thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ở tất cả các cấp"*[3].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã chỉ rõ: "Điều kiện quan trọng để phát huy dân chủ là xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, nâng cao trình độ dân trí, trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật của nhân dân"[4]; "sửa đổi Hiến pháp; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.47, tr.446-447, 450-451, 452; t.51, tr.116.

Tiếp tục sửa đổi và xây dựng hệ thống pháp luật về kinh tế, văn hóa, xã hội, về hình sự, dân sự, hành chính, về quyền và nghĩa vụ công dân"[1]; "Nhà nước đặt ra các đạo luật nhằm xác định các quyền công dân và quyền con người, quyền đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm"[2].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng nhấn mạnh phải *"xây dựng cơ chế cụ thể để thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"* đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước.

Thực hiện tốt các cơ chế làm chủ của nhân dân: làm chủ thông qua đại diện là các cơ quan dân cử và các đoàn thể; làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản, bằng các quy ước, hương ước tại các cơ sở phù hợp với luật pháp của Nhà nước.

Đảng và Nhà nước tiếp tục đổi mới phong cách, bảo đảm dân chủ trong quá trình chuẩn bị ra quyết định và thực hiện các quyết định"[3].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng chỉ rõ: "Nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, hoàn thiện những quy định về bầu cử, ứng cử, về tiêu chuẩn và cơ cấu các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân trên cơ sở thật sự phát huy dân chủ. Tăng thêm tỷ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách. Thực hiện tốt quy chế

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.51, tr.116-117, 145.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX),* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.508.

dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng. Khắc phục mọi biểu hiện dân chủ hình thức. Xây dựng Luật trưng cầu ý dân.

Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia"[1].

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Đảng ta khẳng định: "Xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thực sự là công bộc của nhân dân. Xác định các hình thức tổ chức và có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền dân chủ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Đề cao trách nhiệm của các tổ chức Đảng, Nhà nước đối với nhân dân. Bộ máy nhà nước, các thiết chế khác trong hệ thống chính trị có nhiệm vụ đề xuất ý kiến với Đảng trong quá trình xây dựng, hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng"[2].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng yêu cầu: "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân; cán bộ, công chức phải hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX), Sđd,* tr.676.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sđd,* tr.125.

tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân. Nâng cao ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân, năng lực làm chủ, tham gia quản lý xã hội của nhân dân. Có cơ chế cụ thể để nhân dân thực hiện trên thực tế quyền làm chủ trực tiếp. Thực hiện tốt hơn *Quy chế dân chủ ở cơ sở* và *Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.* Phát huy dân chủ, đề cao trách nhiệm công dân, kỷ luật, kỷ cương xã hội; phê phán và nghiêm trị những hành vi vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, những hành vi lợi dụng dân chủ để làm mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội; chống tập trung quan liêu, khắc phục dân chủ hình thức. Quan tâm hơn nữa việc chăm lo hạnh phúc và sự phát triển tự do, toàn diện của con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam ký kết"[1].

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Đảng xác định rõ hơn nữa vấn đề thực hành và phát huy dân chủ trong đời sống xã hội thông qua việc nhấn mạnh nhiệm vụ trọng tâm phải tạo được bước chuyển căn bản từ nhận thức dân chủ đến thực tiễn thực hành và phát huy dân chủ trong đội ngũ cán bộ, đảng viên để họ thực sự là tấm gương tiêu biểu định hướng Nhân dân noi theo. Đảng nhấn mạnh trong công tác điều hành xã hội, cán bộ, đảng viên cần có nhận thức rõ ràng rằng trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Nhân dân phải là chủ thể và là người thực hiện quyền lực

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.239.

tuyệt đối; nhân dân lao động có quyền và được bảo đảm các điều kiện cần thiết để tham gia các hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Đảng chỉ rõ: "*Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân*. Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân"[1]. Đảng cho rằng, thực hành dân chủ rộng rãi phải được thực hiện thông qua phương thức và cơ chế minh bạch, phải để cho Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua việc tham gia hoạt động của Nhà nước và của hệ thống chính trị bằng các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, mà trọng tâm là cần thực hiện tốt phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", nghĩa là "Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến. Dân chủ phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân, từ nêu sáng kiến, tham gia thảo luận, tranh luận đến giám sát quá trình thực hiện. Tập trung xây dựng những văn bản pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền làm chủ của

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.38.

nhân dân"[1]. Song song với đó, Đảng nhấn mạnh trong công tác thực hành dân chủ cần phải "Thể chế hóa và nâng cao chất lượng các hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013; gắn quyền với trách nhiệm, nghĩa vụ, đề cao đạo đức xã hội. Tiếp tục thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân"[2].

Chủ trương "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" còn bao hàm trong đó hoạt động giám sát đối với các công việc của Nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị. Đó là việc làm quan trọng và cần thiết để bảo đảm việc thực hành dân chủ trong xã hội mang lại những kết quả như mong muốn. Để tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội, Đại hội XII nhấn mạnh: "Đẩy mạnh dân chủ hóa xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Tổ chức thực hiện tốt Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; Quy định về giám sát đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và các quy định, quy chế khác"[3].

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.169, 169, 170.

Thực hành dân chủ, như trên đã nói, trước tiên phải bảo đảm việc phát huy dân chủ trong nội bộ Đảng, coi đó là công tác đặc biệt quan trọng, có vai trò hạt nhân, là nền tảng để phát huy dân chủ trong xã hội như Đảng đã nhận định. Trong tiến trình điều hành xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, có mối quan hệ máu thịt với Nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: "Đảng viên đi trước, làng nước theo sau"[1]. Trong bất kỳ giai đoạn nào, thực thi nhiệm vụ gì nếu cán bộ, đảng viên gương mẫu đi đầu, lôi kéo Nhân dân cùng thực hiện thì mọi khó khăn đều có thể vượt qua. Thực hành dân chủ trong điều kiện hội nhập và phát triển đất nước cũng vậy. Thực hành, phát huy dân chủ trong Đảng phải thông qua sự đồng lòng, nhất trí của đội ngũ cán bộ, đảng viên nhằm tạo tiền đề tốt, những tiêu chí căn bản để Nhân dân noi theo. Trong giai đoạn hiện nay, trước những khủng hoảng ít nhiều về niềm tin đối với Đảng và Nhà nước trong nội bộ nhân dân, việc phát huy dân chủ trong Đảng để phát huy đầy đủ dân chủ trong xã hội lại càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp chúng ta củng cố niềm tin, tăng cường nhận thức đúng, đầy đủ về thực hành, phát huy dân chủ, nâng cao vai trò và vị trí làm chủ của người dân trong các hoạt động xã hội. Trong bối cảnh ấy, Đảng cần tiếp tục thực hiện tốt các quy định trong sinh hoạt đảng, phải biết dựa vào Dân, giữ mối liên hệ mật thiết với Nhân dân để từ đó Đảng tự chỉnh đốn, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, vững mạnh.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.546.

Như vậy, quan điểm của Đảng về vấn đề thực hành dân chủ ngày càng được nhận thức rõ và đi vào thực tiễn cuộc sống thông qua việc thể chế hóa các chủ trương, chính sách cũng như những nguyên tắc hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo xã hội và đặc biệt được thực hành rộng rãi trong lối sống, phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Điều này giúp cho không chỉ đời sống xã hội trở nên minh bạch hơn, dân chủ và kỷ cương hơn mà còn làm cho Nhân dân tin tưởng hơn về sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong tình hình mới, chung tay góp sức với Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện mục tiêu cao cả xây dựng đất nước hiện đại, giàu mạnh, văn minh.

III- THỰC HÀNH DÂN CHỦ TRONG ĐIỀU KIỆN MỘT ĐẢNG DUY NHẤT CẦM QUYỀN, XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN, PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

1. Thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền

a) Một đảng duy nhất cầm quyền có ảnh hưởng tới dân chủ không?

Ở phương Tây và một số người chống lại quan điểm mácxít thường có luận điểm cho rằng, do kinh tế có nhiều thành phần thì chính trị phải có đa đảng. Thật ra, theo chủ nghĩa Mác - Lênin, toàn bộ các quan hệ sản xuất hợp thành

cơ cấu kinh tế - xã hội, tức là các cơ sở hiện thực, trên đó xây dựng lên một kiến trúc thượng tầng pháp lý và chính trị. Cần hiểu nguyên lý đó như Ph.Ăngghen đã giải thích: Nhân tố quyết định trong lịch sử, *xét đến cùng,* là sự sản xuất và tái sản xuất ra đời sống hiện thực... Nếu có ai xuyên tạc câu đó khiến cho nó có nghĩa là nhân tố kinh tế là nhân tố quyết định duy nhất thì như vậy là họ đã biến câu đó thành một câu trống rỗng, trừu tượng, vô nghĩa.

Vận dụng nguyên lý nói trên vào việc xem xét mối quan hệ giữa kinh tế nhiều thành phần với kết cấu kiến trúc thượng tầng chính trị, có thể khẳng định rằng nền kinh tế nhiều thành phần không tất yếu dẫn đến kiến trúc thượng tầng chính trị đa đảng, có đảng đối lập. Bởi vì, trong thực tế lịch sử đã có những thời kỳ nền kinh tế nhiều thành phần không làm nảy sinh chế độ chính trị đa đảng. Như vậy, mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị không phải là quan hệ máy móc, không phải cứ có bao nhiêu thành phần kinh tế thì có bấy nhiêu đảng.

Trong nền kinh tế nhiều thành phần và cơ cấu xã hội nhiều giai cấp, nhiều tầng lớp xã hội có thể nảy sinh hai khả năng: 1) Mỗi giai cấp, mỗi tầng lớp đều có đảng của mình để đấu tranh bảo vệ lợi ích giai cấp. Trong trường hợp đó xuất hiện kiến trúc thượng tầng chính trị đa đảng, có đảng đối lập. 2) Chỉ có một đảng duy nhất đại biểu cho lợi ích không chỉ của một giai cấp, mà của cả nhân dân. Trong trường hợp này xuất hiện kiến trúc thượng tầng chính trị một đảng, không có đảng đối lập. Vấn đề đa đảng hay một đảng tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của mỗi nước

trong từng giai đoạn, vào vai trò của từng thành phần kinh tế trong đời sống xã hội, vào tương quan lực lượng giai cấp, vào quy định của Hiến pháp và pháp luật của mỗi nước, vào uy tín và sức mạnh của đảng cầm quyền, vào quan niệm về dân chủ và ảnh hưởng của các nhân tố bên ngoài, v.v.. Tính nhất nguyên chính trị được thể hiện trong việc khẳng định vai trò lãnh đạo của một đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam. Bản chất của một nền dân chủ lệ thuộc vào chỗ đảng cầm quyền đại diện cho lợi ích của ai, sử dụng quyền lực nhà nước vào những mục đích gì trên thực tế.

Ở nước ta đã từng tồn tại chế độ đa đảng: Cùng với Đảng Cộng sản Việt Nam, còn có Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội. Ba đảng đã cùng hợp sức chiến đấu trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ. Sau đó (năm 1988), Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội đã tự giải tán sau khi hoàn thành sứ mệnh lịch sử. Từ đó đến nay, ở nước ta chỉ có duy nhất Đảng Cộng sản Việt Nam đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân và cả dân tộc. Trong tình hình phức tạp hiện nay, nhiều thế lực đòi đa nguyên, đa đảng để dễ lợi dụng gây rối về mặt chính trị nhằm lật đổ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Hiện tại, chế độ một đảng lãnh đạo với nhiều đoàn thể nhân dân và tổ chức xã hội là phù hợp với hoàn cảnh lịch sử, tình hình đất nước, bảo đảm sự ổn định chính trị làm cơ sở cho sự phát triển bền vững.

Vậy, trong điều kiện một đảng cầm quyền có ảnh hưởng tới dân chủ không? Câu trả lời là *không*. Bởi vì, việc không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, tạo thuận

lợi cho việc phát huy dân chủ trong Đảng và trong xã hội; mọi vấn đề từ cương lĩnh, đường lối, chiến lược, sách lược đến chủ trương, chính sách cụ thể của Đảng đều có thể thảo luận, tranh luận rộng rãi trong Đảng và lấy ý kiến nhân dân. Nhưng, cần lưu ý mặt trái của tình trạng một đảng độc tôn lãnh đạo là dễ dẫn đến nguy cơ chủ quan, tự mãn, kiêu ngạo, đặc quyền đặc lợi, quan liêu, xa rời nhân dân mà không ai dám phê phán. Bệnh quan liêu trong quản lý nhà nước, vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân gắn liền với quan liêu, thiếu dân chủ trong nội bộ Đảng. Đã quan liêu, mất dân chủ ngay trong nội bộ Đảng thì khó có thể dân chủ với Nhân dân. Đây là nguy cơ thoái hóa, biến chất lớn nhất của đảng cầm quyền, nhất là của những người nắm quyền lực. Với những thuận lợi và khó khăn đó, việc làm cho Đảng thực sự là biểu tượng về dân chủ là vấn đề cốt tử để phát huy dân chủ với chất lượng và hiệu quả ngày càng cao.

Ở đây, cần phân tích vì sao Đảng Cộng sản Liên Xô bị mất vai trò lãnh đạo. Có nhiều nguyên nhân, nhưng đáng chú ý là sự không ăn khớp giữa nghị quyết và cuộc sống, giữa lời nói và việc làm. Đảng Cộng sản Liên Xô tập trung quá mức quyền lực vào cơ quan đảng cao cấp, nên hầu như đã khuyến khích sự thụ động chính trị trong nhân dân. Đảng Cộng sản Liên Xô đã biến bộ máy đảng hoặc thành cơ quan siêu quyền lực, hoặc thành cơ quan nhà nước, làm thay chức năng của cơ quan nhà nước. Đã xảy ra tình trạng Đảng Cộng sản Liên Xô ngày càng xa rời nhân dân, thoát ly thực tiễn nên không nắm bắt được diễn biến đời sống chính

trị, tư tưởng của quần chúng và đảng viên. Hơn nữa, Đảng Cộng sản Liên Xô còn lún sâu vào bệnh chủ quan, duy ý chí, quan liêu ở hầu hết mọi bộ phận, mọi phương diện của hệ thống chính trị mà Đảng lãnh đạo. Sự biến dạng của các thể chế dân chủ không những làm giảm sút rõ rệt khả năng tham gia tích cực và chủ động của quần chúng vào công việc quản lý nhà nước, mà còn làm tăng sự thờ ơ, sự lãnh đạm chính trị của quần chúng nhân dân. Trên thực tế, Đảng Cộng sản Liên Xô dành cho mình quá nhiều đặc quyền, đặc lợi. Có thể nói, mất dân là bài học thất bại đau đớn nhất của Đảng Cộng sản Liên Xô. Một đảng cầm quyền nếu không tạo dựng được niềm tin vững chắc của nhân dân, không có chỗ dựa nơi quần chúng nhân dân thì sẽ khó tránh khỏi việc đánh mất vai trò đảng cầm quyền. Do đó, củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng là một trong những điều kiện thiết yếu cho sự tồn tại vững chắc của đảng cầm quyền.

Vấn đề đặt ra là, một đảng khi đã trở thành đảng lãnh đạo, cầm quyền thì đảng đó phải tổ chức hệ thống chính trị, phải xây dựng thể chế chính trị như thế nào và lãnh đạo sự vận hành của tổ chức ra sao để không hạn chế dân chủ, không vi phạm dân chủ.

b) Vấn đề thực hành dân chủ trong chế độ một đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam

Thứ nhất, việc thực hành dân chủ yêu cầu gì ở đảng cầm quyền?

Đảng cầm quyền phải thực hiện cầm quyền vì dân và dựa vào dân, cầm quyền theo Hiến pháp và pháp luật, cầm quyền một cách khoa học và dân chủ. Để thực hành dân chủ

trong Đảng và trong xã hội, yêu cầu đặt ra đối với đảng cầm quyền như sau:

Một là, Đảng cần tiếp tục đổi mới cả trong công tác lý luận, công tác tư tưởng, công tác tổ chức cán bộ, công tác kiểm tra và phương thức lãnh đạo theo hướng mở rộng dân chủ hơn nữa, khắc phục những hạn chế, thiếu sót mà Đảng đã mắc phải. Đảng phải thường xuyên coi trọng việc xây dựng, củng cố Đảng về tổ chức, chăm lo công tác cán bộ; phải thường xuyên nâng cao trình độ trí tuệ và chất lượng công tác lý luận với sức sáng tạo cao. Đường lối, chủ trương, chính sách phải luôn xuất phát từ lợi ích của Nhân dân.

Hai là, Đảng phải thật sự thấm nhuần dân là gốc, dân là chủ và dân làm chủ; tránh dân chủ hình thức. Đại hội VI đã nêu: "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"[1], sau đó Nhà nước đưa thành Quy chế dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Ba là, Đảng phải giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh làm trong sạch Đảng và chống tham nhũng, lãng phí.

Bốn là, cùng với việc chủ động nâng cao đạo đức trong Đảng, phải rất coi trọng việc nâng cao trình độ trí tuệ của Đảng và thu hút được nhiều nhân tài vào Đảng. Đề phòng tính kiêu ngạo cộng sản, biết lắng nghe ý kiến của Nhân dân.

Năm là, thực hiện tốt *Di chúc* của Hồ Chí Minh: "Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.48, tr.131.

nhằm không ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*"[1]. Đây là điểm mấu chốt để tăng cường quan hệ máu thịt giữa Đảng và Nhân dân. Đặc biệt, Đảng và Nhà nước phải không ngừng nâng cao trình độ dân trí.

Có làm được những điều nói trên thì mới thực hành được dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền.

Thứ hai, vấn đề phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Vấn đề dân chủ và phát huy dân chủ được Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức và thực hiện ngày càng đầy đủ, sâu sắc hơn; xác định rõ "*dân chủ xã hội chủ nghĩa* là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước"[2].

Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiếp thu, phát triển những giá trị trong tư tưởng về dân chủ của nhân loại, đặc biệt là quán triệt sâu sắc quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là một hình thức chính trị - nhà nước thừa nhận quyền tự do, bình đẳng của công dân, xác định Nhân dân là chủ thể của quyền lực. Quyền làm chủ của Nhân dân được thể chế hóa thành quy định, nguyên tắc tổ chức, vận hành của Nhà nước và thể chế chính trị tạo nên chế độ dân chủ.

Nội dung cơ bản của dân chủ xã hội chủ nghĩa là "tất cả quyền lực thuộc về nhân dân". Đảng Cộng sản Việt Nam

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.622.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.84-85.

đã quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa: Dân chủ gắn liền với quyền làm chủ của Nhân dân; dân là gốc, dân là chủ và dân làm chủ. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là một mục tiêu lớn, một nội dung quan trọng của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Qua hơn 30 năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có *những phát triển mới, quan trọng trong nhận thức về dân chủ. Quan niệm về dân chủ được mở rộng*. Dân chủ được xem xét trên nhiều khía cạnh: Dân chủ là chế độ chính trị; dân chủ là một giá trị; dân chủ là phương thức và nguyên tắc tổ chức xã hội; dân chủ chung đối với xã hội và dân chủ với mỗi cá nhân; dân chủ trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Dân chủ phản ánh một bước chuyển từ thể chế chính trị dựa trên tuân thủ mệnh lệnh sang thể chế hợp tác, đồng thuận đầy trách nhiệm. Đặc biệt, dân chủ không chỉ là mục tiêu, mà còn là động lực phát triển nhanh và bền vững của đất nước, vì nó phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác, giải phóng năng lực sáng tạo của con người.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa *phải tiếp thu và phát triển các giá trị nhân loại về dân chủ*, trong đó có dân chủ tư sản. Đây là một vấn đề rất quan trọng, vì con đường phát triển của nước ta là quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, cũng tức là bỏ qua chế độ dân chủ tư sản. Song, cần phải khẳng định sự khác nhau về bản chất giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và dân chủ tư sản, đó là sự khác nhau căn bản giữa dân chủ cho đa số nhân dân lao động và dân chủ cho thiểu số bóc lột.

Cần phải tham khảo thành quả dân chủ của nhân loại, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. Đó là những thành tựu của các nước phát triển về quản lý nhà nước, về thiết kế bộ máy tổ chức chính trị, bộ máy quản lý nhà nước, về hành chính công, về trách nhiệm xã hội của cá nhân... Tuy nhiên, cũng không áp dụng máy móc các hình thức dân chủ nước ngoài vào nước ta.

Dân chủ là một quá trình phát triển lâu dài, là kết quả của giáo dục ý thức dân chủ và nâng cao năng lực thực hành dân chủ, phụ thuộc quá trình phát triển của cả kinh tế, xã hội, con người lẫn sự phát triển văn hóa dân chủ. Đây là một quá trình không thể nóng vội, không được thoát ly thực tiễn chính trị nước ta. Phải dân chủ trong tất cả các cấp độ: từ cơ quan lãnh đạo cao nhất đến cấp cơ sở, đặc biệt quan trọng là dân chủ ở cơ sở. Phải tìm tòi, tổng kết thực tiễn để tìm ra và ngày càng hoàn thiện các hình thức thực hiện dân chủ, cả dân chủ đại diện lẫn dân chủ trực tiếp. Kiên quyết chống các biểu hiện lệch lạc, như dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan, lợi dụng dân chủ để gây rối, làm tổn hại lợi ích công dân và Nhà nước. Kiên quyết bác bỏ các luận điệu sai trái về dân chủ, nhân quyền.

Thực chất của phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là phát huy vai trò chủ thể của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị, các tổ chức xã hội và Nhân dân nhằm huy động mọi nguồn lực để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là phát huy vai trò tích cực, tự giác, sáng tạo của con người.

Mục tiêu phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là củng cố và tăng cường sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong Nhân dân, xây dựng hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa vững mạnh; giữ ổn định chính trị, tạo tiền đề đẩy mạnh sự phát triển toàn diện đất nước; tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ mới.

Nội dung cơ bản của phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là Đảng thông qua Nhà nước lãnh đạo toàn xã hội phát triển theo đúng con đường xã hội chủ nghĩa; Nhà nước là tổ chức quyền lực của Nhân dân, thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng thành chính sách, pháp luật, tổ chức quản lý điều hành xã hội để thực hiện đường lối của Đảng và lợi ích của Nhân dân; các tổ chức chính trị và tổ chức xã hội hoạt động đúng đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước nhằm thể hiện ngày càng tốt hơn quyền làm chủ có tổ chức của các tầng lớp nhân dân; tăng cường mở rộng hơn nữa dân chủ trực tiếp.

Nhân dân có quyền và trách nhiệm trực tiếp xây dựng, hoạch định và thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, mọi chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước đều phải trực tiếp phản ánh lợi ích của đa số Nhân dân.

Để bảo đảm việc củng cố và phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định rõ một số nguyên tắc trong hoạt động dân chủ của mình. Cụ thể:

Một là, nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức, hoạt động của Đảng và Nhà nước. Tập trung dân chủ là một

nội dung thống nhất, không phải là sự kết hợp hai mặt tập trung và dân chủ. Tập trung và dân chủ là tập trung trên cơ sở dân chủ. Dân chủ theo nguyên tắc tập trung dân chủ là dân chủ hướng tới tập trung, đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động.

Hai là, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là chế độ hiệp thương dân chủ. Đây là nguyên tắc đặc biệt quan trọng trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một tổ chức rộng rãi của tất cả các giai cấp và tầng lớp xã hội, với mục tiêu đoàn kết phát huy sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết dân tộc. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện chức năng giám sát và phản biện xã hội - một thể chế dân chủ thực chất mà không cần nhiều đảng chính trị.

Ba là, các điều kiện để xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa. Để phát huy dân chủ về kinh tế phải thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần. Để phát huy dân chủ về chính trị phải nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp, bảo đảm Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân, phấn đấu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Điều kiện quyết định nhất để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là, Đảng nêu gương về dân chủ và lãnh đạo tốt quá trình đổi mới hoạt động của Nhà nước. Dân chủ trong Đảng quyết định dân chủ trong tổ chức hoạt động của Nhà nước, gắn liền với dân chủ trong xã hội. Bởi vì, trong cơ quan nhà nước có tổ chức đảng, cán bộ chủ chốt đều là đảng viên, cán bộ đảng. Nguyên tắc tập trung dân chủ thực hiện cả trong

Đảng lẫn trong Nhà nước. Do vậy, Đảng lãnh đạo quá trình dân chủ hóa tất yếu phải lãnh đạo Nhà nước thực hiện dân chủ, lãnh đạo nhân dân tham gia giám sát cơ quan, công chức nhà nước trong bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân.

Thứ ba, về phát huy dân chủ trong điều kiện xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam.

Xây dựng nhà nước pháp quyền là một đòi hỏi tất yếu, khách quan và phù hợp với xu thế phát triển lịch sử chung của xã hội loài người, bởi nhà nước pháp quyền là một giá trị chung của nhân loại, là sản phẩm của sự tiến bộ xã hội. Quan niệm cho rằng nhà nước pháp quyền là một sản phẩm của chủ nghĩa tư bản, là cái đã lỗi thời và trái ngược với chủ nghĩa xã hội đã và đang gây cản trở đối với tiến trình phát triển xã hội nói chung, cho việc xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân nói riêng.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã từng khẳng định: "Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân"[1]. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 cũng khẳng định: "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân"[2]. Như vậy, Đảng và Nhà nước ta đã xác định rõ bản chất của nhà

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sđd,* tr.131.

2. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Sđd,* tr.8.

nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nhận thức được rằng việc xây dựng nhà nước pháp quyền đó ở nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam có ảnh hưởng rất lớn đến sự thành bại của chế độ, của bản thân Đảng Cộng sản. Điều này thể hiện rõ trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tham nhũng, chống lại các luận điệu xuyên tạc suốt quá trình đổi mới và phát triển đất nước cũng như trong quá trình kiện toàn, hoàn thiện, nâng cao hiệu lực của bộ máy nhà nước.

Trên thực tế việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam không đứng trên mảnh đất trống rỗng, mà ngược lại, trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, nhà nước đó phải là sự kế thừa từ các hình thức nhà nước pháp quyền đã có trong lịch sử cũng như những yếu tố còn giá trị, phù hợp với xu thế phát triển xã hội nói chung, với hoàn cảnh lịch sử - cụ thể và điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước ta nói riêng. Bởi vậy, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân mà chúng ta đang xây dựng, *một mặt*, mang trong mình những giá trị lịch sử của nhân loại về nhà nước pháp quyền; *mặt khác*, phải có những nội dung đặc thù so với các hình thức nhà nước pháp quyền trước đó trên các khía cạnh khác nhau của đời sống xã hội. Trong các biểu hiện đặc thù của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, việc thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng lãnh đạo phải được coi là một trong những nội dung cơ bản. Nội dung đó khẳng định rằng quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân chính là biểu hiện tập trung nhất của dân chủ trong nhà nước pháp quyền.

Không có một nhà nước pháp quyền thực sự thì cũng không thể có nền dân chủ thực sự và bền vững. Chỉ có thông qua nhà nước pháp quyền, nhân dân mới có thể cùng nhà nước tạo ra được những thiết chế, cơ chế xã hội thích ứng bảo đảm dân chủ và tự do trong xã hội. Đến lượt mình, dân chủ vừa là điều kiện, vừa là động lực thúc đẩy sự hình thành, phát triển và hoàn thiện của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Có thể nói, xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền chính là vấn đề xây dựng một bộ công cụ hữu hiệu để một xã hội tiến bộ thực hiện và bảo vệ nền dân chủ của mình. Đến lượt mình, bản thân dân chủ muốn hoàn thiện thì phải có một hệ thống pháp luật minh bạch, hiệu quả, phản ánh thực tế đời sống xã hội một cách khách quan cũng như định hướng tốt cho xu thế phát triển xã hội, thể hiện ý chí và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, đồng thời bảo đảm việc thực thi pháp luật một cách nghiêm minh, có hiệu quả. Nền dân chủ trong đời sống xã hội càng cao thì nhà nước pháp quyền càng được củng cố và hoàn thiện. Vì thế, không ngừng phát huy và mở rộng dân chủ là nhiệm vụ cơ bản, thiết yếu của nhà nước pháp quyền.

2. Thực hành dân chủ trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền

Thực tế cho thấy, ở mỗi nước việc thực hành dân chủ của đảng cầm quyền phải được thể hiện ở chỗ phục vụ nhân dân lao động, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng và mang lại

quyền lợi cho nhân dân. Ở Việt Nam hiện nay, chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất có điều kiện và khả năng lãnh đạo chính quyền, lãnh đạo xã hội; bởi vì, ngoài lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam không có mục đích nào khác. Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện quyết định bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước và pháp luật, bảo đảm quyền lực nhà nước thống nhất và thuộc về Nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa cho quá trình xây dựng Nhà nước. Đường lối của Đảng thể hiện mục tiêu chính trị và lợi ích căn bản của toàn xã hội, là cơ sở quan trọng nhất để định hướng chính trị cho pháp luật. Pháp luật của Nhà nước ta thể chế hóa mục tiêu, quan điểm chính trị của Đảng và ý chí, nguyện vọng của nhân dân lao động, qua đó hiện thực hóa đường lối của Đảng trong xã hội. Nhà nước tạo cơ sở pháp lý và điều kiện để tổ chức đảng hoạt động trong bộ máy nhà nước và trong xã hội. Đây là mối quan hệ biện chứng sinh động trong quá trình vận động và phát triển không ngừng.

Nhân tố quyết định việc hiện thực hóa bản chất giai cấp công nhân của nhà nước dân chủ là đội ngũ đảng viên trong bộ máy nhà nước có tính đảng cao, có sự giác ngộ lập trường, quan điểm giai cấp công nhân, giác ngộ mục tiêu, con đường xã hội chủ nghĩa, có ý thức phục tùng kỷ luật của Đảng, phục tùng nguyên tắc tập trung dân chủ, luôn có ý thức tự giác đặt lợi ích của Đảng và Nhân dân lên trên lợi ích cá nhân, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà

nước và không ngừng rèn luyện, trau đồi những phẩm chất đạo đức cách mạng của người cán bộ.

Từ khi ra đời đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc. Các đảng viên của Đảng chịu mọi hy sinh gian khổ, vào tù ra tội chỉ với một mục đích là giành độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho Nhân dân. Khi giành được chính quyền và Đảng trở thành đảng cầm quyền, đại đa số cán bộ của Đảng vẫn một mực thủy chung với mục đích cao đẹp đó. Sự trong sáng, liêm khiết, gương mẫu, hy sinh của cán bộ, đảng viên, *một mặt*, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân; *mặt khác*, tạo được niềm tin trong nhân dân lao động (tuy còn có một số cán bộ, đảng viên không giữ được phẩm giá đó). Do vậy, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, tham nhũng đều xa lạ với đạo đức cộng sản và là kẻ thù nguy hiểm trong giai đoạn hiện nay đối với Đảng và Nhân dân ta. Tính chất dân chủ của chế độ ta là sự thống nhất giữa Đảng và Nhà nước, là sự tồn tại, phát triển của Đảng và Nhà nước chỉ có một mục tiêu là phục vụ Nhân dân, đấu tranh đem lại lợi ích và hạnh phúc cho nhân dân lao động.

3. Thực hành dân chủ trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Để bảo đảm lợi ích của công dân, hoạt động kinh tế của xã hội phải được nhà nước pháp quyền quản lý, điều hành và điều tiết. Nếu nhà nước quản lý, điều hành, điều chỉnh quá trình vận hành của nền kinh tế thị trường theo đúng

đòi hỏi và mục đích của công dân trong xã hội, thì đó là nhà nước pháp quyền của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Thực hành dân chủ là vấn đề liên kết, gắn bó hài hòa giữa xã hội - chính trị - kinh tế. Dân chủ thật sự chỉ có thể có được trên cơ sở người dân làm chủ và thực hành dân chủ trong nền kinh tế thị trường, với công cụ điều tiết của nhà nước pháp quyền và sự tham gia của người dân thông qua các tổ chức chính trị - xã hội.

Những vấn đề lý luận nêu trên cho thấy, để có dân chủ, tức là để người dân làm chủ xã hội, phải có nhà nước pháp quyền - công cụ quản lý, điều hành nền kinh tế thị trường nói chung. Song, nền kinh tế thị trường vận hành theo sự điều hành của nhà nước pháp quyền nói chung cũng chưa hoàn toàn thực hiện được dân chủ. Lịch sử cho thấy, nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa với nhà nước pháp quyền tư bản chủ nghĩa đã không giải quyết được vấn đề dân chủ trong đời sống thực tế.

Dân chủ với tư cách một giá trị là khát vọng của con người, của người dân trong cộng đồng xã hội, trong quốc gia dân tộc. Dù là một khát vọng chân chính của con người, song dân chủ và thực hiện dân chủ đối với con người là vấn đề hết sức khó khăn. Để thực hiện được dân chủ trong đời sống hiện thực, tức người dân thực sự là chủ xã hội và làm chủ mọi quá trình chính trị - kinh tế - xã hội trên mọi lĩnh vực của cuộc sống, các giá trị dân chủ đã được thể chế hóa vào các chế độ xã hội, bằng các thể chế chính trị - từ các chế độ quân chủ tiến lên các chế độ dân chủ, v.v.. Nhưng phải đến xã hội có thể chế chính trị của xã hội xã hội chủ nghĩa

thì giá trị dân chủ với tư cách lý tưởng, khát vọng cao đẹp của con người mới được coi là cơ sở thực hiện dân chủ cho nhân dân - đó là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (mà đầy đủ là kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa) - của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, được Đảng, Nhà nước và toàn dân ta xây dựng.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là công cụ điều tiết và thực hành dân chủ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Gắn liền với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - tức Hiến pháp, hệ thống pháp luật của nhà nước đó xác định bản chất, nội dung, cách thức thực hiện nền kinh tế thị trường theo đúng bản chất, nội dung xã hội xã hội chủ nghĩa - nền kinh tế của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, chứ không phải là kinh tế vì một thế lực, một chủ thể quyền lực nào khác.

Thực hành dân chủ trước hết là vấn đề sở hữu, mà trung tâm là sở hữu về kinh tế. Để Nhân dân thực sự thực hành dân chủ, *nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* phải quy định đúng và bảo đảm điều kiện để giải quyết vấn đề sở hữu, từ đó xây dựng hệ thống pháp luật để phát triển các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nội dung phát triển các thành phần kinh tế với tư cách là thực hành dân chủ của các chủ thể kinh tế:

Doanh nghiệp nhà nước là bộ phận nòng cốt của kinh tế nhà nước; vì vậy, cần tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức, phương

thức hoạt động để nâng cao hiệu quả. Cụ thể là điều chỉnh mạnh cơ cấu doanh nghiệp nhà nước theo hướng Nhà nước chỉ nắm các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất hàng hóa công cộng là chủ yếu, không nắm giữ cổ phần chi phối ở các doanh nghiệp thông thường. Đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước với mục tiêu huy động vốn xã hội vào đầu tư phát triển với cách làm mới. Mở rộng diện doanh nghiệp cổ phần hóa (các tổng công ty nhà nước và doanh nghiệp nhà nước lớn, kinh doanh có hiệu quả). Xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh sở hữu đa ngành. Chuyển một số tổng công ty nhà nước sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Đổi mới cơ chế quản lý, phát huy đầy đủ quyền chủ động và tính chịu trách nhiệm của doanh nghiệp nhà nước như một chủ thể bình đẳng với các chủ thể kinh tế khác. Xây dựng cơ chế gắn trách nhiệm, quyền hạn và quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp với kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Thực hiện quy chế Hội đồng quản trị tuyển chọn, ký hợp đồng thuê giám đốc điều hành doanh nghiệp.

Kinh tế tư nhân đã được thừa nhận và khuyến khích phát triển, song hiện nay nó vẫn chưa được xử lý triệt để cả về lý luận lẫn thực tiễn. Để tăng thêm tính độc lập, tự chủ của các chủ thể kinh tế tư nhân, về lý luận cần xác định thật sự dứt khoát vị thế chiến lược của sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về thực tiễn, cần nhanh chóng cải thiện môi trường kinh doanh theo hướng thị trường, xóa bỏ tình trạng phân biệt đối xử cả về mặt chính sách lẫn về mặt ứng xử từ phía Nhà nước và phía các doanh nghiệp nhà nước.

Tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân được tự do phát triển trong khuôn khổ pháp luật, có giải pháp cụ thể để thực hiện điều này trong thực tế. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã khẳng định: Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực của nền kinh tế. Phát triển mạnh các loại hình kinh tế tư nhân ở hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế theo quy hoạch và quy định của pháp luật. Tạo điều kiện hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước. Thu hút mạnh đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào những ngành, lĩnh vực kinh tế phù hợp với quy hoạch và chiến lược phát triển của đất nước, nhất là các lĩnh vực công nghệ cao. Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các trang trại, hộ sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong nông nghiệp và khu vực nông thôn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế[1]. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII tiếp tục khẳng định: Tiếp tục hoàn thiện thể chế, tạo thuận lợi phát triển khu vực kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Thúc đẩy hình thành và phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có công nghệ hiện đại, năng lực quản trị tiên tiến. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa[2]. Trong nền kinh

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.200-201.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII.*

tế thị trường của nước ta hiện nay, kinh tế tư nhân vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Thực hành và phát huy dân chủ trong kinh tế ở nước ta hiện nay cần có một môi trường vĩ mô ổn định và thật sự mang tính khuyến khích phát triển đối với kinh tế tư nhân.

- Phát triển đồng bộ các loại thị trường chủ yếu - môi trường thực hành dân chủ kinh tế:

Nhân dân làm chủ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong hội nhập quốc tế hiện nay là thực hành dân chủ trong một nền kinh tế hiện đại. Để phù hợp với thể chế kinh tế thị trường hiện đại, Nhà nước phải hình thành và phát triển các loại thị trường: thị trường hàng hóa, thị trường dịch vụ, thị trường sức lao động, thị trường tài chính, thị trường bất động sản, thị trường khoa học - công nghệ, v.v.; xây dựng luật và cơ chế, tạo điều kiện để mọi thành phần, mọi chủ thể kinh tế tham gia có hiệu quả vào quá trình sử dụng các loại thị trường nêu trên trong hội nhập quốc tế; Nhà nước phải tạo ra tính đồng bộ của các loại thị trường để Nhân dân thực hành dân chủ thực sự trong kinh tế.

Tính đồng bộ của các loại thị trường thể hiện ở chỗ sự đồng bộ, nhịp nhàng trên cơ sở có sự ưu tiên khác nhau cho mỗi loại thị trường phù hợp với từng bước chuyển đổi nền kinh tế hiện có, phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa; đồng bộ về các điều kiện: a) Hoàn thiện môi trường pháp lý để thị trường hoạt động trong một hành lang rõ ràng, minh bạch; b) Đào tạo nguồn nhân lực để tổ chức, quản lý, vận hành thị trường; c) Thúc đẩy nhanh sự phát triển của lực lượng

sản xuất và phân công lao động xã hội; d) Hoàn thiện và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước trong tổ chức và quản lý thị trường.

Đồng bộ về trình độ phát triển: a) Các thành phần kinh tế phải được tổ chức và vận hành theo thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; b) Tổ chức và vận hành đúng luật, quy định, thông lệ quốc tế, đủ nội lực cạnh tranh để thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Nhà nước thực hiện vai trò quan trọng trong việc tạo lập các điều kiện cho các loại thị trường tồn tại và phát triển.

- Nâng cao vai trò và hiệu quả quản lý của Nhà nước - công cụ pháp lý của quá trình các chủ thể làm chủ kinh tế:

+ Về chức năng của Nhà nước: chuyển từ sản xuất hàng hóa cung ứng cho xã hội sang hỗ trợ cho xã hội sản xuất hàng hóa công, đặc biệt là kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội.

+ Tạo môi trường pháp lý tin cậy cho các chủ thể kinh tế phát huy tối đa năng lực của mình.

+ Bổ sung và hoàn chỉnh các luật, pháp lệnh hiện có theo hướng ngày càng phù hợp hơn với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế.

+ Thực hiện quyền tự do kinh doanh và bình đẳng kinh doanh cho tất cả các loại hình doanh nghiệp.

+ Hoàn thiện chính sách theo tinh thần tôn trọng các quy luật khách quan của thị trường; Nhà nước không làm thay thị trường hoặc can thiệp, làm méo mó các quan hệ thị trường, tức vi phạm quyền tự chủ của các đơn vị kinh tế.

+ Đẩy mạnh cải cách hành chính từ cấp trung ương đến cấp cơ sở; kiện toàn đội ngũ công chức nhà nước; xử lý

nghiêm những công chức kém phẩm chất, năng lực, gây cản trở quá trình làm chủ của các thành phần kinh tế.

+ Tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ với tinh thần đẩy mạnh phân cấp quản lý kinh tế xuống cấp dưới trong bộ máy chính quyền.

+ Nâng cao năng lực của bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế trên cơ sở: a) Đổi mới thể chế xây dựng chính sách, trong đó trung ương phải thực sự là đầu não của hệ thống, có trình độ cao về xây dựng chính sách kinh tế vĩ mô và chiến lược; b) Chống các hành vi độc đoán, chuyên quyền, tệ tham nhũng trong bộ máy nhà nước; c) Hiện đại hóa bộ máy nhà nước theo hướng phục vụ công dân, tạo điều kiện để người dân làm chủ kinh tế.

4. Thực hành dân chủ trong điều kiện hội nhập quốc tế

a) Hội nhập quốc tế và dân chủ

Hội nhập quốc tế là cách thức, phương thức chính trị của quốc gia để tiếp thu, khai thác những tinh hoa và giá trị vật chất - tinh thần, các giá trị kinh tế, văn hóa, xã hội... của thế giới nhằm thực hiện mục tiêu phát triển đất nước. Kinh nghiệm lịch sử thế giới cho thấy, một quốc gia dân tộc nếu thực hiện đường lối chính trị "bế quan tỏa cảng", tự tách biệt mình với thế giới bên ngoài thì không thể phát triển được. Trong xu thế và bản chất toàn cầu hóa ngày nay, việc xây dựng nền dân chủ của bất cứ một quốc gia dân tộc nào cũng không thể thành công với sự cô lập trong nội bộ

quốc gia dân tộc mình, mà phải mở rộng giao lưu, hội nhập quốc tế, đặc biệt là phải có khoa học và nghệ thuật xử lý hài hòa mối quan hệ dân tộc - quốc tế trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Thực hành dân chủ của một quốc gia dân tộc, theo quy luật đó, cũng không thể tách rời mục tiêu và quá trình hội nhập quốc tế. Dân chủ là giá trị phổ quát có tính nhân loại - khát vọng chung của loài người, song lại có giá trị đặc thù mang tính cụ thể, phụ thuộc vào chuẩn mực giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, vào tình hình và điều kiện kinh tế, chính trị của quốc gia, các điều kiện và trình độ phát triển của đất nước. Do vậy, để đạt mục tiêu của một nền dân chủ, để thực hành dân chủ trong đời sống xã hội của quốc gia dân tộc, nhất là để đạt mục tiêu dân chủ xã hội chủ nghĩa và thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa của Việt Nam, thì quá trình hội nhập quốc tế đòi hỏi, *một mặt*, phải đẩy mạnh hội nhập quốc tế mới có thể xây dựng và phát triển được nền dân chủ; *mặt khác*, phải xây dựng đường lối, chính sách chiến lược hội nhập đúng đắn, phù hợp mới có thể xây dựng và phát triển các giá trị dân chủ đúng với đặc điểm chế độ xã hội, văn hóa dân tộc và con người.

Đảng Cộng sản Việt Nam xác định mục tiêu cao nhất là bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách

nhiệm của cộng đồng quốc tế nhằm "phục vụ mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao đời sống nhân dân; nâng cao vị thế, uy tín của đất nước và góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới"[1]. Xác định rõ mục tiêu và nhiệm vụ đối ngoại và hợp tác quốc tế, Đảng đồng thời cũng nhấn mạnh phải: "Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển... Trên cơ sở vừa hợp tác, vừa đấu tranh, hoạt động đối ngoại nhằm phục vụ mục tiêu giữ vững hòa bình, ổn định, tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước"[2].

b) Hội nhập quốc tế với tư cách một phương thức thực hành dân chủ

Phát triển xã hội, xây dựng nền dân chủ và thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa là đòi hỏi và cũng là mục đích của nhân dân ta. Hội nhập quốc tế là một cách thức phát triển xã hội, xây dựng nền dân chủ, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta. Đó vừa là quyền vừa là lợi ích của Nhân dân, của dân tộc. Đảng và Nhà nước ta đã thể chế hóa chủ trương, đường lối hội nhập quốc tế để đạt tới mục tiêu xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và thực hành dân chủ trong đời sống:

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.34, 153.

- *Tư tưởng chỉ đạo trong hội nhập quốc tế* nhằm bảo đảm dân chủ của Đảng ta là "thực hiện nhất quán đường lối *đối ngoại* độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế"[1]. Tư tưởng chỉ đạo thể hiện ở những điểm sau:

+ Thực hiện hội nhập phải bảo đảm nguyên tắc độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác, phát triển.

+ Triển khai chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, thể hiện ở các đối tác quan hệ, các lĩnh vực và các kênh quan hệ.

Trong quan hệ quốc tế, Việt Nam luôn là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, thể hiện vai trò, vị trí và trách nhiệm của Việt Nam trong các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia. Nói Việt Nam là bạn, chúng ta thể hiện quan hệ hữu nghị với tất cả các nước; nói Việt Nam là đối tác, chúng ta thể hiện quan hệ hợp tác trên mọi lĩnh vực với các nước nhằm hướng tới mục tiêu chung; nói Việt Nam là thành viên có trách nhiệm, chúng ta khẳng định cách hành xử có trách nhiệm với cộng đồng quốc tế, thực hiện các nghĩa vụ và có đóng góp tích cực cho hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực và thế giới.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.83-84.

Mục tiêu hàng đầu của hội nhập quốc tế là vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Lợi ích quốc gia, dân tộc vừa là mục tiêu vừa là nguyên tắc cao nhất của hội nhập. Điều đó thể hiện ở các nhiệm vụ như: đoàn kết dân tộc, tập hợp lực lượng đông đảo người Việt Nam trong và ngoài nước vì mục tiêu bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và phát triển đất nước; đoàn kết quốc tế, tác động tích cực tới nỗ lực tập hợp lực lượng quốc tế vì hòa bình, hợp tác, phát triển.

Tư tưởng chỉ đạo đó trong hội nhập quốc tế cũng là tư tưởng chỉ đạo thực hành dân chủ trong hội nhập quốc tế.

- *Nguyên tắc hội nhập quốc tế và thực hành dân chủ*: Có hai loại nguyên tắc hội nhập quốc tế bảo đảm nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa của Việt Nam, đó là nguyên tắc cơ bản và nguyên tắc cụ thể:

Nguyên tắc cơ bản bao trùm trong hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước là: Hòa bình, độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội; đồng thời phải sáng tạo, năng động, linh hoạt trong xử lý các tình huống, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể, với vị trí cũng như các diễn biến của tình hình khu vực và quốc tế, phù hợp với đặc điểm của từng đối tác cụ thể. Trong xử lý tình huống, cần tránh bị cô lập, tránh xung đột, tránh đối đầu.

Các *nguyên tắc cụ thể* trong hội nhập quốc tế nhằm bảo đảm mục tiêu xây dựng, phát triển các giá trị dân chủ và bảo vệ nền dân chủ xã hội chủ nghĩa của Việt Nam:

+ Tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; tôn trọng

truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, từ đó tôn trọng các giá trị nhân quyền, giá trị dân chủ của các dân tộc.

+ Không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

- Giải quyết các bất đồng và tranh chấp thông qua thương lượng hòa bình.

+ Tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

- Phương châm thực hành dân chủ trong hội nhập quốc tế:

+ Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân (thực chất là xử lý mối quan hệ giữa lợi ích quốc gia dân tộc và đoàn kết quốc tế trong tình hình mới). Tập trung tranh thủ mọi điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (coi trọng phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào độc lập dân tộc, các lực lượng hòa bình tiến bộ trên thế giới theo khả năng thực tế của ta, phù hợp với chuyển biến quốc tế). Kết hợp mục tiêu xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa với các nội dung dân chủ của thời đại (đó là nhân tố làm nên dân chủ thực tế ở nước ta).

+ Giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, đẩy mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ hội nhập. Độc lập, tự chủ, tự lực tự cường, phát huy sức mạnh bên trong là nền tảng của sự nghiệp thực hành dân chủ, khai thác những thuận lợi trong quan hệ quốc tế để tăng cường sức mạnh của dân tộc. Độc lập, tự chủ ngày nay không phải biệt lập,

mà là đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế để tăng cường hợp tác, tiếp thu các giá trị dân chủ tốt đẹp và phù hợp với dân chủ xã hội chủ nghĩa. Độc lập, tự chủ, sáng tạo là nguyên tắc để làm phong phú nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Kết hợp hợp tác và đấu tranh trong hội nhập: Mở rộng hội nhập theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa. Hợp tác và đấu tranh là hai mặt gắn bó hữu cơ của hội nhập. Đấu tranh nhằm thúc đẩy hợp tác, tránh đối đầu, không để các thế lực không thân thiện lợi dụng sơ hở đẩy ta vào thế cô lập, dẫn tới xung đột hoặc khiêu khích, từ vấn đề dân chủ đi tới vấn đề chính trị. Tránh hợp tác một chiều. Cần tỉnh táo, có sách lược khôn khéo trong hợp tác và đấu tranh, tăng cường sự đồng thuận, tăng vị thế của Việt Nam.

+ Tăng cường hợp tác khu vực, đồng thời mở rộng hợp tác với tất cả các nước, các nước láng giềng có nền văn hóa tương đồng với nước ta, nhất là các nước ASEAN, các nước châu Á - Thái Bình Dương. Đó là thuận lợi trong việc tạo đồng thuận, bổ trợ, làm phong phú giá trị dân chủ Việt Nam. Đặc biệt, quan tâm hội nhập với tất cả các nước trên thế giới, bởi đây là cơ hội để ta quảng bá giá trị Việt Nam, đồng thời cọ xát, có cả đấu tranh làm sáng tỏ quan điểm của ta về dân chủ, khẳng định giá trị dân chủ Việt Nam, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Với các nước lớn, ta giữ vững nguyên tắc chủ động, tích cực, sáng tạo và kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Chú trọng hội nhập với các nước xã hội chủ nghĩa, các nước có truyền thống ủng hộ ta, nhất là về chính trị.

+ Đẩy mạnh hội nhập, đối ngoại nhân dân theo phương châm chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả. Chủ động tham gia cuộc đấu tranh chung vì quyền con người, quyền dân chủ, dân tộc, tôn giáo, sắc tộc. Kiên quyết làm thất bại các âm mưu, hành động xuyên tạc và lợi dụng các vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo" với ý đồ phủ nhận các giá trị dân chủ của Việt Nam, can thiệp vào công việc nội bộ nước ta, đe dọa an ninh và ổn định chính trị của Việt Nam.

c) Hội nhập quốc tế với tư cách nội dung thực hành dân chủ

Thực hành dân chủ phải bảo đảm kết hợp giá trị dân chủ phổ quát với giá trị dân chủ quốc gia dân tộc; không cứng nhắc, máy móc, giáo điều, đồng thời bảo đảm nguyên tắc xã hội chủ nghĩa.

- *Thực hành dân chủ phải gắn với độc lập, chủ động, sáng tạo trong hội nhập; không lệ thuộc, không áp đặt.* Mục tiêu chính trị của ta là chủ nghĩa xã hội, các giá trị dân chủ cũng là dân chủ xã hội chủ nghĩa, không để bị méo mó, lệch lạc.

- *Thực hành dân chủ trong hội nhập kinh tế*: chủ động, sáng tạo, không lệ thuộc, áp đặt. Hội nhập quốc tế về kinh tế là lĩnh vực quan trọng hàng đầu trên con đường và nội dung thực hành dân chủ tầm quốc gia. Nếu không chủ động, sáng tạo trong hội nhập kinh tế tất dẫn đến lệ thuộc, mất quyền làm chủ của dân tộc trên lĩnh vực hoạt động kinh tế quốc tế, từ đó trên trường chính trị, dân chủ sẽ bị phụ thuộc. Hội nhập kinh tế quốc tế chủ động, sáng tạo là quá trình thực

hiện hiệu quả các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, nhằm tạo chuyển biến về chất, đưa các mối quan hệ kinh tế đi vào chiều sâu, tăng cường lợi ích đan xen, trước hết là trong quan hệ kinh tế với các nước lớn, phục vụ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 của Việt Nam. Làm chủ kinh tế trên trường quốc tế cũng chính là bảo vệ được nền dân chủ của đất nước, dân tộc ta.

- *Thực hành dân chủ trong hội nhập quốc tế trên lĩnh vực chính trị:* Đó là việc đưa quan hệ chính trị giữa Việt Nam với các nước đi vào chiều sâu, đồng thời tham gia chủ động, có trách nhiệm, phát huy vai trò và đóng góp thiết thực đối với các vấn đề quan tâm chung tại các diễn đàn chính trị, an ninh khu vực và quốc tế. Nội dung chủ yếu của hội nhập trên lĩnh vực chính trị là tham gia vào quá trình hợp tác và đấu tranh trên các vấn đề liên quan đến chính trị, an ninh, chủ quyền và vị thế của Việt Nam với các đối tác khu vực và thế giới, thể hiện vai trò là thành viên có trách nhiệm đối với các vấn đề chung của khu vực và thế giới, góp phần vào nỗ lực xây dựng lòng tin với các nước trong cộng đồng quốc tế. Đây là lĩnh vực có tính quyết định tới kết quả thực hành dân chủ của Việt Nam trong quan hệ quốc tế.

- *Thực hành dân chủ trong hội nhập quốc tế về quốc phòng - an ninh:* Đây là quá trình Việt Nam tham gia tích cực vào các cơ chế đối thoại, giao lưu, hợp tác quốc phòng, an ninh song phương và đa phương, phù hợp với tư duy mới về bảo đảm an ninh quốc gia, khai thác có hiệu quả các nguồn lực và vị thế của đất nước, nhằm phục vụ mục

tiêu bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Các hoạt động hội nhập trên lĩnh vực này nhằm hỗ trợ việc nâng cao năng lực bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lòng tin và tăng cường quan hệ với các đối tác, góp phần củng cố môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

- *Thực hành dân chủ trong hội nhập quốc tế về văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ...*: Đây là quá trình tiếp thu các giá trị và tri thức văn hóa, xã hội tiến bộ, các thành tựu giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ tiên tiến, nhằm phục vụ hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời phát huy các giá trị và tri thức của Việt Nam nhằm đóng góp vào sự phát triển văn hóa - xã hội của khu vực và thế giới. Hình thức hội nhập trong lĩnh vực này phong phú, đa dạng, đặc thù, bao gồm hợp tác song phương trên các vấn đề có liên quan. Đó là quá trình lồng ghép hội nhập quốc tế với xây dựng và triển khai các chiến lược phát triển văn hóa, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, an sinh xã hội, v.v..

- *Hội nhập quốc tế và bảo vệ quyền con người* - nội dung quan trọng trong bảo vệ và thực hành dân chủ ở Việt Nam hiện nay: Cũng như giá trị dân chủ, giá trị quyền con người vừa có tính phổ quát vừa có tính đặc thù cụ thể của mỗi quốc gia, dân tộc. Ở nước ta hiện nay, vấn đề quyền con người - tự do tôn giáo, tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại, tự do báo chí, tự do tư tưởng, v.v. phải theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam. Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, song cần lấy các chuẩn mực văn hóa và đạo lý dân tộc, căn cứ vào các nguyên tắc độc lập, tự chủ, sáng tạo để hành động, tiếp

thu các giá trị nhân quyền quốc tế, đồng thời đấu tranh, bảo vệ các giá trị dân chủ chân chính của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- *Các vấn đề dân tộc, tôn giáo, sắc tộc...* gắn chặt với vấn đề quyền con người, vấn đề dân chủ: Trong hội nhập, chúng ta cần giữ vững nguyên tắc hội nhập độc lập, tự chủ, nguyên tắc dân chủ xã hội chủ nghĩa để đấu tranh, bảo vệ dân chủ, thực hành dân chủ. Chống sự lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo, sắc tộc của các thế lực thù địch để phủ nhận hoặc vi phạm dân chủ của các quốc gia, dân tộc, của đường lối hòa bình, độc lập, hữu nghị, dân chủ của Việt Nam.

** Một số kinh nghiệm trong hội nhập quốc tế gắn với thực hành dân chủ*

- Mục tiêu chủ yếu của hội nhập quốc tế gắn với thực hành dân chủ là bảo vệ các giá trị dân chủ và xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, vì lợi ích và sự phát triển của quốc gia dân tộc. Thực hiện mục tiêu đó, vấn đề có tính nguyên tắc trong hội nhập là đặt lên hàng đầu lợi ích quốc gia dân tộc với mục tiêu chiến lược là giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa trong sự kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ tạo dựng môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Kết hợp hài hòa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh dân tộc với sức mạnh quốc tế. Trong sự kết hợp này, sức mạnh dân tộc giữ vai trò quyết định, được thể hiện ở sức mạnh tổng hợp vật chất và tinh thần. Đó là sự phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững; sức mạnh

quốc phòng toàn dân ngày càng hiện đại; sự ổn định chính trị - xã hội vững chắc; bản sắc văn hóa dân tộc được bảo vệ và phát huy; sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố và tăng cường.

- Giữ vững độc lập, tự chủ đi đôi với mở rộng hội nhập. Trong bối cảnh ngày nay, khi hòa bình, hợp tác, phát triển trở thành xu thế lớn và trước tác động mạnh mẽ của cách mạng khoa học công nghệ hiện đại và toàn cầu hóa, độc lập, tự chủ không đồng nghĩa với đóng cửa với bên ngoài, mà phải coi trọng và tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế, thực hiện chính sách ngoại giao rộng mở, không tham gia liên minh, gây đối đầu căng thẳng.

- Hội nhập một cách toàn diện, vừa kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa vừa nhân văn, khoan dung, độ lượng trên tinh thần phát triển và tiến bộ. Trong toàn cầu hóa ngày nay, hoạt động hội nhập diễn ra trên mọi lĩnh vực và đòi hỏi có sự phối hợp chặt chẽ giữa đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân nhằm tạo sức mạnh tổng hợp của toàn dân.

Chương II

KINH NGHIỆM THỰC HÀNH DÂN CHỦ CỦA MỘT SỐ NƯỚC VÀ VÙNG LÃNH THỔ TRÊN THẾ GIỚI

I- THỰC HÀNH DÂN CHỦ Ở CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Dân chủ có thể được hiểu là hạt nhân xuyên suốt và trụ cột cho sự phát triển của Cộng hòa Liên bang Đức. Thực hành dân chủ trong các lĩnh vực cơ bản như chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và quan hệ quốc tế đã đem lại những thành tựu to lớn cho sự phát triển của quốc gia này. Mặc dù khẳng định dựa trên chủ nghĩa Mác, nhưng cơ sở lý luận của các nhà chủ nghĩa xã hội dân chủ hay dân chủ xã hội có nhiều điểm khác biệt với hệ tư tưởng mácxít truyền thống. Tuyên bố Frankfurt đã nêu rõ bốn phương diện, bốn bộ phận cấu thành của "chủ nghĩa xã hội dân chủ". Đó là dân chủ chính trị, dân chủ kinh tế, dân chủ xã hội và dân chủ quốc tế.

1. Nội dung thực hành dân chủ ở Cộng hòa Liên bang Đức

a) Dân chủ chính trị

Không tán đồng với những quan niệm của C.Mác và những người cộng sản chính thống trong cách hiểu về chủ

nghĩa xã hội (hay xã hội xã hội chủ nghĩa) với tính cách giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản và là hình thái kinh tế - xã hội sẽ thay thế chủ nghĩa tư bản, các nhà lý luận dân chủ xã hội nói chung và của Cộng hòa Liên bang Đức nói riêng cho rằng xã hội xã hội chủ nghĩa không phải là thời kỳ sau chủ nghĩa tư bản, mà "tồn tại ngay trong lòng chủ nghĩa tư bản"[1]. Họ chủ trương duy trì chế độ sở hữu tư nhân và không xóa bỏ hoàn toàn, ngay lập tức giai cấp tư sản; đồng thời, nhấn mạnh đến các biện pháp từng bước khắc phục những khuyết tật của chủ nghĩa tư bản thông qua sự điều tiết của nhà nước đối với thị trường, chính sách an sinh xã hội và hệ thống phúc lợi xã hội cao, và thúc đẩy không ngừng sự phát triển của lực lượng sản xuất (đặc biệt là về năng lực, trình độ và ý thức chính trị của giai cấp công nhân).

Những tư tưởng này có thể thấy trong những đòi hỏi về dân chủ chính trị, bao gồm quyền về "cuộc sống riêng tư được bảo vệ tránh khỏi can thiệp chuyên quyền của nhà nước". Sau đó là "tự do tư tưởng", tự do tổ chức, tự do tín ngưỡng, quyền bầu cử phổ thông đầu phiếu, quyền tự trị văn hóa đối với thiểu số, là tòa án độc lập, quyền đối lập. Dân chủ chính trị trước hết được hiểu là đường lối cải thiện nhà nước hiện tồn, giải quyết xung đột, điều tiết nhà nước

1. Nguyễn Văn Sáu, Cao Đức Thái (Chủ biên): *Đảng Dân chủ xã hội Đức: Lịch sử, lý luận và thực tiễn,* Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2007, tr.64.

pháp quyền và chế độ dân chủ lập hiến[1]. Dân chủ là hình thức cầm quyền, là hình thái nhà nước. Truyền bá dân chủ "thuần túy", phái dân chủ xã hội ủng hộ nhà nước "siêu giai cấp" không có những đặc trưng về giai cấp và đảng phái. Nhà nước được họ hiểu hoặc là cơ quan biểu thị "ý chí chung", đứng trên lợi ích của giai cấp và của các nhóm xã hội, hoặc là thiết chế xã hội tối cao có nhiệm vụ điều tiết và dung hòa lợi ích riêng tư của những cá nhân, những nhóm xã hội riêng biệt, v.v.. "Nhà nước được sử dụng nhờ những phương tiện dân chủ như bộ máy quản lý phát triển kinh tế chung và cải biến xã hội"[2]. Cơ sở lý thuyết này chỉ có một định hướng duy nhất là biện minh cho việc bảo vệ nhà nước tư sản, hy vọng sử dụng nhà nước như là cơ sở cho mọi kế hoạch tiến lên "chủ nghĩa xã hội dân chủ". Các thiết chế của nhà nước này được dành cho vai trò là công cụ chính trị chủ yếu và quyết định trong phát triển xã hội.

Trong lĩnh vực lý luận, các trào lưu dân chủ xã hội đề ra yêu cầu quay lại với các nguyên lý phân tích mácxít trong việc đánh giá những vấn đề cơ bản của thời hiện đại (trước hết là lý thuyết đấu tranh giai cấp, tính vô căn cứ của quan điểm "hợp tác xã hội"). Phái dân chủ xã hội Đức đưa ra tư tưởng về cái gọi là chiến lược hai mặt. Nó thể

---

1. Xem Richard Löwenthl: *Democratischer Sozialismus in den achtziger Jahren,* Koln Frankfurt a. M., 1979, ISBN: 3-434-00380-0, s. 131.

2. R.Lowenthal Sozialdemokratie und Staat: *Demokratischer Sozialismus fur Industriegesellschaften,* Koln Frankfurt a. M., 1998, s. 139.

hiện ở việc đem lại tính chất giai cấp cương quyết hơn cho chính sách cải cách được tiến hành từ bên trên, thông qua các cơ quan nhà nước mà những người đứng đầu phái dân chủ xã hội tham gia, và ở việc củng cố chính sách ấy thông qua hoạt động quyết liệt của đông đảo quần chúng nhân dân. Phái dân chủ xã hội tả khuynh ngày càng đấu tranh kiên định hơn vì sự thống nhất hành động với những người cộng sản, với các lực lượng tiến bộ trong cuộc đấu tranh cho điều kiện sinh hoạt tốt hơn, cho dân chủ, hòa bình và chủ nghĩa xã hội.

Những người đứng đầu phái dân chủ xã hội thể hiện thái độ rất linh hoạt nhằm thích nghi với tình hình mới. Họ rất nỗ lực đổi mới lý luận, trước hết là học thuyết "chủ nghĩa xã hội dân chủ", coi đó là con đường khắc phục khủng hoảng trong nội bộ đảng. H.Heimann tuyên bố: "Thiếu học thuyết có luận chứng sâu sắc về chủ nghĩa xã hội thì không thể có phong trào xã hội chủ nghĩa, không thể có chính sách thực tiễn hữu hiệu nhằm thực hiện dần dần chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa dân chủ"[1]. Tuy nhiên, phái dân chủ xã hội đồng thời lại khẳng định "sự cáo chung của hệ tư tưởng", cho rằng chính sách cải cách dần dần và kéo dài vô hạn là chính sách duy nhất sáng suốt trong "xã hội hậu công nghiệp".

---

1. H. Heimann: *Die Bedeutung der revisionistisch-reformistischen Theorieansatzes Bernsteins fur den Demokratischen Sozialismus.* - Bernstein und der Demokratische Sozialismus. Fr./M., 1988, tr.102.

Với *Cương lĩnh Bad Godesberg*, Đảng Dân chủ Xã hội Đức (SPD) đã gặt hái được những thành công lớn từ năm 1961 đến năm 1972. Giai đoạn này, SPD đã giành được số phiếu trong tổng tuyển cử từ 36% lên đến xấp xỉ 46%. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ năm 1982 đến 1998, SPD liên tục bị thất bại trong các đợt tuyển cử. Năm 1998, với những thay đổi về đường lối và sách lược cũng như sự chuyển hướng từ cực hữu và cực tả sang trung dung dưới sự lãnh đạo của Gerhard Schröder, SPD đã thông qua một chương trình trung dung (centrist agenda), nhờ đó họ giành lại thắng lợi và trở lại cầm quyền trong sự liên minh với Đảng Xanh (Green Party). Chính phủ Schröder theo đuổi một đường lối lãnh đạo có thiên hướng bảo đảm các quyền tự do kinh tế và xã hội cho mọi người dân bằng cách cắt giảm thuế và chi tiêu chính phủ để gia tăng đầu tư công cộng và tạo việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp và gia tăng hệ thống an sinh xã hội. Những chính sách mang đậm dấu ấn dân chủ xã hội ấy đã mang đến sự phát triển về kinh tế - xã hội và sự thịnh vượng cho nước Đức sau thống nhất.

b) Dân chủ kinh tế

"Chủ nghĩa xã hội cố gắng thay thế chủ nghĩa tư bản bằng một chế độ, trong đó lợi ích xã hội sẽ đứng trên lợi nhuận cá nhân. Mục đích kinh tế chủ yếu của các đảng xã hội chủ nghĩa là công ăn việc làm đầy đủ của người lao động, là năng suất lao động cao hơn, là nâng cao mức sống, là bảo hiểm xã hội và phân chia công bằng thu nhập và

tài sản"[1] - đó là mục đầu tiên và cốt yếu trong phần nói về dân chủ kinh tế của *Tuyên bố Frankfurt*.

Tuyên bố Frankfurt cũng giả định khả năng quốc hữu hóa các công ty tư nhân, song nó nhấn mạnh rằng "kế hoạch hóa xã hội chủ nghĩa không đòi hỏi phải xã hội hóa sở hữu về tất cả mọi tư liệu sản xuất. Sở hữu tư nhân có thể được giữ lại trong các lĩnh vực, như nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, bán lẻ, công nghiệp vừa". Như vậy, "chủ nghĩa xã hội dân chủ" được thiết kế dưới dạng "xã hội hỗn hợp", trong đó cả công nhân lẫn tiểu tư sản và tư sản cần phải phát triển thịnh vượng trong mối quan hệ thống nhất hữu nghị.

Các thủ lĩnh của phái dân chủ xã hội đề cao chính sách cải cách được gọi là "dân chủ hóa kinh tế" hơn so với việc xã hội hóa tư liệu sản xuất. Họ thừa nhận rằng, "dân chủ hóa kinh tế" không thể dựa trên những tác động không được kiểm soát của các quy luật thị trường. Song, họ nhận thấy lối thoát không phải là thủ tiêu nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, mà là điều tiết nhà nước đối với các quá trình kinh tế. Nó có quan hệ với những biện pháp nhằm điều tiết giá, công ăn việc làm, điều kiện lao động - cái được phái dân chủ xã hội gọi là "kế hoạch hóa dân chủ". Nhưng trở ngại lớn nhất ở đây lại là khát vọng ích kỷ về lợi nhuận tối đa của các chủ sở hữu.

---

1. Aims and Tasks of Democratic Socialism. Declaration of Socialist International, adopted at its First Congress. Frankfurt o.M. 30 June - 3 July 1951. - Yeabook of the International Socialist Labour Movement. L., 1956, p. 73. (Trích theo: V.Ivanov: *Phái dân chủ xã hội trong thế giới hiện đại,* Moscow, 2001, tr. 95).

Phái dân chủ xã hội gắn liền tư tưởng "kế hoạch hóa dân chủ" với quan điểm "đồng tham gia" của công nhân và nhân viên vào quản lý sản xuất. Đúng là sự tham gia của công nhân vào quản lý sản xuất, sự giám sát của công nhân là một mắt xích quan trọng trong quá trình dẫn tới thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Hiện nay, người lao động ở các nước tư bản cũng đang đòi hỏi được tham gia vào giải quyết những vấn đề hệ trọng trong hoạt động của các xí nghiệp, kể cả tổ chức sản xuất, điều kiện lao động, chính sách kỹ thuật, tài chính, vốn đầu tư, v.v.. Đây là một hướng đấu tranh quan trọng nhằm mở rộng các quyền của người lao động, phát triển ý thức giai cấp của họ. Nó có thể đóng vai trò quan trọng để thực hiện thành công những cải tạo xã hội triệt để.

Những nhà dân chủ xã hội Đức cũng ý thức rất rõ về ranh giới mong manh giữa việc kiểm soát và điều tiết hợp lý quyền tư hữu với chế độ tư hữu. Họ cũng đặc biệt nhấn mạnh rằng, sở hữu tư nhân (với tính cách chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất) dẫn tới những sự vi phạm quyền và tự do cơ bản của con người. Tuy nhiên, sự vi phạm ấy diễn ra trong những điều kiện nhất định. Vì vậy, nếu kiểm soát tốt những điều kiện nhất định ấy sẽ hạn chế và khắc phục có hiệu quả sự vi phạm. Lý do dẫn đến những sự vi phạm quyền tự do của những nhóm người khác, theo Thomas Meyer, là do chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất nói chung và sở hữu tư nhân về tài sản kinh tế nói riêng có thể: "1) Ngăn cản người vô sản tạo dựng tài sản; 2) Thông qua sự tập trung thị trường và từ đó mà hạn chế

cạnh tranh, sẽ đẩy giá lên quá cao và hạn chế quyền của người tiêu dùng; 3) Vi phạm quyền bình đẳng chính trị, do việc huy động các nguồn lực được tiến hành một cách không đều nhau trong quá trình truyền thông; 4) Bằng biện pháp đe dọa trừng phạt đối với những người cầm quyền hòng loại bỏ các chương trình hành động dân chủ"[1]. Cũng như những tư tưởng gia khác của trào lưu dân chủ xã hội, Đảng Dân chủ Xã hội Đức và Thomas Meyer tin tưởng rằng những điều kiện dẫn đến sự vi phạm ấy sẽ được kiểm soát và tình trạng vi phạm các quyền và tự do cơ bản là hệ quả của chế độ sở hữu tư nhân sản sinh ra sẽ được hạn chế thông qua chính sách điều tiết và dung hợp nền kinh tế với xã hội. Ông khẳng định: Vai trò lịch sử của các nhà dân chủ xã hội là phải có nghĩa vụ chính trị ngăn chặn và hạn chế tình trạng ấy[2].

c) Dân chủ xã hội

Các nhà dân chủ xã hội đặc biệt quan tâm đến vấn đề "dân chủ xã hội" như một bộ phận của học thuyết "chủ nghĩa xã hội dân chủ". Những tư tưởng của phái dân chủ xã hội bắt nguồn từ khẩu hiệu của cách mạng Pháp về "tự do, bình đẳng, bác ái". Khẩu hiệu này được thủ lĩnh của phái dân chủ xã hội sử dụng để luận chứng cho quan điểm "hòa bình giai cấp" và "tích hợp với chủ nghĩa tư bản".

---

1. Thomas Meyer và Nicole Breyer: *Tương lai của nền dân chủ xã hội,* Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005, tr.130-131.

2. Xem Thomas Meyer và Nicole Breyer: *Tương lai của nền dân chủ xã hội, Sđd,* tr.131.

Phái dân chủ xã hội không có ý kiến thống nhất về "những giá trị cơ bản". *Cương lĩnh Bad Godesberg* của SPD tuyên bố ba giá trị cơ bản là: tự do, công bằng và đoàn kết.

Theo phái dân chủ xã hội Đức, giá trị thứ nhất - *tự do* không gắn liền với một lý thuyết xã hội hay một thế giới quan nào. Song, họ cũng không tán thành quan niệm mácxít về tự do vốn được đưa ra trong các cương lĩnh trước kia của SPD. *Cương lĩnh Bad Godesberg* nhấn mạnh những thành tố dân chủ tự do của phong trào công nhân. Đó là những khẩu hiệu cơ bản của chủ nghĩa tự do - tự do tư tưởng, tự do báo chí và tự do hội họp.

Nhưng, phái dân chủ xã hội Đức cũng phản đối việc đồng nhất quan niệm của họ về tự do với quan niệm của chủ nghĩa tự do. Họ hiểu "tự do vật chất" là mức sống cao và bảo hiểm xã hội vững chắc (cho những người bệnh tật, thất nghiệp, già yếu, v.v.) từ phía nhà nước. "Tự do kinh tế" được họ hiểu là tự do của kinh tế thị trường tư doanh chịu sự quản lý của nhà nước. "Tự do dân chủ" được họ quan niệm là "phân chia lại quyền lực thông qua sự đồng tham gia".

Giá trị thứ hai là *công bằng* cũng bắt nguồn từ khẩu hiệu "bình đẳng" của cách mạng Pháp. Việc thay thế thuật ngữ ở đây không phải là ngẫu nhiên, vì phái dân chủ xã hội chỉ thừa nhận "bình đẳng" là bình đẳng mang tính hình thức trước pháp luật, tức bình đẳng theo quan niệm của chủ nghĩa tự do. Thậm chí, học thuyết của phái dân chủ xã hội còn không đả động đến bình đẳng xã hội thực tế. Họ viện dẫn luận điểm của C.Mác trong *Phê phán Cương lĩnh*

Gôta cho rằng, do những khác biệt về thể chất và trí tuệ, cũng như do khác biệt về năng suất lao động của mọi người, "quyền *ngang nhau* ấy là một quyền không ngang nhau đối với một lao động không "ngang nhau""[1] để đưa ra kết luận: "Bình đẳng là tiền đề cho tự do, khi chúng ta còn nói đến tự do pháp lý hay tự do chính trị của con người. Trong lĩnh vực xã hội - khi vấn đề có liên quan đến việc tạo ra cho mỗi công dân những điều kiện xã hội bình đẳng để họ phát triển tự do và độc đáo. Bình đẳng không còn là công bằng, khi nó bắt đầu đe dọa tự do. Từ thời điểm này, công bằng trở thành mục đích chính trị duy nhất trong việc tự giác khước từ bình đẳng"[2].

Như vậy, bình đẳng còn có giá trị cho tới khi nó chưa bắt đầu cản trở tự do theo quan niệm của phái dân chủ xã hội về tự do. Vậy nên hiểu thế nào về luận điểm "tạo ra cho mỗi công dân những điều kiện xã hội bình đẳng để họ phát triển tự do và độc đáo" của phái dân chủ xã hội? Phép màu nào cho phép công nhân có được điều kiện bình đẳng với chủ doanh nghiệp để phát triển tự do? Phái dân chủ xã hội đã im lặng trước vấn đề hệ trọng này. Luận điểm "bình đẳng không còn là công bằng, khi nó bắt đầu đe dọa tự do. Từ thời điểm này, công bằng trở thành mục đích chính trị duy nhất trong việc tự giác khước từ bình đẳng" chỉ có một mục đích duy nhất là bảo vệ tự do sở hữu đang bị lâm nguy.

---

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.19, tr.35.

2. M.Schlei, J.Wagner: *Grundwerte und Wissenschaft im Demokratischen Soczialismus,* Berlin, 1998, tr.59.

Thay thế bình đẳng bằng công bằng theo quan niệm của phái dân chủ xã hội có nội dung chính trị thuần túy.

Giá trị thứ ba là *đoàn kết*, theo các nhà lý luận của phái dân chủ xã hội, "có ý nghĩa trung tâm trong cuộc đấu tranh vì một xã hội nhân văn hơn"[1]. Nó có nhiệm vụ hợp nhất xã hội tư sản đang bị chia rẽ bởi những mâu thuẫn trong quá trình vận động tiến lên "chủ nghĩa xã hội dân chủ". Nó bắt nguồn từ khẩu hiệu "bác ái" của cách mạng Pháp và từ khẩu hiệu về tình yêu tha nhân của Kitô giáo. Theo các nhà tư tưởng của SPD, "đoàn kết là quyết định tự nguyện, mang tính duy cảm hay duy lý một cách có lợi cho tha nhân, có lợi cho sự hợp nhất với tha nhân, hay có lợi cho xã hội căn cứ trên nguyên tắc hợp nhất mọi người"[2]. Chúng ta bắt gặp một quy tắc đạo đức vĩnh hằng nữa, song nó không chỉ ra mục đích hợp nhất mọi người, cũng như con đường và phương thức hợp nhất họ, do vậy nó mang tính chất tư biện.

Phái dân chủ xã hội cũng không bỏ qua những phương diện ấy của vấn đề khi họ phát hiện ra hai hình thức đoàn kết trong xã hội hiện đại. *Thứ nhất*, đó là đoàn kết của những người yếu thế về mặt xã hội nhằm chống lại những kẻ có quyền lực trong xã hội, có thể coi đây là sự đoàn kết của lao động chống lại tư bản. Song, theo phái dân chủ xã hội, những mâu thuẫn giữa lao động và tư bản ngày càng

---

1. Okonomisch-politischer Orientierungsrahmen fur die Jahre 1995. Fr./M., 1995.

2. M.Schlei, J.Wagner: *Grundwerte und Wissenschaft im Demokratischen Soczialismus,* Berlin, 1998, tr.78.

suy yếu, trở nên ít gay gắt hơn, đảng của giai cấp công nhân sẽ biến thành đảng của nhân dân, khi đó đoàn kết của người yếu chống lại kẻ mạnh cũng mất đi tính giai cấp và quy thành việc "cào bằng quyền lực". *Thứ hai*, đó là "đoàn kết của kẻ mạnh với người yếu". Theo các nhà lý luận của phái dân chủ xã hội, tình đoàn kết này thể hiện dưới những hình thức đa dạng: đoàn kết của người hữu sản với người vô sản, của người khỏe mạnh với ốm yếu, của người thành đạt với người thất bại, v.v.. Với cách tiếp cận như vậy, giai cấp chủ sở hữu tư nhân cho dù vẫn bóc lột giai cấp lao động, nhưng luôn có sự đồng cảm về mặt tinh thần với họ; thậm chí còn cố gắng làm nhẹ bớt số phận hẩm hiu của họ nhờ việc dành cho họ một phần thu nhập của mình. Các nhà lý luận của phái dân chủ xã hội nhận thấy động cơ của hoạt động như vậy hoàn toàn là "ý thức đạo đức". Theo họ, đoàn kết của kẻ mạnh với người yếu là một sự bổ sung đạo đức cho nguyên tắc "hoạt động có hiệu quả". Tất nhiên, đây là một kết luận đúng vì với nhà tư sản thì lòng bác ái bao giờ cũng có mục đích là kích thích "hoạt động có hiệu quả" nhằm làm giàu và kiếm nhiều hơn lợi nhuận cho mình. Nói cách khác, việc giúp đỡ người nghèo không chỉ xoa dịu lương tâm bị cắn rứt của nhà tư bản mà còn giúp họ tiếp tục làm giàu trên sức lao động của người khác, duy trì địa vị thống trị và đặc quyền, đặc lợi.

Có thể nói, các giá trị cốt lõi của chủ nghĩa xã hội dân chủ về tự do, bình đẳng và đoàn kết gắn liền với việc thực hiện quyền con người. Trên thực tế, thực hành dân chủ

trong xã hội gắn liền với việc thực hiện và bảo vệ quyền con người. Meyer cho rằng, một nền dân chủ hiện đại (dân chủ xã hội) phải trả lời được câu hỏi: *Thứ nhất,* dân chủ ấy cần phải được hiện thực hóa như thế nào? *Thứ hai,* các quyền con người phổ quát và những đòi hỏi của xã hội đóng vai trò như thế nào trong việc hiện thực hóa nền dân chủ ấy? Ông viết: "Dân chủ xã hội dựa trên những quyền cơ bản phổ quát của dân chủ tự do với tư cách là học thuyết hợp thức hiện đại. Bất cứ nền dân chủ nào, kể cả nền dân chủ xã hội, cũng phải (có tính) phù hợp với các quyền chính trị phổ quát bình đẳng của con người và của công dân, với nhà nước pháp quyền, quyền lực chính trị hợp hiến và sự làm chủ của nhân dân được tổ chức thông qua nguyên tắc đa số"[1].

Chính sách xã hội của nhà nước ở Đức có thể được xem là thuộc mô hình lâu đời nhất trên thế giới, với 120 năm, và có sự ảnh hưởng qua nhiều thể chế chính trị khác nhau (từ thời Vương quốc Phổ đến nước Đức thống nhất ngày nay)[2]. Tuy nhiên, dấu ấn sâu đậm nhất của nhà nước xã hội với hệ thống an sinh, phúc lợi phát triển là của những nhà dân chủ xã hội Đức. Hệ thống an sinh và phúc lợi xã hội dựa trên nguyên tắc tái phân phối thu nhập và của cải xã hội cho toàn xã hội thông qua việc áp dụng chế độ thuế lũy tiến thu nhập và hệ thống bảo hiểm xã hội bắt buộc (chủ yếu

1. Thomas Meyer và Nicole Breyer: *Tương lai của nền dân chủ xã hội, Sđd,* tr.130-131.

2. Xem Thomas Meyer và Nicole Breyer: *Tương lai của nền dân chủ xã hội, Sđd,* tr.131.

do người lao động và chủ sử dụng lao động đóng phí). Các chính sách xã hội của nhà nước ban đầu chỉ chăm lo và bảo vệ quyền lợi cho người công nhân, sau đó được mở rộng cho tất cả mọi người lao động cùng với thành viên gia đình họ, và không chỉ hướng tới những người lao động làm công ăn lương, mà với mọi công dân nói chung. Đáng lưu ý, hệ thống an sinh xã hội rất chú trọng đến việc bảo vệ các nhóm xã hội yếu thế như: người khuyết tật, thất nghiệp, người già, trẻ em và phụ nữ.

Mô hình nhà nước xã hội được duy trì và kế thừa, phát triển ngay cả khi các chính đảng thay thế nhau cầm quyền. Giữa các đảng phái chính trị ở Đức thường có một sự đồng thuận rất cao trong những vấn đề then chốt, bao gồm hệ thống phúc lợi xã hội. Sự đồng thuận của chủ tư bản với giai cấp công nhân thông qua đối thoại, đàm phán và thỏa hiệp, đã làm dịu mâu thuẫn gay gắt vốn có giữa hai giai cấp cốt yếu trong xã hội tư bản này. Sự đồng thuận ấy tạo ra nguyên tắc cho các chính đảng ở Đức thông qua và thực thi chính sách kinh tế và chính sách xã hội xoay quanh trục mô hình nhà nước xã hội (dù có lúc theo trường phái bảo thủ, tự do hay dân chủ). Chính cái trục nhà nước xã hội ấy là điều kiện tiên quyết cho xã hội Đức bảo đảm được hệ thống an sinh xã hội ổn định.

Hệ thống an sinh và phúc lợi xã hội đạt trình độ cao và được thực thi hiệu quả là chỉ dấu quan trọng đo tính chất xã hội chủ nghĩa trong việc thiết kế mô hình kinh tế - xã hội ở Đức mà những nhà dân chủ xã hội theo đuổi.

2. Một số hạn chế của thực hành dân chủ ở Cộng hòa Liên bang Đức

Thứ nhất, thực hành dân chủ ở Cộng hòa Liên bang Đức cho thấy, mặc dù đã đạt được những tiến bộ nhất định nhưng nền dân chủ đó vẫn là *nền dân chủ tư sản* với một định hướng lý luận hướng tới biện minh cho việc bảo vệ nhà nước tư sản, hy vọng sử dụng kiểu nhà nước "siêu giai cấp" không có những đặc trưng về giai cấp và đảng phái như là cơ sở cho mọi kế hoạch tiến lên "chủ nghĩa xã hội dân chủ". Dựa trên niềm tin và lý luận rằng, chủ nghĩa tư bản có thể được cải biến và chủ nghĩa xã hội chỉ có thể nảy sinh từ trong lòng chủ nghĩa tư bản, những người dân chủ xã hội Đức luôn có sự thỏa hiệp về chính trị với các đảng phái chính trị đại diện cho các nhóm lợi ích khác nhau, nhất là của giai cấp tư sản. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, giai cấp vô sản và các tầng lớp nhân dân lao động sẽ không thể và không bao giờ giải phóng được mình nếu không lật đổ sự thống trị không chỉ về mặt pháp lý hay xã hội, mà quan trọng hơn, còn phải xóa bỏ cái căn nguyên sâu xa đằng sau đó - sự thống trị về kinh tế, về tư liệu sản xuất của giai cấp tư sản. Trong xã hội đó, các quyền của giai cấp cần lao trên toàn thế giới (chiếm tới hơn 80% số dân), về thực chất, chỉ là sự "nhỏ giọt" mà các ông chủ (giai cấp tư sản) đem "bố thí" cho người công nhân để xoa dịu mâu thuẫn đang ngày càng trầm trọng giữa người công nhân với nhà tư bản, giữa nhân dân lao động với giới tài phiệt tư bản và giới cầm quyền tư sản.

Thứ hai, mô hình dân chủ xã hội của các nước dân chủ xã hội ở Bắc Âu nói chung và Cộng hòa Liên bang Đức nói riêng còn chịu sự phê phán mạnh mẽ từ trào lưu chủ nghĩa tân tự do kinh tế và bảo thủ cũng như sự phê phán của những nhà xã hội chủ nghĩa và cộng sản (cánh hữu). Một trong những điểm bị chủ nghĩa tân tự do phê phán là mô hình dân chủ này đã không thể đưa lại tự do đích thực và rộng rãi cho cá nhân; chẳng hạn, nó hạn chế các quyền tự do về kinh tế của cá nhân do việc nhà nước can thiệp quá nhiều vào thị trường cũng như sự phân phối nguồn lực xã hội đồng đều sẽ dẫn tới nguy cơ làm triệt tiêu vai trò động lực, tính tích cực, chủ động và sáng tạo của cá nhân. Chính hệ thống phúc lợi xã hội ở Bắc Âu, Tây Âu đã minh chứng cho điều đó khi gánh nặng của nhà nước phải chi tiêu cho hệ thống phúc lợi xã hội qua đánh thuế cao để duy trì các chính sách về công bằng xã hội, dẫn đến sự thâm hụt ngân sách nhà nước lớn (do chi tiêu công lớn). Thêm vào đó, việc nhà nước chăm lo đến các quyền về kinh tế - xã hội, đặc biệt là giáo dục, y tế và bảo trợ xã hội, cũng sẽ có nguy cơ làm hạn chế sự lựa chọn của cá nhân và do đó, làm hạn chế khả năng thực hiện quyền tự do cá nhân.

Thứ ba, một hạn chế khác của các nhà dân chủ xã hội là họ đã quá nhấn mạnh đến vai trò của hệ thống kinh tế tư bản đối với phát triển kinh tế và xã hội, trong khi những lời hứa về việc tăng thuế, tăng chi tiêu công, mở rộng hệ thống phúc lợi xã hội, công hữu hóa những hệ thống dịch vụ xã hội trọng yếu (như y tế, giáo dục,...) đã không thực sự được hiện thực hóa sau những chiến dịch vận động tranh cử

và đắc cử của các đảng dân chủ xã hội châu Âu. Điển hình nhất là Chính phủ của Thủ tướng Đức Gerhard Schröder đã thực thi những chính sách nghiêng về trường phái tân tự do kinh tế (của Hoa Kỳ dưới thời Tổng thống George W. Bush), thực thi các chính sách giảm thuế (có lợi cho giới chủ và nhà tư bản), cắt giảm chi tiêu công, không cải cách và gia tăng hệ thống phúc lợi xã hội, đẩy mạnh quá trình tư hữu hóa một số ngành công nghiệp trọng yếu và hệ thống dịch vụ xã hội... Cùng với các chính sách can thiệp quân sự và can thiệp ngoại giao vào các nước trong khu vực, đặc biệt ở Trung Đông, đã cho thấy sự xuất hiện của xu hướng từ bỏ những nguyên tắc nền tảng và truyền thống của trào lưu dân chủ xã hội - bình đẳng và công bằng xã hội, thậm chí còn chịu ảnh hưởng sâu đậm của chủ nghĩa tư bản toàn cầu và chủ nghĩa đế quốc mới.

Trong thời điểm hiện tại, nhìn một cách tổng thể chúng ta có thể thấy nền tự do dân chủ ở Đức được đánh giá khá tốt, là một trong những môi trường hình mẫu cần nhân rộng ở châu Âu. Trong mô hình đó, vai trò của các tổ chức xã hội được coi trọng và chính bản thân những tổ chức xã hội này, với vai trò phản biện và hỗ trợ Chính phủ Đức đã có những đóng góp to lớn trong sự phát triển của Cộng hòa Liên bang Đức. Điển hình nhất là những hỗ trợ của họ trong việc giải quyết các vấn đề khủng hoảng tài chính tiền tệ của châu Âu, khủng hoảng nợ công và đặc biệt là khủng hoảng người di cư (2015 - 2016). Dựa trên một nền kinh tế vững chắc, Cộng hòa Liên bang Đức có điều kiện đóng góp cho sự phát triển chung của châu Âu. Tuy nhiên, với

những định hướng chưa thật sự đúng đắn, vấn đề khẳng định vai trò cường quốc của Đức trong những năm gần đây đã mang lại cho họ không ít những chỉ trích, thậm chí làm gia tăng những bất ổn xã hội. Khi mở rộng vòng tay đón người nhập cư từ Trung Đông, Chính phủ của Thủ tướng Angela Merkel tuy đã lường trước được những hậu quả của nhiệm vụ này nhưng không thể tìm ra những biện pháp hữu hiệu để giải quyết. Điều này dẫn tới giảm dần lòng tin của người dân vào Chính phủ, vào vai trò lãnh đạo của Thủ tướng Angela Merkel, đồng thời làm gia tăng những khác biệt giữa người bản xứ và người nhập cư, và thậm chí, trên bình diện dân chủ, đã đẩy những người yếu thế trong xã hội vào một thái cực nguy hiểm khi khả năng cạnh tranh việc làm, phúc lợi xã hội của họ đã vốn yếu kém lại càng trở nên tồi tệ khi Chính phủ dồn một phần tài chính đáng kể cho công việc cứu trợ người nhập cư.

Những vấn đề hiện tại của châu Âu, sự thay đổi đường lối lãnh đạo của Mỹ, sự nổi lên của chủ nghĩa khủng bố quốc tế, các chế độ độc tài ở Hunggari, Ba Lan, v.v. cũng như những vấn đề nội bộ của bản thân nước Đức đã khiến cho mô hình dân chủ của Đức bộc lộ thêm nhiều hạn chế và đặt ra yêu cầu cần phải được bổ sung và phát triển. Vấn đề cần thiết lúc này là phải xác định rõ trọng tâm của vấn đề dân chủ nằm ở đâu? Lực lượng nào đóng vai trò chủ đạo và có xu hướng thống nhất các lực lượng đối lập để tạo nên một khối thống nhất, đoàn kết vì mục tiêu chung cho phát triển của Cộng hòa Liên bang Đức hiện tại. Có thể nói, sự lớn mạnh hay yếu kém của Đức sẽ có ảnh hưởng không nhỏ

không chỉ riêng với châu Âu mà còn với phần lớn các quốc gia khác trên thế giới.

3. Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Một là, mô hình dân chủ xã hội ở Đức đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc mở rộng dân chủ cho nhân dân lao động nói chung và giai cấp công nhân nói riêng, đồng thời cũng đã hiện thực hóa được phần nào những tư tưởng của C.Mác về sự giải phóng lực lượng sản xuất sẽ kéo theo sự giải phóng quan hệ sản xuất và người công nhân dưới nền sản xuất công nghiệp hiện đại - với tính cách lực lượng sản xuất tiên tiến - đã làm thay đổi phương thức tổ chức, quản lý và điều hành xã hội của chủ nghĩa tư bản. Đó cũng có thể coi là những bước tiến quan trọng trên con đường đi đến chủ nghĩa xã hội.

Hai là, kinh nghiệm thực hành dân chủ ở Đức có thể cung cấp cho chúng ta những bài học bổ ích trong lĩnh vực chính trị và kinh tế. Về chính trị, trước hết cần xây dựng một thể chế dân chủ, với các quyền và tự do cơ bản của công dân được bảo đảm bằng những nguyên tắc hiến định. Nhà nước pháp quyền đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc bảo đảm quyền tự do tư tưởng, tôn giáo, hội họp, lập hội (bao gồm thành lập các nghiệp đoàn, đảng phái,...), tự do bầu cử, ứng cử, quyền sở hữu và tự do kinh doanh của công dân. Về kinh tế, tăng cường và mở rộng việc thực hành dân chủ các quyền kinh tế thông qua việc không ngừng phát huy lợi thế của nền kinh tế thị trường nhưng trên nền tảng

có sự điều tiết bằng những chiến lược cụ thể. Đó là: 1) Dân chủ về kinh tế; 2) Dân chủ hóa quyền của người sở hữu thông qua quỹ người lao động; 3) Điều phối kinh tế vĩ mô theo học thuyết Keynes; 4) Những lựa chọn khác nhau về mô hình đồng điều tiết theo cơ chế ba bên mới giữa nhà nước và đối tác xã hội[1]. Sự nhấn mạnh vai trò của nhà nước trong việc can thiệp sâu rộng vào thị trường, giới hạn quyền sở hữu tư liệu sản xuất của giai cấp tư sản góp phần mở rộng dân chủ kinh tế và dân chủ chính trị của giai cấp công nhân và nhân dân lao động cho thấy, mô hình dân chủ ở Cộng hòa Liên bang Đức đặc biệt đề cao mô hình điều tiết kinh tế vĩ mô theo học thuyết Keynes. Đây có thể được coi là sự ưu việt của mô hình thị trường - xã hội khi các quy luật kinh tế thị trường được điều tiết và kiểm soát bởi nhà nước sẽ là công cụ điều chỉnh những tác động tiêu cực của thể chế kinh tế thị trường ấy. Chính việc đề cao vai trò điều tiết của nhà nước đối với nền kinh tế và tái phân phối của cải xã hội sao cho công bằng và hợp lý là yếu tố quan trọng thúc đẩy dân chủ và sự ổn định trong xã hội, tạo điều kiện cho người dân phát huy quyền làm chủ của mình, thực sự được tham gia vào sự phát triển đất nước.

Có thể nói, những thành tựu nhất định trong việc xây dựng và phát triển nhà nước pháp quyền, nhà nước xã hội và nền kinh tế - xã hội ở Đức là những gợi ý cần thiết cho Việt Nam trong tiến trình hoàn thiện Nhà nước pháp quyền

---

1. Xem Thomas Meyer và Nicole Breyer: *Tương lai của nền dân chủ xã hội, Sđd,* tr.136.

xã hội chủ nghĩa và phát triển một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là những thành tố quan trọng thúc đẩy việc thực hiện thành công tiến trình thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam.

Ba là, một điểm đáng chú ý khác - sự gắn kết chặt chẽ giữa các tổ chức công đoàn với tổ chức đảng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm và thực thi quyền làm chủ của công nhân. Công đoàn luôn là người bảo vệ quyền lợi của thành viên và chống lại những hành động xâm phạm hay đi quá giới hạn cả về điều kiện làm việc, chế độ lương hay sự đàn áp của giới chủ. Vì vậy, công đoàn thực sự là cánh tay phải của phong trào công nhân. Ý thức rõ về người đại diện cho lợi ích chính đáng của mình, các tổ chức công đoàn ở Đức thường đứng về phía Đảng Dân chủ Xã hội Đức (SPD). Một cuộc khảo sát cho thấy rằng, 56% đoàn viên công đoàn bỏ phiếu cho SPD, so với 40,9% hỗ trợ cho SPD trong tất cả các cử tri. Trong khi đó, chỉ có 6,4% các thành viên công đoàn bỏ phiếu cho những người cộng sản cánh tả (Đảng) và 6,3% bỏ phiếu cho Đảng Xanh[1].

Như vậy, thông qua nghiên cứu mô hình thực hành dân chủ ở Cộng hòa Liên bang Đức, chúng ta có thêm cơ sở để nhận diện bản chất và xu hướng vận động và phát triển của chủ nghĩa xã hội và các phương thức thực hành dân chủ.

---

1. *Dân chủ xã hội Đức và con đường thứ ba: Liệu có một tương lai cho mối quan hệ giữa SPD và Công đoàn?* Xem chi tiết tại: http://www.eurofound.europa.eu/eiro/1999/08/feature/de9908116f.htm (ngày 12-12-2010).

Chủ nghĩa xã hội với tính cách một phong trào cách mạng và một học thuyết do C.Mác và Ph.Ăngghen sáng lập, được V.I.Lênin kế thừa, phát triển và vận dụng vào điều kiện nước Nga với đặc thù chủ nghĩa tư bản chưa phát triển chín muồi, giờ đây cũng cần phải được tham chiếu trong sự vận dụng và phát triển nó ở nhánh thứ hai kể từ Larsselle, Bernstein và được hiện thực hóa ở châu Âu. Thực tiễn cũng đã chứng minh rằng, mô hình chủ nghĩa xã hội và dân chủ xã hội chủ nghĩa hiện thực do những người cộng sản Liên Xô và Đông Âu lãnh đạo đã bộc lộ những hạn chế của nó mà thời đại đã vượt qua. Trong khi chúng ta đang đi tìm một con đường riêng cho mình trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và thực hành dân chủ thì thực tiễn phát triển của các mô hình chủ nghĩa xã hội dân chủ và thực hành dân chủ ở các nước Bắc Âu, như Cộng hòa Liên bang Đức và Thụy Điển, sẽ giúp Việt Nam có một cái nhìn đầy đủ hơn về dân chủ xã hội chủ nghĩa và tìm ra phương thức thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa phù hợp với bối cảnh đặc thù của Việt Nam.

II- THỰC HÀNH DÂN CHỦ Ở THÁI LAN

1. Nội dung thực hành dân chủ ở Thái Lan

Chế độ quân chủ tuyệt đối chiếm ưu thế ở chính trường Thái Lan trong suốt hơn 7 thế kỷ đã được thay thế bằng chế độ quân chủ lập hiến thông qua cuộc đảo chính của quân đội

vào ngày 24-6-1932[1]. Kể từ đó, Thái Lan luôn trải qua sự bất ổn chính trị có tính chu kỳ, các cuộc đảo chính và phản đảo chính liên tục nổ ra, chính phủ thay đổi thường xuyên giữa mô hình chính phủ đại diện và chế độ độc tài. Mặc dù vậy, nền quân chủ Thái Lan vẫn duy trì được sự ổn định và giành được sự tôn trọng của người dân. Các cuộc đảo chính hay nổi dậy thường không kéo dài và cũng không phải là các cuộc bạo loạn chính trị quy mô lớn, kết quả là nhà nước dân chủ kiểu Thái Lan vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển. Đây có thể được cho là do vai trò thống nhất của chế độ quân chủ Thái, một tổ chức tôn kính nhất, đồng thời là biểu tượng của truyền thống và cốt lõi đạo đức của dân tộc Thái.

Trong quá trình hình thành và phát triển, cấu trúc chính phủ Thái Lan đã trải qua các quá trình phát triển nhằm thích nghi với môi trường chính trị luôn thay đổi đó. Do vậy, mặc dù cần phải duy trì hệ thống quân chủ vương triều, nhưng Thái Lan lại trở thành một trong những nền dân chủ mạnh nhất ở châu Á trong một thời gian tương đối ngắn. Về cơ bản, Thái Lan có một hệ thống dân chủ theo mô hình "kiểm soát và cân bằng"[2] tương tự như ở các

---

1. *Cuộc đảo chính thay đổi chế độ chính trị ở Thái Lan từ quân chủ tuyệt đối sang quân chủ lập hiến.* Xem chi tiết tại: http://countrystudies.us/thailand/19.htm.

2. Nguyên văn tiếng Anh: "Check and balance system": là một hệ thống mà các bộ phận khác nhau của một tổ chức (giống như một chính phủ) có quyền lực để có thể gây ảnh hưởng và kiểm soát các bộ phận khác, do đó không có bộ phận nào trong tổ chức đó trở nên có quyền lực lớn hơn cả. Xem chi tiết tại: *http://www.factmonster.com/ipka/A0777009.html.*

nền dân chủ phương Tây với thủ tướng là người đứng đầu chính phủ.

Hiến pháp năm 1932 và bước chuyển của Thái Lan từ chế độ quân chủ tuyệt đối sang dân chủ nghị viện.

Có thể nói, Thái Lan là một trong số ít nhà nước châu Á đi theo con đường dân chủ nghị viện từ rất sớm. Thái Lan bắt đầu thử nghiệm thực thi nền dân chủ trong một khoảng thời gian ngắn vào giữa những năm 70 thế kỷ XX, khi các tổ chức chính trị dân chủ Thái Lan dần đạt được quyền lực lớn hơn. Kết quả là, năm 1988, ông Chatichai Choonhavan, lãnh đạo Đảng Dân tộc Thái[1], lên nắm quyền và trở thành Thủ tướng thông qua một cuộc bầu cử dân chủ, công bằng nhất trong hơn một thập niên qua ở Thái Lan. Năm 1991, nhiệm kỳ của Thủ tướng Chatichai kết thúc bằng một cuộc đảo chính khác. Ngay sau đó, ông Anand Panyarachun, một doanh nhân và nguyên là một nhà ngoại giao, được bổ nhiệm làm Thủ tướng, đứng đầu Chính phủ lâm thời có xu hướng dân sự và cam kết tổ chức một cuộc bầu cử dân chủ trong tương lai gần. Tuy nhiên, sau một cuộc bầu cử không phân thắng bại, cựu chỉ huy quân đội Suchinda Kraprayoon được bổ nhiệm làm Thủ tướng. Dư luận Thái Lan thời kỳ đó phản ứng việc bổ nhiệm này bằng yêu cầu chấm dứt ảnh hưởng quân sự trong Chính phủ. Các cuộc biểu tình của dân chúng đã bị quân đội đàn áp dữ dội vào tháng 5-1992.

---

1. Ông Chatichai Choonhavan làm lãnh đạo Đảng Dân tộc Thái (Chart Thai Party) và sau này là Thủ tướng Thái Lan giai đoạn 1988 - 1991.

Phản ứng trong nước và quốc tế trước việc bạo lực nổ ra buộc Thủ tướng Suchinda Kraprayoon phải từ chức, và một lần nữa ông Anand Panyarachun lại được bổ nhiệm làm Thủ tướng lâm thời cho tới khi các cuộc bầu cử mới được tổ chức vào tháng 9-1992. Sau các cuộc bầu cử tháng 9-1992, Chuan Leekpai, lãnh đạo Đảng Dân chủ đã trở thành Thủ tướng của một chính phủ liên minh gồm 5 đảng. Vì sự phản bội của một đối tác liên minh, Thủ tướng Chuan đã giải thể Quốc hội vào tháng 5-1995 và Đảng Dân tộc Thái giành được số ghế lớn nhất trong Quốc hội thông qua cuộc bầu cử được tiến hành sau đó; thủ lĩnh Đảng, ông Banharn Silpaarcha trở thành Thủ tướng nhưng chỉ đương nhiệm chưa được một năm. Sau bầu cử tháng 11-1996, Chavalit Youngchaiyudh lại thành lập một chính phủ liên minh và trở thành Thủ tướng Chính phủ. Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 nổ ra đã gây mất niềm tin đối với Chính phủ Chavalit, nên vào tháng 11-1997, ông phải trao quyền lại cho Chuan Leekpai. Chuan thành lập một chính phủ liên minh dựa trên các chủ thuyết quản lý khủng hoảng kinh tế và thể chế cải cách chính trị theo yêu cầu ghi trong Hiến pháp năm 1997. Chính phủ của Chuan sụp đổ chỉ vài ngày trước thời điểm kết thúc nhiệm kỳ theo kế hoạch.

Trong những năm 2005 - 2006, hàng loạt sự kiện chính trị xảy ra đã kết thúc sự nghiệp chính trị của Thủ tướng Thaksin Shinawatra và kết quả là Chính phủ của Đảng Thai Rak Thai (TRT) đã bị lật đổ. Thaksin phải sống lưu vong. Hội đồng An ninh Quốc gia do thủ lĩnh Sonthi

Boonratkalin dẫn dắt đã trở thành cơ quan quyền lực nhất Thái Lan. Chính quyền Hội đồng quân sự (Junta[1]) được ông Surayud Chulanont, một thành viên Hội đồng Cơ mật và ông Prem Tinsulanonda, một phát ngôn viên cấp cao lãnh đạo.

Những năm 2008 - 2009 nổ ra cuộc xung đột giữa Liên minh nhân dân vì dân chủ (PAD) và chính phủ của Đảng Sức mạnh nhân dân (PPP) của các thủ tướng Samak Sundaravej và Somchai Wongsawat, và sau đó là xung đột giữa Mặt trận dân chủ chống độc tài quốc gia (UDD) và chính phủ của Đảng Dân chủ của Thủ tướng Abhisit Vejjajiva. Đây là sự tiếp nối của cuộc khủng hoảng chính trị Thái Lan những năm 2005 - 2006, trong đó PAD phản đối Đảng TRT của Thủ tướng Thaksin. Những người theo PAD thường mặc áo màu vàng, gọi là "phe áo vàng" và là màu của Hoàng gia. Trang phục của những người theo UDD có màu đỏ, được gọi là "phe áo đỏ" và là những người ủng hộ Thaksin. Trong thời kỳ này, mâu thuẫn chính trị ở Thái Lan lên đến đỉnh điểm, các vụ đụng độ giữa phe áo đỏ và phe áo vàng xảy ra thường xuyên. Nền chính trị Thái Lan luôn trong tình trạng bất ổn và kết quả là chính phủ thay đổi liên tục. Đây cũng có thể được coi là mặt trái của dân chủ, hệ thống đa đảng và tự do trong nhân dân.

---

1. Là một hình thái chính phủ do một nhóm tướng lĩnh quân đội đứng đầu kiểm soát sau khi sử dụng lực lượng thôn tính Chính phủ.

2. Một số hạn chế trong thực hành dân chủ ở Thái Lan

Theo Huntington (1993), *dân chủ là một hệ thống mà trong đó một tập thể mạnh nhất có quyền đưa ra quyết định là phải được lựa chọn thông qua các cuộc bầu cử trung thực, công bằng và có định kỳ, trong đó các ứng cử viên được tự do cạnh tranh để giành được phiếu bầu trong một thể chế mà hầu hết dân số trưởng thành đủ điều kiện đều được tham gia bỏ phiếu.*

Theo định nghĩa này, Thái Lan không đáp ứng được các yêu cầu của dân chủ cơ bản, vì thực tế trong lịch sử ở Thái Lan, nhóm người có quyền lực đưa ra quyết định không nhất thiết phải được bầu ra. Nếu định nghĩa dân chủ được mở rộng đến một số khái niệm thực chất của nền dân chủ, bao gồm tính toàn diện, công bằng xã hội và tự do, không có tham nhũng và không thực thi các biện pháp cưỡng chế, thì nền dân chủ ở Thái Lan chưa thực sự toàn diện, vì trong xã hội Thái suốt những năm qua luôn tồn tại nhiều vấn đề. Ảnh hưởng của nhà vua vẫn là một yếu tố quan trọng đối với sự phát triển không đồng đều của nền dân chủ Thái Lan[1].

Chính phủ quân sự luôn chiếm ưu thế ở Thái Lan trong suốt hơn 80 năm qua khi nước này chuyển đổi từ quân chủ tuyệt đối sang dân chủ nghị viện. Vì vậy, nó ảnh hưởng nhiều đến tiến trình thực thi dân chủ ở nước này, tức là nền dân chủ Thái Lan không thực sự được xây dựng theo

1. Được cho là nền dân chủ thuộc "làn sóng thứ ba".

cách người dân mong muốn mà nó được tạo ra theo ý đồ của nhóm quan chức có quyền lực. Đây là điểm hạn chế *thứ nhất* của thực hành dân chủ ở Thái Lan.

Thứ hai, việc bầu cử ở Thái Lan có rất nhiều vấn đề. Nhìn vào thực tế, các cuộc bầu cử các cấp ở Thái Lan không được tổ chức một cách minh bạch, tự do và công bằng. Nạn mua phiếu bầu, gian lận trong bầu cử vẫn rất phổ biến, thể hiện tính dân chủ chưa được bảo đảm ở Thái Lan. Vì thế, các kết quả bầu cử thiếu minh bạch, không rõ ràng và do đó, các thế hệ lãnh đạo được bầu ra không có trách nhiệm cao trong thiết lập một nền dân chủ theo chủ thuyết mà xây dựng một nền dân chủ theo ý muốn chủ quan của họ và phục vụ lợi ích cho nhóm quyền lợi của họ.

Thứ ba, Thái Lan có một hệ thống đại nghị đa đảng và bầu cử tự do, về hình thức Thái Lan là một nền dân chủ. Quốc gia này vẫn giữ vị trí của vua, dù chỉ là hình thức, nhưng đương nhiên, nền dân chủ ấy vẫn mang hình bóng quân chủ. Hình thức hỗn hợp còn gọi là quân chủ lập hiến này không nguy hại, bởi ông vua chỉ có quyền lực tinh thần. Nguy hại nhất ở Thái Lan là các lãnh tụ dân bầu lại có xu hướng ứng xử như một "ông vua", tự coi mình là vua và có thể làm bất cứ việc gì mà ít khi quan tâm đến dư luận xã hội. Điều này dễ tạo nền tảng cho bất ổn chính trị kéo dài ở Thái Lan trong suốt thời gian qua.

Việc Thái Lan rơi vào tình trạng khủng hoảng chính trị mà kết quả là tần suất thay đổi chính phủ xảy ra liên tục và cứ mỗi chính phủ mới được trao quyền lại có một bản hiến

pháp mới ra đời, thể hiện sự bất ổn lớn trong chính trường Thái Lan. Mặc dù sau mỗi cuộc khủng hoảng chính trị, kinh tế - xã hội Thái Lan vẫn phát triển, nhưng nếu xã hội ổn định hơn thì chắc chắn Thái Lan còn đạt nhiều thành tựu hơn nữa. Việc các cuộc khủng hoảng chính trị ở Thái Lan xảy ra khá thường xuyên có nhiều nguyên nhân, xuất phát từ thể chế chính trị mang đặc trưng dân chủ của Thái Lan. Song, tựu trung, tập trung vào các nguyên nhân chính sau: (1) Sự đối lập căn bản về lợi ích giai cấp; (2) Sự bất cân bằng về cấu trúc lực lượng chính trị; (3) Sự khiếm khuyết của thể chế chính trị dân chủ.

Tóm lại, mặc dù còn rất nhiều vấn đề trong quá trình thực thi dân chủ nhưng Thái Lan vẫn được nhìn nhận là một trong những xã hội dân chủ hàng đầu ở châu Á và Đông Nam Á. Bước chuyển đổi từ quân chủ tuyệt đối sang dân chủ nghị viện của Thái Lan có thể không là bài học cho Việt Nam vì nước ta theo chế độ chính trị khác, song trong quá trình thực thi dân chủ, Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm của Thái Lan.

3. Một số kinh nghiệm cho Việt Nam

Kinh nghiệm thực hành dân chủ ở Thái Lan không chứa đựng các gợi mở tích cực cho Việt Nam; bởi, xét về tổng thể, Thái Lan không đáp ứng các yêu cầu của dân chủ cơ bản, ở Thái Lan, nhóm người có quyền lực đưa ra quyết định không nhất thiết phải được nhân dân trực tiếp

bầu ra. Nền dân chủ ở Thái Lan chưa thực sự toàn diện, vì trong xã hội Thái Lan suốt những năm qua luôn tồn tại nhiều vấn đề. Ảnh hưởng của nhà vua và chế độ thần quyền vẫn là một yếu tố cản trở cho sự phát triển của nền dân chủ Thái Lan.

Ý muốn chủ quan của nhóm quan chức quyền lực đã ảnh hưởng đến tiến trình thực hành dân chủ, làm cho dân chủ ở Thái Lan không thực sự được xây dựng hướng theo nguyện vọng, mong muốn của người dân. Vì vậy, việc thực thi dân chủ ở Thái Lan mang tính hình thức và bị chi phối bởi các quan chức nắm quyền lực. Chính sự đối lập về lợi ích giữa các nhóm quyền lực khác nhau đã dẫn đến sự bất ổn chính trị và sự bất cân bằng về cấu trúc lực lượng chính trị.

Trong một chế độ dân chủ, việc biểu tình một cách hòa bình để người dân thể hiện ý chí, nguyện vọng của mình được coi là một quyền dân chủ, được pháp luật bảo đảm. Nhưng trên thực tế, các tổ chức chính trị đối lập ở Thái Lan đã lạm dụng quyền đó để lôi kéo quần chúng, tổ chức biểu tình, gây bạo loạn nhằm thực hiện mục đích chính trị, lật đổ chính phủ hợp hiến, hợp pháp mà họ cho rằng hiện không còn phù hợp.

Bầu cử tự do là quyền dân chủ chính trị quan trọng bậc nhất của công dân. Tổ chức biểu tình ngăn chặn công dân bầu cử, phá hoại, tẩy chay bầu cử có nghĩa là vi phạm, phá hoại những nguyên tắc cơ bản nhất của nền dân chủ, tước bỏ quyền dân chủ về chính trị của công dân. Nền dân chủ ở

Thái Lan rõ ràng bị thách thức nghiêm trọng bởi chiến dịch biểu tình, bạo loạn chính trị kéo dài ở đất nước được gọi là "dân chủ đa đảng" này.

Dân chủ phải được bảo đảm bằng pháp luật và trong khuôn khổ pháp luật. Luật pháp cần phải được thực thi, quyền dân chủ của đa số người dân phải được bảo đảm. Lạm dụng quyền dân chủ để tổ chức biểu tình, gây bạo loạn hòng lật đổ chính phủ hợp hiến là "đi ngược tiến trình dân chủ" như chính dư luận Thái Lan đã phản ánh. Nghịch lý dân chủ này gây những hậu quả khôn lường cho nhân dân và đất nước Thái Lan cả về kinh tế, chính trị lẫn sinh mạng con người.

Nếu các nhóm quyền lực hành động thái quá vì lợi ích của mình thì họ sẽ phải đối diện với những vấn nạn trầm trọng như đã xảy ra gần đây ở Thái Lan. Chúng ta cần phải hiểu ý nghĩa và thực chất của dân chủ. Mahatama Gandhi đã nói về thực chất của dân chủ: Dân chủ thực chất của nó có nghĩa là nghệ thuật và khoa học vận dụng mọi nguồn tài nguyên về vật chất, kinh tế, tinh thần ở mọi lĩnh vực khác nhau trong nhân dân, nhằm phục vụ lợi ích chung cho tất cả họ. Thực chất của dân chủ là mọi người đều đại diện cho những lợi ích khác nhau hình thành nên một quốc gia. Sự thật là dân chủ không phải không bao gồm đại diện đặc biệt cho những lợi ích đặc biệt. Một dấu ấn chứng tỏ một xã hội thực sự dân chủ là xã hội phải khiến cho người dân tạo ra và huy động những phương thức hoạt động chính trị khác khi họ cho rằng các thế lực kinh tế hay nhân viên chính quyền đã vi phạm quyền lợi của họ.

III- THỰC HÀNH DÂN CHỦ Ở XINGAPO

Trong ASEAN, Xingapo được coi là nước có chế độ "chuyên quyền"[1] với mô hình chính trị đơn đảng. Vì thế, thực hành dân chủ ở Xingapo tương đối khác với thực hành dân chủ ở các nước khác cả về mức độ cũng như hình thức.

1. Nội dung thực hành dân chủ ở Xingapo

a) Dân chủ trong bầu cử

Về cơ bản, một trong những tiêu chí xem xét tính dân chủ của một nước là việc tổ chức các cuộc bầu cử ở đó có thực sự dân chủ hay không. Theo suy luận này, thực thi dân chủ là thực hiện nền dân chủ bầu cử, tức tổ chức một cuộc bầu cử tự do và công bằng. Theo từ điển Bách khoa toàn thư về các tư tưởng dân chủ, thì các nền dân chủ đều tập trung vào việc tổ chức các cuộc bầu cử dân chủ và họ áp dụng định nghĩa về dân chủ bầu cử của Joseph Schumpeter như sau: Dân chủ bầu cử là một hệ thống "đi đến một quyết định chính trị qua đó mỗi cá nhân có quyền lực đưa ra quyết định bằng việc cạnh tranh nhằm giành được lá phiếu của cử tri"[2]. Với ý nghĩa tối giản nhất, định nghĩa này có nghĩa là trong một xã hội dân chủ phải có bầu cử tự do, công bằng và qua đó, xác định một số yếu tố mà cử tri dựa vào đó để lựa chọn đảng lãnh đạo đất nước.

---

1. Xem chi tiết tại: *http://www.donellameadows.org/ archives/ singapore-leads-the-good-life-under-a-benevolent-dictator/.*

2. Paul Barry Clarke: *Encyclopedia of Democratic Thought,* New York: Joe Foweraker, 2001, p.150.

Đối chiếu định nghĩa này với trường hợp Xingapo, thoạt tiên chúng ta thấy nó khá phù hợp, tuy nhiên nhiều người không thấy nó hoàn toàn đúng bởi vì mặc dù có đảng đối lập, song các cơ chế tồn tại ở đây lại gây khó khăn cho các đảng đối lập đó giành thắng lợi trong các cuộc bầu cử. Ví dụ, những yêu cầu đối với một đơn vị bầu cử để có một đại diện trong một cuộc bầu cử chính thức tại Xingapo, nghĩa là các đảng đối lập cần phải có một lực lượng đủ mạnh để có đủ điều kiện được ghi trên lá phiếu. Hơn nữa, pháp luật quy định về (việc hạn chế) tự do ngôn luận lại cản trở phe đối lập tham gia cạnh tranh một cách thực sự. Thực tế này được thể hiện rõ trong cuộc phỏng vấn cựu Tổng Thư ký[1] của Đảng Dân chủ Xingapo (SDP)[2], khi ông này cho rằng phe đối lập đã ca ngợi Đảng hành động Nhân dân (PAP) về việc họ đã làm rất tốt việc lãnh đạo đất nước trong suốt thời gian qua. Vẫn có một số chỉ trích liên quan đến quyền tự do lựa chọn mà không liên quan gì đến các vấn đề về chính sách. Ngay cả những chỉ trích cũng được thể hiện một cách khá nhẹ nhàng, như "cần phải được tự do hơn ở Xingapo, nơi mà người dân được phép nói lên ý kiến của mình... miễn là không có ý đồ lật đổ nhà nước".

Vì thực tế đó nên chính phủ của PAP thường là đối tượng của những chỉ trích nặng nề từ nhiều phía, ít nhất

---

1. Ông Chee Soon Juan, Tổng Thư ký Đảng Dân chủ Xingapo từ năm 1993 đến nay.

2. Thể hiện trong phim tài liệu: *Cái giá của sự thịnh vượng: Davies, Brian,* The Price of Prosperity, BBC, Princeton, New Jersey, 1997.

là từ báo chí và truyền thông phương Tây. Một nghiên cứu về Xingapo đưa ra kết luận rằng, "Xingapo không phải là một nền dân chủ, mặc dù nước này tổ chức các cuộc bầu cử dân chủ và sử dụng các thuật ngữ dân chủ, như quốc hội và thủ tướng chính phủ. Dân chủ theo phong cách châu Á ở Xingapo có thể gọi là chủ nghĩa độc đoán"[1].

Tuy nhiên, ngoài định nghĩa tối giản đã trình bày ở trên, nếu so sánh với một định nghĩa rộng hơn về dân chủ thì Xingapo cũng có vẻ phù hợp hơn với các yêu cầu về một xã hội dân chủ. Cũng theo từ điển Bách khoa toàn thư về tư tưởng dân chủ, "một quan niệm toàn diện về dân chủ không chỉ bao gồm các yếu tố dân chủ cổ điển theo quy tắc phổ quát mà còn là yếu tố tự do bảo vệ cho quyền lợi của cá nhân và các yếu tố mang đặc trưng cộng hòa của việc khai thác lợi ích công thông qua nhà nước pháp quyền"[2]. Như vậy, ngoài khái niệm về dân chủ bầu cử thì định nghĩa này đã bao hàm các yếu tố dân chủ khác: (1) Việc quân đội hoặc các tổ chức quyền lực khác không có trách nhiệm với cử tri nhưng lại có trách nhiệm với những người được bầu ra; (2) Trách nhiệm giữa những người nắm giữ quyền lực với nhau; (3) Tự do ngôn luận về lợi ích và giá trị của các nhóm quyền lực và cá nhân trong lĩnh vực dân sự và chính trị;

---

1. Tamney, J. B.: *The Struggle over Singapore s Soul: Western Modernization and Asian Culture,* New York: Walter de Gruyter, 1996.

2. Paul Barry Clarke: *Encyclopedia of Democratic Thought, Ibid,* p.151.

(4) Về mặt pháp quyền, các quy định của pháp luật được áp dụng một cách công bằng, nhất quán và dễ hiểu, qua đó các cơ quan nhà nước "đều là đối tượng của pháp luật để những điều kiện này bảo vệ tự do cá nhân, tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, tự do lập hội, tự do biểu tình và tự do đi lại..."[1].

Đối chiếu với các yếu tố mà định nghĩa trên nêu ra thì thực tế ở Xingapo đáp ứng được điểm (1), với điểm (2) thì có vẻ như đã đáp ứng được phần nào. Còn hai điểm sau, điểm (3) và điểm (4) là những điểm mà Xingapo đang gặp phải nhiều vấn đề nhất và bị chỉ trích nhất.

Trong thực tế, Xingapo là một nhà nước có hệ thống thống trị độc đảng. Nó là một nền dân chủ nghị viện, nơi mà đảng cầm quyền vẫn nắm quyền kể từ thời lập quốc đến nay. Ngoài ra, cũng có một số ý kiến đồng thuận cho rằng Xingapo có một chế độ bán dân chủ (hay dân chủ nửa vời) và tương đối tự do. Theo xếp hạng của Freedom House[2], từ năm 2007 trở về trước Xingapo được cho là một xã hội tương đối dân chủ (hay dân chủ từng phần, dân chủ nửa vời[3]), với việc quyền chính trị tương đối thấp hơn so

---

1. Paul Barry Clarke: *Encyclopedia of Democratic Thought, Ibid,* p.151.

2. Freedom House: Một tổ chức phi chính phủ quốc tế có chức năng theo dõi tiến trình dân chủ hóa toàn cầu, cũng như khảo sát và nghiên cứu về tình trạng thực thi tự do chính trị cũng như các quyền tự do cơ bản của công dân tại các quốc gia trên thế giới.

3. Nguyên văn: "Freedom House ranked Singapore as partly democratic".

với tự do dân sự[1]. Theo thang điểm xếp hạng từ 1 đến 7, trong đó 1 được coi là hoàn toàn tự do và 7 là hoàn toàn mất tự do thì Xingapo được xếp hạng 5 về quyền chính trị và hạng 4 về tự do dân sự.

Phải thừa nhận rằng, chúng ta không thể quy kết một chính phủ có khuynh hướng độc tài là một chế độ không có dân chủ. Trong mô hình dân chủ của Xingapo, nhà nước áp dụng một kiểu "nghiệp đoàn phổ quát" có vai trò phổ quát như vai trò can thiệp, vai trò phối hợp và vai trò quyết định có xu hướng gia trưởng trong nhiều lĩnh vực của xã hội. Biện minh của chế độ đối với việc thực hiện khuynh hướng tự do - thông qua việc thực hành chế độ "dân chủ công đoàn" - họ thường dùng các thuật ngữ để bảo vệ như "lợi ích dân tộc" lâu dài của quốc gia.

Tuy nhiên, một chính phủ dân chủ phi tự do có khuynh hướng độc tài thường mang lại những hậu quả nhất định. Ở Xingapo, người dân nước này "phải" phục tùng chính trị một cách ép buộc và thực tế phi chính trị hóa, một kiểu văn hóa chính trị đặc biệt thể hiện khá rõ dưới thời Tổng thống Lý Quang Diệu. Điều này đã làm cho các đảng đối lập không có khả năng thách thức với chính phủ của PAP. Đây là thực tế mà các nhà nghiên cứu, như Chan Heng Chee... dùng để mô tả bối cảnh chính trị giai đoạn đầu của Xingapo

1. Freedom House, Singapore, Country Report, (Freedom House, Washington D.C., 2007), <http://www.freedomhouse.org/template.cfin?page=22&year=2007&country=7269>, (cited November 12, 2008).

là một thể chế "nhà nước hành chính"[1]. Đây là một hình thái nhà nước trao quyền lực to lớn cho giới tinh hoa chính trị và quan liêu cầm quyền.

Với quyền lực to lớn của mình, chính phủ của PAP đã tiến hành thực hiện một quá trình xã hội hóa nhà nước một cách có hệ thống và kiên định nhằm mục đích tạo cho toàn thể công dân nước này những giá trị chính trị, xã hội nhất định. Quá trình này bao gồm việc tiến hành điều chỉnh nhiều chính sách gây tranh cãi trên cơ sở lợi ích dân tộc lâu dài. Có nhiều năm, các đảng đối lập không giành được ghế nào trong quốc hội và PAP luôn nắm ưu thế trong chính trường Xingapo. Đây cũng có thể là lý do nhiều ý kiến cho rằng, dân chủ ở Xingapo không thật sự dân chủ, hay dân chủ từng phần, dân chủ phi tự do... Tuy nhiên, cơ chế đa đảng vẫn tồn tại ở Xingapo và xã hội Xingapo vẫn phát triển nhanh và ổn định. Do vậy, mặc dù rất khó khăn khi áp thực trạng dân chủ ở Xingapo theo vô số các định nghĩa về dân chủ đang tồn tại, nhưng có một điều là dân chủ ở Xingapo nằm ở khoảng giữa của thang độ không hề có dân chủ và hoàn toàn dân chủ và xã hội Xingapo vẫn phát triển nhanh, mạnh, cuộc sống người dân được nâng cao.

b) Các quyền tự do dân chủ cơ bản

Ở Xingapo, Hiến pháp quy định tính dân chủ bằng việc nêu ra các quyền tự do cho con người, như tự do ngôn

---

1. Chan Heng Chee: *Politics in an administrative state: where has the politics gone?,* in Seah Chee Meow (ed), Trends in Singapore; Proceedings and Background Paper, 1975, p.51-68, (Singapore: Singapore University Press).

luận, hội họp và lập hội, tự do lập đảng và thực thi đa nguyên. Tuy nhiên, Xingapo quy định những hạn chế về tự do ngôn luận, hội họp và lập hội và những hạn chế đó được thể hiện cả ở trong Hiến pháp và nhiều bộ luật khác nhau của nước này. Ví dụ, trong Hộp 1 Hiến pháp Xingapo cho phép tự do ngôn luận, hội họp và lập hội. Tuy nhiên, các quyền tự do đó lại bị ràng buộc và bị hạn chế hay cấm đoán khi thấy cần thiết. Những cấm đoán hay hạn chế được áp dụng thông qua các bộ luật, các chính sách và cả các thủ tục thực thi (khoản 1 và 2 của Điều 14 Hộp 1 Hiến pháp Xingapo).

Đặc biệt, mặc dù Hiến pháp quy định mọi công dân được tự do hội họp, song Xingapo đã áp dụng những hạn chế đối với quyền tự do này. Những hạn chế, cấm đoán ở Xingapo được áp dụng ngay cả đối với việc phải xin phép bằng văn bản và phải được sự đồng ý của chính quyền khi muốn tổ chức một cuộc họp gồm từ 5 người trở lên. Giấy phép do cảnh sát cấp, tuy nhiên những quy định hướng dẫn về việc những loại hoạt động nào được phép tổ chức, những hoạt động nào không được tổ chức thì lại không được công khai. Vì vậy, đã có nhiều cuộc tụ họp hay tham dự các bài giảng đã không được tổ chức hoặc được tổ chức nhưng không mang lại thành công lớn vì những hạn chế kiểu này do Chính phủ quy định. Như vậy, có thể thấy, Hiến pháp Xingapo quy định một số quyền tự do cho người dân nhưng lại đưa ra những hạn chế, ràng buộc và cấm đoán khi thực thi đã thể hiện rằng dân chủ ở Xingapo chưa hoàn toàn đạt tới mức như ở các nước phát triển phương Tây.

Hộp 1: Trích dẫn từ Hiến pháp Xingapo[1]

Tự do ngôn luận, hội họp và lập hội

14 - (1) Theo khoản (2) và (3):

(a) Tất cả các công dân Xingapo có quyền tự do ngôn luận; (b) Tất cả các công dân Xingapo có quyền tự do hội họp trong không khí hòa bình và không bị can thiệp bằng vũ khí; và (c) Tất cả các công dân Xingapo có quyền tự do thành lập các hiệp hội.

(2) Theo luật, Quốc hội có thể áp đặt:

(a) Đối với các quyền quy định ở khoản (1) (a): Những hạn chế (cấm đoán) đối với các quyền tự do đó được áp dụng nếu thấy cần thiết hoặc có lợi cho lợi ích an ninh của Xingapo, có lợi cho quan hệ hữu nghị với các nước khác, cho trật tự hoặc đạo đức công cộng và những hạn chế được đưa ra để bảo vệ những đặc quyền của Quốc hội hoặc nhằm chống lại sự không tuân lệnh tòa án, nói xấu hoặc xúi giục bất kỳ hành vi phạm tội nào; (b) đối với các quyền được quy định tại khoản (1) (b): Những hạn chế được sử dụng khi thấy cần thiết hoặc có lợi cho an ninh của Xingapo hay trật tự công cộng; và (c) đối với các quyền được quy định tại khoản (1) (c): Hạn chế được áp dụng khi thấy cần thiết hoặc có lợi cho lợi ích an ninh của Xingapo, đối với trật tự hoặc đạo đức công cộng.

(3) Những hạn chế đối với quyền thành lập các hiệp hội được quy định tại khoản (1) (c) cũng có thể được áp đặt bởi bất cứ bộ luật nào liên quan đến lao động hoặc giáo dục.

1. Attorney General's Chambers: *Constitution of the Republic of Singapore, http://statutes. agc. gov. sg/nonvers ion/cgi-bin/ cgiretrieve.pl?& actno=RevedCONST&date=latest&method=part>,* (trích dẫn tháng 3-2014).

c) Sự tham gia của người dân vào các hoạt động của Chính phủ

Sự tham gia của người dân vào các hoạt động của chính phủ cũng là một tiêu chí đánh giá thực trạng dân chủ của một nước[1]. Giống như nền dân chủ, sự tham gia của người dân có thể diễn ra một cách liên tục. Ở thái cực này, sự tham gia có nghĩa là sự liên đới một cách tích cực vào việc đưa ra các quyết định hằng ngày. Ở một thái cực khác, sự tham gia chỉ đơn giản là cơ hội để lựa chọn hay bỏ phiếu trong các cuộc bầu cử. Vì thế, sự tham gia đòi hỏi phải có cơ hội để nói lên tiếng nói và suy nghĩ của mình cũng như đòi hỏi phải được cung cấp thông tin mà mình có quyền được biết. Sự tham gia có thể hoặc là được tạo điều kiện hoặc là bị ngăn cản bởi Hiến pháp hay pháp luật, khả năng tiếp cận thông tin và công nghệ. Việc tham gia có thể là cá nhân hay thông qua một tổ chức nào đó, như các tổ chức xã hội nghề nghiệp hay tương tự.

Thực tế ở Xingapo cho thấy, mối quan hệ giữa các cá nhân, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, công đoàn và phe đối lập đã có từ trong lịch sử, khi đất nước mới được thành lập. Sự xung đột giữa các tổ chức xã hội tạo nên bối cảnh cho sự ra đời của Đảng Hành động Nhân dân (PAP). Ở Xingapo, các luận cứ mà chính phủ đưa ra để hạn chế và cấm đoán chủ nghĩa đa nguyên và sức ép bất đồng quan điểm thường dựa vào cơ sở cho rằng các xu hướng đó là có hại đối với việc

1. Paul Barry Clarke: *Encyclopedia of Democratic Thought, Ibid,* p.447.

xây dựng đất nước và đoàn kết dân tộc[1]. Vì vậy, trong khi có một số ý kiến bàn luận cho rằng quản trị dân chủ tự do của PAP được thúc đẩy bởi các cam kết quyền lợi quốc gia dài hạn (quan trọng hơn cả sự tồn tại của đảng cầm quyền) thì hậu quả của một kiểu tư duy chính trị như vậy của phe đối lập là không thể bỏ qua. Theo đó, việc trưng cầu các quan điểm đối lập nhằm mục tiêu phát triển xã hội, phát triển đất nước là hết sức quan trọng trong một thể chế dân chủ, và điều này đang bị thiếu hụt đối với trường hợp của Xingapo.

Tính minh bạch và đối thoại được coi là cần thiết trong việc thúc đẩy dân chủ, vì nó có vai trò thúc đẩy phát triển tinh thần sáng tạo, đổi mới trong xã hội. Tinh thần sáng tạo và đổi mới này rất quan trọng nếu Xingapo muốn duy trì sức cạnh tranh của mình. Thách thức tiếp theo đối với Xingapo là làm sao phát triển hơn nữa và thành công hơn nữa trong khi sự minh bạch và tăng cường đối thoại chưa hẳn là một điểm mạnh của nước này. Để làm được điều đó đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới và sáng tạo. Thách thức đối với Xingapo hiện nay là cố gắng thúc đẩy đổi mới, sáng tạo trong vô vàn khó khăn mà họ đang đối mặt. Mặc dù có thể thực hiện được các mục tiêu phát triển của mình, bối cảnh thế giới mới chắc chắn sẽ đòi hỏi đất nước này thực hiện một số điều chỉnh chiến lược của mình nhằm duy trì sức cạnh tranh, duy trì vị thế nền kinh tế hàng đầu ở Đông Nam Á.

---

1. Diamond, L J, Ling, J & Lipset, S M (eds): *Democracy in Asia,* New Delhi: Vistaar Publications, 1989, p.190-202.

Muốn vậy, Xingapo phải minh bạch hơn nữa trong các hoạt động của Chính phủ, đồng thời Chính phủ cần phải thực hiện đối thoại và phản biện xã hội nhiều hơn nữa.

d) Vai trò của các phương tiện truyền thông

Truyền thông có vai trò rất quan trọng trong việc tham gia vào thực hành dân chủ ở một nước, vì nó "làm thay đổi sự hình thành dư luận và làm cho dư luận có ảnh hưởng trực tiếp và tức thì vào đời sống chính trị của một nước"[1]. Tại Xingapo, hầu hết các phương tiện truyền thông đều thuộc sở hữu của Chính phủ. Mỗi loại hình truyền thông chỉ được cấp phép hoạt động trong vòng một năm, sau đó phải gia hạn hay cấp mới. Trong thực tế, đã có trường hợp truyền thông ở Xingapo bị kiện. Tất cả những tình huống đó làm nảy sinh thực tế là Xingapo thực hiện tự kiểm duyệt hoặc phải cẩn thận khi đề cập các vấn đề gây tranh cãi. Vì thế, nó gây nên một biến thể của thực hành dân chủ mà một số nhà nghiên cứu đưa ra, như truyền thông "bị quản lý chặt chẽ" và truyền thông "độc đoán", qua đó Chính phủ trong khi thực hành dân chủ cần phải có ý thức hạn chế "khả năng xuất hiện tư tưởng tự trị"[2] để có thể kiểm duyệt và bảo đảm tính dân chủ trong hoạt động của Chính phủ. Chiếu theo quan niệm này, việc kiểm soát thông tin ở

---

1. Seymour Martin Lipset: *Encyclopedia of Democracy,* Washington DC. Congressional Quarterly, 1995, p.1223.

2. Lam Peng Er: *Singapore: rich state, illiberal regime, in J W Morley (ed), Driven By Growth: Political Change in the Asia Pacific Region,* New York: M E Sharpe, 1999, p. 255-274.

Xingapo khá chặt chẽ; do đó, các phương tiện truyền thông của nước này chưa phục vụ được mục tiêu dân chủ theo quan niệm của phương Tây.

2. Một số hạn chế của thực hành dân chủ ở Xingapo

Mặc dù được gắn cho nhiều tên gọi khác nhau không mấy "thân thiện" với dạng thức dân chủ thực sự của mình như: "dân chủ nửa vời", "dân chủ phi tự do", "dân chủ độc tài",... nhưng nhìn chung nền dân chủ mà Xingapo đã và đang thực hiện cũng như với sự lãnh đạo của PAP đã đem lại những thành công trong việc duy trì ổn định, phát triển kinh tế - xã hội của nước này.

Một trong những kết quả có giá trị mà nền dân chủ Xingapo mang lại là sự ổn định về kinh tế, chính trị - xã hội. Trong lịch sử gần 60 năm lập quốc, Xingapo là điển hình của sự ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội. Đạt được kết quả lớn lao đó, có thể nói, là do chất lượng của Đảng Hành động Nhân dân (PAP) và đội ngũ lãnh đạo chính trị của Đảng. Với việc thực hiện những chính sách hợp lòng dân, thực hiện các giải pháp quản trị xã hội theo hình thái dân chủ kiểu Xingapo đã làm nên một Xingapo thành công vượt bậc cả về ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội, biến Xingapo thành một trong những nước NIEs[1] đầu tiên ở châu Á.

Tuy nhiên, việc thực hành dân chủ ở Xingapo vẫn gặp phải những thách thức, hạn chế nhất định:

---

1. Các nước công nghiệp hóa mới.

Một là, ở Xingapo vẫn còn có những chỉ trích, đòi hỏi từ phía người dân muốn Xingapo phải thay đổi, phải cởi mở và minh bạch hơn nữa.

Sự thành công của Xingapo trong phát triển kinh tế - xã hội đã tạo ra một tầng lớp trung lưu đông đảo có giáo dục, có kỹ năng, có nhu cầu cao và vì thế, họ luôn muốn có ý kiến đối với các vấn đề của đất nước thay vì phó mặc cho đội ngũ lãnh đạo chính trị như trước đây bất chấp trình độ, khả năng và sự trong sạch của Chính phủ như thế nào. Thêm nữa, việc nhà nước quan tâm trọng dụng nhân tài đã dẫn tới việc theo đuổi sự xuất sắc, hiệu quả và thành tích cá nhân, tạo ra một xã hội có xu hướng chủ nghĩa cá nhân. Điều này trở nên phức tạp hơn bởi toàn cầu hóa đã tạo ra cơ hội mới và làm cho nhân tài dễ dàng di chuyển hơn giữa các quốc gia, trong khi quy mô dân số nước này đang có xu hướng tăng. Như vậy, Xingapo sẽ phải đối mặt với sự thay đổi về dân số, về di cư và nhập cư trong thời gian tới và Chính phủ phải tìm được giải pháp hữu hiệu để thực hiện tốt công tác quản trị, để bảo đảm ổn định cho sự phát triển.

Hai là, sự phát triển ở bên ngoài cũng đặt ra những thách thức đối với việc quản trị của Xingapo. Hội nhập kinh tế đã tăng lên đáng kể trong những năm gần đây. Trong khi được hưởng lợi nhiều từ tác động của toàn cầu hóa, nền kinh tế mở của Xingapo cũng rất nhạy cảm với những biến động trong thương mại và tài chính toàn cầu. Cho đến nay, Xingapo đã có thể thu hút các kiểu nhà đầu tư cho tăng trưởng kinh tế, tức là những nhà đầu tư tập trung vốn và

trình độ kỹ năng với cam kết đầu tư dài hạn, thay vì các nhà đầu tư ngắn hạn chủ yếu là nhờ nền tảng kinh tế vĩ mô vững vàng với các chính sách ủng hộ kinh doanh và môi trường chính trị ổn định. Việc liên tục tạo ra môi trường như vậy cho tăng trưởng kinh tế là không hề dễ dàng trong bối cảnh thế giới ngày càng phức tạp, nhiều biến động và kết nối nhanh chóng như hiện nay. Tuy nhiên, Xingapo cũng bị hạn chế nhiều bởi quy mô nhỏ bé, thiếu hụt các nguồn lực tự nhiên và tầm ảnh hưởng hạn chế của nó đối với sự phát triển toàn cầu.

Tóm lại, mặc dù vẫn có các ý kiến nhằm chứng minh rằng nền dân chủ của Xingapo còn nhiều hạn chế, nhưng những lợi ích mà nó đem lại rất lớn. Xingapo là nước duy nhất trên thế giới đã chuyển mình từ một nước đang phát triển thành một nước phát triển trong vòng chưa đầy 40 năm. Họ có thành tích cao về an ninh công cộng, về hệ thống giáo dục tuyệt vời, mức sống cao, người vô gia cư rất ít, hầu như không có thất nghiệp, và thu nhập bình quân đầu người cao.

Để phát triển và duy trì năng lực cạnh tranh trong tương lai, đội ngũ lãnh đạo mới ở Xingapo cần phải cân bằng sự chuyển tiếp tới một loại hình dân chủ "tốt hơn", đón nhận các ý kiến tham gia cả của đảng cầm quyền PAP lẫn của các đảng đối lập để xây dựng một xã hội dân chủ hơn.

3. Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Không giống như nền dân chủ đa đảng của Thái Lan, dân chủ của Xingapo là nền dân chủ một đảng. Điều này đã

đem lại sự ổn định chính trị và những thành tựu phát triển kỳ diệu của Xingapo.

So sánh kinh nghiệm thực hành dân chủ giữa Thái Lan và Xingapo, chúng ta có thể nhận thấy rằng, một nền dân chủ thực sự không phụ thuộc vào thể chế chính trị đa đảng hay một đảng, mà cốt yếu là phụ thuộc vào bản chất của chế độ đó được thể hiện qua đường lối, chủ trương, chính sách của đảng cầm quyền. Đảng cầm quyền thực sự tiêu biểu cho tinh hoa trí tuệ, đại diện cho ý chí, nguyện vọng, quyền lợi của toàn thể nhân dân, dân tộc thì sẽ là nhân tố quyết định một nền dân chủ thực sự và sự ổn định, phát triển bền vững của đất nước. Trong trường hợp của Xingapo, Đảng Hành động Nhân dân (PAP) là một đảng như vậy.

Ở Xingapo, người đứng đầu Đảng Hành động Nhân dân cũng là người đứng đầu cơ quan hành pháp. Chính sách của Đảng được thể hiện qua chính sách của Nhà nước chứ không có sự phân biệt rõ đâu là Đảng, đâu là Nhà nước. Đường lối của Đảng được thể hiện trong chính sách của Nhà nước. Người đứng đầu luôn gương mẫu và làm đúng chức năng được giao.

Có thể nói, chính việc lựa chọn chế độ một đảng đã đem lại sự ổn định chính trị và sự phát triển vững chắc cho Xingapo. Thay vì phải đề ra các chính sách ngắn hạn có thể mang lại kết quả mau chóng nhằm tranh cử như trong chế độ đa đảng, chế độ một đảng tỏ ra ưu việt hơn trong việc đề ra kế hoạch phát triển dài hạn cho đất nước, đặc biệt là phát triển kinh tế.

Bên cạnh đó, chế độ chính trị một đảng cũng là lợi thế trong việc lựa chọn và trọng dụng nhân tài. Trong một hệ thống đa đảng, không có gì bảo đảm bảo người hoạt động tốt ở chính quyền cấp thấp sẽ được trọng dụng ở cấp cao hơn; ngoài ra, cũng ít có động lực để đào tạo cán bộ trong quản trị cấp cao khi nhân sự chủ chốt luôn thay đổi theo chu kỳ bầu cử. Việc phải quan tâm đến cuộc bầu cử tiếp theo nhiều khi khiến các nhà lãnh đạo đưa ra các quyết định bị ảnh hưởng bởi những đắn đo và cân nhắc chính trị ngắn hạn so với các đối thủ (các đảng phái khác). Lãnh đạo được bầu lên nhiều khi còn bị tác động bởi hoạt động vận động bầu cử hành lang từ các nhóm lợi ích.

IV- THỰC HÀNH DÂN CHỦ Ở ĐÀI LOAN

1. Nội dung thực hành dân chủ ở Đài Loan

Năm 1949, Quốc dân Đảng thất bại rút chạy về Đài Loan. Để duy trì ổn định cho sự cầm quyền, Quốc dân Đảng liên tục thực hiện chính sách "giới nghiêm quân sự" ở đây. Hàng loạt sự kiện bi thảm, đẫm máu đã xảy ra trong thời kỳ này, như "sự kiện ngày 28 tháng 2", "sự kiện đảo Mỹ Lệ"... - những sự kiện mà trong đó nhiều người Đài Loan đã bị bức hại, bị tước đi mạng sống của mình.

Năm 1987, Tưởng Kinh Quốc tuyên bố giải trừ lệnh giới nghiêm, mở ra con đường phát triển dân chủ hóa ở Đài Loan. Nhìn từ bên ngoài, quá trình này bắt nguồn từ một quyết định cá nhân, song về sâu xa, nó được bắt đầu bởi

hai nguyên nhân, *một là* xã hội Đài Loan đối diện với các vấn đề bên trong và bên ngoài, *hai là* sự quyết đoán của các lãnh đạo Đài Loan.

Trước hết, sự phát triển của xã hội Đài Loan đã gây sức ép rất lớn đối với chính quyền Quốc dân Đảng. Trong những năm 70 thế kỷ XX, kinh tế Đài Loan có bước phát triển mạnh mẽ, cùng với đó là sự tăng trưởng của giai cấp trung lưu, sự mở cửa của Đài Loan với thế giới và ngày càng có nhiều người đi ra ngoài để hiểu biết hơn. Trong lòng xã hội, tiếng nói yêu cầu tự do ngôn luận, tự do lập hội ngày càng trở nên mạnh mẽ. Xã hội yêu cầu phải mở rộng con đường tham dự chính trị cho mọi công dân thay cho sự lũng đoạn quyền lực của Quốc dân Đảng. Vượt qua sự cấm đoán của chính quyền, tiếng nói của các tầng lớp trong xã hội được thể hiện qua nhiều hình thức truyền thông khác nhau, các tổ chức phi chính phủ cũng được thành lập ngày càng nhiều. Bên cạnh đó, những biến động lớn của quốc tế cũng ảnh hưởng sâu sắc đến Đài Loan, nhất là sự kiện Trung Quốc gia nhập Liên hợp quốc, Đài Loan rút khỏi Liên hợp quốc. Điều này đã gây chấn động mạnh trong lòng xã hội Đài Loan. Sau khi tiến hành cải cách mở cửa từ cuối những năm 70 thế kỷ XX, Trung Quốc có những sự thay đổi to lớn và ngày càng gia tăng áp lực cho Đài Loan. Những áp lực và thách thức này buộc chính quyền Quốc dân Đảng phải lựa chọn con đường dân chủ hơn. Năm 1987, những người đứng đầu Đài Loan đã quyết đoán trong việc tuyên bố giải trừ

giới nghiêm[1], thuận theo ý kiến người dân, mở rộng không gian xã hội, cởi trói cho truyền thông, đồng thời cũng cho phép người Đài Loan được đến Trung Quốc đại lục để thăm thân nhân.

Giải trừ giới nghiêm, tự do báo chí là một bước ngoặt đánh dấu những bước đi đầu tiên trong quá trình dân chủ hóa ở Đài Loan. Trong giai đoạn này, việc dân chủ hóa đó không gây ra bất ổn chính trị, cũng như không tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế của Đài Loan. Tuy nhiên, trong lúc đó, Dân tiến Đảng (Đảng Dân chủ tiến bộ) từ một tổ chức đối lập đã phát triển rất nhanh chóng. Sau khi Dân tiến Đảng được chính thức thành lập vào ngày 28-9-1986, dư luận lúc đó cho rằng chính quyền Quốc dân Đảng sẽ tiến hành bắt bớ hàng loạt, song trên thực tế, việc này đã không xảy ra. Có thể nói, Tưởng Kinh Quốc đã âm thầm đồng ý với việc ra đời của Dân tiến Đảng, góp phần tạo ra những sự thay đổi chính trị to lớn.

Con đường dân chủ của Đài Loan cũng tạo ra những thay đổi sâu sắc trong nội bộ Quốc dân Đảng. Sau khi Tưởng Kinh Quốc qua đời, trong nội bộ Quốc dân Đảng đã xảy ra sự tranh cãi giữa việc bầu cử gián tiếp (ủy nhiệm trực tuyển) hay bầu cử trực tiếp (công dân trực tuyển), những

---

1. Phong trào yêu cầu giải trừ giới nghiêm bắt đầu phát triển mạnh vào giữa năm 1980. Đến ngày 14-7-1987, Tưởng Kinh Quốc ban hành "Tổng thống lệnh", tuyên bố bắt đầu từ 0 giờ ngày 15-7-1987 giải trừ toàn bộ lệnh giới nghiêm được áp dụng trên đảo Đài Loan, đảo Bằng Hồ và các đảo khác thuộc Đài Loan, kết thúc 38 năm 2 tháng liên tục giới nghiêm.

tranh cãi gay gắt này đã tạo ra sự phân liệt đầu tiên trong lịch sử Quốc dân Đảng, một bộ phận thuộc phái cải cách đã thoát ly và thành lập Tân Đảng (ngày 10 - 8 - 1993). Chỉ một thời gian ngắn sau đó, Tân Đảng đã trở thành một đảng đối lập lớn mạnh.

Quá trình dân chủ hóa ở Đài Loan cuối cùng cũng đạt được một nấc thang mới: Năm 1996, lần đầu tiên trong lịch sử Đài Loan, mọi cử tri có quyền bỏ phiếu trực tiếp để lựa chọn người đứng đầu cao nhất - tổng thống (toàn dân đại tuyển). Nếu quy giản dân chủ về một hình thức bầu cử, thì dân chủ của Đài Loan thực sự được bắt đầu từ đây. Cuộc bầu cử này tuy gặp sự cạnh tranh từ các đảng khác, song Quốc dân Đảng vẫn dễ dàng giành được thắng lợi, tiếp tục đóng vai trò đảng cầm quyền. Mặc dù vậy, đến kỳ bầu cử tổng thống năm 2000, nội bộ Quốc dân Đảng lại có mâu thuẫn và chia rẽ. Do tranh giành vị trí ứng viên tổng thống với Lý Đăng Huy và Liên Chiến mà Tống Sở Du đã từ bỏ Quốc dân Đảng. Sau đó, Tống Sở Du ra tranh cử tổng thống với tư cách độc lập, không thuộc bất cứ đảng phái nào. Việc ra tranh cử của Tống Sở Du đã giáng một đòn mạnh vào sự chia rẽ vốn có của Quốc dân Đảng, làm phân tán số phiếu của đảng này, kết quả là cả Tống Sở Du lẫn Liên Chiến - ứng viên của Quốc dân Đảng đều thất bại (với tỷ lệ phiếu tương ứng là 36,84% và 23,1%), tạo điều kiện cho Trần Thủy Biển của Dân tiến Đảng giành thắng lợi với 39,3% số phiếu. Đến năm 2004, Quốc dân Đảng cùng với các đảng phái ủng hộ mình tiếp tục thất bại trong kỳ bầu cử tổng thống, dù cho lần này có sự liên minh giữa Liên Chiến và Tống Sở Du.

Cho đến năm 2008, Mã Anh Cửu mới giành thắng lợi, giành lại chính quyền cho Quốc dân Đảng sau 8 năm và tiếp tục tái cử vào năm 2012. Cuộc bầu cử Tổng thống của Đài Loan diễn ra vào ngày 16-1-2016 với chiến thắng thuộc về bà Thái Anh Văn của Dân tiến Đảng.

Việc thực hành dân chủ ở Đài Loan đạt được một số kết quả chủ yếu sau:

Thứ nhất, quá trình dân chủ hóa ở Đài Loan không phá hủy thể chế chính trị sẵn có. Dân chủ được mở rộng với tốc độ nhanh, song không tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế, cũng không gây ra sự hỗn loạn chính trị hay bất ổn xã hội. Quá trình chuyển biến từ một chế độ toàn trị sang chế độ dân chủ ở Đài Loan được đánh giá là tương đối hòa bình, không phát sinh bất cứ sự kiện bạo lực hay đổ máu nghiêm trọng nào.

Thứ hai, chế độ bầu cử tương đối công bằng. Tính hợp pháp của chính trị ở Đài Loan ngày càng rõ nét cùng với sự chuyển biến từ sự cai trị bằng sức mạnh của Quốc dân Đảng sang bầu cử tự do. Mặc dù giai đoạn đầu khi Quốc dân Đảng mới sang Đài Loan, ở đây đã có bầu cử ở cấp cơ sở, như bầu người đứng đầu làng xã (hương trưởng), hay bầu người đại diện ở cấp cơ sở, song những cuộc bầu cử này đều bị khống chế và chi phối bởi Quốc dân Đảng, thậm chí việc dùng tiền để mua phiếu cũng trở thành hiện tượng phổ biến. Chính quyền Quốc dân Đảng đã từng lợi dụng vấn đề này, gọi đó là "dân chủ của Đài Loan" để ru ngủ và kích động người dân phản đối dân chủ. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của tầng lớp trung lưu và sự trưởng thành

của các tổ chức xã hội, đến cuối những năm 80 thế kỷ XX, dưới áp lực của xã hội, chế độ bầu cử của Đài Loan ngày càng hoàn thiện cùng với việc thành lập các ủy ban bầu cử mang tính trung lập, quy trình bầu cử mang tính công bằng và công khai. Hiện nay, mặc dù Đài Loan có nhiều cuộc bầu cử khác nhau: bầu đại biểu Quốc hội (ủy viên Viện Lập pháp), bầu thôn trưởng, xã trưởng (thôn lý trưởng), bầu người đứng đầu huyện và thành phố (huyện thị trưởng), nghị viên cấp huyện, thành phố (huyện thị nghị viên) v.v., song các cuộc bầu cử tự do này đều có quy trình tương đối chặt chẽ, công khai, có kiểm tra, đặc biệt là trong quá trình bỏ phiếu và kiểm phiếu. Tuy nhiên, bầu cử ở Đài Loan còn tồn tại nhiều vấn đề như: việc mua phiếu, thao túng ngầm việc bỏ phiếu, v.v..

Thứ ba, sự chuyển quyền hòa bình qua lại giữa hai đảng. Sau khi sang Đài Loan, Quốc dân Đảng dùng sức mạnh để áp chế người dân Đài Loan, bắt đầu sự cai trị độc tài, lũng đoạn toàn bộ môi trường chính trị Đài Loan. Đã có nhiều trí thức muốn tổ chức các đảng đối lập, song đều không thành công. Đến cuối những năm 80 thế kỷ XX, các đảng đối lập mới chính thức xuất hiện. Tuy sức mạnh chính trị của đảng đối lập không lớn, song đến năm 2000, Dân tiến Đảng đã lần đầu tiên giành được chính quyền thông qua bầu cử. Đến năm 2008, Mã Anh Cửu giành lại thắng lợi cho Quốc dân Đảng, nhưng trong các năm sau đó Dân tiến Đảng vẫn giữ được vai trò của mình thông qua việc giành được nhiều ghế thị trưởng ở các huyện thị; và hiện nay là đảng đang nắm quyền. Cục diện chính trị hai đảng đối lập chính ở Đài Loan

đã định hình, không đảng nào có thể hoàn toàn lấn át hoặc đánh bại tuyệt đối đảng kia. Các đảng phái còn lại (Tân Đảng, Thân dân Đảng) mặc dù có tiếng nói, song không có sức mạnh cũng như không thể thay thế được hai đảng kia. Xét từ góc độ giai tầng xã hội, có thể nói, Quốc dân Đảng đại diện cho những người đến từ Trung Quốc đại lục sau năm 1949 (ngoại tỉnh tịch) và tầng lớp trung lưu ở thành thị, còn Dân tiến Đảng đại diện cho người Đài Loan bản địa (nội tỉnh tịch) và những người thuộc tầng lớp dưới trong xã hội. Còn xét theo góc độ địa lý, ở miền Bắc Đài Loan đa số theo Quốc dân Đảng, ở miền Nam Đài Loan đa số theo Dân tiến Đảng. Bước đầu dân chủ hóa ở Đài Loan được đánh giá là thuận lợi và tích cực vì hai đảng này liên tục thay nhau trong quá trình cầm quyền, chứng tỏ những nguyên tắc dân chủ cơ bản được cả hai bên và toàn xã hội tuân thủ chặt chẽ.

2. Một số hạn chế trong thực hành dân chủ ở Đài Loan

Thứ nhất, vấn đề lịch sử để lại chính là vấn đề tộc người và ý thức về bản sắc dân tộc, biểu hiện dưới góc độ ý thức hệ là việc Đài Loan thống nhất hay độc lập với Trung Quốc đại lục. Vấn đề này đã hình thành tương đối lâu trong lịch sử, và vấn đề Đài Loan độc lập dần dần trở thành sức mạnh chính trị của Dân tiến Đảng, thành ngọn cờ để lôi kéo quần chúng ủng hộ Dân tiến Đảng. Trong khi đó, Quốc dân Đảng chủ trương phát triển quan hệ hai bờ, việc này bị Dân tiến Đảng phê phán là hành động "bán rẻ Đài Loan". Vấn đề tộc

người và vấn đề thống nhất, độc lập của Đài Loan đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến dân chủ của Đài Loan những năm qua, trở thành căn cứ quan trọng để phân biệt giữa hai đảng. Vấn đề này sẽ còn tiếp tục căng thẳng trong những năm tới.

Thứ hai, một vết ố của dân chủ ở Đài Loan được thể hiện qua các hành động bạo lực, đánh nhau giữa một số đại biểu trong Quốc hội Đài Loan. Có một số người bào chữa cho hiện tượng này, coi đây là vấn đề mang tính thời điểm trong quá trình phát triển dân chủ. Lại có hiện tượng không ít nghị viên "diễn" cảnh đánh nhau trước ống kính phóng viên để thể hiện "nhiệt huyết" của bản thân nhằm giành phiếu bầu, nhưng ngay sau đó lại đi ăn cơm với nhau. Ngoài ra, còn có vấn đề phân liệt giữa một số nhóm xã hội khác nhau, tranh cử bằng giao dịch quyền lực và tiền bạc, thậm chí còn dùng các thủ đoạn tranh cử chưa từng có như "kỳ án" ám sát ứng viên tổng thống.

Thứ ba, năng lực thắng cử và năng lực cầm quyền có sự khác biệt. Tầng lớp tinh hoa trong phía đối lập bộc lộ hạn chế về khả năng cầm quyền (performance) khi đã trở thành thành viên trong chính phủ mới, không thực hiện được những lời hứa khi đang tranh cử. Có không ít người ủng hộ đảng đối lập đã đánh mất lòng tin với thể chế chính trị và hiệu quả của chính phủ khi đảng đó cầm quyền, họ hoặc phản đối, hoặc lãnh cảm chính trị, đánh mất năng lực hồi đáp (responsiveness) của mình, thậm chí hoài nghi cả quá trình dân chủ hóa lẫn thể chế dân chủ.

Thứ tư, quyền lực chính trị của các nhà lãnh đạo Đài Loan hiện nay không còn mạnh như trước, mà một trong

những thể hiện là trong những năm gần đây, những người đứng đầu Đài Loan có sự thiếu hụt so với các thế hệ trước về ý chí chính trị kiên định để phát triển xã hội, ý thức về sự tồn vong của dân tộc[1]. Sự cạnh tranh và liên minh về chính trị cũng quyết định các chiều hướng chính sách kinh tế; vì vậy, chủ đề phát triển kinh tế mang tính chỉnh thể không được chú ý nhiều. Ngoài ra, do tốc độ nhanh chóng, tính chất tạm thời của các kỳ bầu cử liên tiếp để cạnh tranh chính trị ở Đài Loan mà các chính sách kinh tế cũng mang tính ngắn hạn, tính khẩu hiệu và mị dân cũng tương đối rõ nét.

Thứ năm, một điểm yếu nữa của dân chủ ở Đài Loan, đó là nhiều người phê phán cả hai đảng chỉ biết tranh giành quyền lực, lôi kéo phiếu bầu bằng mọi giá mà dường như không chú ý đến quản lý và phát triển Đài Loan. Các nghị viên Quốc hội cũng bị phê phán là không để tâm trí vào việc thảo luận chính sách mà chỉ lo đi khắp nơi lôi kéo phiếu bầu. Điều này thể hiện rằng, tuy về hình thức Đài Loan đã có dân chủ, nhất là việc hai đảng thay nhau cầm quyền, song về nội dung dân chủ, chất lượng dân chủ vẫn cần phải được nâng cao và hoàn thiện. Quá trình phát triển dân chủ ở Đài Loan khoảng 30 năm qua còn mới mẻ và đương nhiên còn tồn tại nhiều vấn đề phải giải quyết trong thời gian tới.

---

1. Wan-wen Chu: "Dân chủ hóa và phát triển kinh tế - sự chuyển hóa mô hình nhà nước thất bại của Đài Loan", Tạp chí *Nghiên cứu xã hội Đài Loan,* số 84, tháng 9-2011, tr.33.

3. Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Thứ nhất, đảng cầm quyền có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình thực hành dân chủ. Ở Đài Loan, Quốc dân Đảng đóng vai trò mang tính quyết định trong quá trình dân chủ hóa. Từ một đảng mang tính uy quyền và bài ngoại, Quốc dân Đảng đã tự chuyển mình theo hướng dân chủ, tạo ra sự đồng thuận trong nội bộ đảng, tạo xu thế có lợi cho quá trình dân chủ hóa. Nếu không có quyết tâm kiên định theo đuổi con đường dân chủ hóa một cách chủ động, ôn hòa, lý tính của Quốc dân Đảng thì Đài Loan sẽ không có được thành tựu về dân chủ như ngày nay. Ở Việt Nam, với tư cách lực lượng tiên phong, đại diện cho ý chí và lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam đã, đang và sẽ tiếp tục gánh vác trách nhiệm nặng nề hơn trong quá trình thực hành dân chủ.

Thứ hai, điều kiện kinh tế có tác động mang tính căn bản đến tốc độ và chất lượng của quá trình thực hành dân chủ. Nếu như phát triển kinh tế có thể sẽ dẫn đến xu hướng dân chủ, giữa dân chủ và phát triển kinh tế có quan hệ tác động qua lại với nhau thì rõ ràng để thực thi trật tự dân chủ, cần có những điều kiện tiên quyết về kinh tế và xã hội. Đài Loan đã sớm có những điều kiện kinh tế cho quá trình dân chủ hóa. Nền kinh tế phát triển đến một mức độ nhất định thì quá trình thực hành dân chủ sẽ có điều kiện song hành với công bằng xã hội và tiến bộ xã hội, tránh được các vấn nạn về mâu thuẫn giai tầng, phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng trong phân phối, đói nghèo, lạm phát, v.v..

Thứ ba, vai trò quan trọng của tầng lớp trung lưu, trí thức. Chính quyền Đài Loan trong khi hoạch định các chính sách kinh tế lớn đã đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa. Một trong những hệ quả của nó là có sự gắn kết mật thiết giữa nhà cầm quyền với giới tinh hoa trong lĩnh vực công nghiệp và thương nghiệp. Điểm có lợi ở đây là có nhiều tiếng nói hơn đối với đảng cầm quyền, có thể tạo ra không gian cho cải cách dân chủ, đổi mới thể chế chính trị có lợi cho quốc gia.

Thứ tư, thực hành dân chủ là không chờ đợi, dân chủ có thể có những bước tiến trong bất kỳ hoàn cảnh nào, vấn đề ở chỗ các chủ thể trong xã hội có sẵn sàng thực hiện hay không. Đài Loan trong quá trình lịch sử lâu dài bị sự thống trị bởi chế độ chuyên chế Mãn Thanh, sự áp bức của chủ nghĩa đế quốc, sự quản lý của chủ nghĩa thực dân và cai trị của chính quyền Quốc dân Đảng, hoàn toàn chưa biết gì về dân chủ hiện đại. Quá trình dân chủ hóa ở Đài Loan là một bước tiến thẳng ngay từ lúc bắt đầu, mà không phải sửa chữa những thất bại của các quá trình dân chủ hóa khác.

Thứ năm, thực hành dân chủ phải gắn với điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa của từng quốc gia, dân tộc. Không có một mô hình dân chủ hay các bước đi dân chủ nào là duy nhất đúng hoặc có thể áp dụng rập khuôn với các không gian, thời gian khác nhau. Một chế độ phải phù hợp với hoàn cảnh của mỗi nước, dù các nước có tương tự nhau về điều kiện kinh tế - xã hội thì giữa họ vẫn có những sự khác biệt về thể chế chính trị, điều đó có nghĩa là không thể có một mô hình dân chủ chung cho mọi quốc gia. Mỗi nước

phải tự chọn cho mình con đường và mô hình phù hợp trong quá trình thực hành dân chủ. Khái niệm dân chủ xuất phát từ Hy Lạp, song nội dung và ý nghĩa của dân chủ tồn tại trong nền văn hóa của tất cả các dân tộc. Dân chủ cũng như các giá trị phổ biến khác là thành quả của văn minh nhân loại, cũng là mục đích mà mọi người ở trong mọi thể chế chính trị khác nhau đều theo đuổi. Chính vì vậy, không thể quy một cách đơn giản dân chủ về một thể chế chính trị, mà cần nhìn vào hình thức biểu hiện cũng như bản chất của thể chế chính trị đó.

Thứ sáu, cần hết sức tránh tình trạng dân chủ hình thức trong quá trình thực hành dân chủ, tránh gây chia rẽ, phân liệt trong xã hội.

Chương III

THỰC HÀNH DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM THỰC TRẠNG VÀ DỰ BÁO XU HƯỚNG

I- THỰC TRẠNG THỰC HÀNH DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM QUA HƠN 30 NĂM ĐỔI MỚI

1. Những kết quả đạt được trong việc thực hành dân chủ

a) Thực hành dân chủ trong lĩnh vực kinh tế

Một là, về *quan hệ giữa kinh tế và dân chủ.*

Dân chủ là bản chất xã hội của con người, bởi mỗi con người sinh ra đều có khát vọng làm chủ tự nhiên, làm chủ bản thân, từ đó làm chủ xã hội. Như vậy, dân chủ, về bản chất, trước hết là vấn đề xã hội. Để thực hiện được khát vọng làm chủ xã hội, con người phải đấu tranh để vượt qua những lực cản xã hội, phấn đấu để đạt tới những giá trị xã hội cao quý - đó là vấn đề chính trị của dân chủ. Như vậy, dân chủ trở thành vấn đề chính trị - xã hội. Thực hành dân chủ phải thể hiện trong việc làm chủ chính trị - xã hội và làm chủ thực sự trên lĩnh vực chính trị - xã hội. Tuy nhiên, để có thể làm chủ trên lĩnh vực chính trị - xã hội, trước hết con người phải sống. Về nguyên lý này, trong

triết học chính trị, C.Mác và Ph.Ăngghen đều lấy kinh tế làm cơ sở cho việc phân tích quá trình vận động và phát triển của xã hội - và theo các ông, *xét đến cùng*, kinh tế là yếu tố quyết định sự phát triển xã hội, do đó, nó cũng quyết định các hoạt động chính trị - xã hội của con người, trong đó có hoạt động để đạt được khát vọng dân chủ. Như vậy, thực hành dân chủ bao giờ cũng gắn chặt với vấn đề chính trị - kinh tế, trong đó yếu tố chính trị gắn liền với yếu tố kinh tế.

Kế thừa và phát triển triết lý của C.Mác và Ph.Ăngghen về mối quan hệ gắn bó giữa kinh tế và dân chủ, V.I.Lênin đã khái quát hết sức sâu sắc: "Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế"; "chính trị là kinh tế cô đọng lại"[1]. Mặc dù V.I.Lênin không bao giờ quên, thậm chí còn đề cao vai trò quan trọng của chính trị đối với kinh tế - "Chính trị không thể không chiếm địa vị hàng đầu so với kinh tế"[2] nhưng với quan điểm đó, thực chất, ông đã khẳng định bản chất nhân lõi kinh tế của mọi hoạt động chính trị - xã hội của con người, trong đó có hoạt động thực hành dân chủ.

Dân chủ hình thành thực sự khi có kinh tế thị trường (trước đó chỉ là chế độ quân chủ với các thể chế chính trị quân chủ khác nhau). Bởi vì, bản chất của kinh tế thị trường là một quá trình xã hội hóa mọi nguồn lực vật chất và trí tuệ của xã hội, nhằm tạo ra của cải, đồng thời tạo ra các quan hệ lợi ích, quan hệ xã hội, quan hệ chính trị theo tiến trình từ thấp đến cao.

1, 2. V.I.Lênin: *Toàn tập, Sđd,* t.42, tr.311-312, 311.

Nói đến nền kinh tế thị trường là nói đến nền kinh tế vận hành theo quy luật thị trường - quy luật giá cả, quy luật cung - cầu, quy luật lợi nhuận. Tuy nhiên, nền kinh tế thị trường nào cũng là nền kinh tế của một chế độ chính trị - xã hội nhất định. Việc điều chỉnh nền kinh tế thị trường, giải quyết quan hệ lợi ích theo mục tiêu chính trị - kinh tế - xã hội của một xã hội nào đó không thể hoàn toàn theo ý chí chủ quan của một thế lực (quyền lực chính trị, kinh tế) nào đó, mà được thực hiện bằng những quy ước của tất cả các công dân trong toàn xã hội. Điều đó cần đến một tổ chức - một bộ máy quyền lực, thực hiện chức năng quản lý, điều hành và điều chỉnh các lợi ích trong xã hội bằng pháp luật. Tổ chức này là do nhân dân xây dựng nên với các chức năng, nhiệm vụ là phục vụ công dân. Nó hoạt động theo quy ước Hiến pháp và hệ thống pháp luật (do tất cả các công dân xây dựng nên, thể hiện ý chí, nguyện vọng của công dân). Đó là nhà nước pháp quyền, nhà nước vận hành theo pháp luật, pháp luật là tối thượng. Với Hiến pháp và hệ thống pháp luật do các công dân xây dựng nên, nhà nước pháp quyền đó phải hoạt động theo ý chí của nhân dân, thực hiện mục đích của nhân dân, phục vụ nhân dân.

Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là nhu cầu của nền kinh tế thị trường, đồng thời là công cụ điều tiết nền kinh tế thị trường vận hành đúng mục đích của xã hội dân chủ - của nhân dân, của các chủ thể xã hội - chủ thể kinh tế, chủ thể chính trị, chủ thể văn

hóa. Đó chính là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bởi vì nhà nước này điều hành nền kinh tế thị trường theo mục đích, lợi ích của nhân dân; nền kinh tế thị trường này cũng là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - nền kinh tế mà ở đó, tăng trưởng kinh tế gắn liền với việc bảo đảm công bằng, phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ xã hội, phát triển con người, nhằm mục đích ngày một nâng cao đời sống vật chất - tinh thần của nhân dân.

Hai là, thực hành dân chủ và phát triển nền kinh tế thị trường đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để nhân dân làm chủ thực sự về kinh tế, trước hết phải giải quyết vấn đề cơ bản nhất, đó là vấn đề sở hữu của chính người dân. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải được kết cấu từ nhiều hình thức sở hữu: sở hữu toàn dân (nhà nước là đại diện chủ sở hữu), sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, v.v.. Trong đó, sở hữu toàn dân, sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể phải trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Để làm được điều đó, định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam trong trình độ hiện tại, không loại trừ các quan hệ sở hữu tư nhân và sở hữu tư bản chủ nghĩa, thừa nhận tính chất hỗn hợp sở hữu như bất kỳ nền kinh tế thị trường nào khác. Từ các hình thức sở hữu cơ bản đó, với sự quản lý, điều hành, điều tiết của Nhà nước sẽ hình thành các tổ chức sản xuất kinh doanh đa dạng, đan xen; trong đó, kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, dẫn dắt sự phát triển toàn bộ nền kinh tế quốc dân - vừa làm cho nền tảng kinh tế

quốc dân vững chắc, vừa phát huy quyền và năng lực làm chủ của các tổ chức, đơn vị kinh tế.

Đồng thời với việc khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, Đảng và Nhà nước ta rất coi trọng vai trò của các thành phần (khu vực) kinh tế khác. Chúng được đặt trong mối quan hệ gắn bó hữu cơ, trong một thể thống nhất, không tách rời kinh tế nhà nước trong tất cả các giai đoạn phát triển và đều là thực thể của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển mạnh mẽ các thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh chính là phát triển các chủ thể kinh tế nhằm phát huy năng lực làm chủ của toàn bộ nền kinh tế, của các chủ thể kinh tế, của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Các chủ thể (thành phần) kinh tế, không phân biệt hình thức sở hữu, đều bình đẳng với nhau và bình đẳng trước pháp luật; Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế, mọi thành viên trong xã hội phát huy cao độ tính năng động, sáng tạo, năng lực quản lý và nhân tài vật lực để tổ chức sản xuất kinh doanh, tạo ra nhiều của cải cho cá nhân và cho xã hội, phát triển kinh tế cá nhân, kinh tế gia đình, kinh tế tập thể và kinh tế quốc dân - những cơ sở và điều kiện để nhân dân làm chủ kinh tế - xã hội. Song song với đó, Nhà nước đã hoàn thiện Luật doanh nghiệp và thực hiện sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Đó là cách thức khuyến khích, kích thích, phát huy quyền làm chủ và khả năng làm chủ kinh tế của các thành phần kinh tế.

b) Thực hành dân chủ trong lĩnh vực chính trị

Một là, dân chủ trong hoạt động của Đảng.

Trong hoạt động của Đảng, tính dân chủ ngày càng rõ nét hơn. Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, cùng với chủ trương đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức và cán bộ, Đảng đã đề ra nhiệm vụ đổi mới phong cách lãnh đạo (chưa đề cập phương thức lãnh đạo) theo hướng dân chủ hơn. Đảng luôn nhấn mạnh cần đổi mới phong cách làm việc, tác phong đi sâu, đi sát thực tế, nắm bắt thông tin nhanh chóng và chính xác, có chương trình kiểm tra; cán bộ phải sâu sát cơ sở; cơ quan lãnh đạo phải nắm vững quyền lãnh đạo tập trung, điều hành thống nhất; tăng cường sự lãnh đạo tập thể; mở rộng sinh hoạt dân chủ; nghiên cứu những kinh nghiệm sáng tạo của cơ sở; lắng nghe ý kiến của quần chúng; các chủ trương quan trọng đều phải được bàn bạc và quyết định tập thể; người lãnh đạo phải biết nghe ý kiến trái với mình[1].

Nhìn chung, sự lãnh đạo của Đảng theo hướng dân chủ trong thời kỳ đổi mới vừa qua đã đạt được nhiều thành tựu. Đảng đã đẩy mạnh việc dân chủ hóa phương thức lãnh đạo của Đảng; coi trọng việc lãnh đạo thể chế hóa nghị quyết, lãnh đạo xây dựng luật và pháp lệnh để toàn dân thực hiện. Điều đó đã góp phần giảm bớt tình trạng bao biện, làm thay, áp đặt. Đảng coi trọng việc quy chế hóa, quy trình hóa trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhiều cơ

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.47, tr.470-473.

quan đảng và một số cơ quan của Nhà nước; quy trình hóa, quy chế hóa công tác cán bộ[1]. Nếu trước đây Quốc hội chủ yếu hợp thức hóa các chủ trương của Đảng thành quy phạm pháp luật của Nhà nước, thì hiện nay ở nhiều vấn đề, Bộ Chính trị không quyết định trước mà chỉ cho phương hướng để Quốc hội giải quyết, thậm chí có những vấn đề Bộ Chính trị cũng phải thay đổi khi Quốc hội có quyết định khác, nghĩa là Quốc hội càng ngày càng có thực quyền hơn[2]. Các cấp ủy đảng giảm bớt sự can thiệp, áp đặt một cách không cần thiết vào công việc của cơ quan nhà nước, không quyết định các chỉ tiêu, biện pháp cụ thể. Các cơ quan nhà nước tự quyết định phương án, biện pháp tiến hành. Sinh hoạt của Quốc hội, Chính phủ, hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp giảm bớt tính thụ động, chỉ nặng về sự nhất trí với chủ trương của Đảng như trước. Đối với không ít vấn đề, tuy cấp ủy đã dự kiến nhưng các cơ quan nhà nước bổ sung những giải pháp mới hoặc điều chỉnh một số chỉ tiêu, sau đó cấp ủy xem xét lại và thấy hợp lý. Các cán bộ nhà nước được bầu và bổ nhiệm theo đúng quy định của Nhà nước. Mọi người ngày càng thấy rõ rằng không thể duy trì lối lãnh đạo

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo tổng kết lý luận: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986 - 2006),* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.109.

2. Xem Trần Thành: "Vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay", Tạp chí *Triết học,* số 4, 2008, tr.6.

theo kiểu áp đặt, bao biện, làm thay Nhà nước như trước. Những điều này khác xa so với thời kỳ trước đổi mới[1].

Trong nỗ lực đổi mới sự lãnh đạo của Đảng theo hướng dân chủ hơn đối với Nhà nước, năm 2009, một số địa phương đã tiến hành thí điểm nhất thể hóa chức danh bí thư và chức danh chủ tịch ủy ban nhân dân ở cấp xã, phường. Ngày 24-2-2009, Bộ Chính trị có Thông báo số 223-TB/TW về việc "Thực hiện thí điểm chủ trương đồng chí bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân ở cấp xã và địa phương không tổ chức hội đồng nhân dân". Đây là một vấn đề mới, chưa quy định trong Điều lệ Đảng, Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân. Thực hiện thí điểm chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân ở cấp xã là nhằm tiếp tục nghiên cứu mô hình đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; tạo sự đồng bộ, thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các mặt công tác của địa phương; góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu.

Nhận định về thành tựu trong thực hành dân chủ thời kỳ đổi mới, Đảng khẳng định: "Phương thức lãnh đạo của Đảng tiếp tục được đổi mới, vừa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy tốt hơn tính chủ động, sáng tạo của các

---

1. Xem GS.TS. Nguyễn Phú Trọng, PGS.TS. Tô Huy Rứa, PGS.TS. Trần Khắc Việt (Đồng chủ biên): *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.157-158.

tổ chức trong hệ thống chính trị. Việc mở rộng, phát huy dân chủ trong Đảng được chú trọng; đã thí điểm chủ trương đại hội đảng bầu trực tiếp ban thường vụ, bí thư, phó bí thư. Phong cách, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo Đảng từ trung ương đến cơ sở tiếp tục được cải tiến theo hướng sâu sát cơ sở, gần gũi nhân dân, tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát"[1].

Phát huy tinh thần dân chủ, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng khẳng định: "Để thực hiện dân chủ trong xã hội, trước hết phải bảo đảm phát huy dân chủ trong Đảng là hạt nhân để phát huy đầy đủ dân chủ trong xã hội"[2]. Trong điều kiện một đảng cầm quyền, Đảng phải xây dựng mối liên hệ mật thiết với Nhân dân, mọi chủ trương, đường lối và chính sách phải bám sát thực tiễn cuộc sống của Nhân dân, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân. Do vậy, thực hành, phát huy dân chủ trong Đảng phải luôn được coi là yếu tố tiên phong, dẫn đầu nhằm tạo khuôn mẫu, mực thước cho Nhân dân noi theo. Trong giai đoạn đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy quan hệ quốc tế sâu rộng hiện nay, vấn đề phát huy dân chủ trong Đảng làm tiền đề cho việc phát huy mạnh mẽ dân chủ trong xã hội lại càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi vì còn có một bộ phận cán bộ, đảng viên tuy có nhận thức đúng,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.164-165.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.170.

đầy đủ về thực hành, phát huy dân chủ nhưng chỉ là trên lý thuyết, còn trên thực tế, nhận thức đó chưa biến thành hành động, nói không đi đôi với làm. Phát huy tốt dân chủ trong Đảng sẽ xây dựng được niềm tin vững chắc của Nhân dân vào vai trò lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới.

Hai là, dân chủ trong hoạt động của Nhà nước.

Khi chủ trương xây dựng Nhà nước ta trở thành Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, Hiến pháp năm 1992 đồng thời chỉ ra các đặc điểm của mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân mà Đảng và Nhân dân ta xây dựng. Mô hình đó có các đặc điểm như sau:

Thứ nhất, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Thứ hai, Nhà nước bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của Nhân dân, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của Nhân dân; xây dựng đất nước giàu mạnh, thực hiện công bằng xã hội, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

Thứ ba, Nhà nước bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của Nhân dân, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có

điều kiện phát triển toàn diện; nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của Nhân dân.

Thứ tư, Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội bằng chủ trương, đường lối và mục tiêu chính trị của mình, trong đó mục tiêu chính trị cao nhất của Đảng là vì lợi ích của Nhân dân, do vậy mà Đảng được Nhân dân suy tôn, ủy thác quyền lãnh đạo xã hội. Với vai trò này, để cụ thể hóa, thực thi đường lối chính trị, Đảng cần có bộ máy nhà nước do Đảng lãnh đạo; vì vậy, Đảng có nghĩa vụ và trách nhiệm giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội. Đảng lãnh đạo Nhà nước, nhưng Đảng không bao biện, làm thay công việc của Nhà nước. Đảng lãnh đạo xã hội chủ yếu thông qua Nhà nước và bằng Nhà nước, trước hết là để phát huy vai trò và hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò làm chủ đất nước, làm chủ xã hội của Nhân dân.

Thứ năm, mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền. Với tư cách đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo chính quyền thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng thông qua Hiến pháp và pháp luật. Hiến pháp và pháp luật nước ta do Nhà nước ban hành được xây dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng, thể hiện ý chí, mục tiêu chính trị của Đảng, ý chí, nguyện vọng của Nhân dân, vì Đảng ta không có mục đích nào khác ngoài lợi ích của Nhân dân. Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật do Đảng lãnh đạo

xây dựng; do vậy, mọi tổ chức của Đảng cũng đều phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật đó.

Thứ sáu, Nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc; các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc và phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình; Nhà nước thực hiện chính sách phát triển về mọi mặt, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số.

Thứ bảy, Nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và hội đồng nhân dân là những cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của Nhân dân, do Nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước Nhân dân; Quốc hội, hội đồng nhân dân và các cơ quan khác của Nhà nước đều tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Thứ tám, việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín; đại biểu Quốc hội bị cử tri hoặc Quốc hội bãi nhiệm và đại biểu hội đồng nhân dân bị cử tri hoặc hội đồng nhân dân bãi nhiệm khi đại biểu đó không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân.

Thứ chín, các cơ quan nhà nước, cán bộ, viên chức nhà nước phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng.

Thứ mười, Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa; các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm Hiến pháp và pháp luật; mọi hành động xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể và của công dân đều bị xử lý theo pháp luật[1].

Chủ trương thực hành dân chủ trong hoạt động của Nhà nước được Đảng ta nhận thức ngày càng rõ hơn và cụ thể hơn; đã và đang tiếp tục được cụ thể hóa thành những quy định pháp luật cụ thể và được thực hiện trong thực tế. Việc thực hiện chủ trương đó đã đạt được những thành tựu to lớn, làm thay đổi cơ bản đời sống chính trị của nước ta. Quốc hội đã có nhiều đổi mới quan trọng ở các khâu bầu cử đại biểu, cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động. Quốc hội hoạt động thường xuyên hơn, dân chủ hơn; tranh luận và thảo luận thẳng thắn và thiết thực hơn; mở rộng chất vấn; tăng cường lắng nghe và tiếp xúc cử tri. Hoạt động của Quốc hội có hiệu quả hơn, được Nhân dân quan tâm nhiều hơn. Quốc hội đã ban hành Hiến pháp năm 1992; đã sửa đổi Hiến pháp năm 1992 vào năm 2001, sửa đổi và ban hành Hiến pháp năm 2013; đã sửa đổi và ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng; loại bỏ hàng trăm quy định

---

1. Xem Trần Mộng Lang (Sưu tầm và tuyển chọn): *Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến năm 2001,* Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2003, tr.128-129.

lỗi thời; cụ thể hóa và thể chế hóa nhiều quyền công dân và quyền con người. Bộ máy của Chính phủ và cơ quan chính quyền địa phương được kiện toàn. Các bộ đã được đổi mới theo hướng quản lý đa ngành và đa lĩnh vực; tách dần chức năng quản lý nhà nước với quản lý sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp; phân biệt chức năng của cơ quan hành chính công quyền với các đơn vị sự nghiệp. Số lượng các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ đã giảm gần một nửa. Số lượng đầu mối trong bộ máy của ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện giảm khoảng một nửa. Chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của các cơ quan tư pháp ngày càng được phân định rõ hơn. Tổ chức bộ máy của Tòa án nhân dân tối cao và cấp tỉnh được điều chỉnh theo hướng lập các tòa án chuyên trách. Tổ chức bộ máy của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao được điều chỉnh theo hướng tập trung thực hiện chức năng công tố, chức năng giám sát, giải quyết các vụ án hành chính, kinh tế, lao động và phá sản doanh nghiệp. Quy trình xét xử khoa học hơn; hiệu quả tranh tụng được nâng cao hơn; vai trò của luật sư được coi trọng hơn. Trên các lĩnh vực như thể chế hành chính, tổ chức bộ máy hành chính, phương thức hoạt động và đội ngũ công chức, nền hành chính quốc gia đã được cải cách một bước theo hướng ngày càng khoa học, chính quy, công khai[1].

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo tổng kết lý luận: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986 - 2006), Sđd,* tr.86-89.

Nhận định về thành tựu thực hành dân chủ trong hoạt động của Nhà nước, trong Văn kiện Đại hội XI có viết: "Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh, hiệu lực và hiệu quả hoạt động được nâng lên"[1]; "Quốc hội tiếp tục được kiện toàn về tổ chức, có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động. Hệ thống pháp luật được bổ sung. Hoạt động giám sát đã tập trung vào những vấn đề bức xúc, quan trọng nhất của đất nước. Việc thảo luận, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, các dự án, công trình trọng điểm quốc gia có chất lượng và thực chất hơn. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của Quốc hội có nhiều cải tiến nội dung, phương pháp công tác; đề cao trách nhiệm của đại biểu Quốc hội"[2]; "Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Chính phủ được sắp xếp, điều chỉnh, giảm đầu mối theo hướng tổ chức các bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực. Quản lý, điều hành của Chính phủ, các bộ năng động, tập trung nhiều hơn vào quản lý vĩ mô và giải quyết những vấn đề lớn, quan trọng. Cải cách hành chính tiếp tục được chú trọng, đã rà soát, bước đầu tổng hợp thành bộ thủ tục hành chính thống nhất và công bố công khai. Việc thực hiện thí điểm đổi mới về tổ chức bộ máy chính quyền địa phương (không tổ chức hội đồng nhân dân quận, huyện, phường) được tập trung chỉ đạo để rút kinh nghiệm"[3]; "Tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp có một số đổi

---

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.159, 160, 161.

mới. Việc tăng thẩm quyền cho tòa án cấp huyện, nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa, đề cao vai trò của luật sư trong tố tụng được thực hiện bước đầu có kết quả. Việc thực hiện các thủ tục tố tụng ngày càng tốt hơn, hạn chế được tình trạng điều tra, truy tố, xét xử oan, sai hay bỏ lọt tội phạm. Chất lượng hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được nâng lên"[1]; "Nhiều vụ án tham nhũng được đưa ra xét xử. Trên một số lĩnh vực, lãng phí, tham nhũng từng bước được kiềm chế"[2].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII tiếp tục khẳng định: "***Xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*** phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội. Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh việc hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước"[3]. Để làm được điều đó, Đảng cho rằng cần phải: "Xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền... Tiếp tục phân định

---

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.160, 161, 39.

rõ thẩm quyền và trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương"[1], "Hoàn thiện cơ chế để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan dân cử, nhất là hoạt động lập pháp của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, cơ chế giám sát, đánh giá đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn. Tăng cường hơn nữa sự gắn kết giữa giám sát của Quốc hội với kiểm tra, giám sát của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của nhân dân"[2], đồng thời phải đẩy mạnh công tác phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, hướng tới nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo định hướng "rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách đối với cán bộ, công chức theo hướng khuyến khích cán bộ, công chức nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ; lấy bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực, hiệu quả thực thi nhiệm vụ để đánh giá, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ. Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ, thu hút, trọng dụng nhân tài"[3].

c) Thực hành dân chủ trong lĩnh vực văn hóa, xã hội

Trong tiến trình đổi mới đất nước, Đảng và Nhà nước có trách nhiệm lãnh đạo và quản lý nền văn hóa vừa theo đúng định hướng chính trị của Đảng vừa bảo đảm phát huy quyền tự do, dân chủ của Nhân dân trong sáng tạo và hưởng thụ văn hóa. Trên tinh thần ấy, trong thời gian qua, trách

---

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd,* tr.176-177, 177-178, 181.

nhiệm này đã được thể hiện qua việc không ngừng đổi mới và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân. Các yêu cầu và nội dung của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa từng bước được thể chế hóa thành luật, pháp lệnh, nghị định và được tổ chức thực hiện trên thực tế. Trong lĩnh vực văn hóa, một số luật, pháp lệnh, nghị định, quy định đã được ban hành làm căn cứ cho quản lý nhà nước và cho hoạt động của Nhân dân bảo đảm quyền làm chủ, quyền tham gia vào đời sống văn hóa của Nhân dân; chẳng hạn: Luật di sản văn hóa dân tộc (2001), Luật xuất bản (2012), Luật quảng cáo (2012), Pháp lệnh thư viện (2001), Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 2-10-2013 về hoạt động mỹ thuật; Quy chế khen thưởng về khoa học - công nghệ, về văn học nghệ thuật; Quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang (2011)... đã được ban hành và đi vào thực hiện. Đảng, Chính phủ, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch chủ trương và khuyến khích các cấp xã, phường, thôn, ấp, cụm dân cư, khu tập thể... xây dựng các quy ước về nếp sống văn hóa, giữ gìn trật tự, vệ sinh công cộng, bảo vệ môi trường. Cùng với điều đó, hệ thống thanh tra chuyên ngành, thanh tra nhân dân về văn hóa không ngừng được hoàn thiện.

Song song với việc xây dựng, ban hành pháp luật, những quy định mang tính pháp quy, việc ban hành các *chính sách trong lĩnh vực văn hóa* cũng được xúc tiến một cách tích cực. Trong bối cảnh kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, các chính sách văn hóa phù hợp có vai trò đặc biệt quan trọng không chỉ đối với sự phát triển văn hóa mà còn

tạo điều kiện cho việc thực hiện dân chủ trong lĩnh vực văn hóa.

Trong những năm qua, đã có nhiều *chính sách kinh tế trong văn hóa* được ban hành, trong đó, những chính sách đầu tư và nhóm chính sách tăng nguồn lực là những nhóm chính sách có vai trò đòn bẩy. Từ năm 1998, tức là từ khi có Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về văn hóa tới nay, việc xây dựng và ban hành chính sách đầu tư cho văn hóa được thực hiện theo quan điểm "Tăng mức đầu tư cho văn hóa từ nguồn chi thường xuyên và nguồn chi phát triển trong ngân sách nhà nước. Tỷ trọng chi ngân sách cho văn hóa phải tăng tương ứng nhịp độ tăng trưởng kinh tế"[1]. Vì vậy, nguồn ngân sách chi cho văn hóa trong những năm qua đã tăng đáng kể theo đà tăng trưởng kinh tế; kinh phí cho sự nghiệp văn hóa đạt ít nhất 1,8% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm. Ngoài nguồn ngân sách từ trung ương, các địa phương đều có ngân sách cho văn hóa. Kinh phí đầu tư cho văn hóa được Nhà nước triển khai hằng năm theo các chương trình mục tiêu cấp quốc gia bao gồm các lĩnh vực văn hóa cơ sở, bảo tồn, tôn tạo và phát huy các di sản văn hóa tiêu biểu của dân tộc, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa như điện ảnh, du lịch. Chính sách của Nhà nước đầu tư cho các phương tiện văn hóa bao gồm: 1. Đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.78.

nhà văn hóa, thư viện; 2. Đầu tư phát triển các ngành nghệ thuật, ngành công nghiệp văn hóa.

Cùng với các chính sách đầu tư cho các phương tiện văn hóa, trong những năm qua, nhóm chính sách đầu tư cho nguồn lực hoạt động văn hóa cũng được chú trọng. Những chính sách này được ban hành và thực hiện theo quan điểm "khuyến khích nhân dân lao động tham gia sự nghiệp xây dựng văn hóa trên cả hai mặt sáng tạo và hưởng thụ; giúp đội ngũ văn nghệ sĩ chuyên nghiệp làm tốt vai trò nòng cốt trong việc sáng tạo các giá trị văn hóa mới; tạo điều kiện thực hiện tốt nhiệm vụ giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc kết hợp với tiếp thụ tinh hoa văn hóa thế giới"[1]. Vì vậy, một mạng lưới rộng lớn các trường, viện thuộc các hệ đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp... đã liên tục đào tạo nhân lực, chuyên gia trong lĩnh vực văn hóa. Công tác nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực văn hóa cũng được quan tâm đầu tư và triển khai có hiệu quả. Nhiều dự án sưu tầm, bảo tồn văn hóa truyền thống như "Hồ sơ cồng chiêng Tây Nguyên", "Hát ca trù", "Hát quan họ"... đã được triển khai thành công. Các hội văn hóa nghệ thuật tỉnh, thành phố hằng năm được Nhà nước hỗ trợ hàng chục tỉ đồng cho các hoạt động. Quy định số 151/QĐ-TTg ngày 29-6-2006 của Thủ tướng Chính phủ cho phép các doanh nghiệp đặc thù của ngành văn hóa - thể thao - du lịch được hưởng mức thuế ưu đãi trong hoạt động kinh doanh (thuế vốn,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Sđd,* tr.45.

thuế đất, khấu hao cơ bản); các đơn vị sự nghiệp được trao quyền tự chủ về kinh tế theo tinh thần Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16-1-2002 về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu,...

Các *chính sách văn hóa trong kinh tế* đang từng bước bảo đảm cho văn hóa thể hiện rõ trong các hoạt động kinh tế. Việc xây dựng các mục tiêu, giải pháp kinh tế đã từng bước gắn với các mục tiêu, giải pháp văn hóa, chăm lo con người, đề cao đạo đức trong sản xuất kinh doanh, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

Các *chính sách xã hội hóa văn hóa* đã từng bước chuyển giao quyền tổ chức điều hành các hoạt động văn hóa vốn tập trung trong tay Nhà nước sang hướng đa dạng hóa chủ thể quản lý. Việc thực hiện chính sách xã hội hóa hoạt động văn hóa trong thời gian qua đã huy động được nhiều nguồn lực tham gia vào các hoạt động văn hóa, tổ chức và điều hành quá trình sản xuất văn hóa, qua đó khẳng định quyền bình đẳng của con người trong sự tham gia hoạt động và thực hiện lợi ích trong lĩnh vực văn hóa. Cụ thể và tiêu biểu là Nghị định số 73/1999/NĐ-CP, ngày 19-8-1999 và Nghị định số 10/2002/NĐ-CP, ngày 16-1-2002 của Chính phủ về xã hội hóa hoạt động văn hóa với việc xác định tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh văn hóa phẩm của Nhà nước. Các doanh nghiệp được cổ phần hóa đã phát huy cả hiệu quả kinh tế lẫn hiệu quả văn hóa, đáp ứng tốt và rộng rãi hơn nhu cầu văn hóa của công chúng đông đảo. Cùng với điều đó, sự xuất hiện các doanh nghiệp

tư nhân, doanh nghiệp của các đoàn thể, các tổ chức xã hội... đã góp thêm nhiều nguồn lực để phát triển đời sống văn hóa. Nhờ thế, trong những năm qua, việc tôn tạo các di sản văn hóa chưa được xếp hạng (đình, đền, miếu), việc xây dựng các *Nhà văn hóa* ở cơ sở (thôn, xóm, cụm dân cư) đã được thực hiện với nguồn kinh phí từ các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm và công sức trực tiếp của nhân dân. Người dân ở cơ sở không chỉ là người xây dựng các thiết chế văn hóa mà còn là người được hưởng lợi thông qua sự gia tăng mức hưởng thụ văn hóa, quyền tham gia vào hoạt động sáng tạo văn hóa. Ngoài ra, xã hội hóa văn hóa còn góp phần nâng cao trách nhiệm của người dân đối với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

Trong điều kiện hội nhập quốc tế, các chính sách văn hóa phù hợp và kịp thời sẽ góp phần tích cực thúc đẩy sự phát triển văn hóa, qua đó tạo điều kiện cho nhân dân tham gia vào quá trình giao lưu văn hóa quốc tế. Trong thời gian qua, Nhà nước ta đã đầu tư kinh phí thích hợp trong trao đổi văn hóa, đưa các đoàn nghệ thuật Việt Nam ra nước ngoài, đón các đoàn nghệ thuật nước ngoài vào Việt Nam. Hợp tác trong các dự án bảo tồn, tôn tạo các di sản văn hóa vật thể, như khu di tích Hoàng thành Thăng Long, thánh địa Mỹ Sơn, khu phố cổ Hội An; hoặc bảo tồn các di sản văn hóa phi vật thể, như ca trù, nhã nhạc cung đình Huế... đã được thực hiện với các quốc gia: Nhật Bản, Ba Lan, Thụy Điển, Pháp... Trong điều kiện hiện nay, khi Việt Nam đã là thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) thì các chính sách hợp tác quốc tế về văn hóa càng

có ý nghĩa to lớn đối với việc thực hiện dân chủ trong lĩnh vực văn hóa.

2. Một số hạn chế về thực hành dân chủ trong thời gian qua

Có thể khẳng định rằng, việc thực hiện dân chủ trong các mặt hoạt động của Đảng, như công tác lý luận, công tác tư tưởng, công tác tổ chức và cán bộ, công tác kiểm tra, v.v. đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, việc thực hiện dân chủ trong Đảng vẫn còn một số hạn chế, yếu kém, thể hiện ở chỗ:

- Công tác tổ chức, cán bộ vẫn chậm được đổi mới, còn một số biểu hiện trì trệ, yếu kém, bất cập. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị có quá nhiều đầu mối, trách nhiệm tập thể và cá nhân không rõ ràng, chất lượng hoạt động và hiệu quả thấp. Bộ máy còn cồng kềnh, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của nhiều cơ quan còn chồng chéo; cơ chế vận hành và nhiều quan hệ còn bất hợp lý. Chưa thực sự lắng nghe ý kiến của nhân dân về tuyển chọn, đào tạo, sắp xếp, sử dụng và đánh giá cán bộ. Chưa thực hành dân chủ trong công tác tổ chức, cán bộ, chưa thực hiện cơ chế lựa chọn có số dư cho việc tuyển chọn và bổ nhiệm cán bộ, đặc biệt là chưa mở rộng dân chủ thực sự để tạo ra môi trường cho tài năng được phát huy. Chưa thực hiện công khai hóa, minh bạch hóa các khâu trong công tác cán bộ để nhân dân được biết và có điều kiện theo dõi, giám sát quá trình triển khai thực hiện.

- Công tác tư tưởng còn thiếu sắc bén, thiếu sức thuyết phục, tính chiến đấu còn hạn chế, chưa sâu sát thực tế, chưa linh hoạt. Tình trạng suy thoái của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống một phần là do công tác tư tưởng chưa làm tốt chức năng, nhiệm vụ giáo dục chính trị và tư tưởng. Các thông tin chưa được cung cấp thường xuyên để dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Vẫn tồn tại tình trạng nói nhiều, làm ít hoặc nói nhưng không làm.

- Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng còn nhiều hạn chế, đặc biệt là chưa thực hành đầy đủ dân chủ trong công tác này. Hầu hết các vụ tham nhũng, tiêu cực không phải do cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan kiểm tra phát hiện được mà chủ yếu do nhân dân phát hiện, tố cáo hoặc báo chí nêu. Vì vậy, phải xây dựng đầy đủ, đồng bộ cơ chế, chính sách để nhân dân tham gia kiểm tra, giám sát đối với tổ chức đảng và đảng viên, vì không có cơ chế, chính sách cụ thể, đồng bộ thì nhân dân không thể giám sát, kiểm tra được.

- Nguyên tắc "tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách" trên thực tế ở nhiều nơi rơi vào hình thức, do không xác định rõ cơ chế trách nhiệm, mối quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới, giữa tập thể và cá nhân, khi sai sót, khuyết điểm không ai chịu trách nhiệm.

Cần phải khẳng định rằng, việc thực hiện dân chủ ở nước ta thời gian qua đã đạt được những kết quả quan trọng, tích cực. Tuy nhiên, quyền làm chủ của nhân dân ở một số nơi, trên một vài lĩnh vực còn bị vi phạm; thực

hành dân chủ vẫn còn những hạn chế nhất định. Trong chế độ dân chủ và pháp quyền thì quyền lực nhà nước là do nhân dân ủy quyền, giao quyền. Quyền lực nhà nước là của nhân dân giao cho các cơ quan nhà nước, giao cho những con người cụ thể, mà ở con người cụ thể khi các dục vọng, thói quen nổi lên thì khả năng mắc sai lầm trong việc thực thi quyền lực càng lớn. Không thể khẳng định người được ủy quyền luôn làm đúng, làm đủ những gì mà nhân dân ủy quyền. Vì vậy, phải kiểm soát quyền lực nhà nước để hạn chế sự lộng quyền, lạm quyền. Muốn kiểm soát quyền lực nhà nước thì phải thực hành dân chủ rộng rãi. Nhưng dân chủ chưa được thực hành rộng rãi nên vẫn còn sự lộng quyền, lạm quyền, vẫn còn tình trạng quan liêu, cửa quyền, phiền hà đối với nhân dân, chưa khắc phục được bệnh tham ô, lãng phí, v.v..

Đồng thời, Nhà nước còn chậm thể chế hóa các chủ trương của Đảng về dân chủ thành pháp luật, quy chế... làm ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước cũng như chưa thực sự bảo đảm quyền lực của Nhân dân. Chẳng hạn, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX đã đề ra phải xây dựng Luật trưng cầu ý dân, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X đề ra việc xây dựng luật về hội, đến nay Quốc hội chưa ban hành được các luật liên quan trực tiếp đến quyền lực nhân dân, như Luật trưng cầu ý dân, Luật về hội, Luật biểu tình... Chủ trương về "xây dựng quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc hoạch định

đường lối, chủ trương, chính sách, quyết định lớn của Đảng và việc tổ chức thực hiện, kể cả đối với công tác tổ chức cán bộ"[1] chưa được thực hiện.

Ngoài những thành tựu, việc thực hành dân chủ trong xã hội ở nước ta còn một số hạn chế sau đây:

- Nhận thức về dân chủ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn hạn chế, nên thiếu trách nhiệm trong việc triển khai thực hiện dân chủ ở cơ sở.

- Nhiều chủ trương về thực hành dân chủ trong xã hội chưa được thể chế hóa, nên chủ trương thì đúng và hay, nhưng thực tế thực hành dân chủ trong xã hội chưa tốt, quyền làm chủ của nhân dân chưa được tôn trọng và phát huy đầy đủ.

- Việc giải quyết yêu cầu phát huy dân chủ, tự do ngôn luận, lắng nghe các ý kiến khác biệt, tư duy phản biện trong xã hội với việc giữ vững kỷ luật, kỷ cương, phép nước còn nhiều bất cập. Tình trạng tách rời, thậm chí đối lập giữa dân chủ và kỷ cương, dân chủ và pháp luật còn xuất hiện ở không ít người. Trong xã hội còn không ít hiện tượng vừa chuyên quyền, độc đoán, mất dân chủ hay dân chủ hình thức, lại vừa dân chủ quá trớn, cực đoan.

- Chưa có cơ chế bảo đảm để nhân dân thực hiện vai trò chủ thể của quyền lực, trên thực tế quyền lực vẫn thuộc về các cơ quan nhà nước. Việc nhân dân giám sát chính quyền cũng chưa có cơ chế rõ ràng và còn rất mờ nhạt. Tình trạng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Sđd,* tr.135.

quan liêu của bộ máy hành chính làm cho yêu cầu quản lý các quá trình kinh tế - xã hội và phát huy quyền làm chủ của nhân dân chưa thật nhanh, nhạy và hiệu quả cao.

- Mặc dù hệ thống pháp luật Việt Nam đã có nhiều đổi mới, Nhà nước đã cố gắng xây dựng, ban hành pháp luật và đưa pháp luật trở thành công cụ quan trọng trong quản lý đất nước, thực hành dân chủ trong xã hội; song, nhìn chung, hệ thống pháp luật Việt Nam chưa đồng bộ, không thống nhất, hay thay đổi gây khó khăn cho các cơ quan thi hành pháp luật và nhân dân, ảnh hưởng đến việc thực hành dân chủ trong xã hội.

3. Nguyên nhân của những hạn chế và một số vấn đề đặt ra

a) Nguyên nhân của những hạn chế về thực hành dân chủ ở nước ta

Một là, xã hội ta không có truyền thống dân chủ do xuất phát từ một xã hội thuộc địa nửa phong kiến (phong kiến chuyên chế phương Đông), bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa tiến lên chủ nghĩa xã hội, lại trải qua chiến tranh lâu dài và áp dụng máy móc mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết. Bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa cũng có nghĩa là bỏ qua dân chủ tư sản, nhân dân chưa có ý thức và năng lực thực hành dân chủ, chưa có một nền văn hóa dân chủ ở mức cần thiết, chưa có thói quen tuân thủ pháp luật nên dễ rơi vào cực đoan này hay cực đoan khác.

Hai là, vấn đề dân chủ ở nước ta còn chưa được giải quyết tốt cả về lý luận lẫn thực tiễn, nhiều vấn đề đặt ra

chưa được giải quyết rõ ràng. Điều đó gây khó khăn cho việc thực hành dân chủ.

Ba là, nhiều người không nhận thức đầy đủ vai trò động lực của dân chủ nên thực hành dân chủ không đến nơi đến chốn, không tạo được động lực thật sự cho sự phát triển xã hội.

Bốn là, thực hành dân chủ trong Đảng và trong Nhà nước chưa đạt hiệu quả cao nên ảnh hưởng đến thực hành dân chủ trong xã hội.

Năm là, Nhà nước pháp quyền đang hình thành nên việc thể chế hóa các chủ trương của Đảng về dân chủ chưa kịp thời.

Sáu là, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa thực hiện được vai trò giám sát và phản biện xã hội.

Bảy là, trình độ dân trí chưa cao, chưa có ý thức pháp luật cũng có ảnh hưởng quan trọng đến thực hành dân chủ.

Ngoài ra, còn có nhiều nguyên nhân khác nữa, nhưng những nguyên nhân nói trên là những nguyên nhân chủ yếu của mặt hạn chế về thực hành dân chủ ở nước ta.

b) Một số vấn đề đặt ra về thực hành dân chủ cần giải quyết

Một là, phải khắc phục tình trạng dân chủ hình thức, dân chủ quá trớn.

Kể từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (năm 1986) của Đảng đến nay, Đảng ta đã có những bước tiến bộ mới về thực hành dân chủ trong sinh hoạt đảng cũng như trong đời sống xã hội. Song, chúng ta phải thẳng thắn thừa nhận

rằng, những tiến bộ đó còn rất khiêm tốn, trình độ dân chủ trong Đảng chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu ngày càng cao của công cuộc đổi mới đất nước. Vẫn còn một số hiện tượng vi phạm dân chủ, dân chủ hình thức cùng tư tưởng gia trưởng, thành kiến,... Một bộ phận cán bộ lãnh đạo ở các cấp, các ngành có biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống, thậm chí lộng quyền, xa dân... Cùng với đó, đã xuất hiện những hiện tượng dân chủ quá trớn, dân chủ cực đoan dẫn đến tự do vô tổ chức, cục bộ địa phương, bản vị, mất đoàn kết, vi phạm kỷ luật thống nhất của Đảng.

Tình trạng đó có những nguyên nhân khách quan, nhưng chủ yếu là do những nguyên nhân chủ quan, do một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa có sự nhận thức đầy đủ, đúng đắn và thống nhất về vấn đề dân chủ và thực hành dân chủ, và quan trọng hơn là do chưa có một cơ chế hợp lý bảo đảm thực hành dân chủ trong sinh hoạt đảng và trong đời sống xã hội.

Thực tế cho chúng ta thấy rằng, để thực hành dân chủ sâu rộng và ngày càng có hiệu quả trong sinh hoạt đảng và trong đời sống xã hội, nhất thiết phải có cơ chế đúng, có những quy định cụ thể. Điều đó có nghĩa là, nội dung tư tưởng dân chủ và thực hành dân chủ phải được thể chế hóa, pháp luật hóa, buộc các đảng viên và tổ chức đảng phải thực hiện nghiêm.

Điều lệ của Đảng đã quy định nhiều điều cụ thể để thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy dân chủ trong Đảng. Nhiều chỉ thị, nghị quyết, quy chế công tác cũng đã

nói rõ những điểm cần thiết. Song, có thể nói, cho đến nay, trước bước phát triển mới, trước yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới đất nước nói chung, xây dựng Đảng nói riêng, cơ chế và những quy định đó cần phải có sự bổ sung, phát triển và cụ thể hóa hơn nữa trên cơ sở nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn xây dựng Đảng.

Hai là, vừa phải mở rộng thực hành dân chủ, vừa phải xiết chặt kỷ luật, kỷ cương.

Chủ trương dân chủ hóa đời sống xã hội, mở rộng thực hành dân chủ trong Đảng và trong đời sống xã hội là chủ trương đúng đắn của Đảng ta. Song, trong quá trình thực hiện chủ trương này qua hơn 30 năm đổi mới, tình trạng một bộ phận cán bộ, đảng viên của Đảng và Nhà nước cũng như trong các tổ chức chính trị - xã hội có biểu hiện vi phạm kỷ luật, kỷ cương vẫn xảy ra, thậm chí có xu hướng ngày càng nghiêm trọng. Tình trạng này là do nhiều nguyên nhân, song chủ yếu là do việc thực hành dân chủ trong Đảng và trong đời sống xã hội chưa được quán triệt đầy đủ, thống nhất, thực hiện chưa có hiệu quả; chế độ tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong Đảng chưa được thực hiện một cách nghiêm ngặt.

Với tư cách một đảng cầm quyền, lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn coi tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng và thường xuyên nhấn mạnh thực hiện nghiêm ngặt chế độ tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong mọi hoạt động của Đảng, của Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Tuy nhiên, vấn đề là

ở chỗ, cần phải hiểu như thế nào cho đúng về nguyên tắc tổ chức cơ bản này của Đảng? Hiểu nguyên tắc tập trung dân chủ một cách đúng đắn, chúng ta cần phải xem dân chủ là mục tiêu, tập trung là con đường, là phương tiện, biện pháp đạt đến dân chủ. Thế nhưng, trong thực hành dân chủ ở nước ta vẫn xảy ra tình trạng chưa nhận thức đúng và thực hiện đúng nguyên tắc này. Những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật, kỷ cương thường không tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, thực hành dân chủ một cách hình thức; họ né tránh sự kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân.

Do vậy, có thể nói, để thực hiện đúng đắn, có hiệu quả chủ trương mở rộng thực hành dân chủ, đồng thời xiết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và trong đời sống xã hội, thì trước hết phải thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình; đồng thời, phải có cơ chế kiểm tra, giám sát và thực hiện sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ của các cơ quan có thẩm quyền, kết hợp với sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

Ba là, phải kiên quyết khắc phục bệnh quan liêu, cửa quyền, hống hách, tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi... nhằm củng cố lòng tin của nhân dân.

Thành công của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đảng lãnh đạo trong hơn 30 năm qua đã tạo ra trong đông đảo quần chúng nhân dân niềm tin vào Đảng, vào sự lãnh đạo của Đảng; niềm tin ấy xuất phát từ những cảm nhận trực tiếp qua đường lối, chủ trương của Đảng, qua bầu

không khí dân chủ mà Đảng đã tạo ra trong xã hội nhờ thực hành dân chủ rộng rãi.

Tuy nhiên, gần đây, sự gia tăng tệ quan liêu, cửa quyền, hống hách, nạn tham nhũng, đặc quyền đặc lợi của một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất đã tác động xấu đến xã hội, khiến niềm tin của nhân dân bị suy giảm. Đây là một thực tế và nó cũng đã được Đảng ta xác định là một trong những nguy cơ cần phải kiên quyết khắc phục, nhất là tệ quan liêu và nạn tham nhũng.

Thật vậy, nói đây là một nguy cơ cần phải kiên quyết khắc phục là bởi, tệ quan liêu đang làm rạn nứt mối quan hệ mà Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi là "mối quan hệ máu thịt" giữa Đảng và Nhân dân. Hiện nay, điều đáng lưu ý là ngay cả ở các tổ chức cơ sở của Đảng - nơi mà lẽ ra, phải là nơi gần dân nhất, vẫn mắc bệnh quan liêu, có nơi rất trầm trọng. Do vậy, giờ đây, chúng ta cần phải xác định cuộc đấu tranh chống tệ quan liêu vẫn là cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ nhằm củng cố và thắt chặt "mối quan hệ máu thịt" giữa Đảng và Nhân dân.

Về nạn tham nhũng của một bộ phận cán bộ, đảng viên đã thoái hóa, biến chất, có thể nói, hiện đã trở thành một tệ nạn, quốc nạn; nó như một thứ bệnh dịch đang lây lan và là nỗi đau nhức nhối của mọi người dân, làm hoen ố bầu không khí đạo đức của xã hội, phá hoại mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân. Kinh tế thị trường ở nước ta càng phát triển thì cuộc đấu tranh chống tệ nạn tham nhũng ngày càng trở nên gay go, phức tạp hơn nhiều. Chừng nào vấn nạn này vẫn tiếp tục hoành hành, tác oai tác quái thì uy tín

của Đảng, của Nhà nước trong Nhân dân sẽ còn tiếp tục bị ảnh hưởng, giảm sút.

Để đấu tranh, khắc phục một cách hiệu quả tình trạng này, nhất là tệ nạn quan liêu, tham nhũng, chúng ta cần phải kiên quyết xử lý những cán bộ, đảng viên tham nhũng, độc đoán, chuyên quyền, trù dập, ức hiếp quần chúng; đồng thời, phát động quần chúng đấu tranh mạnh mẽ, sử dụng một cách có hiệu quả vũ khí công luận.

Nói đến công luận là nói đến tính công khai. Tính công khai là biện pháp có hiệu quả bảo đảm thực hành dân chủ trong Đảng và trong xã hội. Sử dụng tính công khai này với tư cách một biện pháp hữu hiệu, chúng ta cần phải tùy theo từng vấn đề và ở những mức độ, phạm vi thích hợp thực hiện công khai các hoạt động của Đảng, của Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là của những người lãnh đạo các cấp. Chúng ta cần phải đặc biệt công khai tài chính, công khai chế độ đãi ngộ, công khai các ý kiến khác nhau, công khai xử lý kỷ luật,... chấm dứt tình trạng giữ bí mật những vấn đề không cần bí mật, xử lý nội bộ những trường hợp đã rõ ràng vi phạm pháp luật. Trong vấn đề này, báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng khác giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Thực tiễn cho thấy, chỉ có mở rộng tính công khai, sử dụng đúng công luận, chúng ta mới phát huy được dân chủ; phát hiện, ngăn chặn và đấu tranh chống tệ quan liêu, cửa quyền, hống hách, tệ nạn tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi,... nhằm củng cố lòng tin của Nhân dân.

Việc giải quyết ba vấn đề nói trên phải đồng bộ, hiệu quả.

II- DỰ BÁO XU HƯỚNG THỰC HÀNH DÂN CHỦ TRONG THỜI GIAN TỚI

Dự báo về *xu hướng* mà chúng ta nói đến ở đây chính là *dự báo khoa học.* Đó là tiên đoán, là dự kiến về những hiện tượng, những sự kiện, những biến cố rất có thể xảy ra hoặc nhất định sẽ xảy ra trong một tương lai gần hay một tương lai xa; có thể là ngắn hạn hoặc cũng có thể là dài hạn, tùy theo những nhu cầu nhất định nào đó. Hình thức thể hiện của dự báo khoa học chính là giả thuyết và giả thuyết là hình thức phát triển của khoa học, đặc biệt là khoa học tự nhiên. Khi giả thuyết nào đó được luận chứng hay chứng minh một cách khoa học, không thể bác bỏ thì giả thuyết ấy trở thành lý thuyết và từ đó, có thể rút ra quy luật của sự vật hay hiện tượng hoặc tính quy luật của nó.

Những dự báo dưới đây về dân chủ chủ yếu dựa trên việc phân tích các biến động xã hội, trình độ dân trí của cộng đồng, những tiến bộ khoa học và công nghệ đã và đang diễn ra trên thế giới và cả ở nước ta, đồng thời cũng dựa trên những phân tích về tính tất yếu và vai trò của dân chủ, thực hành dân chủ trong sự phát triển của xã hội từ trước đến nay.

Có nhiều nguyên nhân chủ yếu khiến cho vấn đề dân chủ trở thành chủ đề nóng bỏng cả trong chính trị lẫn trong các sinh hoạt xã hội tại nhiều nơi của thế giới đương đại[1].

---

1. Xem Nguyễn Trọng Chuẩn: "Một số vấn đề về dân chủ", Tạp chí *Triết học,* số 1-2014, tr.9-21.

Trong đó, nguyên nhân quan trọng *đầu tiên* là *ý thức dân chủ, là trình độ nhận thức về dân chủ* và *nhu cầu thực sự bức bách về dân chủ, về tự do...* của mọi tầng lớp dân cư đang ngày càng tăng lên rõ rệt. Ý thức đó của người dân trước hết hướng vào việc chống lại nhà cầm quyền của các chế độ toàn trị, cực quyền, độc đoán, mất dân chủ hết sức nặng nề và kéo dài nhiều năm để giành lấy quyền được sống, quyền tự do, để được bình đẳng thể hiện ý nguyện và bộc lộ tất cả năng lực bản thân vốn có của mình.

Bên cạnh đó là sự bất đồng chính trị sâu sắc giữa một số quốc gia thuộc các thể chế xã hội khác nhau. Có những người thuộc các nhóm, các thế lực ở một số nước vẫn tự coi mình là hình mẫu về dân chủ muốn áp đặt thứ dân chủ theo ý đồ riêng của họ cho các quốc gia và cho các dân tộc khác nào đó mà không tính đến những sự khác biệt về truyền thống văn hóa, về hiện tình chính trị và truyền thống lịch sử của các dân tộc này.

Một lý do rất quan trọng khác là nhân loại đang bước vào kỷ nguyên cần phải khai thác ở mức cao nhất và tạo ra những điều kiện tốt nhất cho sức *sáng tạo* của tất cả mọi người - kỷ nguyên kinh tế tri thức; kỷ nguyên mà trí tuệ và tri thức của con người đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp; kỷ nguyên đòi hỏi mỗi người phải tự vươn lên bằng nội lực của chính bản thân. Đây cũng là kỷ nguyên mà dân chủ sẽ tạo điều kiện để quần chúng thể hiện rõ vai trò của mình trong việc tự mình tạo nên cuộc sống hạnh phúc cho chính mình và tự mình bảo vệ cuộc sống đó. Nếu từng người cũng như cả cộng đồng không được hưởng *những giá*

trị dân chủ thật sự thì sẽ không có *tự do thật sự*, sẽ không thể phát huy khả năng sáng tạo và tính chủ động của các cá nhân lẫn cộng đồng. Và một khi không có tự do, không có dân chủ thật sự trong xã hội thì càng không thể nói đến việc phát huy năng lực sáng tạo của họ.

Tất cả những lý do trên đây có thể gợi mở cho chúng ta một số dự báo về nhu cầu dân chủ ở nước ta trong điều kiện một đảng cầm quyền; một đảng đã có công lao to lớn đối với toàn thể dân tộc và đất nước trong hơn nửa thế kỷ qua, giờ đây đang đứng trước những nhiệm vụ vô cùng khó khăn nhằm đưa đất nước đi lên trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng vì mục tiêu dân chủ, tự do, công bằng, nhân văn, dân giàu, nước mạnh.

Trước hết, chúng ta cần phải tính đến trình độ dân trí, trình độ học vấn ngày càng nâng lên của mọi tầng lớp dân cư, nhất là của tầng lớp có học vấn cao và được tiếp xúc nhiều với thế giới. Thực tế cho thấy, xã hội càng phát triển thì nhu cầu về dân chủ càng lớn, trước hết là *dân chủ trực tiếp*. Có ai là người hiểu, biết và đánh giá các ứng viên ứng cử bất cứ chức danh nào tại khu vực họ cư trú và làm việc hơn là người dân? Vì vậy, sự lựa chọn của người dân thường không sai nếu họ không bị ép buộc, nếu không bị quyền lực sai khiến, không bị đồng tiền chi phối. Điều này hoàn toàn phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh rằng, "dân là chủ" và "dân làm chủ". Không phải ngẫu nhiên mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng đề ra trách nhiệm cho tất cả các địa phương trong nước phải phát hiện người tài trong dân chúng và báo cáo cho Chính phủ.

Tình trạng cử tri không hoặc ít được tiếp xúc với người do mình bỏ phiếu bầu ra là một trong những minh họa điển hình nhất của dân chủ hình thức. Tương tự như vậy là việc chọn ai, bỏ ai trong danh sách các ứng viên vào các chức danh khác nhau ở tất cả các cấp cũng còn hình thức. Để cử tri bầu mà chính người được giới thiệu ứng cử không có chương trình hành động hoặc số người được giới thiệu quá ít cho sự lựa chọn thì cũng là một sự hình thức. Đó cũng là lý do vì sao chúng ta bỏ sót người tài. Gần đây một số cơ quan, trường học và địa phương tiến hành chọn lựa người vào các chức danh gồm nhiều ứng viên thông qua trình bày các chương trình hành động của họ là việc làm khoa học và là bước tiến đáng được nhân rộng, nên được nâng lên thành quy định bắt buộc. Trong tương lai, những người được đưa vào danh sách bầu cử, bên cạnh việc giới thiệu của tổ chức từ trên xuống, nên có cả sự giới thiệu trực tiếp từ dưới lên của người dân, của cử tri. *Dân chủ trực tiếp là xu hướng tất yếu* mà chúng ta sẽ phải tiến hành ở tất cả các cấp để tạo sự đồng thuận xã hội và để giảm thiểu sự thiếu niềm tin đang có chiều hướng gia tăng rất đáng lo ngại trong mấy năm gần đây.

Một xã hội *thiếu dân chủ cũng đồng thời là xã hội không công khai, thiếu minh bạch*. Mà nếu không công khai những việc đáng phải công khai, đáng phải minh bạch thì đồng nghĩa với sự dung dưỡng cho nạn tham nhũng, sự lạm quyền, nạn mua bán chức tước từ nhỏ đến lớn, cho những nhóm lợi ích bất minh lan tràn và hoành hành. Một chế độ dân chủ thật sự sẽ hạn chế, ngăn ngừa và tiến tới xóa bỏ

được nạn tham nhũng lớn, đồng thời giảm bớt tham nhũng vặt tại các cơ quan công quyền. Tình trạng không công khai, không minh bạch đang làm cho nhiều chính sách khá đúng, hoặc rất đúng, nhưng không đi vào hoặc rất khó đi vào đời sống một cách có hiệu quả, trong đó có chính sách xóa đói, giảm nghèo, chính sách hỗ trợ người nghèo, làm cho niềm tin của người dân bị giảm sút.

Vậy, điều gì đã dẫn đến sự suy giảm niềm tin của người dân vào các chính sách của Đảng và Nhà nước? Đó là tình trạng dân chủ hình thức; là không công khai, không minh bạch, không có sự kiểm soát chặt chẽ của các cơ quan công quyền trong việc thực hiện các chính sách đã được ban hành. Trong thực tế, đã xuất hiện hiện tượng một số cán bộ thoái hóa phẩm chất đạo đức trong việc thực thi chính sách xóa đói, giảm nghèo - một chính sách lớn, rất đúng, rất hợp lòng dân của Nhà nước ta, bằng cách bớt xén, ăn chặn tiền xóa đói, giảm nghèo của người dân gặp hoàn cảnh khó khăn[1].

Chúng ta đang sống trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, thời đại công nghệ thông tin và sự tăng trưởng hết sức nhanh chóng của các phương tiện truyền thông đại chúng, nhất là các trang mạng xã hội. Các trang mạng xã hội lan truyền với tốc độ chóng mặt. Qua các phương tiện này, không chỉ cái hay, cái tốt mà cả những cái xấu, cái dở cũng truyền đi rất nhanh, thậm chí

1. Xem ví dụ thực tế được phản ánh của tác giả Quốc Việt: "Niềm tin bị đánh cắp!", báo *Tuổi trẻ,* ngày 7-4-2014, tr.1, 4.

cả những bí mật đôi khi cũng bị phát tán khó có cách thu lại. Vì vậy, những cái không đáng bí mật thì cần *công khai một cách chính thức* để tránh bị lợi dụng. *Dân chủ, bình đẳng, chống độc quyền trong việc tiếp nhận thông tin* là một trong những cách tốt nhất để tạo sự đồng thuận trong xã hội, đồng thời cũng là cách để tránh cả sự lợi dụng dẫn đến chỗ hình thành các nhóm lợi ích bất minh, phi pháp và tiêu cực. Có dân chủ trong thông tin thì mới có sự phản hồi mang tính xây dựng, nhờ đó mà Đảng và Nhà nước mới có thể hoàn thiện các quyết sách, đưa ra các quyết sách đúng và tránh được bệnh chủ quan, duy ý chí và cả bệnh giáo điều không kém phần tai hại.

Dân chủ đòi hỏi phải được *đối thoại*; đối thoại để tạo sự đồng thuận, tìm ra phương án tốt nhất cho bất kỳ công việc gì trước khi nó được quyết định và trở thành chính sách, thành luật quốc gia. Các triết gia đã từng nói: "trong đối thoại nảy sinh chân lý". Thời gian qua, vì không coi phản biện và đối thoại là phương pháp khoa học trong một xã hội dân chủ nên đã có một số quyết sách không được lòng dân, kém hiệu quả dẫn đến chỗ giảm sút lòng tin của người dân. Nhu cầu đối thoại sẽ là một trong những nhu cầu chính đáng và vô cùng có lợi để cho xã hội phát triển nhanh hơn và phát triển đúng hướng.

Trong điều kiện chỉ có một đảng cầm quyền thì đối thoại cởi mở và dân chủ là phương sách tốt nhất để tranh thủ trí tuệ của cả dân tộc. Trong đối thoại, biết tiếp thu những ý kiến đúng, có giá trị và khoa học thì chỉ có lợi cho đất nước và cho dân tộc, cho đảng cầm quyền. Nếu một đảng cầm

quyền duy nhất mà không tập hợp được trí tuệ của cả dân tộc, đặc biệt là trí tuệ của tầng lớp tinh hoa, thì đất nước sẽ khó phát triển nhanh và bền vững. Việc thực hiện dân chủ một cách thực chất là đòi hỏi bắt buộc để đưa đất nước đi lên nhờ sự đồng thuận xã hội, nhờ năng lực sáng tạo của cả dân tộc, trong đó có tài năng của tầng lớp trí thức.

Trong điều kiện kinh tế thị trường, kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, trọng trách gánh vác của Đảng Cộng sản Việt Nam, một đảng duy nhất cầm quyền là vô cùng lớn lao, nặng nề đối với vận mệnh dân tộc, đối với sự phát triển của đất nước để tránh sự tụt hậu xa hơn so với các nước khác. Muốn hoàn thành được trọng trách đó nhất thiết phải tạo được sự đồng thuận của toàn xã hội, phải huy động, tập hợp và phát huy được trí tuệ của cả dân tộc. Dân chủ là một trong những động lực quan trọng giúp Đảng lãnh đạo hoàn thành trọng trách đó.

Chương IV

QUAN ĐIỂM, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HÀNH DÂN CHỦ TRONG ĐIỀU KIỆN MỘT ĐẢNG DUY NHẤT CẦM QUYỀN, XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN, PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA

I- QUAN ĐIỂM, PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HÀNH DÂN CHỦ

1. Quan điểm thực hành dân chủ

a) Quan niệm về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa

Thực chất của phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là phát huy vai trò chủ thể của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân nhằm huy động mọi nguồn lực để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là phát huy vai trò tích cực, tự giác, sáng tạo của con người.

Mục tiêu phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là củng cố và tăng cường sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân, xây dựng hệ thống chính trị xã hội chủ

nghĩa vững mạnh; giữ ổn định chính trị, tạo tiền đề đẩy mạnh sự phát triển toàn diện đất nước; tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ mới.

Nội dung cơ bản của phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa là Đảng thông qua Nhà nước lãnh đạo toàn xã hội phát triển theo đúng con đường xã hội chủ nghĩa; Nhà nước là tổ chức quyền lực của Nhân dân, thể chế hóa quan điểm, đường lối của Đảng thành chính sách, pháp luật, tổ chức quản lý điều hành xã hội để thực hiện đường lối của Đảng và lợi ích của Nhân dân; các tổ chức chính trị và tổ chức xã hội hoạt động đúng đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước nhằm thể hiện ngày càng tốt hơn quyền làm chủ có tổ chức của các tầng lớp nhân dân; tăng cường mở rộng hơn nữa dân chủ trực tiếp.

Nhân dân có quyền và trách nhiệm trực tiếp xây dựng và thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, mọi chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đều phải trực tiếp phản ánh lợi ích của đa số nhân dân.

b) Một số yêu cầu có tính chất phương pháp luận khi nghiên cứu và thực hành dân chủ

Một là, dân chủ là một quá trình phát triển với nội dung ngày càng rộng và tiêu chí ngày càng cao, không thể lấy tiêu chuẩn của ngày hôm qua áp dụng cho ngày hôm nay và lấy những gì ngày hôm nay đã làm được để thỏa mãn cho ngày mai.

Nếu chỉ coi dân chủ là phạm trù chính trị, trong khuôn khổ của chính trị như trước đây sẽ rơi vào hẹp hòi, và sẽ càng hẹp hòi nếu coi nó chỉ là vấn đề hình thức nhà nước. Dân chủ phải được xét rộng hơn, kể cả khía cạnh văn hóa, lối sống, phương thức sinh hoạt của mỗi thiết chế, tổ chức; do vậy, nó phải trở thành nguyên tắc của đời sống sinh hoạt xã hội nói chung, thành nguyên tắc trong đối xử giữa người với người, giữa tổ chức với cá nhân. Ngay trong lĩnh vực chính trị, dân chủ không phải chỉ là người dân có quyền đi bỏ phiếu bầu những người thay mặt mình thực hiện quyền lực nhà nước mà còn là bầu một cách có trách nhiệm, được thông tin và tự nguyện lựa chọn.

Hai là, phải thiết lập được cách thức đo lường trung thực sự thỏa mãn của người dân về quyền dân chủ.

Nếu sự so sánh, đánh giá trình độ dân chủ, mức độ dân chủ chỉ dựa vào sự đầy đủ các thể chế pháp lý thì mới là một phía. Hơn nữa, sẽ không thể thấy được một thực tế là một quốc gia nào đó có thể chưa đầy đủ các thể chế pháp lý dân chủ so với một quốc gia khác, song sự thỏa mãn của người dân về quyền dân chủ lại cao hơn quốc gia khác. Do vậy, trong sự phát triển dân chủ cần phải tính tới sự thỏa mãn của người dân, cần phải có cách thức đo lường mức độ hài lòng của người dân trong việc hưởng thụ các quyền công dân, quyền con người.

Ba là, dân chủ phải gắn với phát triển nhà nước pháp quyền.

Dân chủ có nghĩa là người dân có các quyền của mình,

song cũng phải có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật và các quy tắc chung để bảo vệ lợi ích của dân tộc, Tổ quốc, cộng đồng. Quyền và nghĩa vụ luôn đi đôi với nhau, phải hài hòa. Dân chủ nhưng không thể để tình trạng tự do vô tổ chức trong quản lý xã hội, cá nhân coi thường pháp luật, quyền lực nhà nước. Kinh nghiệm nhiều nước phát triển cho thấy tính kỷ luật và pháp luật trong trật tự xã hội rất cao, nghĩa là phải tăng cường pháp chế của nhà nước pháp quyền. Hiện nay, ở Việt Nam, tính nghiêm minh của pháp luật chưa cao, đặc biệt trong quản lý nhà nước trên các lĩnh vực quy hoạch, khai thác tài nguyên, trật tự đô thị.

2. Phương hướng thực hành dân chủ

a) Thực hành dân chủ một cách rộng rãi

Dân chủ là một chủ đề nhạy cảm không chỉ trong quan hệ quốc tế mà ngay cả trong nội bộ mỗi nước. Ở mỗi nước, chế độ dân chủ có quá trình hình thành và nhìn chung ngày càng trở nên hoàn thiện hơn. Quá trình này diễn ra phụ thuộc vào những điều kiện khách quan và chủ quan cụ thể của từng nước trong từng giai đoạn. Ai cũng coi dân chủ là một giá trị, cũng muốn đất nước ngày càng dân chủ hơn. Nhưng vấn đề phức tạp là ở chỗ, thực hành dân chủ như thế nào cho phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta trong từng giai đoạn? Trong xã hội thường có một số cá nhân và tổ chức lợi dụng chiêu bài dân chủ để thực hiện lợi ích của mình và làm tổn hại đến lợi ích chung. Do đó, việc thực hành dân chủ phải được tiến hành thận trọng.

Thực hành dân chủ không đúng có thể dẫn đến tình trạng vô chính phủ; điều đó sẽ cản trở sự phát triển của đất nước[1]. Ranh giới giữa dân chủ và vô chính phủ tuy trên lý thuyết là rất rõ ràng, nhưng trên thực tế là rất mờ nhạt. Việc đưa ra các quy định với mục đích mở rộng dân chủ cần phải đáp ứng được những yêu cầu là làm cho dân giàu hơn, nước mạnh hơn, xã hội công bằng hơn, văn minh hơn, trật tự an toàn được bảo đảm hơn. Nếu việc thực hiện một quy định nào đó mà không đáp ứng được các yêu cầu này thì chưa nên thực hiện. Thực hành dân chủ là một quá trình. Thực hành dân chủ nhiều hơn phải đi liền với việc đem lại ấm no và hạnh phúc nhiều hơn cho Nhân dân. Sự nôn nóng muốn áp dụng ngay mô hình dân chủ của các nước nào đó có thể gây ra những hậu quả xã hội nghiêm trọng.

b) Thực hành dân chủ dưới góc độ quản lý xã hội

Một là, thực hành dân chủ phải thể hiện *những quan niệm lý thuyết dân chủ hiện đại*, trong đó đặc biệt nhấn mạnh quan điểm người dân được làm chủ thực sự cuộc sống của họ, bảo đảm những nhu cầu thiết thân như ăn, mặc, ở, chữa bệnh, đi lại, học hành... Đó cũng là quan điểm dân chủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Người dân được "ăn no, mặc ấm,

---

1. Theo ông Nguyễn Đình Lộc, nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp, nhận thức về dân chủ và thực hiện dân chủ là một quá trình. Không ai có thể tự nói rằng mình đã nhận thức đầy đủ và rõ ràng về dân chủ. Không nên hiểu một cách phiến diện, một chiều chữ dân chủ. Dân chủ có hai mặt của nó. Lạm dụng dân chủ cũng là một tiêu cực, một tai hại đối với xã hội. Xem chi tiết tại: *TuanVietNam,* ngày 2-9-2010.

được học hành"[1]. Không thể nói đến quyền làm chủ xã hội của người dân khi mà họ không làm chủ được cuộc sống của bản thân và gia đình họ. Muốn làm chủ được xã hội, trước hết con người phải làm chủ được cuộc sống bản thân họ. Đó là cách làm chủ thiết thực nhất.

Hai là, thực hành dân chủ phải *phục vụ cho sự tiến bộ xã hội*, thể hiện ở sự bình đẳng và công bằng xã hội. Một xã hội tiến bộ không thể tồn tại sự bất bình đẳng và bất công xã hội, không thể có sự phân biệt đối xử giữa những thành viên trong xã hội, không thể có đặc quyền đặc lợi, "cá lớn nuốt cá bé". Đó là những hiện tượng phản dân chủ, xâm hại đến quyền làm chủ của người dân, làm tổn hại đến lợi ích chính đáng của họ. Khi hoạch định và thực hiện các chính sách xã hội, các nhà lãnh đạo và quản lý cần bảo đảm cho mọi thành viên trong xã hội đều được hưởng thụ mọi quyền lợi chính đáng của mình một cách bình đẳng và công bằng, tương xứng với cống hiến của họ cho xã hội. Đó là điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định, ai cũng được hưởng những quyền cơ bản, nhưng lại không cào bằng theo chủ nghĩa bình quân; vì, theo Người: "Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng; Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên!"[2].

Ba là, thực hành dân chủ phải dựa trên cơ sở nhận thức rõ *những đặc điểm của quản lý xã hội.* Quản lý xã hội là quản lý một khách thể vô cùng đa dạng và năng động. Việc quản lý xã hội đòi hỏi tính đa dạng, tính năng động rất cao

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.13, tr.437.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.224.

trong việc xác định mục tiêu, nội dung, phương thức quản lý. Từ những đặc điểm đó đặt ra yêu cầu việc thực thi dân chủ phải là động lực thúc đẩy việc quản lý xã hội, làm cho hoạt động quản lý phù hợp với đặc điểm đa dạng và năng động của xã hội. Điều đó có nghĩa, việc thực hành dân chủ phải phù hợp với từng đối tượng xã hội, với không gian và thời gian khác nhau, gắn liền với điều kiện lịch sử cụ thể, không thể rập khuôn, giáo điều, chủ quan, duy ý chí. Một chính sách, một cách làm được coi là dân chủ chỉ có thể thích hợp với đối tượng, thời gian, không gian nhất định chứ không thể áp dụng cho mọi đối tượng, mọi lúc, mọi nơi. Thực hành dân chủ, xét từ góc độ quản lý xã hội, phải bảo đảm tính đa dạng và tính năng động.

Bốn là, thực hành dân chủ phải gắn liền với quá trình *xây dựng nhà nước pháp quyền* ở Việt Nam.

Xây dựng nhà nước pháp quyền là vấn đề còn mới mẻ ở Việt Nam. Sự ra đời của nhà nước, cũng như sự ra đời của thị trường, của tôn giáo... là những bước phát triển trong lịch sử nhân loại. Những thành tựu của nhà nước đã khẳng định vai trò của nó đối với sự phát triển xã hội, song đã đến lúc phải chuyển sang một giai đoạn phát triển mới của nhà nước - giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền. Đã qua rồi thời kỳ coi nhà nước pháp quyền là phạm trù tư sản và bị loại trừ. Ngày nay, xây dựng nhà nước pháp quyền đã trở thành con đường tất yếu của Việt Nam, nhưng còn rất mới mẻ và đầy khó khăn. Không nên hiểu nhà nước pháp quyền một cách hạn hẹp chỉ là nhà nước quản lý, điều hành xã hội bằng hệ thống pháp luật. Bản chất của Nhà nước pháp

quyền xã hội chủ nghĩa là một nhà nước quản lý xã hội bằng cách thực thi quyền làm chủ của Nhân dân, hệ thống pháp luật là công cụ bảo đảm cho việc thực thi tốt nhất quyền làm chủ đó. Pháp trị là phương pháp rất quan trọng, nhưng không thể là mục đích của nhà nước pháp quyền. Hệ thống pháp luật phải bảo đảm quản lý xã hội một cách tốt nhất để xây dựng một xã hội phát triển và tiến bộ, trong đó con người được sống tự do, hạnh phúc, có việc làm và được làm việc với những điều kiện an toàn và ngày càng văn minh, hiện đại, được giáo dục và chăm sóc sức khỏe với những điều kiện ngày càng tốt, có đời sống văn hóa, tinh thần mang tính nhân văn, đoàn kết và đồng thuận, hòa hợp và nhân ái với quan hệ dân chủ và bình đẳng, mình vì mọi người, mọi người vì mình.

II- NHÓM GIẢI PHÁP THỰC HÀNH DÂN CHỦ TRONG ĐIỀU KIỆN MỘT ĐẢNG DUY NHẤT CẦM QUYỀN, XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN, PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

1. Nhóm giải pháp thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền

a) Thực hành dân chủ trong Đảng để nêu tấm gương thực hành dân chủ trong xã hội

Thực hành dân chủ trong Đảng tác động mạnh mẽ đến thực hành dân chủ trong xã hội, đặc biệt là tác động nêu gương. Đảng nêu tấm gương thực hành dân chủ bằng cách:

- Phải thực hành dân chủ trong mọi hoạt động của Đảng, trong mọi quan hệ của Đảng: quan hệ trong nội bộ Đảng và quan hệ với các tổ chức trong hệ thống chính trị.

- Đảng nêu gương trong việc tôn trọng pháp luật; giáo dục pháp luật cho các tổ chức đảng và đảng viên sống có kỷ cương, kỷ luật.

- Tạo ra bầu không khí dân chủ trong Đảng đủ sức tỏa sáng ra toàn xã hội, làm cho tất cả mọi người đều cảm thấy sự hấp dẫn của Đảng và ngày càng tin tưởng và làm theo Đảng.

- Các tổ chức đảng và đảng viên cần tích cực đấu tranh chống bệnh quan liêu, tham nhũng, hành dân, coi thường pháp luật, đặc quyền, đặc lợi.

b) Nhóm giải pháp thực hành dân chủ trong mọi hoạt động của Đảng

Thứ nhất, thực hành dân chủ trong công tác lý luận.

Để thực hành dân chủ trong công tác lý luận, Đảng cần phải thực hiện các giải pháp sau đây:

- Phải thể chế hóa cụ thể hơn nữa các chủ trương của Đảng về dân chủ.

- Cần sớm khắc phục tình trạng dân chủ hình thức.

- Các vấn đề lý luận phải luôn được kiểm nghiệm trong thực tiễn, sẵn sàng nghe ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân để sửa đổi những điều không xác đáng, bổ sung những điều cần thiết.

- Trước khi Đảng quyết định một vấn đề quan trọng, cần trải qua nhiều cuộc tranh luận, nên khuyến khích và thực

hiện phản biện xã hội rộng rãi vì phản biện xã hội là sự cần thiết khách quan, là một biểu hiện cụ thể của dân chủ.

- Sớm ban hành quy chế dân chủ trong công tác lý luận để tạo lập môi trường dân chủ trong công tác lý luận.

Chính vì thế, từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đảng đã chủ trương tạo môi trường dân chủ thảo luận, tranh luận khoa học, khuyến khích tìm tòi, sáng tạo, phát huy trí tuệ của cá nhân và tập thể trong nghiên cứu lý luận.

Thứ hai, thực hành dân chủ trong công tác tư tưởng.

Thực hành dân chủ trong công tác tư tưởng của Đảng là nội dung rất quan trọng trong hoạt động của Đảng. Để làm được điều đó, Đảng cần thực hiện một số giải pháp cơ bản sau đây trong công tác tư tưởng:

- Phải làm cho tư tưởng con người được hoàn toàn giải phóng.

- Phải thường xuyên cung cấp thông tin để dân biết, dân bàn, trừ những vấn đề cần giữ bí mật, còn mọi việc đều phải công khai, minh bạch.

- Công tác tư tưởng phải khách quan, khoa học, nói đúng sự thật.

- Phải mở rộng dân chủ trong công tác tư tưởng.

- Nói đi đôi với làm, tránh tình trạng nói nhưng không làm dẫn đến mất lòng tin của nhân dân.

Thứ ba, thực hành dân chủ trong công tác tổ chức.

Thực hành dân chủ trong công tác tổ chức có nghĩa là thật sự phát huy dân chủ, gắn bó mật thiết với Nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng. Để khắc phục tình trạng

tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, nhất là bộ máy hành chính nhà nước có quá nhiều đầu mối, trách nhiệm tập thể và cá nhân không rõ ràng, chất lượng hoạt động và hiệu quả thấp, bộ máy còn cồng kềnh, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của nhiều cơ quan còn chồng chéo, cơ chế vận hành và nhiều mối quan hệ còn bất hợp lý... thì cần phải thực hành dân chủ trong công tác tổ chức. Dân chủ, công khai và công bằng trong công tác tổ chức đang đòi hỏi phải đổi mới công tác đó.

Thứ tư, thực hành dân chủ trong công tác cán bộ.

Cần thực hành dân chủ trong toàn bộ các khâu của công tác cán bộ, phải dựa vào Nhân dân để xây dựng đội ngũ cán bộ.

Trong các khâu của công tác cán bộ thì khâu *đánh giá cán bộ* một cách khách quan, đúng đắn trên cơ sở triệt để công khai, công bằng, công tâm, dân chủ và định kỳ lấy ý kiến nhận xét của Nhân dân về tư cách, đạo đức, về tinh thần trách nhiệm của người cán bộ là hết sức cần thiết.

Khâu *quy hoạch cán bộ* cần vận dụng tốt nguyên tắc tập trung dân chủ. Đảng thống nhất lãnh đạo và quản lý đội ngũ cán bộ, bảo đảm vai trò lãnh đạo tập trung của cấp ủy đi đôi với việc phát huy trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, đồng thời mở rộng dân chủ trong phát hiện nguồn cán bộ, phát hiện tài năng. Quy hoạch cán bộ phải được tiến hành công khai và dân chủ, từ khâu tuyển chọn nguồn cán bộ đưa vào quy hoạch đến quá trình đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện thực tiễn và bố trí, sử dụng cán bộ.

Khâu *luân chuyển cán bộ* cũng đòi hỏi thực thi dân chủ, đề phòng trường hợp lợi dụng chủ trương luân chuyển cán bộ để đẩy những người không thuộc phe cánh đi nơi khác, nhận những người thân cận với mình về. Vì thế, công tác luân chuyển cán bộ nhất thiết phải được thảo luận dân chủ, công khai. Đề phòng cả tư tưởng cục bộ, bản vị, không tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ được luân chuyển đến địa phương, cơ quan, đơn vị mình, thậm chí còn lôi bè kéo cánh, cô lập, vô hiệu hóa cán bộ mới đến. Chính vì vậy, phải thực hành dân chủ trong luân chuyển cán bộ để khắc phục tình trạng đó.

Trong khâu *quản lý cán bộ* cần nghiên cứu phân cấp quyền hạn và trách nhiệm quản lý giữa các cấp trung ương và địa phương, giữa các cơ quan đảng với các cơ quan nhà nước và các đoàn thể quần chúng.

Phải bảo đảm tính dân chủ trong *chính sách cán bộ*. Điều đó thể hiện: (1) Mọi cán bộ đều có quyền được tham gia ý kiến, trao đổi về các vấn đề liên quan tới quyền lợi của cán bộ trước khi chính sách được ban hành. Bộ phận làm chính sách phải bám sát thực tiễn, lắng nghe, tôn trọng ý kiến của Nhân dân để từ đó đề ra hay điều chỉnh chính sách cho phù hợp. (2) Phải có cơ chế để bảo đảm cho cán bộ giám sát quá trình triển khai các chính sách cán bộ trong thực tế.

Thứ năm, thực hành dân chủ trong công tác kiểm tra, giám sát.

Kiểm tra, giám sát là một trong những hoạt động quan trọng của Đảng ta. Trong một chế độ thực sự dân chủ, mọi hoạt động của các thiết chế quyền lực và của các cá nhân có

phận sự trong các thiết chế đó đều được đặt dưới sự kiểm tra, giám sát của Nhân dân. Trong chế độ đó, các cơ quan và cá nhân đại diện cho Nhân dân có nghĩa vụ báo cáo trước Nhân dân mọi hoạt động liên quan tới lợi ích; Nhân dân có quyền chất vấn và các cơ quan, cá nhân tương ứng có nghĩa vụ trả lời một cách trung thực.

Kiểm tra, giám sát không chỉ trong Đảng mà còn trong toàn bộ hệ thống chính trị. Để làm tốt công tác kiểm tra, giám sát của Đảng thì một nội dung quan trọng phải làm là thực hành dân chủ trong công tác kiểm tra.

Thứ sáu, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Để đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, cần thực hiện các giải pháp sau đây:

- Phải rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy định, quy chế làm việc của các cơ quan lãnh đạo và tham mưu của Đảng ở mọi cấp, mọi ngành và từng lĩnh vực.

- Đảng phải cầm quyền vì dân, cầm quyền một cách dân chủ, khoa học và cầm quyền theo pháp luật; lãnh đạo bằng sự gương mẫu, nhất là gương mẫu trong việc tôn trọng pháp luật, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải được tiến hành đồng bộ với việc sắp xếp lại bộ máy và đổi mới hoạt động của cả hệ thống chính trị.

- Nâng cao văn hóa lãnh đạo và văn hóa chính trị là nội dung quan trọng của đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

c) Thực hành dân chủ trong mọi quan hệ của Đảng

Thứ nhất, thực hành dân chủ trong quan hệ giữa cấp trên với cấp dưới trong nội bộ đảng.

Để thực hành dân chủ trong quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới trong nội bộ đảng thì cần có các giải pháp cơ bản sau đây:

- Các cấp ủy từ cơ sở đến trung ương phải mẫu mực về sinh hoạt dân chủ nội bộ và về chất lượng lãnh đạo của cả cấp trên và cấp dưới.

- Dân chủ giữa cấp trên và cấp dưới phải được thể chế hóa, quy trình hóa.

- Quyền lực chính trị của Đảng cần có sự phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan thuộc bộ máy đảng, giữa cấp trên và cấp dưới trong nội bộ đảng. Quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Đảng đòi hỏi phải bảo đảm kết hợp hài hòa giữa cấp trên và cấp dưới, giữa lãnh đạo tập thể và trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu tổ chức đảng, đồng thời mọi hoạt động của bộ máy đảng đều phải được kiểm tra, giám sát.

- Để thực hành dân chủ trong quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới trong nội bộ đảng thì cả cấp trên và cấp dưới phải phối hợp khắc phục và đề phòng các hiện tượng tiêu cực đã, đang và có thể xảy ra trong Đảng.

Cùng với việc thực hành dân chủ trong quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới trong nội bộ đảng, phải tăng cường kỷ cương, kết hợp giữa xây dựng và bảo vệ.

Thứ hai, thực hành dân chủ trong sinh hoạt nội bộ của các tổ chức đảng.

Để bảo đảm và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, cần có những giải pháp chủ yếu sau đây:

- Phải đổi mới tư duy về sinh hoạt đảng, phải gắn sinh hoạt đảng với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới, trong đó phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nền tảng tinh thần của xã hội.

- Tập trung sức mạnh tổ chức và các điều kiện cần thiết khác để xây dựng, rèn luyện và phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên, để nâng cao tính tự giác, phát huy vai trò chủ thể, chủ động của cán bộ, đảng viên trong tổ chức đảng.

- Nội dung sinh hoạt đảng cần được cải tiến hơn nữa theo hướng tập trung phát hiện và khắc phục những hiện tượng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, hối lộ, làm sai, làm trái pháp luật, những hiện tượng mất dân chủ, bè phái, gây mất đoàn kết nội bộ.

- Xây dựng và thực hiện một số quy chế bảo đảm phát huy hơn nữa dân chủ trong Đảng; tăng cường kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên.

- Thực hành dân chủ trong sinh hoạt đảng đòi hỏi phải tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân, nhận thức đúng vai trò, vị trí của Nhân dân; việc đề ra các chủ trương, đường lối, chính sách phải xuất phát từ quyền lợi của Nhân dân và thật sự phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

- Nêu cao tinh thần phê bình và tự phê bình, thẳng thắn.

d) Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước

Đảng phải đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Nhà nước, cụ thể là cần tiến hành các giải pháp sau đây:

Thứ nhất, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước vừa phải trên cơ sở kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, vừa phải rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy định, quy chế làm việc của các cơ quan lãnh đạo và tham mưu của Đảng ở mọi cấp, mọi ngành và từng lĩnh vực, đồng thời thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng, trong Nhà nước và trong xã hội; đẩy mạnh phân cấp, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Đổi mới cách ra nghị quyết, chỉ thị, việc quán triệt nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước phải nhằm làm cho quyền làm chủ của Nhân dân được thực hiện tốt hơn. Đảng phải trở thành tấm gương về dân chủ trong phương thức lãnh đạo. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước không có gì hơn là Đảng thực hiện sự lãnh đạo Nhà nước một cách dân chủ, bằng những nguyên tắc dân chủ.

Thứ ba, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước phải được đặt trong tổng thể nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng, tiến hành đồng bộ với đổi mới các mặt của công tác xây dựng Đảng, với đổi mới tổ chức và hoạt động của cả hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Thứ tư, để thực hành dân chủ trong phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước thì phải nâng cao văn hóa lãnh đạo và quản lý của Đảng và Nhà nước. Văn hóa chính

trị thể hiện ở chỗ các nhà lãnh đạo luôn phải lấy dân là gốc, dân phải là chủ và dân phải được làm chủ. Người lãnh đạo phải đi sâu, đi sát, gần gũi Nhân dân; lắng nghe ý kiến của Nhân dân, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của dân; tôn trọng, học hỏi dân. Muốn xây dựng văn hóa lãnh đạo và quản lý thì phải kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, mệnh lệnh, ỷ thế cậy quyền, coi thường dân, ức hiếp dân, v.v..

đ) Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội

Để thực hành dân chủ trong phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cần có *những giải pháp* chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, cần tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, coi đó vừa là tiền đề, vừa là điều kiện để đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội không thể tự mình đổi mới nếu Đảng không đổi mới phương thức lãnh đạo. Đồng thời, đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là một bộ phận không thể tách rời của quá trình tiếp tục đổi mới cả hệ thống chính trị nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân.

Thứ hai, Đảng cần xác định thật rõ vị trí, vai trò, chức năng của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có vị trí, vai trò, chức năng độc lập, cụ thể trong xã hội; là tổ chức tiêu biểu của Nhân dân, đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân.

Thứ ba, Đảng cần phát huy vai trò thực hành dân chủ của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong điều kiện một đảng cầm quyền. Nhân dân thông qua các tổ chức chính trị - xã hội của mình để thể hiện quyền làm chủ; do đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là một phương thức rất quan trọng để thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân. Vì thế, thực hành dân chủ trong phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là rất quan trọng.

Thứ tư, Đảng cần đổi mới mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội để khắc phục tình trạng "hành chính hóa" và "nhà nước hóa". Mô hình tổ chức các tổ chức chính trị - xã hội phải đa dạng và linh hoạt hơn.

Thứ năm, thể chế hóa vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với Đảng và Nhà nước.

Thứ sáu, thể chế hóa vai trò phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

e) Đảng phải quan hệ mật thiết với Nhân dân, phải thực hành dân chủ trong xã hội

Quan hệ giữa Đảng và Nhân dân được hình thành trong quá trình cách mạng rất mật thiết, khăng khít, tuy nhiên còn có lúc Đảng mắc sai lầm, khuyết điểm. Chính vì thế, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã rút ra bài học phải "lấy dân làm gốc".

Thứ nhất, cần phải đánh giá khách quan, thẳng thắn, chỉ ra những thành tựu và hạn chế của việc thực hành dân

chủ trong xã hội. Phải tiếp tục xây dựng nền dân chủ, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về Nhân dân; mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của Nhân dân. Dân làm chủ thì dân phải có quyền quyết định.

Thứ hai, để cầm quyền và lãnh đạo lâu dài, hơn lúc nào hết Đảng cần phải thực sự chăm lo bồi đắp cơ sở quần chúng và cơ sở tổ chức của Đảng. Sự cầm quyền và lãnh đạo của Đảng phải vì dân và dựa vào dân. Đảng cần luôn căn cứ vào sự thay đổi của tình thế và yêu cầu của thực tiễn, kế thừa và sáng tạo mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng, mở rộng con đường liên lạc thông suốt giữa Đảng và quần chúng, tìm tòi và hình thành một loạt các chế độ về mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và quần chúng.

Thứ ba, cán bộ, công chức phải hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân. Nâng cao ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân, năng lực làm chủ, tham gia quản lý xã hội của Nhân dân. Có cơ chế cụ thể để Nhân dân thực hiện trên thực tế quyền làm chủ trực tiếp theo đúng phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Phát huy dân chủ, đề cao trách nhiệm công dân, kỷ luật, kỷ cương xã hội; phê phán và nghiêm trị những hành vi vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, những hành vi lợi dụng dân chủ để làm mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội; chống tập trung quan liêu, khắc phục dân chủ hình thức. Việc phát huy dân chủ đòi hỏi phải đi liền với việc đề cao trách nhiệm công dân và bảo đảm giữ vững kỷ luật, kỷ cương xã hội.

Mỗi một người dân cần nâng cao sự hiểu biết về chính sách, pháp luật và có ý thức phát huy quyền làm chủ của mình, tích cực tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, kiên quyết đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực, vi phạm dân chủ ở cơ sở.

Thứ tư, Đảng phải biết tôn trọng, lắng nghe ý kiến trong xã hội, lấy đó làm cơ sở để hoạch định và tổ chức thực hiện các quyết định của mình. Đường lối, chính sách được hoạch định trên cơ sở đó là một biểu hiện quan trọng quyền lực nhân dân đối với sự phát triển xã hội. Đảng biết dựa vào dân để sửa chính sách, sửa cán bộ của mình. Bằng cách đó, Nhân dân trực tiếp tham gia xây dựng Đảng về chính trị, tổ chức và cán bộ. Quyền lợi của Nhân dân đối với đảng cầm quyền được tăng cường. Đảng phải biết sử dụng dân chủ để đưa các quyết định vào quần chúng cũng như trong việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các quyết định đó. Bằng sự thuyết phục sâu sắc, Đảng làm cho Nhân dân tiếp nhận các quyết định của Đảng như quyết định của chính mình.

Bên cạnh đó, chúng ta phải có đội ngũ cán bộ có năng lực, cụ thể:

Một là, phải nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nếu bản thân người tổ chức thực hiện mà không quán triệt thì không thể truyền đạt, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật cho người khác được. Chủ thể quản lý và đối tượng quản lý đều phải nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hai là, phải nắm vững chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm của ngành hoặc địa phương mình. Đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đề ra chung cho cả nước; các ngành, các địa phương phải vận dụng sáng tạo phù hợp với đặc điểm của ngành mình, địa phương mình.

Ba là, trên cơ sở quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nắm vững chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm của ngành mình, địa phương mình, phải vạch ra chương trình hành động và kế hoạch chi tiết, cụ thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đặc điểm của ngành, hoặc địa phương. Đó là yêu cầu không thể thiếu trong năng lực tổ chức thực hiện.

Bốn là, sau khi đã có chương trình hành động và kế hoạch cụ thể, chi tiết rồi phải tổ chức phân công, phối hợp giữa các đoàn thể, cá nhân, ai làm nhiệm vụ gì, ai chịu trách nhiệm chính. Mọi việc phải được phân công hợp lý, rõ ràng, minh bạch, nêu rõ quyền lợi và trách nhiệm để mọi người hiểu rõ và thi hành.

Năm là, khi đã có chủ trương, kế hoạch rồi thì phải tìm ra biện pháp, hình thức, giải pháp để thực hiện. Biện pháp, hình thức, giải pháp càng phong phú, càng linh hoạt, càng hấp dẫn càng tốt. Ở đây cũng đòi hỏi sự sáng tạo của những người tổ chức thực hiện chính sách. Chủ trương một thì kế hoạch phải mười và biện pháp phải một trăm, càng sáng tạo càng tốt.

Sáu là, vận động quần chúng thực hiện. Đây là khâu cuối cùng trong việc tổ chức thực hiện và cũng là khâu có ý nghĩa quyết định.

2. Nhóm giải pháp thực hành dân chủ trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền

Trong lịch sử của nền văn minh nhân loại đã từng tồn tại nhiều loại hình nhà nước hay các kiểu nhà nước khác nhau; từ nhà nước dân chủ thời cổ đại, nhà nước độc tài, chuyên chế thời phong kiến đến nhà nước tư sản với nhiều biến thể về cách tổ chức, rồi nhà nước vô sản. Tuy nhiên, cần phải nói rằng, trong mấy thế kỷ gần đây, mỗi bước tiến của nền dân chủ đều không tách rời sự ra đời, tính hiệu quả trong việc thúc đẩy sự phát triển các mặt của xã hội và sự củng cố sức mạnh của *nhà nước pháp quyền*. Điều đó khẳng định rằng, một nền dân chủ chân chính bảo đảm quyền con người sẽ không tách rời nhà nước pháp quyền theo đúng nghĩa của nhà nước này. Chính nhà nước pháp quyền là sự *bảo đảm chắc chắn, mạnh mẽ* và *cơ bản* cho sự thực thi dân chủ trong xã hội, cho các quyền dân chủ mà mỗi công dân của xã hội đó đáng được hưởng.

Ở nước ta trước đây, đã từng có giai đoạn một số người cho rằng, nhà nước pháp quyền là nhà nước tư sản, nghĩa là đồng nhất nhà nước pháp quyền với nhà nước tư sản và chỉ có các nước tư bản mới nói đến nhà nước pháp quyền; rằng, nhà nước pháp quyền là nhà nước bảo vệ quyền lợi của những người có của, là nhà nước của thiểu số, chỉ có nhà nước thực hiện chức năng chuyên chính vô sản mới là nhà nước bảo vệ quyền lợi cho đa số và mới mang lại quyền dân chủ thực sự cho con người. Vì vậy, cho đến sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (năm 1991) vẫn

còn có ý kiến không chấp nhận thuật ngữ *nhà nước pháp quyền*, thậm chí còn không cho phép nói đến nó trong điều kiện của nước ta lúc bấy giờ!

Thật ra, đó là sự nhận thức không đúng nếu không nói là sai lầm; bởi vì, một đất nước, một dân tộc muốn phát triển thì điều kiện không thể thiếu là phải huy động được sự đóng góp của mọi người, không phân biệt đối xử, không để xảy ra tình trạng người này thì được tôn trọng, còn kẻ khác thì bị khinh rẻ hoặc chỉ được coi là công dân hạng hai hay hạng ba. Nếu nhìn nhận một cách khách quan thì cần phải khẳng định mạnh mẽ rằng, một chế độ, cũng như một xã hội, muốn tồn tại, hơn nữa là muốn phát triển bền vững, tất yếu phải huy động được tối đa và tốt nhất sức mạnh của toàn thể dân tộc, phải tạo được sự đồng thuận cao nhất, sự đoàn kết thực lòng của tất cả các lực lượng trong xã hội chứ không phải chỉ là sự đoàn kết hoặc sự đồng thuận mang tính hình thức, chỉ là hiện tượng nhất thời và quan trọng hơn cả là phải bảo vệ một cách hữu hiệu, phải ra sức bảo đảm và thực thi đầy đủ *tất cả các quyền cơ bản* cho mọi thành viên của mình. *Chỉ có nhà nước pháp quyền* mới có khả năng và mới có đầy đủ quyền hạn trên cơ sở luật pháp dân chủ để thực hiện được tất cả những nhiệm vụ trọng đại nhưng vô cùng khó khăn ấy. Đó là lý do để khẳng định rằng, trong thời đại hiện nay, mỗi bước tiến vững chắc của nhà nước pháp quyền cũng là một bước tiến trong việc thực thi dân chủ trong xã hội và bảo đảm tốt nhất quyền con người.

Nhìn từ nhiều phía, dân chủ không những là tiêu chuẩn để đánh giá sự tiến bộ của lịch sử tất cả các quốc gia, dân tộc mà còn là thước đo sự tiến bộ của một xã hội cụ thể nào đó, và chung hơn hết là thước đo trình độ giải phóng con người ở mỗi giai đoạn lịch sử nhất định. Do vậy, dân chủ, dù nhất định mang tính giai cấp trong các xã hội có giai cấp, thì đó vẫn là một giá trị mang tính toàn nhân loại, là một giá trị xã hội phổ biến. Tuy nhiên, dù cho thừa nhận dân chủ có mang tính toàn nhân loại, là một giá trị xã hội phổ biến như vậy nhưng từ quan điểm lịch sử vẫn cần nhận thức một cách đúng đắn rằng, đến thời điểm này, và chắc còn rất lâu nữa, khi mà xã hội còn có sự phân chia thành các giai cấp, giai tầng khác nhau, sẽ không thể nào có một thứ dân chủ không có giới hạn, một thứ dân chủ vô bờ bến, một thứ dân chủ vô luật pháp. Điều đó có nghĩa rằng, dân chủ trong xã hội không thể nào thiếu kỷ cương hay vô luật pháp; do vậy, *dân chủ không tách rời pháp luật* và cũng có nghĩa rằng dân chủ trong xã hội gắn bó chặt chẽ với nhà nước pháp quyền. Chính nhà nước pháp quyền bảo đảm thực thi dân chủ một cách hiệu quả nhất chừng nào xã hội vẫn còn có sự phân chia giai cấp.

Đặc biệt, trong thời đại đầy biến động mà chúng ta đang sống, dân chủ sẽ phải là điều kiện, là môi trường thuận lợi nhất và tốt nhất để cho tất cả mọi cá nhân trong tất cả cộng đồng xã hội có thể tự bộc lộ được hết khả năng và tiềm năng sáng tạo của bản thân, và qua đó, để cho toàn thể nhân loại đủ sức thúc đẩy nền văn minh tiến nhanh hơn trong kỷ nguyên cách mạng thông tin và thời đại kinh tế tri thức.

Trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay, quyền con người và quyền dân chủ thực sự của người dân đã và đang được luật hóa và cũng từng bước được hiện thực hóa một cách thực chất hơn. Vấn đề đặt ra là, trong điều kiện Nhà nước pháp quyền của chúng ta mới đang từng bước được xây dựng và cố gắng hoàn thiện dần thì *cần phải có những giải pháp nào* để thúc đẩy việc thực hành dân chủ? Đặc biệt, cần có những giải pháp nào để thực hiện một cách hữu hiệu quyền dân chủ của người dân trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam do một đảng chính trị duy nhất lãnh đạo và cầm quyền là Đảng Cộng sản Việt Nam?

Như trên đã nói, không một chế độ xã hội nào có thể phát triển bền vững, cũng không thể tồn tại lâu dài và ổn định nếu toàn thể dân tộc không có sự đồng lòng, đồng thuận, không cùng nhau nhìn về một hướng và không có lợi ích chung thống nhất. Nếu như trong một chế độ xã hội mà nhà nước của nó chỉ đại diện cho một hoặc một vài giai cấp, một vài giai tầng nhất định nào đó, trong khi các giai cấp hoặc các giai tầng còn lại đều là đối tượng luôn phải canh chừng hoặc phải được giám sát, phải được quản lý thật chặt chẽ thì chắc chắn rất khó có được sự đồng thuận hoặc sự đoàn kết thật lòng. Chúng ta đang được chứng kiến không ít các cuộc đảo lộn chính trị liên tiếp xảy ra tại nhiều khu vực trên thế giới, mà nguyên nhân chủ yếu cũng đều xuất phát từ chỗ quyền hành nhà nước nằm trong tay một số người hay một vài gia tộc trong suốt một thời gian dài, thậm chí rất dài. Chính sự đấu đá nội bộ, sự tranh giành

quyền lực nhà nước không chỉ dẫn đến tình trạng hỗn loạn xã hội, mà tác hại do tình trạng ấy gây ra còn lớn hơn rất nhiều, đó là sự ly tán lòng dân, sự bất ổn xã hội.

Lịch sử thế giới đương đại lại thêm một lần nữa khẳng định tính đúng đắn của chân lý: "*Chở thuyền là dân mà lật thuyền cũng là dân*". Điều này nhắc nhở chúng ta phải luôn ghi nhớ rằng, trong nhà nước dân chủ, nhà nước pháp quyền thì nhân dân, người dân là tối thượng, là trên hết, "địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ"[1] và dân là người làm chủ; Nhà nước phải coi dân là gốc, vì như Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói:

"Gốc có vững cây mới bền
Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân"[2].

a) Nhà nước phải mang bản chất nhà nước của dân, do dân và vì dân

Điều kiện tiên quyết để thực hành dân chủ trong xã hội chỉ do một đảng chính trị duy nhất cầm quyền là *nhà nước phải mang bản chất* là ***nhà nước của dân***. Một khi toàn thể nhân dân coi *nhà nước là nhà nước của mình*, chứ không phải là một cơ quan quyền lực được sinh ra để đàn áp mình, để thống trị mình, thì khi đó trên dưới sẽ đồng lòng và nhà nước *của dân* sẽ có được sức mạnh vô biên.

Cùng với nhà nước *của dân* thì đồng thời nhà nước đó còn phải là ***nhà nước do dân***. Trong cuộc sống của người dân, trong sự vận động và sự phát triển của xã hội thì từng người dân và toàn thể xã hội luôn có vô số những nhu cầu

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.434; t.5, tr.502.

khác nhau. Để đáp ứng tất cả các nhu cầu đó, nhà nước không thể tự làm được một mình, mà nhất thiết phải dựa vào sức dân, nghĩa là mọi việc phải *do dân*. Nhà nước pháp quyền đó phải được người dân xây dựng, giám sát và kiểm soát. Đặc biệt, mọi thành viên trong các cơ quan công quyền của nhà nước cũng phải được xã hội giám sát. Chắc chắn là trước sự giám sát của người dân và của toàn thể xã hội, các thành viên đó sẽ phải luôn ý thức về trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trước dân, trước xã hội. Nói về sức mạnh của dân, sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc lại câu nói của nhân dân Quảng Bình trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước:

"*Dễ mười lần không dân cũng chịu*
Khó trăm lần dân liệu cũng xong"[1].

Nhà nước của dân, do dân còn phải là ***nhà nước vì dân***. Điều đó có nghĩa rằng, mọi hoạt động của nhà nước nhằm đáp ứng các nhu cầu dù lớn hay nhỏ, dù là trong ngắn hạn hay trong dài hạn, dù là trước mắt hay lâu dài của đất nước đều phải thể hiện rõ rằng tất cả đều là *vì dân;* bởi vậy, "bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy"[2].

Nhà nước pháp quyền Việt Nam không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của người dân và của toàn thể dân tộc Việt Nam. Nhà nước đó không có một đặc quyền, đặc lợi nào khác ngoài việc bảo vệ quyền lợi của Nhân dân. Vì vậy, Nhà nước đó phải tuyệt đối minh bạch, trong sạch, hết lòng

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.280.

vì dân; mọi chính sách được Nhà nước đưa ra đều chỉ nhằm đem lại quyền lợi cho Nhân dân, phục vụ Nhân dân; nó chỉ "nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người"[1]. Cũng chính vì lẽ đó mà chỉ mấy tháng sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhiều lần căn dặn rằng: "Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh"[2], và: "Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh"[3]. Đặc biệt, "đối với dân, ta đừng có làm gì trái ý dân. Dân muốn gì, ta phải làm nấy"[4]. Nhà nước pháp quyền hiện đại càng cần phải thực hiện cho được tất cả những điều đó *vì dân*.

Nói tóm lại, "thực hành dân chủ để làm cho dân ai cũng được hưởng quyền dân chủ tự do"[5] nhưng để thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng chính trị duy nhất cầm quyền thì Nhà nước phải là *nhà nước của dân, do dân* và *vì dân*; nghĩa là Nhà nước phải là người đại diện cho tất cả các tầng lớp dân cư, cho toàn thể dân tộc Việt Nam. Để Nhà nước thực sự là *của dân*, *do dân* và *vì dân* thì dân phải *được biết*, dân phải *được bàn*, dân *được làm*, dân *được kiểm tra* công việc của các cơ quan công quyền và dân *được hưởng lợi* từ những thành quả mà xã hội đạt được. Thực hiện trong thực tiễn được cả năm mặt đó sẽ là một thành công vĩ đại trong việc thực thi dân chủ một cách hiện thực, chứ không phải chỉ là những câu chữ trong các văn bản hành chính.

1, 2, 3, 4, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.21, 65, 169; t.5, tr.39, 30.

b) Thể chế hóa đường lối, chủ trương thực hành dân chủ thành Hiến pháp và pháp luật

Để thực hành dân chủ trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền với chỉ một đảng chính trị cầm quyền thì Quốc hội nói riêng và Nhà nước nói chung cần kịp thời thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách về thực hành dân chủ thành Hiến pháp, thành hệ thống *đồng bộ* các đạo luật *có tính khả thi cao*, không vì và không được để tạo kẽ hở trong luật cho những sự lợi dụng của các nhóm lợi ích phi pháp, các nhóm lợi ích tiêu cực. Sau khi đã có bộ luật cơ bản, cần cụ thể hóa, thể chế hóa và quy chế hóa thành những quy định bắt buộc mà mọi cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của xã hội phải triệt để tuân thủ.

Đây là nhiệm vụ khó khăn và rất phức tạp với những nước mới bước đầu đi vào xây dựng nhà nước pháp quyền mà trình độ lập pháp còn khá thấp và nhất là lại chưa có truyền thống lập pháp. Tình trạng khi xây dựng các bộ luật mà dành lợi thế cho ngành này hoặc ngành khác rất dễ gây nên sự xung đột lợi ích, dẫn đến mâu thuẫn không đáng có, dẫn đến sự bất bình đẳng giữa các chủ thể lợi ích. Lúc đó nếu pháp luật có được ban hành thì cũng sẽ kém hiệu lực và ít hiệu quả; bởi lẽ, nó đã mang trong mình sự không công bằng và do vậy, sẽ kìm hãm sự phát triển chung. Chính vì vậy, khi xây dựng nhà nước pháp quyền trong điều kiện một đảng cầm quyền thì nhất thiết phải có cách làm luật, cách thể chế hóa luật pháp khác với cách là bộ nào, ngành

nào được giao soạn thảo luật thì chỉ biết đến lợi ích của ngành đó mà không quan tâm đến lợi ích của các ngành khác và của cả đất nước. Sẽ rất tai hại cho đất nước nếu không có sự đồng bộ hóa từ cơ quan làm luật chuyên nghiệp ở trình độ cao. Nếu không khắc phục được tình trạng luật hóa một cách chắp vá, không đồng bộ, có quá nhiều kẽ hở cho lợi ích nhóm bất minh, v.v. thì sự không công bằng và mất dân chủ là điều khó tránh khỏi, nếu không nói là sớm hay muộn nhất định sẽ xảy ra.

Bên cạnh đó, một khi đường lối, chủ trương, chính sách đã được luật hóa một cách khoa học, đồng bộ, công bằng và dân chủ thì nhất thiết các luật đó phải được thực thi hết sức nghiêm minh; không một ai, không một tổ chức nào được đứng cao hơn pháp luật; ai vi phạm pháp luật hoặc làm trái luật, dù là ở cấp nào, giữ vị trí nào trong xã hội, là quan chức hay dân thường, cũng đều phải chịu các hình phạt khác nhau theo đúng luật định. Nói cách khác, trong điều kiện chỉ có một đảng chính trị cầm quyền duy nhất thì việc thực thi dân chủ đòi hỏi Hiến pháp và pháp luật phải được coi là tối thượng; mọi hành động coi thường Hiến pháp và pháp luật đều phải bị xử lý đúng pháp luật.

c) Thực hành dân chủ trong xã hội một cách thực chất

Nhà nước pháp quyền Việt Nam, dù là còn non trẻ, đòi hỏi phải thực hành dân chủ trong xã hội một cách thực chất, nhất là khi chỉ có một đảng chính trị duy nhất cầm quyền; theo đó, các cơ quan tư pháp cần phải độc lập với nhau trước và trong khi xét xử. Tình trạng thiếu dân chủ

trong xét xử các vụ án đã từng diễn ra trước đây đã làm tăng số lượng vụ án oan. Vì vậy, nếu các cơ quan tư pháp được độc lập xét xử, không bị chi phối bởi bất cứ ai thì đó là một bước tiến quan trọng trong việc thực thi dân chủ và việc bảo đảm quyền con người trong nhà nước pháp quyền. Cùng với việc cơ quan tư pháp xét xử một cách độc lập thì việc tranh tụng công khai, công bằng, khách quan, có đầy đủ lý lẽ, chứng cứ thuyết phục giữa cơ quan tố tụng, các luật sư, các nhân chứng và bị cáo tại tòa án cũng thể hiện tính chất dân chủ nhằm bảo vệ quyền con người trong nhà nước pháp quyền của chúng ta.

Tuy nhiên, một mặt khác cũng rất cần được quan tâm và phải được luật hóa để bảo đảm sự công bằng trong quá trình lập án, trong quyết định truy tố và trong quá trình xử án là những ai, dù do vô tình, cố ý hay do thiếu trách nhiệm trong tất cả các khâu, nhất là khâu điều tra, thu thập chứng cứ, lập án mà ép cung hay giả mạo chứng cứ để lấy thành tích dẫn đến làm sai lệch bản chất của vụ án, v.v. khi bị phát hiện đều cần phải kỷ luật nghiêm khắc. Thực hiện được điều này cũng là vì sự công bằng và bảo đảm tính dân chủ, nghĩa là bất cứ ai có sai phạm đều bị trừng phạt, tránh tình trạng xuê xoa, bỏ qua hoặc chỉ kỷ luật một cách hình thức.

d) Tăng cường tính hiệu quả và nghiêm minh của nhà nước pháp quyền

Nhà nước pháp quyền đòi hỏi tính hiệu quả cao và sự nghiêm minh trong mọi công việc, từ cung cách tổ chức

các cơ quan của mình cho đến thực thi các công vụ. Một nhà nước pháp quyền là một nhà nước *vì dân* ở mức độ cao nhất có thể trong những điều kiện và hoàn cảnh cho phép. Vì vậy, các cơ quan dưới quyền của nhà nước pháp quyền không được phép chối từ các yêu cầu chính đáng và hợp pháp của công dân. Các cơ quan công quyền, những người được phép đứng ra thay mặt các cơ quan đó giải quyết yêu cầu của công dân phải xứng đáng là "công bộc của dân" như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần đòi hỏi.

Để thực hành dân chủ trong điều kiện chúng ta bắt đầu từng bước xây dựng nhà nước pháp quyền chỉ do một đảng chính trị duy nhất lãnh đạo và cầm quyền, cần phải kiên quyết khắc phục những tệ nạn của một thời hành chính quan liêu, bao cấp đã ăn sâu, bám rễ chặt trong đời sống chính trị và xã hội của chúng ta. Muốn vậy, phải rất triệt để tiến hành cải cách hành chính. Mặc dù Đảng và Nhà nước chủ trương kiên quyết thực hiện cải cách hành chính trong suốt nhiều năm nay nhưng kết quả thu được chưa tương xứng, nếu không nói là còn rất xa so với sự kỳ vọng của mọi người.

Để thực hành dân chủ trong nhà nước pháp quyền mà các cơ quan công quyền và những người thi hành công vụ vẫn giữ cái nếp cũ đã từng tồn tại khá lâu, như quan liêu, "hành dân là chính" là điều hoàn toàn không thể chấp nhận được. Thực sự đó là những hành vi hết sức phản dân chủ. Kiểu hành dân ấy có rất nhiều biểu hiện khác nhau: tinh vi có, sỗ sàng và trắng trợn như hống hách, mệnh lệnh có; chối

từ khéo léo nhưng lại là gây khó dễ hoặc gợi ý để người dân khi cần thì phải quỵ lụy, xin xỏ, "bôi trơn" ở các mức độ khác nhau, v.v.. Những hành vi này dẫn đến một tệ nạn nặng nề, đã và đang gây nhức nhối cho xã hội: *nạn hối lộ*. Chính cơ chế xin - cho còn lại từ thời bao cấp cùng với khát vọng kiếm tiền thật nhanh trong thời buổi kinh tế thị trường là nguồn gốc trực tiếp dẫn đến tệ nạn đó, và chính sự mất dân chủ trong cơ chế là điều kiện dung dưỡng chúng.

Trong điều kiện hiện nay của nước ta, để thực hành dân chủ một cách rộng rãi và hiệu quả thì nhất thiết phải loại bỏ, khắc phục bằng được tệ nạn trên đây bằng cách tiến hành cải cách hành chính một cách hiệu quả trên thực tế chứ không phải chỉ bằng những lời kêu gọi, các chỉ thị trên giấy tờ, và chính sự thực hành dân chủ triệt để mới là giải pháp tối ưu. Như vậy, cải cách hành chính và thực hành dân chủ vừa là điều kiện, vừa là tiền đề của nhau; cải cách hành chính để phát huy dân chủ và thực hành dân chủ một cách thực chất sẽ góp phần làm trong sạch bộ máy hành chính của nhà nước pháp quyền.

đ) Đảng "phải mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức"

Để thực hành dân chủ trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền do một đảng chính trị duy nhất cầm quyền, một trong những giải pháp không thể thiếu, nếu không nói là *tiên quyết*, là đảng cầm quyền "phải mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức"[1], phải thực hành dân

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.89.

chủ ngay trong Đảng về cả tổ chức lẫn sinh hoạt đảng để vừa làm gương, vừa ngăn chặn tình trạng lạm quyền, lộng quyền, độc quyền có thể xảy ra, mà bài học đau đớn nhất là sự sụp đổ chế độ đã từng diễn ra ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa trước đây.

Bên cạnh đó, trong điều kiện chỉ có một đảng duy nhất cầm quyền thì Đảng phải thật sự trong sạch về đạo đức; phải là nơi hội tụ trí tuệ và là trí tuệ cao nhất của cả dân tộc; phải biết sửa chữa các thiếu sót và khuyết điểm của mình, chứ không được che giấu chúng. Bởi vì, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói, một đảng mà che giấu khuyết điểm của mình là một đảng hỏng. Đường lối, chủ trương được Đảng đưa ra phải đúng đắn, chính xác, nói chung là phải thật sự khoa học, sau khi đã được bàn thảo, phản biện, tranh luận dân chủ cả trong nội bộ Đảng lẫn trong toàn dân.

Thành công của công cuộc đổi mới đất nước bắt đầu từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng với bốn bài học kinh nghiệm, trong đó bài học đầu tiên là *"trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động"* và "bài học lớn rút ra... là trong điều kiện đảng cầm quyền, phải đặc biệt chăm lo củng cố sự liên hệ giữa Đảng và nhân dân; tiến hành thường xuyên cuộc đấu tranh ngăn ngừa và khắc phục chủ nghĩa quan liêu. Mỗi đảng viên cộng sản phải thật sự vừa là người lãnh đạo, vừa là người đày tớ thật trung thành của nhân dân.

Mọi chủ trương, chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và khả năng của nhân dân lao động, phải khơi dậy được sự đồng tình, hưởng ứng của quần chúng. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng, đi ngược lại lợi ích của nhân dân là làm suy yếu sức mạnh của Đảng"[1] là bằng chứng rõ nhất đến nay vẫn rất giá trị về tầm quan trọng của công cuộc dân chủ hóa đời sống trong xã hội và trong Đảng, về phẩm chất của người đảng viên và về việc khắc phục bệnh quan liêu, xa rời quần chúng.

Đặc biệt, trong nhà nước pháp quyền thì pháp luật là tối thượng, không ai, không một tổ chức hoặc một cá nhân nào được phép đứng cao hơn pháp luật hoặc đứng ngoài pháp luật. Vì vậy, Đảng Cộng sản cầm quyền và lãnh đạo cũng tự nguyện "chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật"[2] như Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng đã ghi rõ. Một đảng cầm quyền đã tự nguyện tuân thủ pháp luật như vậy thì không có bất cứ lý do gì để các tổ chức xã hội hoặc bất cứ cá nhân nào có thể đứng ngoài pháp luật, đứng trên pháp luật hoặc không tuân thủ pháp luật.

Tóm lại, có đủ cơ sở để khẳng định rằng, nếu thực hiện đầy đủ những giải pháp trên đây thì hoàn toàn có thể thực

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.29.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd,* tr.89.

hành dân chủ trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền chỉ có một đảng chính trị duy nhất cầm quyền và lãnh đạo.

3. Nhóm giải pháp thực hành dân chủ trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Kinh tế thị trường là thành quả quan trọng trong sự tiến bộ và phát triển của nền văn minh nhân loại. Quá trình biến đổi từ nền kinh tế thị trường sơ khai sang nền kinh tế thị trường hiện đại thực sự là một bước phát triển vượt bậc của nền kinh tế thế giới. Đặc biệt, nền kinh tế thị trường hiện đại đã đạt được mức độ tăng trưởng và hiệu quả rất cao cùng với quá trình toàn cầu hóa kinh tế nói riêng, khi thị trường trở thành thị trường toàn cầu và quá trình toàn cầu hóa mọi mặt của đời sống xã hội loài người nói chung.

Từ sau khi các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, nhất là cường quốc Liên Xô đồng loạt sụp đổ thì người ta mới có thể thực sự nhận ra rằng, do phủ nhận sự tồn tại khách quan của kinh tế thị trường, do coi kinh tế thị trường chỉ là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản cần phải dứt khoát loại bỏ nên nền kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa, sau một thời gian phát triển khá nhanh lúc khởi đầu, đã ngày càng trở nên trì trệ, lạc hậu và rốt cuộc, tụt hậu khá xa so với các nước tư bản. Sự lạc hậu và tụt hậu này là đối chứng khá thuyết phục để người dân các nước xã hội chủ nghĩa so sánh

chính sách kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp của nước mình với chính sách của các nước đi theo kinh tế thị trường, chấp nhận và tuân thủ các quy luật của kinh tế thị trường xem chính sách nào có hiệu quả hơn. Đành rằng, từ chỗ nhận ra mặt tích cực của nó đến khi bắt tay vào thực hiện nó một cách *toàn diện* và *đồng bộ* thực sự là cả một chặng đường dài không hề dễ dàng, thậm chí còn là một cuộc đấu tranh nội bộ hết sức cam go, trước hết về mặt lý luận và tiếp đó là các biện pháp cùng những cách thức thực hiện cụ thể.

Ban đầu, ở nước ta, những người tích cực ủng hộ kinh tế thị trường vì muốn đất nước sớm thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đã từng bị quy kết là lạc hậu, là "ăn phải bả" của chủ nghĩa tư bản, là đã xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin, v.v.. Tuy nhiên, sự trì trệ của nền kinh tế, đặc biệt là cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng và kéo dài nhiều năm rất có thể sẽ nặng nề thêm, đã buộc chúng ta phải có quyết sách mới, phải dũng cảm hơn trong việc thừa nhận những sự bất cập và sai lầm của lý thuyết cũ về kế hoạch hóa, tập trung quan liêu, bao cấp; về việc sở hữu nhà nước phải chiếm ưu thế và tỷ lệ tuyệt đối; về việc phải xóa bỏ càng nhanh càng tốt sở hữu tư nhân để thiết lập sở hữu công cộng; về quan hệ sản xuất phải đi trước để mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, v.v.. Chính những sự nóng vội và những nhận thức sai lầm này đã đẩy chúng ta đến những sai lầm khác, thậm chí còn lớn hơn những sai lầm trong các chính sách kinh tế cụ thể. Đó chính là việc đã vô tình triệt tiêu, làm mất đi các động lực

thúc đẩy sự phát triển, cụ thể hơn là động lực lợi ích, động lực dân chủ cả trong kinh tế lẫn trong các lĩnh vực khác của xã hội.

Đại hội VI của Đảng với thái độ và quyết tâm rất cao, "*nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật*"[1] đã từng bước nhận ra những hạn chế và sai lầm của quan niệm cũ về kinh tế kế hoạch hóa, tập trung quan liêu, bao cấp và cũng từng bước nhận ra vai trò quan trọng của kinh tế nhiều thành phần, của sở hữu tư nhân trong xã hội ta. Vì vậy, Đại hội VI quyết tâm "phải đấu tranh chống cái cũ, chống bảo thủ trì trệ, chống giáo điều rập khuôn, chống chủ quan nóng vội"[2], nhờ vậy qua các kỳ đại hội tiếp theo tiến tới thừa nhận địa vị hợp pháp và vai trò to lớn của kinh tế thị trường trong sự phát triển của xã hội.

Tuy nhiên, chấp nhận kinh tế thị trường hoàn toàn không có nghĩa là chúng ta từ bỏ mục tiêu *vì dân* và *nhân văn* của lý tưởng xã hội chủ nghĩa, là từ bỏ cái đích cần phải đến - đó là *tất cả đều vì con người và vì hạnh phúc của nhân dân*. Đó cũng là lý do giải thích việc chúng ta chấp nhận kinh tế thị trường nhưng là *kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*.

Hiện nay đang có nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề này. Có thể có người cho rằng kinh tế thị trường chỉ có một là kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, vì nó là sản phẩm

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Sđd,* tr.12, 8.

của sự phát triển tư bản chủ nghĩa. Đành rằng sự tồn tại và những thành tựu của các nước tư bản nhờ kinh tế thị trường là điều không cần tranh luận; rằng, các quy luật của kinh tế thị trường là một hệ thống thống nhất gồm quy luật cạnh tranh, quy luật giá trị, quy luật cung - cầu điều tiết thị trường, quy luật lưu thông tiền tệ, v.v.. Tuy nhiên, nếu nói rằng kinh tế thị trường là sản phẩm riêng của chủ nghĩa tư bản thì không đủ sức thuyết phục. Kinh tế thị trường chính là thành quả vô cùng to lớn trong sự phát triển của nền văn minh nhân loại, chỉ có điều là chủ nghĩa tư bản đã nâng nó lên một bước phát triển mới, cao hơn và hoàn thiện hơn về mặt cơ cấu mà thôi. Một khi nó đã là thành quả chung của văn minh nhân loại thì không có lý do gì để loại trừ khả năng các nước kém phát triển và các nước đang phát triển muốn sử dụng nó để rút ngắn con đường phát triển của mình. Một trong những ưu thế và cũng là sức mạnh rất đáng kể của nền kinh tế thị trường là ở chỗ, nó huy động được mọi khả năng của đất nước cho sự phát triển, từ nguồn nhân lực với trí tuệ cao và nguồn tri thức vô tận, với năng lực khoa học - công nghệ ngày một lên cao hơn cho đến các nguồn vốn và tài chính trong dân, các nguồn tài nguyên thiên nhiên, v.v..

Đặc biệt, khi chúng ta sử dụng kinh tế thị trường để phát triển đất nước thì trước hết cần phải nói đến mặt tích cực ở *tính dân chủ* của sự cạnh tranh theo quy luật cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường. Chính sự cạnh tranh bình đẳng theo pháp luật trong nền kinh tế thị trường

là động lực hết sức quan trọng thúc đẩy khát vọng khám phá, kích thích sự mạo hiểm, từ đó làm xuất hiện những cách cải tiến, những phát minh vừa kích thích sự hình thành các nhu cầu mới, vừa đáp ứng các nhu cầu đã có và thường xuyên của xã hội để thu được lợi nhuận chính đáng. Đây là điều khó có thể hoặc rất ít tìm thấy trong các nền kinh tế bao cấp trước đây ở các nước xã hội chủ nghĩa và ngay cả ở nước ta khi không có động lực thúc đẩy. Từ đây, cần phải nhận thấy rằng, trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chỉ có một đảng chính trị duy nhất lãnh đạo và cầm quyền, nếu đủ quyết tâm, chúng ta hoàn toàn có khả năng để thực hành dân chủ hóa toàn bộ đời sống xã hội. Song, để hiện thực hóa điều đó thì nhất thiết phải thực thi những giải pháp quan trọng sau đây:

a) Bảo đảm mọi chủ thể kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật

Như trên đã nói, bản thân nền kinh tế thị trường có mặt rất tích cực của nó là tính dân chủ, theo đó mọi chủ thể kinh tế, dù lớn hay nhỏ, dù hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hay kinh doanh nào, đều bình đẳng trước pháp luật; đều được tiến hành sản xuất, kinh doanh trong tất cả các lĩnh vực mà luật pháp không cấm; đều được tìm kiếm thị trường cả ở trong nước lẫn ngoài nước; được phép cạnh tranh một cách sòng phẳng, công bằng, đúng pháp luật để tìm kiếm lợi nhuận; đều khuyến khích những người tài năng, những người làm ăn giỏi, v.v.. Khi nước ta chuyển từ

nền kinh tế kế hoạch hóa cao độ, tập trung quan liêu, bao cấp, nghĩa là chuyển từ chỗ mọi thứ đều do kế hoạch nhà nước quyết định và các quyết định đó trở thành pháp lệnh, còn các chủ thể kinh tế vẫn chỉ có một nhiệm vụ là làm theo những gì mà Nhà nước giao, sang cơ chế tất cả đều do thị trường quyết định thì sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các chủ thể kinh tế để hoạt động theo đúng pháp luật được đưa lên hàng đầu. Tính chất dân chủ biểu hiện rõ nhất và cũng là điều cần thiết nhất trong nền kinh tế thị trường là tất cả các chủ thể kinh tế đều bình đẳng, đều cần được Nhà nước hướng dẫn, ủng hộ, tạo điều kiện thuận lợi và được bảo vệ nếu họ không vi phạm pháp luật.

Như vậy, thực hành dân chủ trong điều kiện kinh tế thị trường khi chỉ có một đảng chính trị duy nhất lãnh đạo và cầm quyền *đòi hỏi phải nhất quán thực hiện đổi mới thể chế kinh tế theo hướng dân chủ hóa* để bảo đảm rằng mọi chủ thể kinh tế đều có các quyền và nghĩa vụ như nhau đúng theo luật định, bất kể đó là kinh tế tư nhân hay kinh tế nhà nước, bất kể chủ thể đó là chủ thể kinh tế lớn hay nhỏ. Chính việc thực hiện dân chủ hóa trong kinh tế là cơ sở bảo đảm cho mọi người dân có quyền tiếp cận các nguồn vốn, các công nghệ và các điều kiện khác giúp họ không ngừng cải thiện và nâng cao khả năng sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập; qua đó, nâng cao cả mức sống vật chất lẫn đời sống tinh thần không những cho bản thân, gia đình mà còn cho cả xã hội.

Việc thực hiện dân chủ hóa kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, rốt cuộc, nhằm

thực hiện mục tiêu rất nhân văn của chủ nghĩa xã hội là tất cả *vì con người, vì sự giàu có và hạnh phúc của nhân dân, vì sự hùng cường của dân tộc và của đất nước*. Sẽ không thể đạt được bất cứ mục tiêu nào vừa kể trên nếu như không thực hiện một cách *triệt để* và *thực chất* dân chủ hóa trong kinh tế, nếu như vẫn còn có sự phân biệt, đối xử không công bằng về việc sử dụng các khả năng mà xã hội tạo ra để phát triển, nếu còn có sự o bế hoặc ưu ái quá mức một loại hình sở hữu nào đó trong khi lại o ép hoặc gây khó khăn, cản trở sự phát triển đối với các loại hình sở hữu khác.

Đặc biệt, quá trình tranh luận khá quyết liệt suốt một thời gian không hề ngắn để cuối cùng Đảng và Nhà nước ta chấp nhận cho phép đảng viên được làm kinh tế tư nhân trong tất cả các lĩnh vực mà luật pháp không cấm cùng với những kết quả rất tích cực do việc này đem lại đã thể hiện mặt tích cực của sự dân chủ hóa trong lĩnh vực kinh tế. Rõ ràng, dân chủ hóa trong kinh tế đã khắc phục được sự lãng phí cả về vật chất lẫn trí tuệ - những nguồn lực quan trọng cho sự phát triển của đất nước; góp phần quyết định vào việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; nâng cao sức mạnh mọi mặt của đất nước trong thời kỳ đổi mới. Vì vậy, có thể nói, đổi mới kinh tế theo hướng dân chủ hóa, tuân thủ các quy luật của kinh tế thị trường khi phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một trong những giải pháp quan trọng để thực hành dân chủ trong điều kiện có một đảng chính trị duy nhất lãnh đạo và cầm quyền.

b) Gắn tăng trưởng kinh tế với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội

Tăng trưởng và phát triển kinh tế không thể đơn thuần chỉ để tăng tổng sản phẩm quốc nội (GNP) hoặc tổng sản phẩm tính theo đầu người (GDP), đành rằng cả hai chỉ tiêu này đều rất quan trọng, vì chúng là những điều kiện không thể thiếu để cải thiện đời sống nhân dân và tăng thêm sức mạnh của quốc gia. Sự tăng trưởng và phát triển kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường ở nước ta tất yếu phải tuân theo các quy luật khắc nghiệt của kinh tế thị trường nói chung. Một trong những nét nổi bật của các quy luật ấy nói lên rằng, để tồn tại và phát triển thì trong mọi lĩnh vực kinh doanh, các chủ thể kinh doanh phải có được lợi nhuận, phải có lãi nhiều hơn so với những chi phí đã bỏ ra. Vì thế, các chủ thể kinh doanh sẽ phải tìm mọi cách để thu lợi. Nếu chủ thể kinh doanh trong kinh tế thị trường mà kinh doanh không có đạo đức thì họ sẽ tìm mọi cách, kể cả những cách tàn bạo nhất, phi pháp nhất, trái luật nhất để có lợi nhuận, để tồn tại và cũng có thể để thôn tính hoặc làm phá sản các chủ thể khác. Trong bộ *Tư bản*, C.Mác đã từng dẫn lại sự đúc kết rất ngắn gọn nhưng vô cùng sâu sắc và tạo nên ấn tượng mạnh của nhà kinh tế học T.J.Dunning rằng, "tư bản sợ tình trạng không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận quá ít, cũng như giới tự nhiên sợ chân không. Với một lợi nhuận thích đáng thì tư bản trở nên can đảm. Được đảm bảo 10 phần trăm lợi nhuận thì người ta có thể dùng tư bản vào đâu cũng được; được 20 phần trăm thì nó hoạt

bát hẳn lên; được 50 phần trăm thì nó trở nên thật sự táo bạo, được 100 phần trăm thì nó chà đạp lên mọi luật lệ của loài người, được 300 phần trăm thì không còn tội ác nào là nó không dám phạm, dù có nguy cơ bị treo cổ"[1].

Vì vậy, trong sự phát triển của nền kinh tế thị trường, một điều rất dễ xảy ra là của cải và sự giàu có sẽ tập trung về một phía, còn sự nghèo khó sẽ tập trung về phía ngược lại. Ở các nước tư bản phát triển nhất hiện nay điều này cũng rất dễ nhận ra. Nếu như chúng ta cũng để diễn ra tình trạng này thì không thể nói gì về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được. Cái khó mà chúng ta buộc phải tìm cách giải quyết khi đi vào phát triển kinh tế thị trường là vừa phải tuân theo các quy luật khắc nghiệt của kinh tế thị trường, vừa phải thực hiện được mục tiêu vì con người, vì hạnh phúc của Nhân dân và vì sự phồn vinh của đất nước. Điều này đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải thực sự sáng suốt trong khi hoạch định và thực thi các chính sách trong thực tiễn. Nếu quá nhấn mạnh đến mục tiêu tăng trưởng khi mà các điều kiện cho phát triển kinh tế còn bất cập hoặc cứ để mặc cho quy luật thị trường điều tiết thì đều không ổn, thậm chí còn cản trở cả sự phát triển, để mặc cho sự bất công hoành hành.

Thực hành dân chủ trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vì vậy, vừa phải đạt được mục tiêu phát triển kinh tế, vừa phải thúc đẩy sự

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập, Sđd,* t.23, tr.1056.

tiến bộ và công bằng xã hội, nghĩa là phải kết hợp thật tốt cả hai mặt này. Cần phải coi đây là một trong những tiêu chí quan trọng khi chấp nhận đi vào kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Không thể chấp nhận trở lại tình trạng chia đều sự nghèo khổ của thời kỳ trước; cho nên, trước hết chúng ta cần có sự tăng trưởng, phát triển kinh tế và muốn vậy, cần thực hiện dân chủ hóa trong kinh tế như trên đã nói. Sự tăng trưởng và phát triển kinh tế là tiền đề để nâng cao mức sống của người dân, để có tích lũy xã hội và đầu tư cho các lĩnh vực khác. Tuy nhiên, nếu kinh tế tăng trưởng mà không thực hiện được sự công bằng xã hội thì cũng chẳng có sự tiến bộ xã hội nào, cũng chẳng thực hiện được dân chủ và bình đẳng, nghĩa là sự tăng trưởng ấy chỉ mới đơn thuần về mặt kinh tế chứ chưa tác động đến mặt xã hội, chưa giải quyết được các vấn đề xã hội, nhất là các vấn đề an sinh xã hội trong mục tiêu vì dân. Do vậy, phát triển kinh tế phải gắn liền với việc thực hiện tiến bộ xã hội, công bằng xã hội và bình đẳng xã hội, nhất là với việc giải quyết các vấn đề thiết thân và dễ thấy với mọi người là vấn đề an sinh xã hội. Đây là một trong nhiều mặt để thực hành dân chủ trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà chúng ta hướng tới và đang từng bước hiện thực hóa.

c) Kết hợp phát triển kinh tế với phát triển văn hóa

Dân chủ hóa về kinh tế trong cơ chế kinh tế thị trường không chỉ mang lại sức sống và hiệu quả rất lớn cho sản xuất kinh doanh, mà qua đó còn góp phần cải thiện và nâng

cao đáng kể mức sống vật chất cho toàn thể xã hội, đáp ứng tốt hơn nhu cầu về vật chất ngày càng đa dạng và ngày càng cao hơn của con người. Có thể nói, đây là điều đã không thể thực hiện được trong cơ chế kế hoạch hóa kinh tế, tập trung quan liêu cao độ đã từng tồn tại suốt nhiều thập niên ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây; cơ chế ấy dẫn đến sự thiếu hụt nghiêm trọng nhiều hàng hóa thiết yếu cần có để thoả mãn các nhu cầu của con người mà nhiều người gọi nó là "nền kinh tế thiếu hụt".

Tuy nhiên, nâng cao điều kiện vật chất mới chỉ là một mặt, còn mặt khác không kém phần quan trọng là sự tăng trưởng và phát triển kinh tế cần phải đi đôi với sự phát triển *văn hóa,* bởi vì, nền kinh tế nói riêng và xã hội nói chung sẽ không bền vững, và cũng không thể duy trì nhịp độ phát triển bền vững, nếu coi thường vai trò động lực của văn hóa. Về điều này, chính UNESCO đã nhận ra khi tổ chức này phát động *Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa* (1988 - 1997). Cựu Tổng Giám đốc UNESCO, ông Federico Mayor, nhấn mạnh rằng: "Từ nay trở đi, văn hóa cần coi mình như một nguồn cổ xúy trực tiếp cho phát triển và ngược lại, phát triển cần thừa nhận văn hóa giữ một vị trí trung tâm, một vai trò điều tiết xã hội"[1]. Điều đó có nghĩa rằng, văn hóa vừa có vai trò điều tiết sự vận động của xã hội và quan trọng hơn, vừa giống như một *động lực bên trong*, *động lực trực tiếp* của sự phát triển kinh tế - xã hội,

1. Trích theo: Ủy ban quốc gia về Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa: *Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa*, Hà Nội, 1992, tr.22.

chứ không phải là nhân tố nằm ngoài sự phát triển kinh tế - xã hội.

Việc thực hành dân chủ hóa trong kinh tế phải đi kèm với dân chủ hóa trong sự hưởng thụ các sản phẩm văn hóa, cả văn hóa vật chất lẫn văn hóa tinh thần, nghĩa là các sản phẩm văn hóa không chỉ thúc đẩy kinh tế mà còn phải phục vụ nhu cầu hưởng thụ nhiều mặt, trong đó có mặt tinh thần của con người. Nói cách khác, phát triển kinh tế phải gắn chặt với sự phát triển văn hóa, sao cho văn hóa vừa đóng vai trò động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển và là hệ điều tiết sự phát triển bền vững của xã hội, của đất nước.

Tuy nhiên, nhận thức của con người về vai trò động lực của văn hóa trong sự phát triển nói chung và trong sự phát triển kinh tế - xã hội nói riêng là một quá trình; quá trình đó sẽ ngày càng đầy đủ hơn và ngày một sâu sắc hơn. Vì vậy, đã đến lúc không nên coi sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội chỉ xuất phát và bao gồm ba trụ cột cơ bản là kinh tế, xã hội và môi trường như đã được thừa nhận khá phổ biến cho đến hiện nay. Bên cạnh các trụ cột gồm phát triển bền vững về kinh tế, về xã hội và về môi trường thì sự phát triển bền vững của bất cứ một quốc gia nào trong thời đại ngày nay cũng còn cần phải có sự *phát triển bền vững về văn hóa* với tính cách *trụ cột thứ tư*.

d) Khắc phục những hạn chế và tác động tiêu cực của kinh tế thị trường

Cần nhận thấy rằng, kinh tế thị trường, như đã nói, có những quy luật vô cùng nghiệt ngã của nó mà các chủ thể

kinh tế bắt buộc phải tuân thủ nếu không muốn sớm bị đào thải. Vì vậy, kinh tế thị trường không phải chỉ toàn những điểm cộng, những điểm tích cực; trái lại, nó cũng có không ít những hạn chế, những điểm tiêu cực, những tác động xấu đến con người và xã hội. Bởi vậy, thực hành dân chủ khi đi vào kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng có nghĩa là phải tìm mọi cách có hiệu quả nhất để khắc chế những mặt trái của nó. Cụ thể nhất là phải có chính sách và luật pháp để hạn chế đến mức tối đa sự cạnh tranh không lành mạnh, để *giảm thiểu* sự phân hóa giàu nghèo, và đặc biệt là để *ngăn chặn* sự phân cực giàu nghèo đang hiển hiện trước mắt chúng ta.

Phải thừa nhận rằng, phân hóa giàu nghèo là hiện tượng phổ biến trong các nền kinh tế thị trường. Hiện tượng này xuất hiện do nhiều nguyên nhân cả về mặt khách quan lẫn chủ quan. Chúng ta đều biết rằng, con người sinh ra vốn đã không bình đẳng về cấu tạo cơ thể, về thể chất, cho nên người này có thể thông minh hơn, người khác có thể kém phát triển về trí tuệ hơn; các khả năng khác ở mỗi người cũng vì thế mà không giống nhau, chưa kể có thể ai đó còn phải chịu cả những rủi ro không thể nào lường trước được; do vậy, khả năng kiếm tiền, khả năng kiếm sống, khả năng làm giàu cũng khác nhau. Cho dù có sự bất bình đẳng như thế đi nữa thì Nhà nước vẫn phải bảo đảm để họ nhận được sự công bằng, sự bình đẳng không những về chính trị, mà còn về cơ hội kiếm kế sinh nhai, cơ hội sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực mà chủ thể kinh tế có thể tham gia.

Muốn vậy, Nhà nước cần ban hành các điều luật thật sự khoa học, bảo đảm thực thi chúng một cách nghiêm túc và dân chủ để các chủ thể kinh tế được kinh doanh một cách bình đẳng, được đối xử công bằng trong mọi hoạt động nếu không vi phạm pháp luật, hoặc ngược lại, phải chịu sự phán xét công bằng của pháp luật một khi vi phạm. Đây là cách để ngăn chặn những kiểu kinh doanh không lành mạnh, chụp giật, lừa đảo, xảo trá, v.v., nói chung là các kiểu kinh doanh phi pháp, làm giàu bất chính trong điều kiện kinh tế thị trường dẫn đến sự phân hóa giàu nghèo mà xã hội không mong muốn.

Nếu không kịp thời ngăn chặn những kiểu kinh doanh bất chính, phi pháp thì sự phân hóa giàu nghèo vốn đã có sẵn trong nền kinh tế thị trường sẽ càng khủng khiếp hơn và rốt cuộc, đến một lúc nào đó, nhất định sẽ dẫn tới sự phân cực giàu nghèo luôn tiềm ẩn những bất ổn xã hội.

Một xã hội để xảy ra sự phân cực giàu nghèo quá mức thì không tránh khỏi tình trạng bất an, hỗn loạn, xâu xé lẫn nhau; do vậy, không thể có sự đồng thuận, không thể có sự ổn định cần thiết để phát triển. Trong nền kinh tế thị trường rất cần Nhà nước có chính sách điều tiết thu nhập, chính sách thuế khóa hợp lý để giảm thiểu sự chênh lệch, giảm thiểu sự phân hóa giàu nghèo và nhất là sớm ngăn chặn sự *phân cực* giàu nghèo. Chính sách điều tiết hợp lý thu nhập vừa phải nhằm không cản trở sự phát triển và sự mong muốn đẩy mạnh sản xuất của những chủ thể kinh doanh có tài, không triệt tiêu động lực mở rộng sản

xuất kinh doanh làm giàu cho bản thân và cho đất nước, vừa phải giúp những người yếu thế trong xã hội vì những nguyên nhân khác nhau có được mức thu nhập hợp pháp, hợp lý và một cuộc sống không quá thấp so với mức sống chung của toàn xã hội. Đây cũng chính là thực hiện dân chủ và công bằng xã hội trong sự hưởng thụ những thành quả của sự phát triển. Thực hiện được sự dân chủ và công bằng này cũng chính là tạo tiền đề cho sự ổn định xã hội, tạo nên động lực cho sự phát triển.

Chúng ta thực hiện được công bằng xã hội đến mức nào, thực hành dân chủ hóa các mặt của đời sống xã hội hiệu quả ra sao phụ thuộc vào trình độ quản lý vĩ mô của Nhà nước, vào sự thể chế hóa thành các chính sách và hiện thực hóa đúng đắn đến mức nào đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, đảng lãnh đạo chính trị và cầm quyền duy nhất, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tóm lại, trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, để thực hành dân chủ thì nhất thiết và trước hết phải tiếp tục đổi mới và đổi mới triệt để kinh tế theo hướng dân chủ hóa, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các chủ thể kinh tế vừa tự do kinh doanh trong các lĩnh vực mà luật pháp không cấm, vừa có quyền và có thể sử dụng tất cả những gì mà Nhà nước tạo ra cho họ. Kinh tế phát triển thì những thành quả khác kèm theo đó cũng là thành quả chung mà mọi công dân đều có quyền hưởng thụ để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của họ. Phát

triển kinh tế trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải đi đôi với việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; phải thực hiện bình đẳng xã hội và giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội ngay cả khi những điều kiện vật chất chưa thực sự dồi dào. Mặt khác, phát triển kinh tế và phát triển đất nước bền vững phải gắn chặt với sự phát triển văn hóa; phải coi *văn hóa* là trục thứ tư bên cạnh trục kinh tế, xã hội, môi trường; phải coi văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực, là hệ điều tiết của sự phát triển. Sự phát triển của đất nước sẽ không bền vững, sự phát triển kinh tế sẽ đi chệch mục tiêu định hướng xã hội chủ nghĩa nếu như không kịp thời có những biện pháp ngăn chặn tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, không thực thi một cách có hiệu quả chính sách xóa đói giảm nghèo, giảm thiểu sự phân hóa giàu nghèo và nhất là sự phân cực giàu nghèo.

4. Nhóm giải pháp thực hành dân chủ trong điều kiện hội nhập quốc tế

a) Tiếp thu những tư tưởng tiến bộ của nhân loại, trong đó có tư tưởng dân chủ

Thứ nhất, chúng ta đang thiếu gì và cần gì?

Từ một xã hội thuộc địa nửa phong kiến mà nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội, rõ ràng, chúng ta thiếu thốn đủ thứ: thiếu vốn, thiếu kiến thức quản lý, thiếu pháp luật, v.v.. Nhờ có đổi mới mà nhận thức của

chúng ta đã thay đổi rất nhiều và đang thấy cần thiết phải thực hiện:

Một là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hai là, phát triển nền công nghiệp hiện đại với trình độ khoa học, công nghệ cao để phát triển mạnh lực lượng sản xuất.

Ba là, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa để quản lý xã hội bằng pháp luật, giữ vững kỷ cương, phép nước.

Bốn là, xây dựng xã hội dân chủ để bảo đảm dân chủ và phát huy mạnh mẽ vai trò của quần chúng nhân dân.

Năm là, phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, giao lưu văn hóa rộng rãi để tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và đưa văn hóa Việt Nam ra thế giới.

Sáu là, xây dựng một nền giáo dục tiên tiến, đào tạo ra những công dân tốt, nguồn nhân lực có chất lượng cao và đặc biệt là bồi dưỡng được nhiều nhân tài để cống hiến cho đất nước.

Thứ hai, đặc điểm của thời đại ngày nay.

Thời đại ngày nay đang tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam tiếp thu những thành quả của nhân loại và của chủ nghĩa tư bản.

Hội nghị 81 Đảng Cộng sản và công nhân họp ở Mátxcơva năm 1961 đã nêu lên nội dung của thời đại ngày nay là thời đại quá độ của loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội; thời đại đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội đối lập nhau; thời đại của những cuộc cách mạng xã

hội chủ nghĩa và giải phóng dân tộc; thời đại sụp đổ của chủ nghĩa đế quốc, thủ tiêu hệ thống thuộc địa; thời đại ngày càng có nhiều dân tộc chuyển sang con đường xã hội chủ nghĩa; thời đại chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản thắng lợi trên quy mô toàn thế giới.

Hiện nay, tình hình đã có nhiều thay đổi. Tuy nhiên, Đảng ta tiếp tục khẳng định thời đại ngày nay vẫn là *thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội mở đầu từ Cách mạng Tháng Mười Nga* vĩ đại năm 1917, đồng thời bổ sung vào khái niệm thời đại ngày nay *những nội dung mới*:

Một là, sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ, đặc biệt là sự phát triển của internet đặt ra nhiều vấn đề về mô hình phát triển, phương thức phát triển, con đường "đi tắt, đón đầu" của các quốc gia. Cho nên, có thể nói, thời đại ngày nay là *thời đại của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại.*

Hai là, toàn cầu hóa phát triển mạnh mẽ, tạo ra nhiều cơ hội và thách thức cho các dân tộc, tác động ngày càng lớn vào hệ thống quan hệ quốc tế và đời sống xã hội con người. Vì vậy, cũng có thể nói thời đại ngày nay là *thời đại toàn cầu hóa.*

Ba là, hòa bình, hợp tác và phát triển đang trở thành xu thế lớn trong thời đại ngày nay. Ngoài việc cùng hoạt động với nhau tại Liên hợp quốc và các tổ chức của Liên hợp quốc, các nước lớn đều đi vào đàm phán cắt giảm các loại vũ khí tiến công chiến lược, ký kết các hiệp ước, hiệp định

song phương về đối tác xây dựng hoặc đối tác chiến lược hình thành cơ chế đối thoại và hợp tác nhằm giải quyết các vấn đề trong quan hệ quốc tế. Ngày nay, giữa các nước lớn vẫn có những mâu thuẫn vì lợi ích kinh tế và ảnh hưởng chính trị ở những khu vực nhất định trên thế giới. Những mâu thuẫn đó buộc các nước lớn phải giải quyết bằng con đường hòa bình và hợp tác. Như vậy, hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế khách quan trong quan hệ quốc tế; do đó, có thể nói, thời đại ngày nay là *thời đại hòa bình, hợp tác và phát triển.*

Những nhận thức đó của Đảng ta về thời đại ngày nay là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với thực tế diễn biến tình hình thế giới hiện nay. Đồng thời, Đảng ta còn cho rằng thời đại ngày nay không phải là ngắn, mà có thể kéo dài hàng trăm năm.

Chúng ta đang sống trong thời đại hòa bình, hợp tác và phát triển. Xu hướng đó đã và đang trở thành xu thế chỉ đạo, trong đó quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế vừa đưa lại cơ hội, vừa tạo ra thách thức cho các quốc gia. Thế giới trước đây được phân chia thành hai hệ thống đối lập: xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, hai cực đối lập do Liên Xô và Mỹ đứng đầu tạo ra bầu không khí chiến tranh lạnh nặng nề. Thế giới ngày nay tuy vẫn còn chiến tranh cục bộ, bầu không khí khủng bố căng thẳng ở nhiều nơi đe dọa sự yên bình của nhân loại; những vấn đề toàn cầu như: chiến tranh hạt nhân, tình trạng đói nghèo, xung đột sắc tộc và tôn giáo, v.v. nhưng

bao trùm vẫn là hòa bình, hợp tác và phát triển. Có hòa bình mới có cơ hội cho hợp tác và có hợp tác mới có cơ hội cho phát triển.

Những kinh nghiệm, đặc biệt là kinh nghiệm thực hành dân chủ của nhiều nước trên thế giới trong thời đại ngày nay có thể giúp Việt Nam vận dụng để thực hành tốt dân chủ ở nước ta.

Thứ ba, Việt Nam cần tiếp thu những tư tưởng tiến bộ của nhân loại, trong đó có tư tưởng dân chủ.

Khi bàn về việc tiếp thu tư tưởng của nhân loại, chúng ta cần chú ý một số điểm sau đây:

Một là, dù đó là tư tưởng phương Đông hay phương Tây, dù tư tưởng đó của quá khứ hay hiện tại, chúng ta đều nghiên cứu, tham khảo, không nên thành kiến với tư tưởng phương Đông phong kiến hay tư tưởng phương Tây tư sản, mà cần nghiên cứu, tham khảo tất cả để tìm ra hạt nhân hợp lý mà tiếp thu, vận dụng.

Hai là, thế kỷ XXI đang diễn ra biết bao thay đổi. Nếu "dị ứng" với những tư tưởng tiến bộ của nhân loại, thì sẽ bỏ qua rất lãng phí những điều mà trí tuệ nhân loại đã đạt được, trong đó có tư tưởng dân chủ.

Ba là, khi tiếp thu những tư tưởng của nhân loại cần phải tránh chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa biệt phái, vì những điều đó cản trở sự tiếp thu và vận dụng sáng tạo của chúng ta... Do đó, không nên tuyệt đối hóa một lý thuyết nào và cũng không nên phủ nhận sạch trơn một lý thuyết nào.

Bốn là, trong khi tiếp thu, vận dụng một lý thuyết, một tư tưởng nào đó cần phải phân tích hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của Việt Nam để tiếp thu đúng đắn và vận dụng sáng tạo. Cụ thể như sau:

- Tiếp thu những tư tưởng của phương Đông:

Trong kho tàng tư tưởng phương Đông, trước hết cần nói đến *Nho giáo*. Trong Nho giáo có những yếu tố duy tâm, lạc hậu, phản động như: tư tưởng đẳng cấp, coi thường lao động chân tay, coi thường phụ nữ... Nhưng Nho giáo cũng có nhiều yếu tố tích cực, đó là triết lý hành động, tư tưởng nhập thế, hành đạo, giúp đỡ; ước vọng về một xã hội yên bình, hòa mục, một "thế giới đại đồng", lấy tu thân làm gốc, đề cao văn hóa, lễ giáo, tạo ra truyền thống hiếu học...

Tiếp theo là *Phật giáo*. Phật giáo vẫn có ảnh hưởng rất mạnh trong nhân dân, để lại nhiều dấu ấn trong văn hóa Việt Nam, từ tư tưởng, tình cảm, tín ngưỡng đến phong tục, tập quán, lối sống. Phật giáo có một số mặt tiêu cực, nhưng những mặt tích cực cũng không ít. Điều đó thể hiện: (1) Tư tưởng vị tha, từ bi, bác ái, cứu khổ, cứu nạn, thương người như thể thương thân; (2) Nếp sống có đạo đức, trong sạch, giản dị, chăm lo làm điều thiện; (3) Tinh thần bình đẳng, tinh thần dân chủ chống lại mọi phân biệt đẳng cấp; (4) Đề cao lao động, chống lười biếng.

Ngoài ra, có thể kể đến nhiều nhà tư tưởng phương Đông khác nữa như: Lão Tử, Mặc Tử, Quản Tử...

Khi nói tiếp thu tư tưởng tiến bộ của nhân loại, không thể bỏ qua các tư tưởng nói trên.

- Tiếp thu những tư tưởng của phương Tây:

Khi bàn về dân chủ mà chỉ nói đến tiếp thu tư tưởng phương Đông là chưa đủ, mà còn phải nắm bắt những tư tưởng tiến bộ của phương Tây.

Nói đến tư tưởng phương Tây, trước hết phải nói đến những nhà tư tưởng xuất sắc của Hy Lạp thời cổ đại, như Aristote, Platon, Heraclitus, Đemocritos, Sokrates, v.v.. Những nhà tư tưởng này khởi xướng nhiều tư tưởng tiến bộ mà loài người đã tiếp thu.

Từ giữa thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII, một trào lưu tư tưởng tiến bộ đã chuẩn bị cho cuộc cách mạng tư sản Pháp năm 1789. Có thể kể ra một số đại biểu của trào lưu này như: Mably, Morelly, Rousseau, Voltaire, Diderot... Các nhà tư tưởng này luôn đề cao lý tính, gạt bỏ niềm tin mù quáng, đòi thay đổi chế độ chuyên chế, thay đổi xã hội phong kiến.

Cách mạng tư sản Pháp đã thành lập chính quyền mới của giai cấp tư sản thay thế cho chính quyền quân chủ chuyên chế phong kiến, khởi đầu của thời kỳ dân chủ. Liền sau đó là sự ra đời của bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* tháng 8-1789 thể hiện tư tưởng tiến bộ của trào lưu Ánh sáng được kết tinh lại trong khẩu hiệu bất hủ: *Tự do - Bình đẳng - Bác ái*. Khẩu hiệu đó có sức hấp dẫn đặc biệt, nó dấy lên niềm tin và hy vọng, hướng về tương lai của nhân loại văn minh và tiến bộ.

Kế thừa những tư tưởng tiến bộ của thời kỳ Hy Lạp - La Mã cổ đại, những tư tưởng tiến bộ của các nhà tư tưởng Anh, Pháp thế kỷ XVII, XVIII và đặc biệt là kế thừa các nhà

tư tưởng triết học cổ điển Đức (như Hegel và Feuerbach), các nhà kinh tế học Anh (như Adam Smith và Ricardo), các nhà tư tưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng (như Saint Simon, Fourie và R. Owen), C.Mác và Ph.Ăngghen đã xây dựng ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác với một hệ thống nguyên lý khá đầy đủ cả về triết học, kinh tế chính trị học và chủ nghĩa xã hội khoa học mà chúng ta coi là đỉnh cao của những tư tưởng tiến bộ của nhân loại.

Thứ tư, Hồ Chí Minh - một điển hình tiếp thu những tư tưởng tiến bộ của nhân loại, trong đó có tư tưởng dân chủ.

Điển hình của sự tiếp thu của Hồ Chí Minh đối với những tư tưởng tiến bộ của nhân loại đã được nhà thơ Xuân Thủy khái quát: Hồ Chí Minh là "Con người gồm kim cổ, tây đông/ Giàu quốc tế, đậm Việt Nam từng nét/ Yêu dân tộc, yêu loài người tha thiết".

Trong khi những người mácxít ra sức chống thuyết hội tụ và đi theo chủ nghĩa biệt phái, nghĩa là chỉ tôn thờ một học thuyết một cách giáo điều, thì Hồ Chí Minh nói rằng: học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện của nước ta... Tôi cố gắng làm học trò nhỏ của các vị ấy. Quan điểm đó của Hồ Chí Minh gợi ý cho chúng ta thái độ tiếp thu những tư tưởng tiến bộ của nhân loại, trong đó có tư tưởng dân chủ.

Khi nói học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân, Hồ Chí Minh đã khai thác Nho giáo, lựa chọn những yếu tố tích cực, phù hợp để phục vụ cho sự giáo dục con người.

Hồ Chí Minh đã nhiều năm sống ở châu Âu và rất chú ý đến ý chí đấu tranh cho tự do, độc lập, dân chủ và quyền sống của con người được ghi trong *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của nước Mỹ. Người đã tiếp thu trực tiếp tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái của các nhà tư tưởng nổi tiếng của Pháp qua các tác phẩm như: *Tinh thần pháp luật* của Montesquies, *Khế ước xã hội* của J.J. Rousseau, v.v.. Tư tưởng dân chủ của các nhà Khai sáng đã có ảnh hưởng tới tư tưởng Hồ Chí Minh.

Sự tiếp thu của Hồ Chí Minh đối với những tư tưởng trong *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của nước Mỹ và *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* năm 1789 của nước Pháp đã được Người nói đến trong *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau này, Hồ Chí Minh đã nhiều lần nói đến dân chủ một cách ngắn gọn, dễ hiểu để Nhân dân ta có thể hiểu được dân chủ là gì.

Hồ Chí Minh không chỉ tiếp thu tư tưởng dân chủ trong sách vở mà còn hình thành được phong cách dân chủ của mình từ trong cuộc sống thực tế, học được cách làm việc dân chủ ngay trong cách sinh hoạt khoa học ở Câu lạc bộ Phôbua, trong sinh hoạt chính trị của Đảng Xã hội Pháp và nhất là trong không khí tranh luận ở Đại hội Tua.

Khi tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh cũng là một điển hình của sự vận dụng sáng tạo và phát triển

các tư tưởng của các nhà kinh điển. Những vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin biểu hiện trong nhiều vấn đề, đặc biệt là vấn đề dân tộc và dân chủ, giai cấp và đấu tranh giai cấp, xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước, v.v. đều xoay quanh vấn đề quyền lợi của Nhân dân. Đặc biệt, Hồ Chí Minh đã nêu tư tưởng mà sau này tại Đại hội VI, Đảng ta coi là một bài học quý giá, đó là tư tưởng *lấy dân làm gốc* và *kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.*

Thứ năm, vận dụng những kinh nghiệm thực hành dân chủ ở các nước trên thế giới.

Trong quá trình xây dựng đất nước, chúng ta đã và đang vận dụng những kinh nghiệm thực hành dân chủ ở các nước trên thế giới. Khi tham khảo để vận dụng kinh nghiệm của các nước, chúng ta cần lưu ý một số điểm sau đây: (1) Tham khảo kinh nghiệm của cả quá khứ và hiện tại, vì trong quá khứ cũng có những kinh nghiệm rất quý; (2) Nếu có điều kiện, nên tham khảo kinh nghiệm của tất cả các nước trên thế giới để so sánh, không phân biệt về địa lý, về chế độ chính trị; (3) Tham khảo không chỉ những kinh nghiệm thành công mà cả những kinh nghiệm không thành công để tránh vấp váp, sai lầm; (4) Khi vận dụng một kinh nghiệm nào đó, cần phải nghiên cứu rất kỹ hoàn cảnh, điều kiện Việt Nam để tránh áp dụng máy móc, rập khuôn.

Có thể nói, dù dân chủ ở đâu và thời gian nào thì vẫn nổi lên những kinh nghiệm quý báu mà Việt Nam cần vận dụng:

Một là, dân là người chủ thực sự của quyền lực nhà nước.

Hai là, người cầm quyền phải có trí tuệ cao.

Ba là, dân ủy quyền (có giới hạn) cho các cán bộ chứ không mất quyền. Dân có quyền chọn lọc và bãi miễn cán bộ nếu không đáp ứng được yêu cầu, cán bộ nhà nước là công bộc phục vụ dân chứ không phải là kẻ đứng trên cai trị, chăn dắt dân. Cơ quan quyền lực nhà nước phải phục vụ dân, vì dân và do dân.

Bốn là, chế độ dân chủ hướng vào bảo vệ các quyền tự nhiên của cả cộng đồng cũng như của từng cá nhân như: quyền được sống, quyền được lao động, được học hành, được sống trong công bằng, được luật pháp bảo vệ...

Năm là, quyền lực nhà nước phải bị kiểm soát chặt chẽ theo hai loại thể chế: quyền lực nhà nước kiểm soát quyền lực nhà nước và nhân dân kiểm soát quyền lực nhà nước.

Sáu là, lợi ích và quyền lực của dân là cái chi phối đời sống xã hội, dần dần phải được luật hóa. Cơ quan và cán bộ nhà nước chỉ được làm những gì theo luật định, còn dân có thể làm tất cả những gì mà luật không cấm.

b) Đấu tranh chống lại những âm mưu phá hoại, chia rẽ của những phần tử chống đối

Ngay từ năm 1988, trong Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị (khóa VI) đã nhấn mạnh đến chính sách "thêm bạn bớt thù". Đại hội VII của Đảng tuyên bố: Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới. Đại hội IX cũng khẳng định: Việt Nam sẵn sàng là bạn và là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới. Nhờ có chính sách ngoại giao đúng đắn, chúng ta đã bớt được nhiều kẻ thù và ngày càng có nhiều bạn bè trên khắp thế giới. Tuy nhiên, cũng cần phải cảnh giác với những âm mưu phá hoại, chia rẽ của các phần tử chống đối.

Các thế lực thù địch, phản động đã sử dụng mọi thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt và xấu xa nhất nhằm chống phá chủ nghĩa xã hội, chống phá Đảng Cộng sản. Đứng trước tình hình đó, Đảng phải kiên quyết chống lại những âm mưu và hành động của các phần tử chống đối; đồng thời, Đảng phải tự đổi mới ngày càng tốt hơn, phải làm tốt hơn nữa công tác lý luận và công tác tư tưởng, phải thực hành dân chủ trong Đảng và trong xã hội để huy động lực lượng quần chúng nhân dân đấu tranh bảo vệ những quan điểm đúng đắn của Đảng. Đảng phải gương mẫu trong mọi việc, nhất là thực hành dân chủ trong Đảng và khắc phục những thiếu sót.

Trong những năm gần đây, các phần tử chống đối càng tăng cường lợi dụng vấn đề "dân chủ", "tự do", "nhân quyền" để can thiệp vào công việc nội bộ của đất nước ta. Đây là vấn đề khó khăn, phức tạp, nhạy cảm đòi hỏi chúng ta cần nâng cao hơn nữa tinh thần cảnh giác, chủ động và kịp thời có những biện pháp đồng bộ và hữu hiệu làm thất bại những âm mưu, thủ đoạn của chúng. Đồng thời, chúng ta phải đẩy mạnh đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên. Chủ động, kịp thời đấu tranh phản bác các quan điểm xuyên tạc, sai trái của các thế lực phản động và thù địch.

c) Nghiên cứu luật pháp quốc tế và luật pháp của các nước để học tập, vận dụng vào công tác đối ngoại và đối nội

Việt Nam đang chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, đang trở thành bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng

đồng thế giới, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực. Xu hướng chung của thế giới hiện nay là xây dựng và phát triển nhà nước pháp quyền, tôn trọng pháp luật và quản lý nhà nước theo pháp luật. Việt Nam cũng không đứng ngoài quỹ đạo đó. Hội nhập quốc tế càng sâu rộng thì càng phải nghiên cứu kỹ luật pháp quốc tế và luật pháp của các nước để học tập, vận dụng. Việt Nam đã gia nhập nhiều tổ chức quốc tế, như Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), Tổ chức hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và đang chuẩn bị gia nhập các tổ chức quốc tế khác. Mỗi tổ chức nói trên đều có quy định pháp luật buộc các nước thành viên phải tuân theo. Điều đó cũng giống như các nước khác khi hợp tác với Việt Nam phải tuân thủ luật pháp Việt Nam.

Hiện nay, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam còn có sự chồng chéo, thiếu thống nhất với nhau; có những văn bản mới ra đời, chưa có hiệu lực đã bộc lộ những điểm thiếu tính khả thi. Do đó, cần học tập kinh nghiệm xây dựng luật của các nước. Ở Việt Nam hiện vẫn còn thiếu công cụ phân tích khoa học để bảo đảm pháp luật đáp ứng nhu cầu của người dân. Với tác động của hội nhập quốc tế, việc bảo đảm hài hòa quy trình xây dựng pháp luật là một yêu cầu để bảo đảm tính tương đồng cho giao thương phát triển kinh tế. Áp dụng chế định đánh giá tác động pháp luật (Regulatory Impact Assessment - RIA) sẽ là công cụ

xây dựng pháp luật tốt, xác định rõ được mục tiêu nào cần tập trung giải quyết để giảm thiểu điều không mong muốn, bảo đảm được tính cân xứng khi áp dụng các công cụ và chính sách pháp luật phù hợp với đối tượng. Từ đó, pháp luật ban hành phù hợp với quy luật xã hội, bảo đảm có hiệu quả và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh hơn và bền vững hơn. Với việc xuất hiện RIA trong Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008, Việt Nam đã trở thành quốc gia đầu tiên trong ASEAN chính thức áp dụng RIA trong công tác xây dựng pháp luật.

Mục tiêu của chúng ta là bảo đảm lợi ích cao nhất của quốc gia trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, cùng có lợi. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế cũng có nghĩa là chủ động và tích cực nghiên cứu luật pháp quốc tế và luật pháp của các nước để học tập, vận dụng vào công tác đối ngoại và đối nội. Trong quá trình hội nhập quốc tế, các nước vừa hợp tác, vừa đấu tranh trên cơ sở luật pháp quốc tế.

Khi vận dụng luật pháp quốc tế vào công tác đối ngoại, chúng ta phải thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế trong tất cả các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế, thương mại, an ninh - quốc phòng, văn hóa - xã hội.

Nước nào cũng cần nghiên cứu và vận dụng luật pháp quốc tế và luật pháp của các nước, đặc biệt đối với Việt Nam lại càng quan trọng. Bởi lẽ, chúng ta (1) nhận thức về bản chất và đặc trưng của nhà nước pháp quyền chưa đầy đủ, nhất là về nguyên tắc dân chủ, pháp quyền; (2) chưa

chế định rõ, đồng bộ, hiệu quả cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở các cấp; (3) tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của các thiết chế cơ bản trong bộ máy nhà nước pháp quyền còn có những điểm chưa thực sự hợp lý, hiệu lực, hiệu quả; (4) chưa khắc phục được sự chồng chéo, vướng mắc về chức năng, nhiệm vụ giữa các thiết chế, làm ảnh hưởng tới sự thống nhất quyền lực nhà nước và hiệu quả hoạt động của Nhà nước; (5) hệ thống pháp luật còn chồng chéo, thiếu đồng bộ, nhiều nội dung chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền, tính công khai, minh bạch, khả thi, ổn định còn hạn chế; (6) kỷ cương, kỷ luật trong quản lý nhà nước, thực thi công vụ còn nhiều yếu kém; (7) thủ tục hành chính còn phức tạp, phiền hà đang là rào cản lớn đối với việc tạo lập môi trường xã hội, môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, hiệu quả cho sự phát triển; (8) tính dân chủ và pháp quyền, trách nhiệm giải trình của hệ thống chính quyền chưa được quy định rõ ràng; (9) việc triển khai một số nhiệm vụ cải cách tư pháp còn chậm, vẫn còn tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực, xử lý oan sai, tồn đọng án, bỏ lọt tội phạm; (10) công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong các cơ quan nhà nước, trong đội ngũ cán bộ, công chức chưa đạt yêu cầu đề ra, quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn ở mức nghiêm trọng.

Vì vậy, hơn lúc nào hết, chúng ta rất cần học tập, vận dụng luật pháp quốc tế và luật pháp của các nước vào công tác đối ngoại và đối nội. Song, phải xuất phát từ yêu cầu

của chúng ta đang cần những luật gì, luật nào phải học tập và vận dụng trước, luật nào sẽ học tập và vận dụng sau. Chẳng hạn, vấn đề Biển Đông đang diễn biến phức tạp thì cần phải nắm vững công ước quốc tế về luật biển để bảo vệ vùng biển của chúng ta trên cơ sở luật pháp quốc tế, v.v.. Luật pháp quốc tế và luật pháp của các nước rất rộng và đa dạng; do đó, chúng ta phải biết lựa chọn những luật pháp quốc tế quan trọng, phù hợp mà chúng ta đang cần tìm hiểu và vận dụng. Đối với luật pháp của các nước, chúng ta phải căn cứ vào quan hệ giữa Việt Nam với các nước, nhất là với các nước lớn và các luật pháp tiến bộ để lập kế hoạch học tập và vận dụng một cách sáng tạo, phù hợp với hoàn cảnh nước ta.

KẾT LUẬN

Dân chủ và thực hành dân chủ là một vấn đề khó, bao quát trên phạm vi rộng lớn từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, xã hội và đời sống con người. Đặc biệt, đối với Việt Nam, thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, xây dựng nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế là một vấn đề lý luận và thực tiễn phức tạp, khá mới mẻ trong tiến trình xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Có thể nói, dân chủ là một giá trị phổ biến của toàn nhân loại. Lịch sử phát triển của các nước trên thế giới cho thấy, quốc gia nào cũng cố gắng hướng tới thực hiện dân chủ theo quan niệm, cách thức, phương pháp của mình trên cơ sở phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể. Không có mô hình chung về thực hành dân chủ cho tất cả các nước. Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng, việc thực hành dân chủ ở mỗi nước đều có cả những điểm hợp lý lẫn những hạn chế nhất định. Chúng ta có thể và cần phải đẩy mạnh nghiên cứu về thực hành dân chủ ở các nước trên thế giới để có thể tham khảo, từ đó rút ra những kinh nghiệm hữu ích nhằm thực hiện

ngày càng tốt hơn nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta.

Trong hơn 30 năm tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Những kết quả ấy có được là do nhiều nguyên nhân, trong đó, có việc thực hành dân chủ trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội. Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, việc thực hành dân chủ trong điều kiện nước ta hiện nay cũng gặp phải nhiều khó khăn và thách thức, đồng thời còn có một số yếu kém, hạn chế nhất định.

Thực hành dân chủ là tiến trình đưa quan điểm, lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về dân chủ thành hiện thực trong cuộc sống, là phát huy vai trò "là chủ" và "làm chủ" của Nhân dân trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Việc thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, xây dựng nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế cần phải tuân thủ những *quan điểm, định hướng rõ ràng, đúng đắn và có tính nguyên tắc*. Đặc biệt, để tiến trình thực hành dân chủ phát huy hiệu quả, trở thành động lực thúc đẩy xã hội tiến lên, cần thiết phải sử dụng một hệ thống *các biện pháp đồng bộ, toàn diện và có tính khả thi*. Thực hành dân chủ nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, huy động trí tuệ của Nhân dân... chính là phương thức để Đảng Cộng sản Việt Nam hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I- TIẾNG VIỆT

*** Sách**

1. C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1991, các tập 1, 3, 4, 16, 20, 46.
2. V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, các tập 1, 3, 4, 16, 46.
3. V.I.Lênin: *Bàn về dân chủ trong quản lý xã hội*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 15.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX),* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.47.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo tổng kết lý luận: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986 - 2006),* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
11. Hội đồng Lý luận Trung ương: *Dân chủ nhân quyền - giá trị toàn cầu và đặc thù quốc gia*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
12. Hoàng Lan Anh, Hoàng Trà My: *Dân chủ và thiết chế dân chủ ở Việt Nam,* Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006.
13. Phạm Văn Bính (Chủ biên): *Phương pháp dân chủ Hồ Chí Minh,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.
14. Ngô Huy Cương: *Dân chủ và pháp luật dân chủ*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2006.
15. *Đại Việt sử lược* (Khuyết danh), Nguyễn Gia Tường dịch, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993.
16. Phạm Văn Đức (Chủ biên): *Định hướng chính trị cho sự phát triển của Việt Nam và một số giải pháp thực hiện trong giai đoạn 2011 - 2020*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013.
17. Phạm Văn Đức (Chủ biên): *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn mới về định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam giai đoạn hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013.
18. Đỗ Trung Hiếu: *Một số suy nghĩ về xây dựng nền dân chủ ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

19. *Đại Việt sử ký toàn thư,* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.
20. Đỗ Mười: *Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân trong sạch, vững mạnh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
21. Trần Mộng Lang (Sưu tầm và tuyển chọn): *Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến năm 2001,* Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2003.
22. Thái Ninh - Hoàng Chí Bảo: *Dân chủ tư sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.
23. Trần Quang Nhiếp: *Dân chủ với phát triển cộng đồng*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2006.
24. Nguyễn Tiến Phồn: *Dân chủ và tập trung dân chủ: Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011.
25. Tô Huy Rứa, Hoàng Chí Bảo, Trần Khắc Việt: *Quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng từ năm 1986 đến nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
26. Nguyễn Văn Sáu, Cao Đức Thái (Chủ biên): *Đảng Dân chủ Xã hội Đức: Lịch sử, lý luận và thực tiễn,* Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2007.
27. Phạm Thành: *Tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.
28. GS.TS. Nguyễn Phú Trọng, PGS.TS. Tô Huy Rứa, PGS. TS. Trần Khắc Việt (Đồng chủ biên): *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
29. Nguyễn Trãi: *Toàn tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976.

30. Nguyễn Viết Vượng (Chủ biên): *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ trong sự nghiệp xây dựng tổ chức Công đoàn Việt Nam hiện nay*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2008.

*** Tạp chí**

1. Hoàng Chí Bảo: "Phát huy dân chủ trong Đảng - nhân tố cơ bản và động lực mạnh mẽ phát triển dân chủ xã hội", Tạp chí *Cộng sản,* số 19, 2006.
2. Hoàng Chí Bảo: "Những nhận thức lý luận mới về dân chủ qua 20 năm đổi mới và trong Văn kiện Đại hội X của Đảng", Tạp chí *Triết học,* số 10, 2008.
3. Hoàng Chí Bảo: "Thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh", Tạp chí *Xây dựng Đảng,* số 9, 2009.
4. Hoàng Chí Bảo: "Tư tưởng dân chủ của Hồ Chí Minh", Tạp chí *Cộng sản,* số tháng 6 (848), 2013.
5. Nguyễn Văn Biểu: "Dân chủ trong Đảng ta hiện nay - Quan niệm và những biểu hiện đặc trưng", Tạp chí *Cộng sản,* số 3, 2004.
6. Phạm Văn Đức: "Về một số nét đặc thù của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam", Tạp chí *Triết học,* số 9, 2005.
7. Phạm Văn Đức: "Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước", Tạp chí *Triết học,* số 9, 2008.
8. Nguyễn Ngọc Hà, Luyện Thị Hồng Hạnh: "Dân chủ và tính đặc thù của việc thực hành dân chủ ở Việt Nam", Tạp chí *Triết học,* số 8, 2014.

9. Đoàn Minh Huấn: "Dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp và quá trình mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta", Tạp chí *Lý luận chính trị,* số 8, 2004.
10. Lương Đình Hải: "Xây dựng nhà nước pháp quyền và vấn đề dân chủ hóa xã hội ở nước ta hiện nay", Tạp chí *Triết học,* số 1, 2006.
11. Nguyễn Văn Phúc: "Phương hướng và giải pháp thực hành dân chủ trong lĩnh vực văn hóa ở nước ta hiện nay", Tạp chí *Triết học,* số 3, 2014.
12. Nguyễn Văn Quang: "Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ trong chính trị", Tạp chí *Xây dựng Đảng,* số 3, 2011.
13. Nguyễn Văn Sơn: "Văn hóa chính trị trong sự hình thành thể chế dân chủ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa", Tạp chí *Triết học,* số 8, 2014.
14. Chu Thị Thoa: "Bản chất nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng", Tạp chí *Cộng sản,* số 5, 2008.
15. Trần Nguyên Việt: "Sự thống nhất giữa ổn định chính trị và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa - cơ sở của đồng thuận xã hội và phát triển đất nước hiện nay", Tạp chí *Triết học,* số 2, 2008.

II- TIẾNG ANH

1. Gulshan Kumar Ajmani: *Socialism in democracy,* https://www.boddunan.com/articles/education/42-general/8616-socialism-in-democracy.html, 2009.
2. Jimmy Carter: *The Multilparty System: Essential Principles*. The American Federation of Teachers, Freedom House, 2003.

3. Paul Barry Clarke and Joe Foweraker: *Encyclopedia of Democratic Thought,* New York, 2001.
4. Cheng Li: *Intra-Party Democracy in China: Should We Take It Seriously?,* Brookings, Fall, 2009.
5. William P. Cross, Richard S. Katz: *The Challenges of Intra-Party Democracy* [*First Edition*], Oxford University Press, 2013.
6. Ann E. Cudd, Sally J. Scholz (auth.), Ann E. Cudd, Sally J. Scholz (eds.): *Philosophical Perspectives on Democracy in the 21st Century*, Springer International Publishing, 2014.
7. Diamond, L J, Ling, J & Lipset, S M (eds): *Democracy in Asia*, New Delhi: Vistaar Publications, 1989.
8. David Graeber: *The Democracy Project: A History, a Crisis, a Movement,* Spiegel & Grau - Random House Publishing Group, 2013.
9. David Held: *Models Of Democracy*, Stanford University Press, 2006.
10. Francis Fukuyama: *Political Order and Political Decay: From the Industrial Revolution to the Globalization of Democracy,* Farrar, Straus and Giroux, 2014.
11. Christian W. Haerpfer, Patrick Bernhagen, Ronald F. Inglehart and Christian Welzel: *Democratization,* Oxford University Press, 2009.
12. John Fuh-sheng Hsieh, John Fuh-sheng Hsieh: *Confucian Culture and Democracy,* World Scientific Publishing Company, 2014.
13. National Democratic Institute: *Political parties and the transition to democracy a Primer in Democratic*

Party-Building for Leaders, Organizers and Activists, Washington DC, 2001.

14. Reijo Miettinen: *Innovation, Human Capabilities, and Democracy: Towards an Enabling Welfare State,* Oxford University Press, 2013.
15. Temma Kaplan: *Democracy: A World History,* Oxford University Press, 2014.
16. Harrison Ross: *Democracy,* Routldge Publishing House, London and New York, 1993.
17. Joseph A. Schumpeter: *Capitalism, Socialism And Democracy*, Routldge Publishing House, London and New York, 2003.
18. Seymour Martin Lipset: *Encyclopedia of Democracy,* Washington DC Congressional Quarterly, 1995.
19. Philippe C.Schmitter and Terry Lynn Karl: "What democracy is... and is not" in *Journal of Democracy*, 1991.
20. J. W. Morley (ed), Driven By Growth: *Political Change in the Asia-Pacific Region,* New York: M E Sharpe.
21. Jacques Thomassen: *Elections and Democracy: Representation and Accountability,* Oxford University Press, 2014.
22. Tamney, J. B.: *The Struggle over Singapore's Soul: Western Modernization and Asian Culture,* New York: Walter de Gruyter, 1996.
23. Jonathan Tomm: *Elements of Democratic Governance,* http://journals.uvic.ca/index.php/onpolitics/article/view/561/285, 2006.

III- TIẾNG TRUNG

1. 马克思恩格斯:《选集，第3，4集》。人民出版社，北京，1995.
2. 谈火生者:《通向大国之路的中国政治：中国式民主政治》。中国日报出版社，北京，2009.
3. 牛旭光 著:《中国政治民主研究》。人民大学出版社，北京，2006.
4. 本社著:《民主执政与民主发展： 中国共产党领导中国民主政治建设》。中国日报出版社，北京，2012.
5. 李铁映 著:《论民主》。人民出版社、中国社会科学出版社，2010.
6. 本书 编:《2013中国民主发展报告——新城市化进程中的民生隐忧》。北京师范大学出版社，2014.
7. 俞可平，何增科，靳呈伟 编: 《党内民主》。中央编译，2013.
8. 王汉斌著:《社会主义民主法制文集》(上下册)。中国民主法制出版，2012.
9. 张互桂著:《社会主义民主政治发展论》。江西人民出版社，2009.
10. 高新民 著:《党内民主与党的建设制度创新》。青岛出版社，2011.
11. 郑科扬主编:《中国共产党党内民主研究》。党建读物出版社，2009.
12. 中国民主同盟中央委员会编:《中国民主同盟史》。群言出版社，2012.
13. 杨超编著:《中国民主与法治建设概论》。上海交通大学出版社，2010.
14. 唐晋,谈火生,袁贺者:《大国策:通向大国之路的中国民主.公民社会》。中国日报出版社，北京，2009.

MỤC LỤC

Trang

Lời Nhà xuất bản 5

Chương I

DÂN CHỦ VÀ THỰC HÀNH DÂN CHỦ 7

I- Một số vấn đề lý luận về dân chủ 7

1. Quan niệm chung về dân chủ 7
2. Quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân chủ 9
3. Bản chất và đặc trưng của dân chủ 17
4. Vị trí và vai trò của dân chủ 21
5. Vấn đề dân chủ ở Việt Nam 25
6. Tính đặc thù của dân chủ ở Việt Nam 45

II- Một số vấn đề lý luận về thực hành dân chủ 52

1. Khái niệm thực hành dân chủ 52
2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ 57
3. Đảng Cộng sản Việt Nam với việc thực hành dân chủ 63

III- Thực hành dân chủ trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền, xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế - một số vấn đề lý luận 71

1. Thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền 71
2. Thực hành dân chủ trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền 84
3. Thực hành dân chủ trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa 86
4. Thực hành dân chủ trong điều kiện hội nhập quốc tế 93

Chương II
KINH NGHIỆM THỰC HÀNH DÂN CHỦ CỦA MỘT SỐ NƯỚC VÀ VÙNG LÃNH THỔ TRÊN THẾ GIỚI 105

I- Thực hành dân chủ ở Cộng hòa Liên bang Đức 105
1. Nội dung thực hành dân chủ ở Cộng hòa Liên bang Đức 105
2. Một số hạn chế của thực hành dân chủ ở Cộng hòa Liên bang Đức 119
3. Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam 123

II- Thực hành dân chủ ở Thái Lan 126
1. Nội dung thực hành dân chủ ở Thái Lan 126
2. Một số hạn chế trong thực hành dân chủ ở Thái Lan 131
3. Một số kinh nghiệm cho Việt Nam 133

III- Thực hành dân chủ ở Xingapo 136
1. Nội dung thực hành dân chủ ở Xingapo 136
2. Một số hạn chế của thực hành dân chủ ở Xingapo 147

3. Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam 149

IV- Thực hành dân chủ ở Đài Loan 151

1. Nội dung thực hành dân chủ ở Đài Loan 151
2. Một số hạn chế trong thực hành dân chủ ở Đài Loan 157
3. Một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam 160

Chương III
THỰC HÀNH DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM
THỰC TRẠNG VÀ DỰ BÁO XU HƯỚNG 163

I- Thực trạng thực hành dân chủ ở Việt Nam qua hơn 30 năm đổi mới 163

1. Những kết quả đạt được trong việc thực hành dân chủ 163
2. Một số hạn chế về thực hành dân chủ trong thời gian qua 185
3. Nguyên nhân của những hạn chế và một số vấn đề đặt ra 189

II- Dự báo xu hướng thực hành dân chủ trong thời gian tới 196

Chương IV
QUAN ĐIỂM, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP
THỰC HÀNH DÂN CHỦ TRONG ĐIỀU KIỆN
MỘT ĐẢNG DUY NHẤT CẦM QUYỀN,
XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN,
PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG
ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA 203

I- Quan điểm, phương hướng thực hành dân chủ 203

1. Quan điểm thực hành dân chủ 203
2. Phương hướng thực hành dân chủ 206

II- Nhóm giải pháp thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền, xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế 210

1. Nhóm giải pháp thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền 210
2. Nhóm giải pháp thực hành dân chủ trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền 224
3. Nhóm giải pháp thực hành dân chủ trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa 238
4. Nhóm giải pháp thực hành dân chủ trong điều kiện hội nhập quốc tế 253

Kết luận 269

Tài liệu tham khảo 271

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222
Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH
CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Nguyễn Phú Trọng
* PHÁT HUY DÂN CHỦ, TIẾP TỤC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN

PGS.TS. Phạm Hồng Chương, TS. Doãn Thị Chín (Đồng chủ biên)
* TƯ TƯỞNG DÂN CHỦ HỒ CHÍ MINH

Hồ Bá Thâm, Nguyễn Tôn Thị Tường Vân (Đồng chủ biên)
* PHẢN BIỆN XÃ HỘI VÀ PHÁT HUY DÂN CHỦ PHÁP QUYỀN

ISBN 978-604-57-3299-1
9 786045 732991
8935211197091

Giá: 78.000đ